Phụ lục:

DANH MỤC NỘI DUNG THAY ĐỔI NHỎ CHỈ YÊU CẦU THÔNG BÁO THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 ĐIỀU 38 THÔNG TƯ SỐ 08/2022/TT-BYT

(Ban hành kèm theo Công văn số 4613/QLD-ĐK ngày 09/05/2023 của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Số Đăng ký	Cơ sở Đăng ký	Cơ sở sản xuất	Mã tiếp nhận hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Nội dung đề nghị thay đổi bổ sung/Mã phân loại thay đổi/bổ sung	Thông tin đã được phê duyệt	Thông tin cập nhật thay đổi
1	Paracetamol 500mg	VD-22541-15	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	351/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ sản xuất thuốc thành phẩm (MiV- N9)	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ; Địa chỉ: Lô M1, đường N3, KCN Hòa Xá, xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ; Địa chỉ: Lô M1, đường N3, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
2	Acarbose 50mg	VD-34689-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
3	Betahistin	VD-34690-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
4	Clorpromazin	VD-34691-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
5	Glimepiride 2mg	VD-34692-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
6	Kacetam	VD-34693-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
7	Levosulpirid 50	VD-34694-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
8	Perindopril 4	VD-34695-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
9	Spironolacton	VD-34696-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
10	Tolperison 150	VD-34697-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
11	Aciclovir 800mg	VD-35015-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
12	Flurbiprofen 50	VD-35016-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
13	Lucitromyl 4mg	VD-35017-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
14	Pregabalin 150	VD-35018-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

15	Vitamin C 250	VD-35019-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
16	Telmisartan	VD-35197-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	372/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
17	Fenofibrat	VD-23582-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	665/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2/4, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
18	Gabapentin	VD-22908-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	665/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2/4, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
19	Kacerin	VD-19387-13	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	665/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2/4, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
20	Kavasdin 10	VD-20760-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	665/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2/4, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
21	Khaparac fort	VD-20762-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	665/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2/4, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
22	Bambuterol 20	VD-35816-22	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	666/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
23	Glimepiride 4mg	VD-35817-22	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	666/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
24	Kasparin	VD-35818-22	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	666/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
25	Levofloxacin 500mg	VD-35819-22	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	666/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
26	Loratadin 10	VD-35820-22	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	666/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
27	Celecoxib	VD-33466-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	667/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
28	Pruzitin	VD-33467-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	667/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
29	Spiramycin 3 MIU	VD-33468-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	667/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
30	Loxoprofen	VD-34188-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	667/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
31	Clorpheniramin 4mg	VD-34186-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	667/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

32	Enalapril	VD-34187-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	667/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
33	Kamelox ODT 7.5	VD-34939-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	667/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
34	Gemfibrozil 600mg	VD-35446-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	667/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
35	Irbesartan	VD-35515-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	667/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
36	Acetylcysteine 100mg	VD-35587-22	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	667/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
37	Roxithromycin 50mg	VD-35588-22	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	667/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
38	Rabeprazol 20mg	VD-35672-22	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	667/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
39	PRUNITIL	VD-35733-22	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	667/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
40	Cloramphenicol	VD-26173-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
41	Fefasdin 60	VD-26174-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
42	Alphachymotrypsin ODT	VD-26175-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
43	Cedetamin tablets	VD-26866-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
44	Katrypsin Fort	VD-26867-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
45	Phenobarbital	VD-26868-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
46	Vitamin B1	VD-26869-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
47	Aceclofenac	VD-27911-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
48	Cedetamin	VD-27912-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

49	Cedetamin XD	VD-27913-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
50	Dexlacyl	VD-27914-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
51	Etoricoxib 60	VD-27915-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
52	Etoricoxib 90	VD-27916-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
53	Kacystein	VD-27917-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
54	Nabumeton	VD-27918-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
55	Ofloxacin	VD-27919-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
56	Panactol flu	VD-27920-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
57	Simethicon	VD-27921-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
58	Tunadimet	VD-27922-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
59	Vitamin B6	VD-27923-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	815/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
60	Cytan	VD-17177-12	Công ty CP dược phẩm Khánh Hoà.	Công ty CP dược phẩm Khánh Hoà.	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
61	Kamoxazol	VD-17470-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
62	Cedetamin	VD-17929-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
63	Dogtapine	VD-18306-13	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
64	Katrypsin	VD-18964-13	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
65	Hydrocolacyl	VD-21862-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

66	Kamelox 15	VD-21863-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
67	Alendronat	VD-22169-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
68	Cedetamin	VD-22170-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
69	Clarithromycin 500	VD-22171-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
70	Colchicin	VD-22172-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
71	Kacephan new	VD-22173-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
72	Kamydazol fort	VD-22174-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
73	Metronidazol	VD-22175-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
74	Tinidazol	VD-22177-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	816/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
75	Bisoprolol	VD-22474-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
76	Doxycyclin	VD-22475-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
77	Fefasdin 120	VD-22476-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
78	Hydrocolacyl	VD-22477-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
79	Ibuprofen	VD-22478-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
80	Methylprednisolon 4	VD-22479-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
81	Eszonox	VD-23581-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
82	Magnesi-B6	VD-23583-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

83	Perindopril	VD-23584-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
84	Dextromethorphan	VD-24219-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
85	Thelizin	VD-24788-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
86	Norfloxacin	VD-24787-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
87	Desloratadin	VD-25193-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
88	Khaparac	VD-25194-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
89	Zapsel	VD-25195-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
90	Diclofenac	VD-25528-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
91	Allopurinol	VD-25704-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
92	Dogtapine	VD-25705-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
93	Drotaverin	VD-25706-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
94	Hydrocolacyl	VD-25707-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
95	Kamydazol	VD-25708-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	814/TĐTN	03/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

96	Ruxict	VD-31745-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	373/TĐTN	14/02/2023	thay đổi nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Microcrystallin cellulose M101:** CM Chemical Singapore Pte. Ltd; Địa chỉ: 271 Bukit Timah road, #03-13 Balmoral Plaza Singapore 259708. **Lactose:** DMV-Fonterra Excipients GmbH & Co. KG.; Địa chỉ: P.O. Box 20 21 20 D-47568 Goch, Germany **Tinh bột mì:** Roquette Pharma; Địa chỉ: Rue de la Haute Loge, 62136 Lestrem, France **Natri starch glycolat type A:** Zung Zip Chemical: Địa chỉ: 59, You Shih Road, Youth Industrial District, Dajia, Taichung, Taiwan 43767, R.O.C **Povidon K30:** CM Shanghai Co., Ltd; Địa chỉ: Ocean towers, 550 Yan'an road (E), Huang Pu Dist., Shanghai 200001, China. **Magnesi stearat:** Cellmark Chemical Singapore Pte. Ltd; Địa chỉ: 271 Bukit Timah road, #03-13 Balmoral Plaza Singapore 259708. **Colloidal silicon dioxid:** OCI Company Ltd (Kunsan Plant.); Địa chỉ: 233, Sorying-Dong, Kunsan, Chollabuk-Do, South Korea	**Microcrystallin cellulose M101:** 1. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd.; Địa chỉ: No.12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China No.2 Hebin Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China 2. Accent Microcell Private Limited Địa chỉ: Z-59, 60, 63, 64, Dahej SEZ Limited, Part-I, Taluka Vagra, District Bharuch - 392130, Gujarat, India 3. Sigachi Industries Limited; Địa chỉ: Plot No. 20-21, Phase-1, IDA, Pashammailaram, Isnapur, Sanga Reddy District, 502307 Telangana, India **Lactose:** 1. DFE Pharma GmbH & Co. KG; Fonterra Limited; Địa chỉ: 879 Manaia Road, Kaponga, New Zealand) 2. DFE Pharma GmbH & Co. KG; Địa chỉ: FrieslandCampina DMV B.V. (NCB-Laan 80, 5462 GE Veghel, The Netherlands) **Tinh bột mì:** Roquette Freres; Địa chỉ: 1, rue de la Haute Loge, 62136 Lestrem, France **Natri starch glycolat type A:** Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd. Địa chỉ: No.12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China No.2 Hebin Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China **Povidon K30:** 1. Ashland Specialty Ingredients ISP Chemicals LLC ; Địa chỉ: 455 N. Main St., Calvert City, KY 42029, United States 2. BASF Advanced Chemicals Co., Ltd.; Địa chỉ: No. 300 Jiang Xin Sha Road, Pudong, Shanghai, PR China 3. BASF SE; Địa chỉ: Carl-Bosch-Strasse 38, 67056 Ludwigshafen, Germany 4. CNSG Anhui Hong Sifang Co. Ltd. Địa chỉ: Crossing of Longxing Road and Hongtu Road, Circular Economy Demostration Zone, Feidong County, Hefei City, China-231 602 Cuo Town, Anhui Province. **Magnesi stearat:** 1. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd. Địa chỉ: No.12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China No.2 Hebin Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China 2. Sudeep Pharma Private Limited Địa chỉ: Plot No 129/1/A, 129/12/13/14/15 GIDC Estate, At & Post: Nandesari , City: Nandesari-391 340, Dist. Vadodara, Gujarat state, India 3. Peter Greven Asia SDN BHD; Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. **Colloidal silicon dioxid:** Madhu Silica Pvt. Ltd; Địa chỉ: Plot No. 193, (DU – II NX), G.I.D.C., Chitra, Dist-Bhavnagar, Gandhinagar, Gujarat state, India
97	Ambroxol	VD-31730-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
98	Bromhexin	VD-31731-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
99	Cedetamin	VD-31732-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
100	Cedetamin TH	VD-31733-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
101	Cinnarizin	VD-31734-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
102	Dexclorpheniramin	VD-31735-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
103	Dexlacyl	VD-31736-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
104	Dicintavic	VD-31737-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
105	Glucosamin	VD-31738-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

106	Glucosamin	VD-31739-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
107	Kasiod	VD-31740-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
108	Meloxicam	VD-31741-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
109	Panactol	VD-31742-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
110	Ranitidin	VD-31743-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
111	Remint-S	VD-31744-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
112	Ruxict	VD-31745-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
113	Sinwell	VD-31746-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
114	Spiramycin 1,5 MIU	VD-31747-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
115	Tenoxicam	VD-31748-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
116	Vitamin C	VD-31749-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
117	Vitamin PP	VD-31750-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	375/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
118	Katoniron B9	VD-32623-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
119	a- Chymotrypsin	VD-32846-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
120	Captopril	VD-32847-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
121	Clorpheniramin	VD-32848-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
122	Fefasdin 180	VD-32849-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

123	Methylprednisolone Blue	VD-32850-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
124	Niphadal	VD-32851-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
125	Acetylcystein	VD-33456-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
126	Calcium	VD-33457-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
127	Esomeprazol 20mg	VD-33458-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
128	Kaciflox	VD-33459-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
129	Kaflovo	VD-33460-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
130	Kagasdine	VD-33461-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
131	Kanpo	VD-33462-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
132	Methylprednisolone	VD-33463-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
133	Panactol 150 mg	VD-33464-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
134	Panactol 250 mg	VD-33465-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
135	Dexclorpheniramin Blue	VD-33995-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	374/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

136	Carbocistein 100 mg	VD-26166-17	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	140/TĐTN	31/01/2023	Bổ sung nhà sản xuất, địa điểm sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Manitol** SPI Pharma Inc. Địa chỉ: 1711 Tiles Court, Grand Haven, MI 49417, USA. **Natri bicarbonat:** Church & Dwight Co., Inc. Địa chỉ: 325 W. Alchem Road, Green River, Wyoming 82935, USA. **Dinatri hydrophosphat khan:** Omnisal GmbH Địa chỉ: Dessauer Strasse 128, 06886 Lutherstadt Wittenberg, Germany. **Aspartam** 1. Changzhou Guanghui Food Ingredients Co., Ltd. Địa chỉ: No. 18 Binjiang Three Road., Chunjiang Town, Xinbei District, Changzhou City, Jiangsu Province, China. 2. Ajinomoto Co. Inc Địa chỉ: 1730 Hinaga Yokkaichi Mie, Japan.	**Manitol** 1. Roquette Freres Địa chỉ: 1, Rue de la Haute Loge, 62136 Lestrem, France. 2. Cargill Srl-Div Amidi Deriv. Specialita Địa chỉ: Via Cerestar, 1 RO Rovigo, I-45035 Castelmassa, Italy. **Natri bicarbonat** Solvay Peroxythai Limited Địa chỉ: 1, I-3A Road, Tambol Map Ta Phut, Map Ta Phut Industrial Estate, Rayong 21150, Thailand. **Dinatri hydrophosphat khan** Chemische Fabrik Budenheim KG Địa chỉ: Rheinstraβe 27, 55257 Budenheim, Germany. **Aspartam** Changzhou Guanghui Food Ingredients Co., Ltd. Địa chỉ văn phòng: No. 66 Changhong Western Road, Wujin District Changzhou, Jiangsu, China, 213000. Địa chỉ nhà máy: The South of 6-7 Section, Yingyer Township, Yining, Xinjiang, P.R. China.
137	Lidrop	VD-33427-19	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	46/TĐTN	11/01/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất (MiV-N3)	HeBei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co., Ltd
138	Kacephan new	VD-22173-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	1324/TĐTN	20/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất khi cập nhật dược điển (MiV-N6)	Acetaminophen: DĐVN IV Guaifenesin: DĐVN IV Dextromethorphan hydrobromid: DĐVN IV Phenylephrin hydroclorid: USP 34	Acetaminophen: DĐVN V Guaifenesin: DĐVN V Dextromethorphan hydrobromid: DĐVN V Phenylephrin hydroclorid: USP-NF 2023
139	Amoxicillin 250 mg	VD-18302-13	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	1299/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất (MiV-N3)	DSM Deretil S.A	Deretil S.A.
140	Claminat 250 mg/31,25 mg	VD-19381-13	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	1304/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Pvt. Ltd. Địa chỉ: Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. SBS Nagar (Nawanshahr), Punjab 144533, India.	Centrient Pharmaceuticals India Private Limited Địa chỉ: Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, District SBS Nagar (Nawanshahr), Punjab 144 533 India.
141	Claminat 250 mg/31,25 mg	VD-19381-13	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	1304/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat powder): EP 9.0 2. Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat - Syloid (1:1)): - Nguồn Lek/ Slovenia: EP 8.0/ EP 9.0. - Nguồn SUANFARMA/ Italy: EP 9.0.	1. Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat powder): EP hiện hành 2. Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat - Syloid (1:1)): EP hiện hành
142	Imexime 100	VD-30398-18	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.	1367/TĐTN	22/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược manitol ('MiV-N2)	1. Roquette; Địa chỉ: 1, Rue de la Haute Loge, 62136 Lestrem, France 2. SPI Pharma Inc.; Địa chỉ: 1711 Tiles Court, Grand Haven, MI 49417, USA	1. Roquette America INC; Địa chỉ: 1003 South 5th Street, Keokuk, IA 52632, USA 2. Cargill SRL-DIV Amidi Deriv. Specialita; Địa chỉ: Via Cerestar, 1 Ro Rovigo 1-45035 Castelmassa, Italia
143	Imeclor 125	VD-18963-13	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.	1366/TĐTN	22/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Manitol ('MiV-N2)	SPI Pharma Inc.; Địa chỉ: 1711 Tiles Court Grand Haven, MI 49417, USA	1. Roquette America INC; Địa chỉ: 1003 South 5th Street, Keokuk, IA 52632, USA 2. Cargill SRL-DIV Amidi Deriv. Specialita; Địa chỉ: Via Cerestar, 1 Ro Rovigo 1-45035 Castelmassa, Italia
144	Claminat 625 mg	VD-19382-13	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	1294/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Pvt. Ltd; Địa chỉ: Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144533, India.	Centrient Pharmaceuticals India Private Limited; Địa chỉ: Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, District SBS Nagar (Nawanshahr), Punjab 144 533 India.
145	Claminat 625 mg	VD-19382-13	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	1294/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted): EP 9.0 2. Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat - avicel (1:1)): EP 9.0	1. Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted): EP hiện hành 2. Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat - avicel (1:1)): EP hiện hành

146	Claminat 500 mg/ 62,5 mg	VD-20204-13	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	1295/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat): EP 9.0 2. Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat): EP 9.0	1. Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat): EP hiện hành 2. Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat): EP hiện hành
147	Cinnarizin	VD-31734-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	1020/TĐTN	10/03/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất (MiV-N3)	Ray Chemicals Pvt Ltd	R L Fine Chem Pvt. Ltd.
148	Naphacon	VD-31622-19	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	989/TĐTN	09/03/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất (MiV-N3)	Precise Chemipharma PVT.LTD.	Precise Biopharma PVT LTD
149	Lotagoz 150	VD-29791-18	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú-Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	1164/TĐTN	15/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược, thành phẩm (MiV-N6)	Lactose monohydrat: DĐVN IV Cellulose vi tinh thể 101: BP 2016 Natri starch glycolat: BP 2016 Povidon (PVP) K30: DĐVN IV Magnesi stearat: DĐVN IV HPMC 606: USP 39 PEG 6000: DĐVN IV Talc: DĐVN IV Titan dioxid: DĐVN IV Ethanol 96%: DĐVN IV Nước tinh khiết: DĐVN IV Thành phẩm: BP 2016	Lactose monohydrat: DĐVN V Cellulose vi tinh thể 101: BP 2022 Natri starch glycolat: BP 2022 Povidon (PVP) K30: DĐVN V Magnesi stearat: DĐVN V HPMC 606: USP 2022 PEG 6000: DĐVN V Talc: DĐVN V Titan dioxid: DĐVN V Ethanol 96%: DĐVN V Nước tinh khiết: DĐVN V Thành phẩm**:** BP 2022
150	Lotagoz 100	VD-29790-18	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú-Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	1163/TĐTN	15/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược, thành phẩm (MiV-N6)	Lactose monohydrat: DĐVN IV Cellulose vi tinh thể 101: BP 2016 Natri starch glycolat: BP 2016 Povidon (PVP) K30: DĐVN IV Magnesi stearat: DĐVN IV HPMC 606: USP 39 PEG 6000: DĐVN IV Talc: DĐVN IV Titan dioxid: DĐVN IV Ethanol 96%: DĐVN IV Nước tinh khiết: DĐVN IV Thành phẩm**:** BP 2016	Lactose monohydrat: DĐVN V Cellulose vi tinh thể 101: BP 2022 Natri starch glycolat: BP 2022 Povidon (PVP) K30: DĐVN V Magnesi stearat: DĐVN V HPMC 606: USP 2022 PEG 6000: DĐVN V Talc: DĐVN V Titan dioxid: DĐVN V Ethanol 96%: DĐVN V Nước tinh khiết: DĐVN V Thành phẩm**:** BP 2022
151	Imedoxim 100	VD-27890-17	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	1137/TĐTN	16/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược Polacrilin kali ('MiV-N2)	Corel Pharma Chem; Địa chỉ: Near railway crossing, Thol road, Kadi - 382715, dist. Mehsana, Gujarat, India.	1. Ion Exchange (India) Ltd.: - Địa chỉ: Plot No. 5811-12-13 GIDC Industrial Estate., Ankleshwar State – Gujarat, India. 2. Doshion Polyscience Pvt. Ltd. - Địa chỉ: 9-10, Sigma Corporate, B/H HOF Showroom, Off. Sindhu Bhavan Road, Bodakdev, Ahmadabad, India– 380054
152	Mexcold Plus	VD-30402-18	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	418/TĐTN	23/02/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cafein ('MiV-N3)	Aarti Industries Limited - Địa chỉ: + Theo GMP: Plot no. K-17/18/19, MIDC Tarapur, Tarapur – 401506, Dist – Thane-zone 4, India. + Theo phiếu kiểm nghiệm: K-17/18/19, MIDC Area, Tarapur, Tal. & Dist. - Palghar, Pin - 401 506, Maharashtra, India.	Aarti Pharmalabs Limited - Địa chỉ: + Theo GMP: Plot no. K-17/18/19, Unit-III, M.I.D.C., Tarapur - 401506, Dist - Palghar zone 3, India. + Theo phiếu kiểm nghiệm: Unit-III, Plot No. K-17/18/19, M.I.D.C., Tarapur, Taluka & District - Palghar, Pin 401 506, Maharashtra, India.
153	Pantoprazole 40mg	VD-35195-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	321/TĐTN	23/02/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất tá dược nước cất pha tiêm (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương
154	Enalapril	VD-34187-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	139/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	Số 74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
155	Levofloxacin 500mg/100ml	VD-35191-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	608/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất tá dược Nước cất pha tiêm (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương

156	Lifedovate	VD-34632-20	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	320/TĐTN	10/02/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất Clobetasone butylrate (Địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N3)	Symbiotica	Symbiotica Speciality Ingredients SDN. BHD.
157	Acetylcystein	VD-33456-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
158	Calcium	VD-33457-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
159	Esomeprazol 20mg	VD-33458-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
160	Kaciflox	VD-33459-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
161	Kaflovo	VD-33460-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
162	Kagasdine	VD-33461-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
163	Kanpo	VD-33462-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
164	Methylprednisolone	VD-33463-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
165	Panactol 150 mg	VD-33464-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
166	Panactol 250 mg	VD-33465-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
167	Celecoxib	VD-33466-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
168	Dexclorpheniramin Blue	VD-33995-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

169	Loxoprofen	VD-34188-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
170	Acarbose 50mg	VD-34689-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
171	Betahistin	VD-34690-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
172	Clorpromazin	VD-34691-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
173	Glimepiride 2mg	VD-34692-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
174	Kacetam	VD-34693-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
175	Levosulpirid 50	VD-34694-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
176	Perindopril 4	VD-34695-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
177	Spironolacton	VD-34696-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
178	Tolperison 150	VD-34697-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
179	Kamelox ODT 7.5	VD-34939-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
180	Aciclovir 800mg	VD-35015-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
181	Flurbiprofen 50	VD-35016-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

182	Lucitromyl 4mg	VD-35017-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
183	Pregabalin 150	VD-35018-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
184	Vitamin C 250	VD-35019-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
185	Telmisartan	VD-35197-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
186	Gemfibrozil 600mg	VD-35446-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
187	Irbesartan	VD-35515-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
188	Acetylcysteine 100mg	VD-35587-22	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
189	Roxithromycin 50mg	VD-35588-22	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
190	Rabeprazol 20mg	VD-35672-22	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	137/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (địa điểm không thay đổi) (MiV-N1)	74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
191	Clanzen	VD-28970-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
192	Dimenhydrinat	VD-28971-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
193	Domperidon	VD-28972-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
194	Erythromycin	VD-28973-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

195	Methocarbamol	VD-28974-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
196	Imidapril	VD-29765-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
197	Prednisolone	VD-29766-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
198	Prednisolone Blue	VD-29767-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
199	Ciprofloxacin	VD-30407-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
200	Loperamid	VD-30408-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
201	Tetracyclin	VD-30409-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
202	Trihexyphenidyl	VD-30410-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
203	Dexclorpheniramin 6	VD-30941-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
204	Salbutamol	VD-30942-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
205	Piroxicam	VD-31120-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	136/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thành phẩm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N9)	Đường 2 tháng 4, P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

206	Ethambutol 400 mg	VD-20750-14	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	606/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	**Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Degussa Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, 2040 Antwerpen, Belgium. 2. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1 – 11, 45128 Essen, Germany. **Talc:** 1. Haicheng Xinda Mining Industry Co., Ltd. Địa chỉ: Yanjun Town, Haicheng City, Liaoning, China. 2. Mondo Minerals BV Địa chỉ: Kajuitweg 8, NL-1041 Amsterdam, The Netherlands.	**Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. 2. Evonik Operations GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1 – 11, 45128 Essen, Germany. **Talc:** 1. Liaoning Xinda Talc Group Co. Ltd. Địa chỉ: Yanjun Town, Haicheng City, Liaoning, China. 2. Elementis Minerals B.V. Địa chỉ: Kajuitweg 8, NL-1041 Amsterdam, The Netherlands.
207	Ethambutol 400 mg	VD-20750-14	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	606/TĐTN	27/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Povidon K30:** BASF Corporation; Địa chỉ: 8404 River road, Geismar, LA 70734, USA. **Tinh bột bắp:** Roquette Freres; Địa chỉ: 1, Rue de la Haute Loge, 62136 Lestrem, France. **Cellulose vi tinh thể 101 :** Mingtai Chemical Co., Ltd. Địa chỉ: 1142, Shin Hsing Rd, Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan. **Natri starch glycolat:** Yung Zip Chemical Ind. Co., Ltd. Địa chỉ: 59, 61 You Shih Road, Youth Industrial District, Dajia, Taichung, Taiwan 43767, R.O.C. **Magnesi stearat:** 1. Faci Asia Pacific Pte. Ltd. Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627862. 2. Accent Microcell Pvt. Ltd. Địa chỉ: Plot No. Z-59, 60, 63, 64 Dahej-SEZ Limited Part-I, Ta. Vagra, Dist. Bharuch – 392130, Gujarat, India. **Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Degussa Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, 2040 Antwerpen, Belgium. 2. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1 - 11, 45128 Essen, Germany. **Copovidon:** BASF SE; Địa chỉ: Carl-Bosch-Str.38, 67056 Ludwigshafen, Germany. **Talc:** 1. Haicheng Xinda Mining Industry Co., Ltd. Địa chỉ: Yanjun Town, Haicheng City, Liaoning, China. 2. Mondo Minerals BV Địa chỉ: Kajuitweg 8, NL-1041 Amsterdam, The Netherlands.	**Povidon K30:** 1.BASF Corporation Địa chỉ: 8404 River road, Geismar, LA 70734, USA. 2. Huangshan Bonsun Pharmaceutials Co., Ltd. Địa chỉ: Shexian Circular Economy Zone, Huangshan city, China. **Tinh bột bắp:** 1. Roquette Freres. Địa chỉ: 1, Rue de la Haute Loge, 62136 Lestrem, France. 2. Prachin Chemical. Địa chỉ: 1307/6-7, Phase IV; Địa chỉ: G.I.D.C Estate Naroda, Ahmedabad-382330, Gujarat, India. 3. Vasa Pharmachem Pvt. Ltd. Địa chỉ: 11, GIDC, Behrampura, Ahmedabad– 380022, India. **Cellulose vi tinh thể 101**: Itacel Farmoquímica Ltda; Địa chỉ: Rua Dr. José Alexandre Crosgnac, 645 - CEP: 06680-035, Itapevi, SP, Brazil. **Natri starch glycolat:** Roquette Freres. Địa chỉ: 1, Rue de la Haute Loge, 62136 Lestrem, France. **Magnesi stearat:** 1. Faci Asia Pacific Pte. Ltd. Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627862. 2. Accent Microcell Pvt. Ltd. Địa chỉ: Plot No. Z-59, 60, 63, 64 Dahej-SEZ Limited Part-I, Ta. Vagra, Dist. Bharuch – 392130, Gujarat, India. 3. Peter Greven Asia SDN. BHD. Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. **Colloidal anhydrous silica 200:** Cabot GmbH; Địa chỉ: Kronenstrasse 2, D – 79618 Rheinfelden, Germany. **Copovidon:** 1. BASF SE; Địa chỉ: Carl-Bosch-Str.38, 67056 Ludwigshafen, Germany. 2. Star-Tech & JRS Specialty Products Co., Ltd. Địa chỉ: No. 1, Huanan Road, Changshou District, Chongqing city, P.R. China. **Talc:** 1. Liaoning Xinda Talc Group Co. Ltd. (tên cũ: Haicheng Xinda Mining Industry Co., Ltd.) Địa chỉ: Yanjun Town, Haicheng City, Liaoning, China. 2. Elementis Minerals B.V.(tên cũ: Mondo Minerals BV) Địa chỉ: Kajuitweg 8, NL-1041 Amsterdam, The Netherlands. 3. Aeon Procare Private Limited; Địa chỉ: Survey No.: 454, Bhuj-Bhachau Highway, Village: Paddhar, Tal-Bhuj-Kutch, Gujarat – 370105, India.
208	Ethambutol 400 mg	VD-20750-14	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	606/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất, tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Ethambutol hydrochlorid: EP 8.0 Povidon K30: EP 9.0 Tinh bột bắp: EP 9.0 Cellulose vi tinh thể 101: USP 39 Natri starch glycolat: USP 39 Magnesi stearat: BP 2018 Colloidal anhydrous silica 200: BP 2016 Hydroxypropyl methylcellulose 606: USP 39 Titan dioxyd: FCC 9 Copovidon: EP 9.0 Talc: USP 39 Nước tinh khiết: BP 2018	Ethambutol hydrochlorid: EP hiện hành Povidon K30: EP hiện hành Tinh bột bắp: EP hiện hành Cellulose vi tinh thể 101: USP hiện hành Natri starch glycolat: USP hiện hành Magnesi stearat: BP hiện hành Colloidal anhydrous silica 200: BP hiện hành Hydroxypropyl methylcellulose 606: USP hiện hành Titan dioxyd: FCC hiện hành Copovidon: EP hiện hành Talc: USP hiện hành Nước tinh khiết: BP hiện hành
209	Moxifloxacin 400mg/250ml	VD-35545-22	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	242/TĐTN	10/02/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất tá dược Nước cất pha tiêm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N3)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương

210	Moxifloxacin 400mg/250ml	VD-35545-22	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	242/TĐTN	10/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid): EP 9.0 đến EP 9.7 Natri clorid : EP 9.2 Acid hydrocloric 10%: EP 9.2 Natri hydroxyd: EP 9.2 Nước cất pha tiêm: EP 9.2	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid): EP hiện hành Natri clorid : EP hiện hành Acid hydrocloric 10%: EP hiện hành Natri hydroxyd: EP hiện hành Nước cất pha tiêm: EP hiện hành
211	Ciprofloxacin 200mg/100ml	VD-35184-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	560/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất tá dược Nước cất pha tiêm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N3)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương
212	Ciprofloxacin 200mg/100ml	VD-35184-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	560/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng xuất xưởng và tiêu chuẩn chất lượng lưu hành của thuốc thành phẩm và/hoặc dược chất và/hoặc tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Ciprofloxacin: EP 9.0 Natri clorid: EP 9.2 Acid lactic 90%: EP 9.2 Acid hydrocloric 10%: EP 9.2 Natri hydroxyd: EP 9.2 Nước cất pha tiêm: EP 9.2 Thành phẩm: USP 41	Ciprofloxacin: EP hiện hành Natri clorid : EP hiện hành Acid lactic 90%: EP hiện hành Acid hydrocloric 10% : EP hiện hành Natri hydroxyd: EP hiện hành Nước cất pha tiêm: EP hiện hành Thành phẩm: USP hiện hành
213	Guaifenesin - Codein	VD-35731-22	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	450/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi/bổ sung nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Vanilin:** Rhodia Operations; Địa chỉ: Rue Prosper Monnet, 69192 Saint Fons, France. **Acid citric khan:** 1. Jungbunzlauer Austria AG - Địa chỉ: Werk Pernhofen 1, 2064 Wulzeshofen, Austria. 2. Jungbunzlauer Canada Inc. - Địa chỉ: 1555 Elm Street, Port Col borne, ON L3K 5V5, Canada.	**Vanilin:** 1. Rhodia Operations - Địa chỉ: Rue Prosper Monnet, 69192 Saint Fons, France. 2. Solvay USA Inc. - Địa chỉ: 1275 Airline Highway, 70805-1002 Baton Rouge, USA. 3. Solvay (Zhenjiang) Chemicals Co., Ltd. - Địa chỉ: No. 66 Song Lin Shan Road, Zhenjiang New Area, Zhenjiang, Jiangsu, China 212006. **Acid citric khan:** 1. Jungbunzlauer Austria AG - Địa chỉ: Werk Pernhofen 1, 2064 Wulzeshofen, Austria. 2. Sujata Chemicals - Địa chỉ: 875/2, GIDC Estate, Makarpura, Vadodara – 390 010, Gujarat, India.
214	Guaifenesin - Codein	VD-35731-22	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	450/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Codein phosphat hemihydrat: EP 9.0 Guaifenesin: USP 41 Gelatin bloom 150: USP 42 Glycerin: USP 42 Vanilin: USP 42 Titan dioxyd: FCC 10 L-Lysin hydroclorid: USP 42 Acid citric khan: EP 9.0 Nước tinh khiết: BP 2019	Codein phosphat hemihydrat: EP hiện hành Guaifenesin: USP hiện hành Gelatin bloom 150: USP hiện hành Glycerin: USP hiện hành Vanilin: USP hiện hành Titan dioxyd: FCC hiện hành L-Lysin hydroclorid: USP hiện hành Acid citric khan: EP hiện hành Nước tinh khiết: BP hiện hành
215	Imedoxim 200	VD-27891-17	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.	1135/TĐTN	16/03/2023	Thay đổi nhà sản xuất tá dược Polacrilin kali (MiV-N2)	Purolite SRL; Địa chỉ: Str. Aleea Uzinei, Nr. 11 505 700. Victoria, Jud. Brasov, Romania.	1. Ion Exchange (India) Ltd.: - Địa chỉ: Plot No. 5811-12-13 GIDC Industrial Estate., Ankleshwar State – Gujarat, India. 2. Doshion Polyscience Pvt. Ltd. - Địa chỉ: 9-10, Sigma Corporate, B/H HOF Showroom, Off. Sindhu Bhavan Road, Bodakdev, Ahmadabad, India– 380054 3. Corel Pharma Chem - Địa chỉ: Survey No. 848/1A, Near Underbridge, Thol Road, Kadi - 382715, District Mehsana, Gujarat, India
216	Imedoxim 200	VD-27891-17	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.	1135/TĐTN	16/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược Polacrilin kali khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	USP 41	USP hiện hành
217	Imedoxim 200	VD-27892-17	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.	1136/TĐTN	16/03/2023	Thay đổi nhà sản xuất tá dược Polacrilin kali (MiV-N2)	Purolite SRL; Địa chỉ: Str. Aleea Uzinei, Nr. 11 505 700.Victoria, Jud. Brasov, Romania.	1. Ion Exchange (India) Ltd.: - Địa chỉ: Plot No. 5811-12-13 GIDC Industrial Estate., Ankleshwar State – Gujarat, India. 2. Doshion Polyscience Pvt. Ltd. - Địa chỉ: 9-10, Sigma Corporate, B/H HOF Showroom, Off. Sindhu Bhavan Road, Bodakdev, Ahmadabad, India– 380054 3. Corel Pharma Chem - Địa chỉ: Survey No. 848/1A, Near Underbridge, Thol Road, Kadi - 382715, District Mehsana, Gujarat, India

218	Ciprofloxacin IMP 200mg/20ml	VD-35187-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	872/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất tá dược Nước cất pha tiêm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N3)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm – Nhà máy công nghệ cao Bình Dương.
219	Ciprofloxacin IMP 200mg/20ml	VD-35187-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	872/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Ciprofloxacin: EP 9.0 Acid lactic 90 %: EP 9.2 Acid hydrocloric 10%: EP 9.2 Nước cất pha tiêm: EP 9.2	Ciprofloxacin: EP hiện hành Acid lactic 90 %: EP hiện hành Acid hydrocloric 10%: EP hiện hành Nước cất pha tiêm: EP hiện hành
220	Momencef 375mg	VD-31721-19	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	1138/TĐTN	16/03/2023	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	**Cellactose 80:** Monkerei Meggle Wasserburg GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany. **Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ : Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. 2. Evonik Degussa Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. **Magnesi stearat:** Faci Asia Pacific Ltd Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627862. **Natri croscarmellose:** FMC Health & Nutrition Địa chỉ nhà máy: Westervoortsedijk 73, 6827 AV, The Netherlands. Địa chỉ trụ sở chính: Wallingstown, Little Island, Cork T45KV22, Ireland.	**Cellactose 80**: Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany. **Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Operations GmbH Địa chỉ văn phòng: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraβe 3, 79618 Rheinfelden, Germany. 2. Evonik Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. **Magnesi stearat:** Faci Asia Pacific Pte Ltd Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627862 **Natri croscarmellose:** Dupont Nutrition Ireland Địa chỉ nhà máy: Westervoortsedijk 73, 6827 AV, The Netherlands. Địa chỉ trụ sở chính: Wallingstown, Little Island, Cork T45KV22, Ireland.
221	Momencef 375mg	VD-31721-19	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	1138/TĐTN	16/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng xuất xưởng và tiêu chuẩn chất lượng lưu hành của thuốc thành phẩm và/hoặc dược chất và/hoặc tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Sultamicilin (dưới dạng Sultamicilin tosilat dihydrat) : EP 9.0 Colloidal anhydrous silica 200: EP 9.0 Ethanol 96%: EP 9.0 Magnesi stearat: BP 2018 Natri croscarmellose: EP 9.0 Natri starch glycolat: USP 41 Nước tinh khiết: EP 9.0 Thành phẩm: JP XVII	Sultamicilin (dưới dạng Sultamicilin tosilat dihydrat) : EP hiện hành Colloidal anhydrous silica 200: EP hiện hành Ethanol 96%: EP hiện hành Magnesi stearat: BP hiện hành Natri croscarmellose: EP hiện hành Natri starch glycolat: USP hiện hành Nước tinh khiết: EP hiện hành Thành phẩm: JP hiện hành
222	Levofloxacin 750mg/150ml	VD-35192-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	871/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất tá dược Nước cất pha tiêm (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm – Nhà máy công nghệ cao Bình Dương.
223	Levofloxacin 750mg/150ml	VD-35192-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	871/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng xuất xưởng và tiêu chuẩn chất lượng lưu hành của thuốc thành phẩm và/hoặc dược chất và/hoặc tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Levofloxacin (dưới dạng levofloxacin hemihydrat): USP 41 Natri clorid: EP 9.2 Acid hydrocloric 10%: EP 9.2 Natri hydroxyd: EP 9.2 Nước cất pha tiêm:EP 9.2 Thành phẩm: JP XVII	Levofloxacin (dưới dạng levofloxacin hemihydrat: USP hiện hành Natri clorid: EP hiện hành Acid hydrocloric 10%: EP hiện hành Natri hydroxyd: EP hiện hành Nước cất pha tiêm:EP hiện hành Thành phẩm: JP hiện hành
224	Levofloxacin 250mg/50ml	VD-35190-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	870/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất tá dược Nước cất pha tiêm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N3)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương

225	Levofloxacin 250mg/50ml	VD-35190-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	870/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng xuất xưởng và tiêu chuẩn chất lượng lưu hành của thuốc thành phẩm và/hoặc dược chất và/hoặc tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Levofloxacin (dưới dạng levofloxacin hemihydrat): USP 41 Natri clorid: EP 9.2 Acid hydrocloric 10%: EP 9.2 Natri hydroxyd: EP 9.2 Nước cất pha tiêm:EP 9.2 Thành phẩm: JP XVII	Levofloxacin (dưới dạng levofloxacin hemihydrat: USP hiện hành Natri clorid: EP hiện hành Acid hydrocloric 10%: EP hiện hành Natri hydroxyd: EP hiện hành Nước cất pha tiêm:EP hiện hành Thành phẩm: JP hiện hành
226	Ciprofloxacin 400mg/200ml	VD-35186-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	462/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất tá dược Nước cất pha tiêm (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N3)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương
227	Ciprofloxacin 400mg/200ml	VD-35186-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	462/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng xuất xưởng và tiêu chuẩn chất lượng lưu hành của thuốc thành phẩm và/hoặc dược chất và/hoặc tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Ciprofloxacin: EP 9.0 Natri clorid: EP 9.2 Acid lactic 90%: EP 9.2 Acid hydrocloric 10%: EP 9.2 Natri hydroxyd: EP 9.2 Nước cất pha tiêm:EP 9.2 Thành phẩm: USP 41	Ciprofloxacin: EP hiện hành Natri clorid: EP hiện hành Acid lactic 90%: EP hiện hành Acid hydrocloric 10%: EP hiện hành Natri hydroxyd: EP hiện hành Nước cất pha tiêm: EP hiện hành Thành phẩm: USP hiện hành
228	Imexofen 180	VD-19887-13	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	6683/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Lactose monohydrat (MiV-N3)	Molkerei MEGGLE Wasserburl GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany.	Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany.
229	Ciprofloxacin 500mg	VD-22166-15	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6683/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Lactose monohydrat (MiV-N3)	Molkerei MEGGLE Wasserburl GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany.	Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany.
230	Cobimol	VD-24212-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6683/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Lactose monohydrat (MiV-N3)	Molkerei MEGGLE Wasserburl GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany.	Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany.
231	Magnesi-B6	VD-25188-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6683/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Lactose monohydrat (MiV-N3)	Molkerei MEGGLE Wasserburl GmbH & Co. KG; Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany.	Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany.
232	Meloxicam 7,5 mg	VD-18740-13	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6684/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Cellactose 80 ('MiV-N3)	Molkerei MEGGLE Wasserburl GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany.	Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany.
233	Loratadin 10 mg	VD-20754-14	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6684/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Cellactose 80 ('MiV-N3)	Molkerei MEGGLE Wasserburl GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany.	Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany.
234	Roxithromycin 150mg	VD-21309-14	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6684/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Cellactose 80 ('MiV-N3)	Molkerei MEGGLE Wasserburl GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany.	Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany.

235	Cetirizin 10 mg	VD-24210-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6684/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Cellactose 80 ('MiV-N3)	Molkerei MEGGLE Wasserburl GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany.	Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany.
236	Synerbone	VD-26862-17	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6682/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Lactose monohydrat (MiV-N3)	Molkerei MEGGLE Wasserburl GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany.	Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany.
237	Escin 20mg	VD-35445-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6682/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Lactose monohydrat (MiV-N3)	Molkerei MEGGLE Wasserburl GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany.	Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany.
238	Posinight	QLĐB-374-13	Công ty TNHH Dược phẩm Trung Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	6277/TĐTN	29/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	42/5 Nguyễn Đình Khơi, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
239	Mifrednor 200	QLĐB-373-13	Công ty TNHH Dược phẩm Trung Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	6277/TĐTN	29/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	42/5 Nguyễn Đình Khơi, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
240	Dexipharm 5 mg	VD-23574-15	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	6100/TĐTN	16/11/2022	Thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Sachelac 80 (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N3)	Molkerei Meggle Wasserburg GmbH & Co. KG; Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany.	Meggle GmbH & Co. KG; Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany.
241	BFS-Tranexamic 500mg/10ml	VD-24750-16	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	6012/TĐTN	31/10/2022	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất (MiV-N3)	Shilpa Medicare Ltd Địa chỉ: Plot No. 33, 33A, 40 to 47, Raichur Industrial Growth Centre, Chicksugur – 584 134, Dist: Raichur, India	Shilpa Pharma Lifesciences Limited Địa chỉ: Plot No. 33, 33A, 40 to 47, block C, D, E, H, I & AM, Raichur Industrial Growth Centre, Chicksugur. Raichur– 584 134, India
242	Butranep	VD-35805-22	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	6012/TĐTN	31/10/2022	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất (MiV-N3)	Shilpa Medicare Ltd Địa chỉ: Plot No. 33, 33A, 40 to 47, Raichur Industrial Growth Centre, Chicksugur – 584 134, Dist: Raichur, India	Shilpa Pharma Lifesciences Limited Địa chỉ: Plot No. 33, 33A, 40 to 47, block C, D, E, H, I & AM, Raichur Industrial Growth Centre, Chicksugur. Raichur– 584 134, India
243	Posinight 1	QLĐB-491-15	Công ty TNHH Dược phẩm Trung Nam	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	6276/TĐTN	29/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	42/5 Nguyễn Đình Khơi, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
244	Mifrednor 10	VD-29468-18	Công ty TNHH Dược phẩm Trung Nam	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	6276/TĐTN	29/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	42/5 Nguyễn Đình Khơi, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
245	Bisoprolol	VD-22474-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
246	Cedetamin tablets	VD-26866-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

247	Cloramphenicol	VD-26173-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
248	Dextromethorphan	VD-24219-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
249	Dogtapine	VD-18306-13	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
250	Doxycyclin	VD-22475-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
251	Fefasdin 120	VD-22476-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
252	Fefasdin 60	VD-26174-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
253	Hydrocolacyl	VD-22477-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
254	Ibuprofen	VD-22478-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
255	Alphachymotrypsin ODT	VD-26175-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
256	Katrypsin Fort	VD-26867-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
257	Methylprednisolon 4	VD-22479-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
258	Phenobarbital	VD-26868-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
259	Vitamin B1	VD-26869-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
260	Aceclofenac	VD-27911-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
261	Allopurinol	VD-25704-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
262	Cedetamin	VD-27912-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
263	Cedetamin XD	VD-27913-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

264	Desloratadin	VD-25193-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
265	Dexlacyl	VD-27914-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
266	Diclofenac	VD-25528-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
267	Dogtapine	VD-25705-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
268	Drotaverin	VD-25706-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
269	Etoricoxib 60	VD-27915-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
270	Etoricoxib 90	VD-27916-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
271	Hydrocolacyl	VD-25707-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
272	Kacephan new	VD-22173-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
273	Kacystein	VD-27917-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
274	Kamydazol	VD-25708-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
275	Khaparac	VD-25194-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
276	Nabumeton	VD-27918-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
277	Norfloxacin	VD-24787-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
278	Ofloxacin	VD-27919-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
279	Panactol flu	VD-27920-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
280	Simethicon	VD-27921-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

281	Thelizin	VD-24788-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
282	Tunadimet	VD-27922-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
283	Vitamin B6	VD-27923-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
284	Zapsel	VD-25195-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
285	Clanzen	VD-28970-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
286	Dimenhydrinat	VD-28971-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
287	Domperidon	VD-28972-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
288	Erythromycin	VD-28973-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
289	Methocarbamol	VD-28974-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
290	Imidapril	VD-29765-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
291	Prednisolone	VD-29766-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
292	Prednisolone Blue	VD-29767-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
293	Ciprofloxacin	VD-30407-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
294	Loperamid	VD-30408-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
295	Tetracyclin	VD-30409-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
296	Trihexyphenidyl	VD-30410-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
297	Dexlacyl	VD-31736-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

298	Dicintavic	VD-31737-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
299	Meloxicam	VD-31741-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
300	Remint-S	VD-31744-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
301	Captopril	VD-32847-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
302	Clorpheniramin	VD-32848-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
303	Niphadal	VD-32851-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6032/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	74 Thống Nhất, TP. Nha Trang, Khánh Hòa – Việt Nam	Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
304	Lansoprazol	VD-21314-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6801/TĐTN	06/12/2022	Bỏ bớt cơ sở sản xuất của dược chất (MiV-N4)	1. Glukem Pharmaceuticals PVT Plot # 205/2A, first Floor, Phase II, IDA, Cherlapally, Hyderabad – 500051 Andhra Pradesh, India 2. GPT Pharmaceutical Private Limited Plot No. 6/3, Road No. 11. IDA, Nacharam, Hyderabad-500 076, India 3. Metrochem API Private Limited. Plot No. D-69/A (part) & D-69, Phase - I, IDA., Jeedimetla, Hyderabad- 500 055, Telangana, India	1. GPT Pharmaceutical Private Limited Plot No. 6/3, Road No. 11. IDA, Nacharam, Hyderabad-500 076, India 2. Metrochem API Private Limited. Plot No. D-69/A (part) & D-69, Phase - I, IDA., Jeedimetla, Hyderabad- 500 055, Telangana, India
305	Levofloxacin 500mg/100ml	VD-35191-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	6685/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Natri clorid: EP 9.2 Acid hydrocloric 10%: EP 9.2 Natri hydroxyd: EP 9.2 Nước cất pha tiêm: EP 9.2	Natri clorid: EP hiện hành Acid hydrocloric 10%: EP hiện hành Natri hydroxyd: EP hiện hành Nước cất pha tiêm: EP hiện hành
306	Ethambutol 400 mg	VD-20750-14	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6419/TĐTN	24/11/2022	1.Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Opadry 80W52906 yellow (MiV-N3)	Colorcon; Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang Shanghai 201108, China.	Shanghai Colorcon Coating Technology; Địa chỉ: No 588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, 201108, China.
307	Ethambutol 400 mg	VD-20750-14	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6419/TĐTN	24/11/2022	2. Bổ sung nhà sản xuất tá dược Opadry 80W52906 yellow (MiV-N2)	Colorcon Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang Shanghai 201108, China.	Colorcon Asia Pvt. Limited (COLORCON) Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate, Verna. Goa 403 722, India
308	Lanam DT 400mg/57mg	VD-33454-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc	6686/TĐTN	02/12/2022	1. Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Amoxicilin trihydrat compacted (MiV-N3)	Centrient Pharmaceuticals India Private Limited Địa chỉ: Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144 533, India	Centrient Pharmaceuticals India Private Limited Địa chỉ: Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, District SBS Nagar (Nawanshahr), Punjab 144533, India
309	Lanam DT 400mg/57mg	VD-33454-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc	6686/TĐTN	02/12/2022	2. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted): EP 9.0 Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat - Avicel (1: 1)): EP 9.0	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted): EP hiện hành Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat - Avicel (1: 1)): EP hiện hành

310	Lanam DT 400mg/57mg	VD-33454-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc	6686/TĐTN	02/12/2022	3. Thay đổi tên của cơ sở sản xuất tá dược Colloidal anhydrous silica 200 (MiV-N3)	1. Evonik Degussa Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. 2. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ văn phòng: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany.	1. Evonik Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. 2. Evonik Operations GmbH Địa chỉ văn phòng: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany.
311	Lanam DT 400mg/57mg	VD-33454-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc	6686/TĐTN	02/12/2022	4. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Natri saccharin: BP 2018 Magnesi stearat: BP 2018 Colloidal anhydrous silica 200: EP 9.0 Crospovidon: EP 9.0 Cellulose vi tinh thể 101: USP 41 Nước tinh khiết: EP 9.0	Natri saccharin: BP hiện hành Magnesi stearat: BP hiện hành Colloidal anhydrous silica 200: EP hiện hành Crospovidon: EP hiện hành Cellulose vi tinh thể 101: USP hiện hành Nước tinh khiết: EP hiện hành
312	Lanam DT 400mg/57mg	VD-33454-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc	6686/TĐTN	02/12/2022	5. Thay đổi nhà sản xuất tá dược Natri saccarin (MiV-N2)	Tianjin North Food Co., Ltd. Địa chỉ: No.42, Baoyuan Rd., Jinnan Dist. Tianjin, 300350, China.	JMC Corporation Địa chỉ: 71, Ijin-ro, Onsan-eup, (125, Hwasan-ri, Onsan-eup), Ulju-gun, Ulsan, 44998, South Korea.
313	Lanam DT 200mg/28,5mg	VD-33453-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc	6687/TĐTN	02/12/2022	1.Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Amoxicilin trihydrat compacted (MiV-N3)	Centrient Pharmaceuticals India Private Limited. Địa chỉ: Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144 533, India.	Centrient Pharmaceuticals India Private Limited. Địa chỉ: Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, District SBS Nagar (Nawanshahr), Punjab 144533, India.
314	Lanam DT 200mg/28,5mg	VD-33453-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc	6687/TĐTN	02/12/2022	2. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted): EP 9.0 Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat - Avicel (1: 1)): EP 9.0	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted): EP hiện hành Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat - Avicel (1: 1)): EP hiện hành
315	Lanam DT 200mg/28,5mg	VD-33453-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc	6687/TĐTN	02/12/2022	3. Thay đổi tên của cơ sở sản xuất tá dược Colloidal anhydrous silica 200 (MiV-N3)	1. Evonik Degussa Antwerpen NV; Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. 2. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ văn phòng: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany.	1. Evonik Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. 2. Evonik Operations GmbH Địa chỉ văn phòng: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany.
316	Lanam DT 200mg/28,5mg	VD-33453-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc	6687/TĐTN	02/12/2022	4.Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Natri saccharin: BP 2018 Magnesi stearat: BP 2018 Colloidal anhydrous silica 200: EP 9.0 Crospovidon: EP 9.0 Cellulose vi tinh thể 101: USP 41 Nước tinh khiết: EP 9.0	Natri saccharin: BP hiện hành Magnesi stearat: BP hiện hành Colloidal anhydrous silica 200: EP hiện hành Crospovidon: EP hiện hành Cellulose vi tinh thể 101: USP hiện hành Nước tinh khiết: EP hiện hành
317	Lanam DT 200mg/28,5mg	VD-33453-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc	6687/TĐTN	02/12/2022	5. Thay đổi nhà sản xuất tá dược Natri saccarin (MiV-N2)	Tianjin North Food Co., Ltd. Địa chỉ: No.42, Baoyuan Rd., Jinnan Dist. Tianjin, 300350, China.	JMC Corporation Địa chỉ: 71, Ijin-ro, Onsan-eup, (125, Hwasan-ri, Onsan-eup), Ulju-gun, Ulsan, 44998, South Korea.
318	Imefed SC 250mg/62,5mg	VD-32838-19	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	5955/TĐTN	31/10/2022	1. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược Aspartam khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	EP 9.0	EP hiện hành

319	Imefed SC 250mg/62,5mg	VD-32838-19	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	5955/TĐTN	31/10/2022	2. Thay đổi tên của cơ sở sản xuất tá dược Colloidal anhydrous silica 200 (MiV-N3)	Evonik Resource Efficiency GmbH - Địa chỉ văn phòng: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. - Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraβe 3, 79618 Rheinfelden, Germany.	Evonik Operations GmbH - Địa chỉ văn phòng: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. - Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraβe 3, 79618 Rheinfelden, Germany.
320	Imefed SC 250mg/62,5mg	VD-32838-19	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	5955/TĐTN	31/10/2022	3. Thay đổi/bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Aspartam:** 1. Ajnomoto Co. Inc; Địa chỉ: 1730 Hinaga Yokkaichi Mie, Japan. 2. Changzhou Guanghui Food Ingredients Co. Ltd Địa điểm sản xuất tá dược Aspartam đã được duyệt: - Địa chỉ: No.18, Binjiang Three Road, Chunjiang Town, Xinbei District, Changzhou, Jiangsu Province, China. **Natri citrat:** Cofco Biochemical (Anhui) Co., Ltd; Địa chỉ: No. 1 COFCO Avenue, Bengbu, Anhui, China. **Colloidal anhydrous silica 200:** Evonik Resource Efficiency GmbH - Địa chỉ văn phòng: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. - Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraβe 3, 79618 Rheinfelden, Germany. **Manitol:** 1. Roquette Freres Địa chỉ: 1, Rue de la Haute loge, 62136 Lestrem, France. 2. SPI Pharma Inc. Địa chỉ: 1711, Tiles Court, Grand Haven, MI 49417, USA.	**Aspartam:** 1. Ajnomoto Co. Inc; Địa chỉ: 1730 Hinaga Yokkaichi Mie, Japan. 2. Changzhou Guanghui Food Ingredients Co. Ltd Địa điểm sản xuất tá dược Aspartam đề nghị thay đổi: - Địa chỉ văn phòng và trên phiếu kiểm nghiệm: No.66 Changhong Western Road, Wujin District Changzhou, Jiangsu, China, 213000. - Địa chỉ nhà máy: The South of 6-7 Section, Yingyer Township, Yining, Xinjiang, 835000 P.R. CHINA. **Natri citrat:** Canton Laboratories Pvt. Ltd; Địa chỉ: Survey no. 350, Nr. Gambhira Bridge, Vill Mujpur, Ta.Padra, Dist. Vadodara – 391 440, India. **Colloidal anhydrous silica 200:** Evonik Operations GmbH (Tên cũ: Evonik Resource Efficiency GmbH) - Địa chỉ văn phòng: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. - Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraβe 3, 79618 Rheinfelden, Germany. **Colloidal anhydrous silica 200:** Evonik Antwerpen NV. Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. **Manitol:** Roquette America Inc. Địa chỉ: 1003 South 5th St, Keokuk, IA 52632, USA.
321	Cefixime 200mg	VD-35939-22	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.	7139/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefixim trihydrat (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: - Địa chỉ trên CoA: Vill. Saidpura. Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb) INDIA - Địa chỉ trên GMP: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit-II, Village Saidpura, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, India-140 507 Tehsil Dera Bassi, Punjab
322	Kavasdin 5	VD-20761-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6920/TĐTN	12/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Mannitol:** 1. Cargill Srl Div Amidi Derivati Specialita Via Cerestar, 1 - 45035 Castelmassa (RO) Italy 2. Roquette Freres 1, rue de la Haute Loge, 62136 Lestrem, France **Sodium starch glycolate type A:** 1. CM Chemicals Ocean Towers, 550 Yan'an Road (E), Huang Pu Dist., Shanghai 200001, China 2. Yung Zip Chemical Ind. Co., Ltd 59, 61 You Shih Road, Youth Industrial District, Dajia, Taichung, Taiwan 43767, R.O.C **Magnesium stearate:** 1. CM Chemicals Ocean Towers, 550 Yan'an Road (E), Huang Pu Dist., Shanghai 200001, China 2. Faci Asia Pacific Pte Ltd. 1 Merlimau Place Jurong Island Singapore 627862	**Mannitol:** 1. Guangxi Nanning Chemical Pharmaceutical Co., Ltd. No.8 Pengzhan Road, Nanning Economic & Technological Development Area, Nanning, Guangxi, China 2. Shijiazhuang Hua Xu Pharmaceutical Co., Ltd. No. 33 industrial street, Economic development zone, Shijiazhuang City, Hebei, China **Sodium starch glycolate type A:** Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd. Economic and Technological Developing Zone, Huainan, Anhui No.2 Hebin Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China **Magnesium stearate:** 1. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd. No.12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone, No.2 Hebin Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China 2. Sudeep Pharma Private Limited Plot No. 129/1/A, 12, 13, 14, 15 GIDC Estate, At & Post Nandesari, Dist. Vadodara – 391340, Gujarat, India 3. Peter Greven Asia SDN BHD 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia.
323	Acetylcystein 200	VD-26163-17	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7642/TĐTN	29/12/2022	1. Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	**Đường trắng:** 1. Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai; Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. 2. Công ty cổ phần mía đường Thành Thành Công Tây Ninh Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. **Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. 2. Evonik Degussa Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium.	**Đường trắng:** 1. Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. 2. Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. **Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Operations GmbH Địa chỉ trụ sở chính: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany. 2. Evonik Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium.

324	Acetylcystein 200	VD-26163-17	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7642/TĐTN	29/12/2022	2. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất Acetylcystein khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	EP 9.0 đến EP 10.0	EP hiện hành
325	Acetylcystein 200	VD-26163-17	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7642/TĐTN	29/12/2022	3. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Đường trắng: DĐVN V Manitol: EP 10.0 Aspartam: EP 10.0 Colloidal anhydrous silica 200: EP 10.0	Đường trắng: DĐVN hiện hành Manitol: EP hiện hành Aspartam: EP hiện hành Colloidal anhydrous silica 200: EP hiện hành
326	Acetylcystein 200	VD-26163-17	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7642/TĐTN	29/12/2022	4. Thay đổi/bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Manitol:** 1. Roquette Freres Địa chỉ: 1, Rue de la Haute Loge, 62136 Lestrem, France. 2. SPI Pharma Inc. Địa chỉ: 1711 Tiles Court, Grand Haven, MI 49417, USA. **Aspartam:** 1. Ajnomoto Co. Inc Địa chỉ: 1730 Hinaga Yokkaichi Mie, Japan. 2. Changzhou Guanghui Food Ingredients Co., Ltd. Địa điểm sản xuất đã được duyệt: Địa chỉ: No. 18, Binjiang Three Road, Chunjiang Town, Xinbei District, Changzhou City, Jiangsu Province, China. **Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1 - 11, 45128 Essen, Germany. 2. Evonik Degussa Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium.	**Manitol:** Cargill Srl-Div Amidi Deriv. Specialita Địa chỉ: Via Cerestar, 1 RO Rovigo, I-45035 Castelmassa, Italy. **Aspartam:** Changzhou Guanghui Food Ingredients Co., Ltd. Địa chỉ văn phòng: No. 66 Changhong Western Road, Wujin District Changzhou, Jiangsu, China, 213000. Địa chỉ nhà máy: The South of 6-7 Section, Yingyer Township, Yining, Xinjiang, P.R. China. **Colloidal anhydrous silica 200:** Cabot GmbH; Địa chỉ: Kronenstrasse 2, D – 79618 Rheinfelden, Germany.
327	Irbesartan	VD-35515-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	6922/TĐTN	12/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Lactose monohydrate:** 1. Molkerei Meggle Wasserburg GmbH & Co. KG. Megglestr. 6-12 83512 Wasserburg am Inn, Germany 2. DFE Pharma GmbH & Co. KG Lauenfoerder Strasse 5, 37176 Noerten-Hardenberg, Germany **Microcrystalline cellulose 101:** JRS Pharma GmbH & Co. KG. D-73494 Rosenberg (Germany), Holzmühle 1 **Croscarmellose sodium:** Gujarat Microwax Private Limited. 401/402, Sarthik Square, Nr. GNFC Tower, Sarkhej-Gandhinagar Highway, Ahmedabad, 380054. **Magnesi stearat:** CM Shanghai Co., Ltd. Ocean Towers, 550 Yan'an Road (E), Huang Pu Dist., Shanghai 200001, China **Hydroxypropyl methylcellulose 2910:** CM Shanghai Co., Ltd. Ocean Towers, 550 Yan'an Road (E), Huang Pu Dist., Shanghai 200001, China **Titanium dioxide:** Proquimac PFC, S.A C/Berlin, 5-a (Pol. Ind. Can Torrelle) 08233 Vacarisses Barcelona (Espanaõ)	**Lactose monohydrate:** 1. DFE Pharma GmbH & Co. KG Sản xuất tại: FrieslandCampina DMV B.V. NCB-Laan 80, 5462 GE Veghel, The Netherlands 2. DFE Pharma GmbH & Co. KG Sản xuất tại: Fonterra Limited 879 Manaia Road, Kaponga, New Zealand **Microcrystalline cellulose 101:** 1. Sigachi Industries Limited; Plot No. 20-21, Phase-1, IDA, Pashammailaram, Isnapur, Sanga Reddy District, 502307 Telangana, India 2. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd. No.12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone, No.2 Hebin Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China 3. Accent Microcell Pvt. Ltd.; Z-59, 60, 63, 64, Dahej SEZ Limited Part-I, Tal - Vagra, Dahej, Dist. - Bharuch, Gandhinagar, Gujarat State, India **Croscarmellose sodium:** 1. JRS Pharma & Gujarat Microwax Private Limited Unit 2: Survey No. 292/293, Kalol-Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana- 382706, Gujarat, India 2. Accent Microcell Pvt. Ltd.; Z-59, 60, 63, 64, Dahej SEZ Limited Part-I, Tal - Vagra, Dahej, Dist. - Bharuch, Gandhinagar, Gujarat State, India **Magnesi stearat:** 1. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd. No.12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone, No.2 Hebin Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China 2. Sudeep Pharma Private Limited; Plot No. 129/1/A, 12, 13, 14, 15 GIDC Estate, At & Post Nandesari, Dist. Vadodara – 391340, Gujarat, India 3. Peter Greven Asia SDN BHD 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. **Hydroxypropyl methylcellulose 2910:** Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd. No.12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone, No.2 Hebin Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China **Titanium dioxide:** Jiangsu Hongyuan Pharmaceutical Co., Ltd

328	Irbesartan	VD-35515-21	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	6922/TĐTN	12/12/2022	Thay đổi tên nhà sản xuất tá dược Lactose monohydrate (MiV-N3)	Molkerei Meggle Wasserburg GmbH & Co. KG.	Meggle GmbH & Co. KG
329	Bactamox 375	VD-20448-14	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	7052/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược lactose monohydrat (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N3)	Molkerei Meggle Wasserburg GmbH & Co. KG. Địa chỉ: Megglestr 6-12, 83512 Wasserburg, Germany.	Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany.
330	Metprednew IMP 16	VD-20655-14	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	7051/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV- N9)	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm Địa chỉ: Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm Địa chỉ: Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
331	Carbocistein 200 mg	VD-25187-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7643/TĐTN	29/12/2022	1. Thay đổi tên của cơ sở sản xuất tá dược Aspartam (MiV-N3)	Changzou Guanghui Biotechnology Co. Ltd. Địa chỉ: No. 18 Binjiang Three Road, Chunjiang Town, Xinbei District, Changzhou City, Jiangsu Province, China.	Changzhou Guanghui Food Ingredients Co., Ltd. Địa chỉ: No. 18 Binjiang Three Road, Chunjiang Town, Xinbei District, Changzhou City, Jiangsu Province, China.
332	Carbocistein 200 mg	VD-25187-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7643/TĐTN	29/12/2022	2. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Dinatri hydrophosphat khan: BP 2013 Aspartam: EP 9.0	Dinatri hydrophosphat khan: BP hiện hành Aspartam: EP hiện hành
333	Carbocistein 200 mg	VD-25187-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7643/TĐTN	29/12/2022	3. Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Dinatri hydrophosphat khant:** Omnisal GmbH Địa chỉ: Dessauer Strasse 128, 06886 Lutherstadt Wittenberg, Germany. **Aspartam:** 1. Ajnomoto Co. Inc Địa chỉ: 1730 Hinaga Yokkaichi Mie, Japan. 2. Changzou Guanghui Biotechnology Co. Ltd. Địa chỉ: No. 18, Binjiang Three Road, Chunjiang Town, Xinbei District, Changzhou City, Jiangsu Province, China.	**Dinatri hydrophosphat khan:** Chemische Fabrik Budenheim KG Địa chỉ: Rheinstraβe 27, 55257 Budenheim, Germany. **Aspartam:** Changzhou Guanghui Food Ingredients Co., Ltd. (tên cũ: Changzou Guanghui Biotechnology Co. Ltd.) Địa chỉ văn phòng: No. 66 Changhong Western Road, Wujin District Changzhou, Jiangsu, China, 213000. Địa chỉ nhà máy: The South of 6-7 Section, Yingyer Township, Yining, Xinjiang, P.R. China.
334	Andol Fort	VD-22892-15	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6025/TĐTN	16/11/2022	1. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	**Paracetamol:** - Nguồn Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd/ China: BP 2018. - Nguồn SpecGx LLC/ USA: USP 42. **Phenylephrin hydroclorid:** USP 42.	**Paracetamol:** - Nguồn Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd/ China: BP hiện hành. - Nguồn SpecGx LLC/ USA: USP hiện hành. **Phenylephrin hydroclorid:** USP hiện hành.
335	Andol Fort	VD-22892-15	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6025/TĐTN	16/11/2022	2. Thay đổi tên của cơ sở sản xuất tá dược Colloidal anhydrous silica 200 (MiV-N3)	Evonik Industries AG	Evonik Operations GmbH
336	Andol Fort	VD-22892-15	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6025/TĐTN	16/11/2022	3. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Cellulose vi tinh thể 101: USP 42 Povidon K30: EP 10.0 Natri starch glycolat: USP 42 Colloidal anhydrous silica 200: EP 10.0 Magnesi stearat: BP 2020 Nước tinh khiết: BP 2020	Cellulose vi tinh thể 101: USP hiện hành Povidon K30: EP hiện hành Natri starch glycolat: USP hiện hành Colloidal anhydrous silica 200: EP hiện hành Magnesi stearat: BP hiện hành Nước tinh khiết: BP hiện hành

337	Andol Fort	VD-22892-15	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6025/TĐTN	16/11/2022	4. Bổ sung nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Cellulose vi tinh thể 101:** Mingtai Chemical Co. Ltd. - Địa chỉ: 1142, Shin Hsing Rd, Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan. **Povidon K30:** BASF Corporation - Địa chỉ: 8404 River road, Geismar, LA 70734, USA. **Colloidal anhydrous silica 200:** Evonik Industries AG - Địa chỉ: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany. **Magnesi stearat:** Faci Asia Pacific Pte. Ltd. - Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627862.	**Cellulose vi tinh thể 101:** 1. JRS Pharma GmbH & Co. KG. (Sản xuất tại Microcellulose Weißenborn GmbH & Co KG) - Địa chỉ trụ sở chính: Holzmühle 1, 73494 Rosenberg, Germany. - Địa chỉ nhà máy: Freiberger Str. 7, 09600 Weißenborn, Germany. 2. JRS Pharma & Gujarat Microwax Private Limited - Địa chỉ: Unit - 2, Survey No. 292/293, Kalol - Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana - 382706, Gujarat, India. **Povidon K30:** Huangshan Bonsun Pharmaceuticals Co., Ltd. - Địa chỉ: Shexian Circular Economy Zone, Huangshan city, China. **Colloidal anhydrous silica 200:** Evonik Antwerpen NV - Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. **Magnesi stearat:** Accent Microcell Pvt. Ltd. - Địa chỉ: Plot No. Z-59, 60, 63, 64 Dahej-SEZ Limited Part-I, Ta. Vagra, Dist. Bharuch - 392130, Gujarat, India.
338	A.T Entecavir 0.5	QLĐB-569-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	6174/TĐTN	10/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất Entecavir (MiV-N3)	Anhui Biochem United Pharmaceutical Co., Ltd	Anhui Biochem Pharmaceutical Co., Ltd
339	A.T Entecavir 1	QLĐB-570-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	6172/TĐTN	10/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất Entecavir (MiV-N3)	Anhui Biochem United Pharmaceutical Co., Ltd.	Anhui Biochem Pharmaceutical Co., Ltd
340	Niflad ES	VD-33455-19	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	6101/TĐTN	16/11/2022	1. Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Amoxicilin trihydrat compacted (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Centrient Pharmaceuticals India Private Limited; Địa chỉ: Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144 533, India	Centrient Pharmaceuticals India Private Limited; Địa chỉ: Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, District SBS Nagar (Nawanshahr), Punjab 144533, India
341	Niflad ES	VD-33455-19	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	6101/TĐTN	16/11/2022	2. Thay đổi tên cơ sở sản xuất tá dược Colloidal anhydrous silica 200 (MiV-N3)	1.Evonik Resource Efficiency GmbH 2. Evonik Degussa Antwerpen NV	1. Evonik Operations GmbH 2. Evonik Antwerpen NV
342	Niflad ES	VD-33455-19	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	6101/TĐTN	16/11/2022	3. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển. (MiV-N6)	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted): EP 9.0 Acid clavulanic (dưới dạng Kali Clavulanat kết hợp với Avicel (1:1)): EP 9.0	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted): EP hiện hành Acid clavulanic (dưới dạng Kali Clavulanat kết hợp với Avicel (1:1)): EP hiện hành
343	Niflad ES	VD-33455-19	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	6101/TĐTN	16/11/2022	4. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển. (MiV-N6)	Crospovidon: EP 9.0 Sucralose: USP 41 Magnesi stearat: BP 2018 Colloidal anhydrous silica 200: EP 9.0 Nước tinh khiết: EP 9.0	Crospovidon: EP hiện hành Sucralose: USP hiện hành Magnesi stearat: BP hiện hành Colloidal anhydrous silica 200: EP hiện hành Nước tinh khiết: EP hiện hành

344	Panactol 150 mg	VD-33464-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6921/TĐTN	12/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Citric acid anhydrous:** 1. Cofco Biochemical (Anhui) Co., Ltd. No. 1 Cofco Avenue, Bengbu, Anhui, China. 2. RZBC (JUXIAN) CO., LTD. No.209, Laiyang Road, Juxian Economic Development Zone, Rizhao City, Shandong Province, P.R.China **Sodium bicarbonate:** Solvay Chemicals GmbH Xantener Strasse 237 D-47495, Rheinberg, Germany **Povidon K30:** 1. CM Shanghai Co., Ltd. Ocean Towers, 550 Yan'an Road (E), Huang Pu Dist., Shanghai 200001, China 2. BASF SE Carl-Bosch-Strasse 38, 67056 Ludwigshafen, Germany **Sodium benzoate powder:** Wuhan Youji Industries Co., Ltd. No. 1, 2 nd Chemical Rd., Wuhan Chemical Industry Park, Wuhan, China. **Aspartame:** 1. Hyet Sweet S.A.S. Port 7516, 59820 Gravelines, France 2. Nantong Changhai Food Additive Co., Ltd. No.15, Daqing Road, Qinglong Chemical Industry Yard, Haimen City, Jiangsu Province, P.R. China **Hương cam:** Ipra France P.A De L'Argile, Impasse des Bruyres, No 130, 06370 Mouans Sartoux, France **Polyethylen glycol 6000:** Clariant Produkte (Deutschland) GmbH Industrieparkstrasse 1, 84508 Burgkirchen, Germany	**Citric acid anhydrous:** TTCA Co., Ltd. No.27, Xin'an Nan Road, Anqiu City, Shandong Province, P.R.China **Sodium bicarbonate:** Novabay Pte Ltd 20 Tembusu Avenue Singapore 627536 **Povidon K30:** 1. ISP Chemicals LLC Affiliate of Ashland 455 N. Main St., Calvert City, KY 42029, United States 2. BASF Advanced Chemicals Co., Ltd. No. 300 Jiang Xin Sha Road, Pudong, Shanghai, PR China 3. CNSG Anhui Hong Sifang Co. Ltd. Crossing of Longxing Road and Hongtu Road, Circular Economy Demostration Zone, Feidong County, Hefei City, China-231 602 Cuo Town, Anhui Province. 4. Huangshan Bonsun Pharmaceuticals Co., Ltd. 11# Weiyi Road, Shexian Circular Economy Zone, Huangshan City, China-245 200 Shexian, Anhui Province **Sodium benzoate powder:** Emerald Kalama Chemical B.V. Montrealweg 15, 3197 KH Rotterdam Botlek, The Netherlands **Aspartame:** Vitasweet Co., Ltd. No.198, Jinwu Road, Kunlun Economic Development Zone, Liyang, Jiangsu, P.R.China (213300) **Hương cam:** Jogue, Inc. – Northville 100 Rural Hill Drive, Northville, Michigan 48167 United States **Polyethylen glycol 6000:** 1. Sasol Germany GmbH-Werk Marl Paul-Baumann -Straße 1-45775 Marl Germany 2. Liaoning Oxiranphex Inc. No. 58, Wanhe ER road, Hongwei district, Liaoyang, Liaoning, PR China
345	Codcerin-D	VD-29192-18	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	6509/TĐTN	21/12/2022	Bỏ bớt quy cách đóng gói thuốc thành phẩm (MiV- N7)	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên

346	Cedetamin tablets	VD-26866-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6923/TĐTN	12/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Lactose monohydrate:** 1. Molkerei Meggle Wasserburg GmbH & Co. KG. Megglestr. 6-12 83512 Wasserburg, Germany 2. DFE Pharma GmbH & Co. KG Lauenfoerder Strasse 5, 37176 Noerten-Hardenberg, Germany **Microcrystalline cellulose M101:** 1. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd. No.12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone No.2 Hebin Road, Economic and Technological Developing Zone Huainan Anhui. PR China 2. JRS Pharma GmbH & Co. KG. D-73494 Rosenberg (Germany), Holzmühle 1 **Povidone K30:** Huangshan Bonsun Pharmaceuticals Co., Ltd. 11# Weiyi Road, Shexian Circular Economy Zone, Huangshan City, China-245 200 Shexian, Anhui Province **Magnesi stearat:** Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd. No.12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone No.2 Hebin Road, Economic and Technological Developing Zone Huainan Anhui. PR China **Colloidal silicon dioxid:** OCI Company Ltd. Kunsant Plant: 233, Sorying-Dong, Kunsan, Chollabuk-Do, South Korea	**Lactose monohydrate:** 1. DFE Pharma GmbH & Co. KG Sản xuất tại: Fonterra Limited 879 Manaia Road, Kaponga, New Zealand 2. DFE Pharma GmbH & Co. KG Sản xuất tại: FrieslandCampina DMV B.V. NCB-Laan 80, 5462 GE Veghel, The Netherlands **Microcrystalline cellulose M101:** 1. Sigachi Industries Limited Plot No. 20-21, Phase-1, IDA, Pashammailaram, Isnapur, Sanga Reddy District, 502307 Telangana, India 2. Accent Microcell Pvt. Ltd. Z-59, 60, 63, 64, Dahej SEZ Limited Part-I, Tal - Vagra, Dahej, Dist. - Bharuch, Gandhinagar, Gujarat State, India **Povidone K30:** 1. ISP Chemicals LLC Affiliate of Ashland 455 N. Main St., Calvert City, KY 42029, United States 2. BASF Advanced Chemicals Co., Ltd. No. 300 Jiang Xin Sha Road, Pudong, Shanghai, PR China 3. BASF SE Carl-Bosch-Strasse 38, 67056 Ludwigshafen, Germany 4. CNSG Anhui Hong Sifang Co. Ltd. Crossing of Longxing Road and Hongtu Road, Circular Economy Demostration Zone, Feidong County, Hefei City, China-231 602 Cuo Town, Anhui Province. **Magnesi stearat:** 1. Sudeep Pharma Private Limited Plot No. 129/1/A, 12, 13, 14, 15 GIDC Estate, At & Post Nandesari, Dist. Vadodara – 391340, Gujarat, India 2. Peter Greven Asia SDN BHD 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. **Colloidal silicon dioxid:** Madhu Silica Pvt. Ltd. Plot No. 193, (DU – II NX), G.I.D.C., Chitra, Dist-Bhavnagar, Gujarat state, India
347	Cedetamin tablets	VD-26866-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6923/TĐTN	12/12/2022	Thay đổi tên nhà sản xuất tá dược Lactose monohydrate (MiV-N3)	Molkerei Meggle Wasserburg GmbH & Co. KG.	Meggle GmbH & Co. KG

348	Alphachymotrypsin ODT	VD-26175-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	6919/TĐTN	12/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Microcrystalline cellulose M101:** CM Chemicals Ocean Towers, 550 Yan'an Road (E), Huang Pu Dist., Shanghai 200001, China **Compressible sugar:** Tereos France 11 Rue Pasteur F-02390 Origny-Sainte-Benoite **Crospovidon:** JRS Pharma GmbH & Co. KG. D-73494 Rosenberg (Germany), Holzmühle 1 **Mannitol:** Guangxi Nanning Chemical Pharmaceutical Co.,Ltd. No.8 Pengzhan Road, Nanning Economic and Technological Development Zone, Nanning, Guangxi, China **Saccharin natri:** Hebei Yunsheng Biotechnology Co., Ltd Easten Area, DacaoZhuang District Xingtai City Hebei PR.China **Colloidal silicon dioxide:** 1. OCI Company Ltd. 233, Sorying-Dong, Kunsan, Chollabuk-Do South Korea 2. Cabot GmbH Beate Scheidemantel, Kronenstraße 79618 Rheinfelden, Germany **Magnesi stearat:** CM Chemicals Ocean Towers, 550 Yan'an Road (E), Huang Pu Dist., Shanghai 200001, China	**Microcrystalline cellulose M101:** 1. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd.; No.12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone, No.2 Hebin Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China 2. Accent Microcell Pvt. Ltd.; Địa chỉ: Z-59, 60, 63, 64, Dahej SEZ Limited Part-I, Tal - Vagra, Dahej, Dist. - Bharuch, Gandhinagar, Gujarat State, India 3. Sigachi Industries Limited; Plot No. 20-21, Phase-1, IDA, Pashammailaram, Isnapur, Sanga Reddy District, 502307 Telangana, India **Compressible sugar:** Südzucker AG Maximilianstr. 10, 68165 Mannheim, Germany **Crospovidon:** 1. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd; Địa chỉ: Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. No.2 Hebin Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China 2. Star-Tech&JRS Specialty Products Co., Ltd. No.1, Huanan Road, Changshou District, Chongqing City, P.R China **Mannitol:** Shijiazhuang Hua Xu Pharmaceutical Co., Ltd No. 33 industrial street, Economic development zone, Shijiazhuang City, Hebei, China **Saccharin natri:** Hugestone Enterprise Co., Ltd. Room 919, 920, No. 359 Hongwu Road, Qinhuai District, Nanjing, Jiangsu, China **Colloidal silicon dioxide:** Madhu Silica Pvt. Ltd. Plot No. 193, (DU – II NX), G.I.D.C., Chitra, Dist-Bhavnagar, Gandhinagar, Gujarat state, India **Magnesi stearat:** 1. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd; Địa chỉ: No.12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone, No.2 Hebin Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui. PR China 2. Sudeep Pharma Private Limited Plot No. 129/1/A, 12, 13, 14, 15 GIDC Estate, At & Post Nandesari, Dist. Vadodara – 391340, Gujarat, India 3. Peter Greven Asia SDN BHD 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia
349	Fexofenadin 60 mg	VD-27899-17	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	6870/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Fexofenadin hydrochlorid (MiV-N3)	Alekhya Drugs Pvt. Ltd.	Celebrity Life Sciences Private Limited
350	Cefotaxim 1 g	VD-35183-21	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.	6418/TĐTN	24/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Cefotaxim (Dưới dạng Cefotaxim natri vô khuẩn) khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	USP 41	USP hiện hành
351	Albenca 400	VD-26854-17	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7548/TĐTN	28/12/2022	1. Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	**Natri croscarmellose:** FMC Biopolymer Địa chỉ: Westervoortsedijk 73, 6827 AV, The Netherlands. **Ethanol 96%:** Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Địa chỉ: Ấp Tân Hóa, xã Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	**Natri croscarmellose:** Dupont Nutrition Ireland Địa chỉ trụ sở chính: Wallingstown, Little Island, Cork T45KV22, Ireland. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Westervoortsedijk 73, 6827 AV, The Netherlands. **Ethanol 96%:** Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương Địa chỉ: Số 9A/ĐX4, tổ 7, ấp Tân Hóa, xã Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

352	Albenca 400	VD-26854-17	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7548/TĐTN	28/12/2022	2. Bổ sung nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Cellulose vi tinh thể 101:** 1. Mingtai Chemical Co. Ltd. Địa chỉ: 1142, Shin Hsing Rd, Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan. 2. JRS Pharma GmbH & Co. KG. Địa chỉ: Holzmuehle 1, D - 73494 Rosenberg, Germany. **Natri saccharin:** Yixing linde import and export Co., Ltd. Địa chỉ: No.173, Yangxian East Road, Yixing City, Jiangsu, China. **Natri croscarmellose:** FMC Biopolymer Địa chỉ: Westervoortsedijk 73, 6827 AV, The Netherlands. **Acid citric khan:** 1. Jungbunzlauer Canada Inc Địa chỉ: 1555 Elm Street, Port Col borne, ON L3K 5V5, Canada. 2. Jungbunzlauer Austria AG Địa chỉ: AT-1010 Wien, Austria. **Magnesi stearat:** 1. Faci Asia Pacific Pte. Ltd. Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627863. 2. Accent Microcell Pvt. Ltd. Địa chỉ: Plot No. Z-59, 60, 63, 64 Dahej-SEZ Limited Part-I, Ta. Vagra, Dist. Bharuch – 392130, Gujarat, India. **Macrogol 6000:** Sasol Germany GmbH Địa chỉ: Werk Marl, Paul-Baumann-Straße 1, D-45772 Marl, Germany.	**Cellulose vi tinh thể 101:** 1. JRS Pharma & Gujarat Microwax Private Limited Địa chỉ: Unit - 2, Survey No. 292/293, Kalol - Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana - 382706, Gujarat, India. 2. Itacel Farmoquímica Ltda Địa chỉ: Rua Dr. José Alexandre Crosgnac, 645 - CEP: 06680-035, Itapevi, SP, Brazil. **Natri saccharin:** JMC Corporation Địa chỉ: 71, Ijin-ro, Onsan-eup, (125, Hwasan-ri, Onsan-eup), Ulju-gun, Ulsan, 44998, South Korea. **Natri croscarmellose:** JRS Pharma & Gujarat Microwax Private Limited Địa chỉ: Unit - 2, Survey No. 292/293, Kalol - Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana - 382706, Gujarat, India. **Acid citric khan:** Sujata Chemicals Địa chỉ: 875/2, GIDC Estate, Makarpura, Vadodara – 390 010, Gujarat, India. **Magnesi stearat:** Peter Greven Asia SDN. BHD. Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. **Macrogol 6000:** Avesta Pharma Pvt. Ltd. Địa chỉ: Plot No. 2, Gut. No. 189/1, 189/2, 191/2, 191/6, 194At & Po: Alonde, Tal - Vikramgad, Dist. Palghar - 421 303, India.
353	Paracetamol 500mg	VD-29764-18	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7551/TĐTN	28/12/2022	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	**Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. 2. Evonik Degussa Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. **Talc:** 1. Haicheng Xinda Mining Industry Co., Ltd. Địa chỉ: Yanjun Town, Haicheng City, Liaoning, China. 2. Mondo Minerals BV Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR Amsterdam, Netherlands.	**Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Operations GmbH Địa chỉ trụ sở chính: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany. 2. Evonik Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. **Talc:** 1. Liaoning Xinda Talc Group Co. Ltd. Địa chỉ: Yanjun Town, Haicheng City, Liaoning, China. 2. Elementis Minerals B.V. Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR A

354	Paracetamol 500mg	VD-29764-18	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7551/TĐTN	28/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Cellulose vi tinh thể 101:** 1. Mingtai Chemical Co. Ltd. Địa chỉ: 1142, Shin Hsing Rd, Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan. 2. JRS Pharma GmbH & Co. KG. Địa chỉ: Holzmuehle 1, D - 73494 Rosenberg, Germany. **Natri starch glycolat:** Yung Zip Chemical Ind. Co., Ltd. Địa chỉ: 59, 61 You Shih Road, Youth Industrial District, Dajia, Taichung, Taiwan 43767, R.O.C. **Povidon K90:** BASF SE; Địa chỉ: Carl-Bosch-Str.38, 67056 Ludwigshafen, Germany. **Magnesi stearat:** 1. Faci Asia Pacific Pte. Ltd. Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627863. 2. Accent Microcell Pvt. Ltd. Địa chỉ: Plot No. Z-59, 60, 63, 64 Dahej-SEZ Limited Part-I, Ta. Vagra, Dist. Bharuch – 392130, Gujarat, India. **Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Resource Efficiency GmbH; Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1 - 11, 45128 Essen, Germany. 2. Evonik Degussa Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. **Talc:** 1. Haicheng Xinda Mining Industry Co., Ltd.; Địa chỉ: Yanjun Town, Haicheng City, Liaoning, China. 2. Mondo Minerals BV Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR Amsterdam, Netherlands. **Macrogol 6000:** Sasol Germany GmbH Địa chỉ: Werk Marl, Paul-Baumann-Straße 1, D-45772 Marl, Germany.	**Cellulose vi tinh thể 101:** 1. JRS Pharma & Gujarat Microwax Private Limited; Địa chỉ: Unit - 2, Survey No. 292/293, Kalol - Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana - 382706, Gujarat, India. 2. Itacel Farmoquímica Ltda Địa chỉ: Rua Dr. José Alexandre Crosgnac, 645 - CEP: 06680-035, Itapevi, SP, Brazil. **Natri starch glycolat:** Roquette Freres; Địa chỉ: 1, Rue de la Haute Loge, 62136 Lestrem, France. Cơ sở sản xuất tá dược Povidon K90 đề nghị bổ sung: ISP Chemicals LLC; Địa chỉ: 455 N. Main St., (Hwy 95) Calvert city, KY 42029, USA. **Magnesi stearat:** Peter Greven Asia SDN. BHD. Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. **Colloidal anhydrous silica 200:** Cabot GmbH; Địa chỉ: Kronenstrasse 2, D – 79618 Rheinfelden, Germany. **Talc:** Aeon Procare Pvt Ltd. Địa chỉ: Survey No.: 454, Bhuj-Bhachau Highway, Village: Paddhar, Tal-Bhuj-Kutch, Gujarat – 370105, India. **Macrogol 6000:** Avesta Pharma Pvt. Ltd. Địa chỉ: Plot No. 2, Gut. No. 189/1, 189/2, 191/2, 191/6, 194At & Po: Alonde, Tal - Vikramgad, Dist. Palghar - 421 303, India.
355	Cobimol	VD-24212-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7552/TĐTN	28/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	**1.Paracetamol:** • Nguồn Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd/China: BP 2018 • Nguồn SpecGx LLC/USA: USP 42 **2. Clorpheniramin maleat:** BP 2018	**1.Paracetamol:** • Nguồn Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd/China: BP hiện hành • Nguồn SpecGx LLC/USA: USP hiện hành Tiêu chuẩn chất lượng dược chất **2. Clorpheniramin maleat:** BP hiện hành
356	Cobimol	VD-24212-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7552/TĐTN	28/12/2022	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N3)	**Lactose monohydrat:** 1. DMV Fonterra exipients GmbH & Co. Địa chỉ: FrieslandCampina DMV B.V., Veghel, The Netherlands. 2. Meggle USA Inc. Địa chỉ: Davisco Foods International Inc., 719 North Main Street, Le Sueur, MN 56058, USA. **Đường trắng:** 1. Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. 2. Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. **Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Degussa Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. 2. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany.	**Lactose monohydrat:** 1. DFE Pharma GmbH & Co. KG (Sản xuất tại: FrieslandCampina DMV B.V.) Địa chỉ: N.C.B. Laan 80, 5462 GE Veghel, The Netherlands. 2. Meggle USA Inc. (Sản xuất tại: Agropur Inc.) Địa chỉ: 719 North Main Street, Le Sueur, MN 56058, USA. **Đường trắng:** 1. Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. 2. Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. **Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. 2. Evonik Operations GmbH Địa chỉ trụ sở chính: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany.
357	Cobimol	VD-24212-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7552/TĐTN	28/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Lactose monohydrat: EP 10.0 Đường trắng: DĐVN V Natri saccharin: BP 2020 Colloidal anhydrous silica 200: EP 10.0 Ethanol 96%: EP 10.0 Nước tinh khiết: BP 2020	Lactose monohydrat: EP hiện hành Đường trắng: DĐVN hiện hành Natri saccharin: BP hiện hành Colloidal anhydrous silica 200: EP hiện hành Ethanol 96%: EP hiện hành Nước tinh khiết: BP hiện hành

358	Cobimol	VD-24212-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7552/TĐTN	28/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược Colloidal anhydrous silica 200 (MiV-N2)	1. Evonik Degussa Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. 2. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany.	1. Evonik Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. 2. Evonik Operations GmbH Địa chỉ trụ sở chính: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany. - Cơ sở sản xuất tá dược Colloidal anhydrous silica 200 đề nghị bổ sung: Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstrasse 2, D – 79618 Rheinfelden, Germany.
359	Bactamox 1g	VD-22897-15	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7535/TĐTN	28/12/2022	1. Bổ bớt cơ sở sản xuất của dược chất Sulbactam (MiV-N4)	1. Zhuhai United Laboratories Co.Ltd; Địa chỉ: No.2428, Anji Road, Sanzao Town, Jinwan District, Zhuhai, Guangdong 519040, P.R.China. 2. Research Pharmaceuticals, Ltd.; Địa chỉ: Floor 21-C, Qian Jiang Building, #971 Dong Fang Road, Pudong, Shanghai-200122, China.	1. Zhuhai United Laboratories Co.Ltd; Địa chỉ: No.2428, Anji Road, Sanzao Town, Jinwan District, Zhuhai, Guangdong 519040, P.R.China.
360	Bactamox 1g	VD-22897-15	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7535/TĐTN	28/12/2022	2. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển: Dược chất Amoxicillin trihydrat (MiV-N6)	EP 9.0	EP hiện hành
361	Bactamox 1g	VD-22897-15	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7535/TĐTN	28/12/2022	3. Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	**Natri croscarmellose:** FMC Health & Nutrition Địa chỉ: Westervoortsedijk 73, 6827 AV, The Netherlands. **Colloidal anhydrous silica 200:** Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany.	**Natri croscarmellose:** Dupont Nutrition Ireland + Địa chỉ trụ sở chính: Wallingstown, Little Island, Cork T45KV22, Ireland. + Địa chỉ nhà máy sản xuất: Westervoortsedijk 73, 6827 AV, The Netherlands. **Colloidal anhydrous silica 200:** Evonik Operations GmbH + Địa chỉ trụ sở chính: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. + Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany.
362	Bactamox 1g	VD-22897-15	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7535/TĐTN	28/12/2022	4. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Cellulose vi tinh thể 112: USP 42 Natri croscarmellose: EP 9.0 Colloidal anhydrous silica 200: EP 9.0 Magnesi stearat: BP 2018 Ethanol 96%: EP 9.0 Nước tinh khiết: BP 2018	Cellulose vi tinh thể 112: USP hiện hành Natri croscarmellose: EP hiện hành Colloidal anhydrous silica 200: EP hiện hành Magnesi stearat: BP hiện hành Ethanol 96%: EP hiện hành Nước tinh khiết: BP hiện hành
363	Paracetamol ABA 325 mg	VD-24207-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7553/TĐTN	28/12/2022	1. Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Paracetamol (MiV-N3)	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No. 1, Weixu Street, Hengshui Industrial Park, Hebei Province, China.	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No. 1, Weixu Street, Hengshui Industrial Park, Hebei Province, China.
364	Paracetamol ABA 325 mg	VD-24207-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7553/TĐTN	28/12/2022	2. Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Colloidal anhydrous silica 200 (MiV-N3)	1. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. 2. Evonik Degussa Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium.	1. Evonik Operations GmbH Địa chỉ trụ sở chính: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. Địa chỉ nhà máy: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany. 2. Evonik Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium.
365	Paracetamol ABA 325 mg	VD-24207-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7553/TĐTN	28/12/2022	3. Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Natri starch glycolat: USP 42 Cellulose vi tinh thể 101: USP 42 Magnesi stearat: BP 2020 Colloidal anhydrous silica 200: EP 10.0 Macrogol 6000: EP 10.0 Talc: USP 42	Natri starch glycolat: USP hiện hành Cellulose vi tinh thể 101: USP hiện hành Magnesi stearat: BP hiện hành Colloidal anhydrous silica 200: EP hiện hành Macrogol 6000: EP hiện hành Talc: USP hiện hành

366	Paracetamol ABA 325 mg	VD-24207-16	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	7553/TĐTN	28/12/2022	4. Bổ sung nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	**Natri starch glycolat:** Yung Zip Chemical Ind. Co., Ltd. Địa chỉ: 59, 61 You Shih Road, Youth Industrial District, Dajia, Taichung, Taiwan 43767, R.O.C. **Cellulose vi tinh thể 101:** 1. Mingtai Chemical Co. Ltd. Địa chỉ: 1142, Shin Hsing Rd, Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan. 2. JRS Pharma GmbH & Co. KG; Holzmuehle 1, D - 73494 Rosenberg, Germany. **Magnesi stearat:** 1. Faci Asia Pacific Pte. Ltd. Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627863. 2. Accent Microcell Pvt. Ltd. Địa chỉ: Plot No. Z-59, 60, 63, 64 Dahej-SEZ Limited Part-I, Ta. Vagra, Dist. Bharuch – 392130, Gujarat, India. **Colloidal anhydrous silica 200:** 1. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1 - 11, 45128 Essen, Germany. 2. Evonik Degussa Antwerpen NV Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium. **Macrogol 6000:** Sasol Germany GmbH Địa chỉ: Werk Marl, Paul-Baumann-Straße 1, D-45772 Marl, Germany. **Talc:** 1. Liaoning Xinda Talc Group Co. Ltd. Địa chỉ: Yanjun Town, Haicheng City, Liaoning, China. 2. Elementis Minerals B.V. Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR Amsterdam, Netherlands.	**Natri starch glycolat:** Roquette Freres. Địa chỉ: 1, Rue de la Haute Loge, 62136 Lestrem, France. **Cellulose vi tinh thể 101:** 1. JRS Pharma & Gujarat Microwax Private Limited Địa chỉ: Unit - 2, Survey No. 292/293, Kalol - Mehsana Highway, Nandasan, 2. Itacel Farmoquímica Ltda. Địa chỉ: Rua Dr. José Alexandre Crosgnac, 645- CEP: 06680-035, Itapevi, SP, Brazil. **Magnesi stearat:** Peter Greven Asia SDN. BHD. Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. **Colloidal anhydrous silica 200:** Cabot GmbH. Địa chỉ: Kronenstrasse 2, D – 79618 Rheinfelden, Germany. **Macrogol 6000:** Avesta Pharma Pvt. Ltd. Địa chỉ: Plot No. 2, Gut. No. 189/1, 189/2, 191/2, 191/6, 194At & Po: Alonde, Tal - Vikramgad, Dist. Palghar - 421 303, India. **Talc:** Aeon Procare Pvt Ltd. Địa chỉ: Survey No.: 454, Bhuj-Bhachau Highway, Village: Paddhar, Tal-Bhuj-Kutch, Gujarat – 370105, India.
367	Philoxim	VD-24634-16	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	6280/TĐTN	18/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Cefotaxim natri và tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	I. Cefotaxim natri: 1. NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No.98 Hainan Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, Trung Quốc: USP 38 2. Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No.1, Ruiyang Road, Yiyuan County, Shandong province, P.R. Trung Quốc: USP 38 3. STERILE INDIA PVT. LTD. Địa chỉ: Plot No. 100, Sector-56, Phase-4, HSIIDC, Kundli, Sonipat (Haryana), India: USP 40 II. Thành phẩm: USP 40	I. Cefotaxim natri: 1. NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No.98 Hainan Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, Trung Quốc: USP 43 2. Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No.1, Ruiyang Road, Yiyuan County, Shandong province, P.R. Trung Quốc: USP 43 3. STERILE INDIA PVT. LTD. Địa chỉ: Plot No. 100, Sector-56, Phase-4, HSIIDC, Kundli, Sonipat (Haryana), India: USP 43 II. Thành phẩm: USP 43
368	Arotabin	VD-18560-13	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	6373/TĐTN	18/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Acyclovir: USP 32 2. Cetostearyl alcohol: USP 32 3. Vaselin: USP 32 4. Parafin lỏng (Light liquid paraffin): BP 2010 5. Polyoxyl -20-cetostearyl ether: USP 32 6. Propylen glycol: USP 32 7. Methylparaben: USP 32 8. Propylparaben: USP 32 9. Nước tinh khiết: USP 32	1. Acyclovir: USP 43 2. Cetostearyl alcohol: USP 43 3. Vaselin: USP 43 4. Parafin lỏng (Light liquid paraffin): BP 2022 5. Polyoxyl -20-cetostearyl ether: USP 43 6. Propylen glycol: USP 43 7. Methylparaben: USP 43 8. Propylparaben: USP 43 9. Nước tinh khiết: USP 43
369	Philrogam	VD-31414-18	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	523/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Dexibuprofen (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	SHASUN PHARMACEUTICALS LIMITED Địa chỉ: Shasun road, Periyakalapet, Puducherry - 605014, India.	SOLARA ACTIVE PHARMA SCIENCES LIMITED Địa chỉ: No. 33& 34, Mathur Road, Periyakalapet, Puducherry - 605014, India
370	Philunimeton	VD-19711-13	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	522/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Ibuprofen (địa điểm không thay đổi) (MiV-N3)	SHASUN PHARMACEUTICALS LIMITED Địa chỉ: Shasun road, Periyakalapet, Puducherry - 605014, India.	SOLARA ACTIVE PHARMA SCIENCES LIMITED Địa chỉ: No. 33& 34, Mathur Road, Periyakalapet, Puducherry - 605014, India

371	Phildomina	VD-20588-14	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	7086/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Hydroquinone: USP 38 2. Squalane: USP 38 3. Carylic và capric triglyceride (Medium chain triglycerides): USP 38 4. Acid stearic: USP 38 5. Cetostearyl alcohol: USP 38 6. Glyceryl monostearate: USP 38 7. Dimethicone: USP 38 8. Sorbitan monostearate: USP 38 9. Glycerin đậm đặc: USP 38 10. Xanthan gum: USP 38 11.Light anhydrous silicic acid (Colloidal silicon dioxide): USP 38 12. Methylparaben: USP 38 13. Propylparaben: USP 38 14. Disodium ethylenediamine tetraacetate (Natri edetate): USP 38 15. Butylated hydroxytoluene: USP 38 16. Natri metabisulfite (Sodium pyrosulfite): USP 38 17. Nước tinh khiết: USP 38	1. Hydroquinone: USP 44 2. Squalane: USP 44 3. Carylic và capric triglyceride (Medium chain triglycerides): USP 44 4. Acid stearic: USP 44 5. Cetostearyl alcohol: USP 44 6. Glyceryl monostearate: USP 44 7. Dimethicone: USP 44 8. Sorbitan monostearate: USP 44 9. Glycerin đậm đặc: USP 44 10. Xanthan gum: USP 44 11. Light anhydrous silicic acid (Colloidal silicon dioxide): USP 44 12. Methylparaben: USP 44 13. Propylparaben: USP 44 14. Disodium ethylenediamine tetraacetate (Natri edetate): USP 44 15. Butylated hydroxytoluene: USP 44 16. Natri metabisulfite (Sodium pyrosulfite): USP 44 17. Nước tinh khiết: USP 44
372	Philclobate	VD-22042-14	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	7631/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Clobetasol propionate: USP 35 2. Butylated hydroxyanisole: USP 35 3. Butylated hydroxytoluen: USP 35 4. Natri dihydrophosphate: USP 35 5. Propylen glycol: USP 35 6. Cồn cetostearyl: USP 35 7. Parafin lỏng: BP 2010 8. Petrolatum trắng: USP 35 9. Methylparaben: USP 35 10. Propylparaben: USP 35 11. Polyoxyl 20 cetostearyl ether: USP 35 12. Nước tinh khiết: USP 35	1. Clobetasol propionate: USP 44 2. Butylated hydroxyanisole: USP 44 3. Butylated hydroxytoluen: USP 44 4. Natri dihydrophosphate: USP 44 5. Propylen glycol: USP 44 6. Cồn cetostearyl: USP 44 7. Parafin lỏng: BP 2022 8. Petrolatum trắng: USP 44 9. Methylparaben: USP 44 10. Propylparaben: USP 44 11. Polyoxyl 20 cetostearyl ether: USP 44 12. Nước tinh khiết: USP 44
373	Philunimeton	VD-19711-13	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	6984/TĐTN	29/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Ibuprofen (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3) Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Shasun Pharmaceuticals Limited Địa chỉ: Shasun road, Periyakalapet, Puducherry – 605 014, Ấn Độ. 1. Ibuprofen: USP 32 2. Polyethylen glycol 600: USP 32 3. Polysorbat 80: USP 32 4. Kali hydroxyd: USP 32 5. Nước tinh khiết: USP 32 6. Butylated hydroxytoluene: USP 32 7. Gelatin: USP 32 8. Polysorb 85/70/00 (Sorbitol sorbitan solution): USP 32 9. Ethyl vanillin: USP 32 10. Nước tinh khiết: USP 32	Solara Active Pharma Sciences Limited Địa chỉ: R.S.No.33 & 34, Mathur road, Periyakalapet, Puducherry – 605 014, Ấn Độ. 1. Ibuprofen: USP 44 2. Polyethylen glycol 600: USP 44 3. Polysorbat 80: USP 44 4. Kali hydroxyd: USP 44 5. Nước tinh khiết: USP 44 6. Butylated hydroxytoluene: USP 44 7. Gelatin: USP 44 8. Polysorb 85/70/00 (Sorbitol sorbitan solution): USP 44 9. Ethyl vanillin: USP 44 10. Nước tinh khiết: USP 44
374	Tavulop	VD-35926-22	Công ty cổ phần Dược Khoa	Công ty cổ phần Dược Khoa	7083/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất Olopatadin (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Crystal Pharma S.A.U.	Curia Spain S.A.U.
375	Rohto Antibacterial	VD-24640-16	Công ty TNHH Rohto-Mentholatum (Việt Nam)	Công ty TNHH Rohto-Mentholatum (Việt Nam)	7257/TĐTN	21/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Chlorpheniramine Maleate: JP 16 2. Benzalkonium Chloride Concentrated Solution 50: JP 16 3. Polysorbate 80: JP 16 4. Disodium Edetate: JP 16 5. Hydrochloric Acid: JP 16 6. Sodium Hydroxide: JP 16 7. Nước tinh khiết: JP 16	1. Chlorpheniramine Maleate: JP 18 2. Benzalkonium Chloride Concentrated Solution 50: JP 18 3. Polysorbate 80: JP 18 4. Disodium Edetate: JP 18 5. Hydrochloric Acid: JP 18 6. Sodium Hydroxide: JP 18 7. Nước tinh khiết: JP 18
376	Remos Anti-Itch	VD-18599-13	Công ty TNHH Rohto-Mentholatum (Việt Nam)	Công ty TNHH Rohto-Mentholatum (Việt Nam)	7489/TĐTN	27/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Lidocaine: JP 15 2. Diphenhydramine: JP 15 3. Dipotassium Glycyrrhizinate: JPC 1997 4. Tocopherol Acetate: JP 15 5. dl-Camphor: JP 15 6. Polyoxyethylene Hydrogenated Castor Oil 40: JPE 2004 7. 1,3-Butylene Glycol: JPE 2004 8. Carboxyvinyl Polymer: JPE 2004 9. Methylparaben: JP 15 10. Butylparaben: JP 15 11. Nước tinh khiết: JP 15	1. Lidocaine: JP 18 2. Diphenhydramine: JP 18 3. Dipotassium Glycyrrhizinate: JPC 2002 4. Tocopherol Acetate: JP 18 5. dl-Camphor: JP 18 6. Polyoxyethylene Hydrogenated Castor Oil 40: JPE 2018 7. 1,3-Butylene Glycol: JPE 2018 8. Carboxyvinyl Polymer: JPE 2018 9. Methylparaben: JP 18 10. Butylparaben: JP 18 11. Nước tinh khiết: JP 18

377	New V.Rohto	VD-20092-13	Công ty TNHH Rohto-Mentholatum (Việt Nam)	Công ty TNHH Rohto-Mentholatum (Việt Nam)	7487/TĐTN	27/12/2022	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược d-camphor (MiV-N2) Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược d-camphor khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Kozakai Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: 663-83, Owadashinden, Yachiyoshi, Chiba 276-0046, Nhật Bản. JP 17	Jiangsu Jiafu Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No.8 Luji Road, Economic and Technological Development, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. JP 18
378	V.Rohto Lycée	VD-26016-16	Công ty TNHH Rohto-Mentholatum (Việt Nam)	Công ty TNHH Rohto-Mentholatum (Việt Nam)	7488/TĐTN	27/12/2022	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược d-camphor (MiV-N2) Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược d-camphor khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Kozakai Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: 663-83, Owadashinden, Yachiyoshi, Chiba 276-0046, Nhật Bản. JP 17	Jiangsu Jiafu Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No.8 Luji Road, Economic and Technological Development, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. JP 18
379	V.Rohto Cool	VD-28602-17	Công ty TNHH Rohto-Mentholatum (Việt Nam)	Công ty TNHH Rohto-Mentholatum (Việt Nam)	7486/TĐTN	27/12/2022	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược d-camphor (MiV-N2) Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược d-camphor khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Kozakai Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: 663-83, Owadashinden, Yachiyoshi, Chiba 276-0046, Nhật Bản. JP 17	Jiangsu Jiafu Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No.8 Luji Road, Economic and Technological Development, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. JP 18
380	Gentamicin	VD-26801-17	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	7327/TĐTN	09/01/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất Gentamicin (MiV-N3)	Yantai justaware Pharmaceutical Co., Ltd	Fuan Pharmaceutical group Yantai justaware Pharmaceutical Co., Ltd
381	Medsolu 4 mg	VD-21349-14	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	6045/TĐTN	02/11/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	I. Microcrystalline cellulose pH 101 (Avicel pH 101): Mingtai chemical Co,. LTD Địa chỉ: 1141 Shin Hsing Rd, Bah-der city. Taoyuan Hsien, Taiwan, R.O.C II. Lactose monohydrat: DMV - Fonterra Excipients GmbH & Co., KG Netherland Địa chỉ: 2521DT The Hague, P.O.BOX 16786/2500BT The Hague, Netherland III. PVP K30 (Povidone K30): CellMark Chemicals Singapore Pte Ltd Địa chỉ: 271 Bukit Timah Road, #03-13 Banmoral Plaza Singapore IV. Magnesi stearat: Asia Pacific Pte Ltd Địa chỉ: 2 Woodlands Sector 1 #01-06 Woodlands Spectrum Singapore V. Innosil 200 (Colloidal silicon dioxyde): Wacker Chemie AG 81727 Munchen Địa chỉ: Hauptverwaltung Hanns-Seidel-Platz 481737 Munchen Germany	I. Microcrystalline cellulose pH 101 (Avicel pH 101): 1. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co,. LTD Địa chỉ: Economic And Technological Developing Zone Huanan Anhui, P.R. China 2. Sigachi Industries Limited Địa chỉ: Plot No.20-21; Phase-1, IDA Pashammailaram, Sangareddy District, Telangana, India II. Lactose monohydrat: Malkara Birlik Sut Ve Sut Mamulleri A.S. Địa chỉ: E-25 Karayolu Uzeri Alaybey Koyu Mevkii 7. Km Malkara Tekirdag, Turkey III. PVP K30 (Povidone K30): 1. Shanghai Yuking Water Soluble Material Tech Co., Ltd Địa chỉ: 4F, 13B, No.600, Shouth Xinyuan Road, 20136, Shanghai, China 2. CNSG Anhui Hong Sifang Co. Ltd Địa chỉ: Crossing of Tiangong Road and Hongtu Road Circular Economy Demonstration zone, Feidong Coutry, Hefei, Anhui, China IV. Magnesi stearat: Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co,. LTD Địa chỉ: Economic And Technological Developing Zone Huanan Anhui, P.R. China V. Innosil 200 (Colloidal silicon dioxyde): Henan Inno New Materials Technology Co., Ltd Địa chỉ: High-Tech Industrial Park, Zhengzhou, Henan, China

382	Medsolu 16mg	VD-21348-14	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	6043/TĐTN	02/11/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	I. Microcrystalline cellulose pH 101 (Avicel pH 101): Mingtai chemical Co,. LTD Địa chỉ: 1141 Shin Hsing Rd, Bah-der city. Taoyuan Hsien, Taiwan, R.O.C II. Lactose monohydrat: DMV - Fonterra Excipients GmbH & Co., KG Netherland Địa chỉ: 2521DT The Hague, P.O.BOX 16786/2500BT The Hague, Netherland III. PVP K30 (Povidone K30): CellMark Chemicals Singapore Pte Ltd Địa chỉ: 271 Bukit Timah Road, #03-13 Banmoral Plaza Singapore IV. Magnesi stearat: Asia Pacific Pte Ltd Địa chỉ: 2 Woodlands Sector 1 #01-06 Woodlands Spectrum Singapore V. Innosil 200 (Colloidal silicon dioxyde): Wacker Chemie AG 81727 Munchen Địa chỉ: Hauptverwaltung Hanns-Seidel-Platz 481737 Munchen Germany	I. Microcrystalline cellulose pH 101 (Avicel pH 101): 1. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co,. LTD Địa chỉ: Economic And Technological Developing Zone Huanan Anhui, P.R. China 2. Sigachi Industries Limited Địa chỉ: Plot No.20-21; Phase-1, IDA Pashammailaram, Sangareddy District, Telangana, India II. Lactose monohydrat: Malkara Birlik Sut Ve Sut Mamulleri A.S. Địa chỉ: E-25 Karayolu Uzeri Alaybey Koyu Mevkii 7. Km Malkara Tekirdag, Turkey III. PVP K30 (Povidone K30): 1. Shanghai Yuking Water Soluble Material Tech Co., Ltd Địa chỉ: 4F, 13B, No.600, Shouth Xinyuan Road, 20136, Shanghai, China 2. CNSG Anhui Hong Sifang Co. Ltd Địa chỉ: Crossing of Tiangong Road and Hongtu Road Circular Economy Demonstration zone, Feidong Coutry, Hefei, Anhui, China IV. Magnesi stearat: Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co,. LTD Địa chỉ: Economic And Technological Developing Zone Huanan Anhui, P.R. China V. Innosil 200 (Colloidal silicon dioxyde): Henan Inno New Materials Technology Co., Ltd Địa chỉ: High-Tech Industrial Park, Zhengzhou, Henan, China
383	Mỡ bôi ngoài da Hồng Linh Cốt	VD-21886-14	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	7723/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Methyl salicylat: DĐVN IV 2. Menthol (Menthol tá tuyền): DĐVN IV 3. Long não (Camphor racemic): DĐVN IV 4. Tinh dầu bạc hà (Oleum menthae arvensis): DĐVN IV 5. Vaselin (Merkur 500 - Vaselinum album): EP 6 6. Lanolin khan: USP 36 7. Paraffin rắn (hard paraffin): BP 2015 8. Sáp ong trắng: DĐVN IV	1. Methyl salicylat: DĐVN V 2. Menthol (Menthol tá tuyền): DĐVN V 3. Long não (Camphor racemic): DĐVN V 4. Tinh dầu bạc hà (Oleum menthae arvensis): DĐVN V 5. Vaselin (Merkur 500 - Vaselinum album): EP 10 6. Lanolin khan: USP 44 7. Paraffin rắn (hard paraffin): BP 2022 8. Sáp ong trắng: DĐVN V
384	Esomeptab 20 mg	VD-31838-19	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	365/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Esomeprazol magnesium trihydrat: USP 39 2. PEG 6000 (Macrogols): BP 2015 3. Talc: DĐVN IV 4. Titan dioxyd: DĐVN IV 5. PVP K30 (Povidon): DĐVN IV 6. HPMC E6 (Hypromellose - Type 2910): BP 2015 7. Croscarmellose sodium (Disolcel): BP 2015 8. Sodium carbonat anhydrous: BP 2015 9. Aerosil 200 (Colloidal silicon dioxide): USP 39 10. Eudragit L100 (Methacrylic acid-methylmethacrylate copolymer 1:1): BP 2015 11. Manitol: DĐVN IV	1. Esomeprazol magnesium trihydrat: USP 44 2. PEG 6000 (Macrogols): BP 2022 3. Talc: DĐVN V 4. Titan dioxyd: DĐVN V 5. PVP K30 (Povidon): DĐVN V 6. HPMC E6 (Hypromellose - Type 2910): BP 2022 7. Croscarmellose sodium (Disolcel): BP 2022 8. Sodium carbonat anhydrous: BP 2022 9. Aerosil 200 (Colloidal silicon dioxide): USP 44 10. Eudragit L100 (Methacrylic acid-methylmethacrylate copolymer 1:1): BP 2022 11. Manitol: DĐVN V
385	Quafacicam	VD-31840-19	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	633/TĐTN	24/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Meloxicam: BP 2015 2. Tinh bột ngô: USP 35 3. Lactose monohydrat: DĐVN IV 4. Natri citrat: USP 38 5. PVP K30: DĐVN IV 6. Crospovidon: USP 36 7. Aerosil 200: USP 36 8. Magnesi stearat: DĐVN IV 9. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Meloxicam: BP hiện hành 2. Tinh bột ngô: USP hiện hành 3 .Lactose monohydrat: DĐVN hiện hành 4. Natri citrat: USP hiện hành 5. PVP K30: DĐVN hiện hành 6. Crospovidon: USP hiện hành 7. Aerosil 200: USP hiện hành 8. Magnesi stearat: DĐVN hiện hành 9. Nước tinh khiết: DĐVN hiện hành
386	Adhema	VD-21885-14	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	6546/TĐTN	25/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Sắt II fumarat: DĐVN IV 2. Acid folic: DĐVN IV 3. Microcrystallin cellulose: USP 35 4. Tinh bột sắn: DĐVN IV 5. Sodium starch glycolate: USP 35 6. Magnesium stearat: BP 2013 7. Colloidal silicon dioxide: USP 35	1. Sắt II fumarat: DĐVN V 2. Acid folic: DĐVN V 3. Microcrystallin cellulose: USP 44 4. Tinh bột sắn: DĐVN V 5. Sodium starch glycolate: USP 44 6. Magnesium stearat: BP 2022 7. Colloidal silicon dioxide: USP 44
387	Natri bicarbonat 1,4%	VD-25877-16	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	5947/TĐTN	11/01/2022	Thay đổi tiêu chuẩn thành phẩm khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	BP 2019	BP 2022

388	Vitamin B12 Kabi 1000mcg	VD-30664-18	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	6094/TĐTN	22/11/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Acid acetic (MiV-N2)	VWR International S.A.S Địa chỉ: Z.I. de Vaugereau; FR-45250 Briare; France Tiêu chuẩn: EP 10.5	VWR International bv Địa chỉ: Geldenaaksebaan 464; BE-3001 Leuven; Belgium Tiêu chuẩn: EP 10.5
389	Piracetam Kabi 1g/5ml	VD-25362-16	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	6183/TĐTN	22/11/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Acid acetic (MiV-N2)	VWR International S.A.S Địa chỉ: Z.I. de Vaugereau; FR-45250 Briare; France Tiêu chuẩn: EP 10.5	VWR International bv Địa chỉ: Geldenaaksebaan 464; BE-3001 Leuven; Belgium Tiêu chuẩn: EP 10.5
390	Natri Bicarbonat 1,4%	VD-25877-16	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	6285/TĐTN	30/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Natri bicarbonat: EP 10.2 Nước cất pha tiêm: USP 42	Natri bicarbonat: EP 10.7 Nước cất pha tiêm: USP 2022
391	Vitamin C Kabi 500mg/5ml	VD-32121-19	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	6533/TĐTN	30/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Acid ascorbic: USP 42 2. Natri bicarbonat (Sodium bicarbonate): EP 10.2 3. Natri Dithionit (Sodium Dithionite): USP 42 4. Trilon B (EDTA Disodium Salt 2-Hydrate): USP 42 5. Nipagin (Methyl hydroxybenzoate): BP 2019 6. Nipasol (Propyl hydroxybenzoate): BP 2019 7. tá dược Nước cất pha tiêm: USP 42	1. Acid ascorbic: USP 2022 2. Natri bicarbonat (Sodium bicarbonate): EP 10.7 3. Natri Dithionit (Sodium Dithionite): USP 2022 4. Trilon B (EDTA Disodium Salt 2-Hydrate): USP 2022 5. Nipagin (Methyl hydroxybenzoate): BP 2022 6. Nipasol (Propyl hydroxybenzoate): BP 2022 7. Nước cất pha tiêm: USP 2022
392	Aminoacid Kabi 5%	VD-25361-16	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	7736/TĐTN	11/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. L-Isoleucin (L-Isoleucine): JP 17 2. L-Leucin (L-Leucine): JP 17 3. Lysin hydroclorid (L-Lysin monohydrochloride): USP 42 4. Methionin (L-Methionine): USP 42 5. Phenylalanin (L-Phenylalanine): USP 42 6.Threonin (L-Threonine): USP 42 7. L-Tryptophan: JP 17 8. Valin (L-Valine): JP 17 9 . Arginin hydroclorid (L-Arginine monohydrochloride): USP 42 10. L-Histidine monohydrochloride monohydrate: JP 17 11. Glycin (Glycine): JP 17 12. Alanin (L-Alanine): USP 42 13. Prolin (L-Proline): USP 42 14. L-Aspartic acid: JP 17 15. L-Asparagine monohydrate: EP 9.8 16. Acid glutamic (L-Glutamic acid): EP 9.8 17. Serin (L-Serine): USP 42 18. L-Tyrosin (L-Tyrosine): USP 42 19. Natri acetat trihydrat: BP 2019 20. Kali acetat: EP 9.8 21. Natri hydroxyd: USP 42 22. Edetate disodium (EDTA Disodium salt 2-hydrate): USP 42. 23. Natri dihydro phosphat dihydrat: BP 2019 24. Cystein hydroclorid (L-Cysteine monohydrochloride monohydrate): USP 42. 25. Nước cất pha tiêm: USP 42	1. L-Isoleucin (L-Isoleucine): JP 18 2. L-Leucin (L-Leucine): JP 18 3. Lysin hydroclorid (L-Lysin monohydrochloride): USP 2022 4. Methionin (L-Methionine): USP 2022 5. Phenylalanin (L-Phenylalanine): USP 2022 6. Threonin (L-Threonine): USP 2022 7. L-Tryptophan: JP 18 8. Valin (L-Valine): JP 18 9. Arginin hydroclorid (L-Arginine monohydrochloride): USP 2022. 10. L-Histidine monohydrochloride monohydrate: JP 18. 11. Glycin (Glycine): JP 18 12. Alanin (L-Alanine): USP 2022 13. Prolin (L-Proline): USP 2022 14. L-Aspartic acid: JP 18 15. L-Asparagine monohydrate: EP 10.8 16. Acid glutamic (L-Glutamic acid): EP 10.8 17. Serin (L-Serine): USP 2022 18. L-Tyrosin (L-Tyrosine): USP 2022 19. Natri acetat trihydrat: BP 2022 20. Kali acetat: EP 10.8 21. Natri hydroxyd: USP 2022 22. Edetate disodium (EDTA Disodium salt 2-hydrate): USP 2022. 23. Natri dihydro phosphat dihydrat: BP 2022 24. Cystein hydroclorid (L-Cysteine monohydrochloride monohydrate): USP 2022. 25. Nước cất pha tiêm: USP 2022
393	Piracetam Kabi 12g/60ml	VD-21955-14	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	241/TĐTN	22/02/2023	Thay đổi cách ghi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Piracetam (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Pharmaceutical Works Polpharma S.A. Địa chỉ: Pelplinska 19, 83 – 200 Starogard Gdanski, Poland.	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A. Địa chỉ: Ul. Pelplińska 19, 83 – 200 Starogard Gdański, Poland.

394	Aminoacid Kabi 5%	VD-25361-16	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	705/TĐTN	09/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sản xuất dược chất (L-Isoleucine; L-Leucine; L-Lysin monohydrochloride; L-Methionine; L-Phenylalanine; L-Threonine; L-Tryptophan; L-Valine; L-Arginine monohydrochloride; L-Histidin monohydrochloride monohydrate; Glycine; L-Alanine; L-Aspartic acid; L-Glutamic acid; L-Tyrosine) và tá dược L-Cystein monohydrochloride monohydrate (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Kyowa Hakko Bio Co., LTD Địa chỉ: Hofu plant: 1-6-1, Kyowa-cho, Hofu-shi, Yamaguchi 7478522(*), Japan	Kyowa Hakko Bio Co., LTD Địa chỉ: Hofu Plant: 1-1, Kyowa-cho, Hofu-shi, Yamaguchi, Japan
395	Piracetam Kabi	VD-20016-13	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	706/TĐTN	09/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Acid acetic (MiV-N2)	VWR International S.A.S Địa chỉ: Z.I. de Vaugereau; FR-45250 Briare; France Tiêu chuẩn: EP 10.5	VWR International bv Địa chỉ: Geldenaaksebaan 464; BE-3001 Leuven; Belgium Tiêu chuẩn: EP 10.5
396	Piracetam Kabi 12 g/60ml	VD-21955-14	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	707/TĐTN	09/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Acid acetic (MiV-N2)	VWR International S.A.S Địa chỉ: Z.I. de Vaugereau; FR-45250 Briare; France Tiêu chuẩn: EP 10.5	VWR International bv Địa chỉ: Geldenaaksebaan 464; BE-3001 Leuven; Belgium Tiêu chuẩn: EP 10.5
397	Piracetam Kabi	VD-20016-13	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	792/TĐTN	09/03/2023	Thay đổi cách ghi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Piracetam (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Pharmaceutical Works Polpharma S.A. Địa chỉ: Pelplinska 19, 83 – 200 Starogard Gdanski, Poland.	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A. Địa chỉ: Ul. Pelplińska 19, 83 – 200 Starogard Gdański, Poland.
398	Piracetam Kabi 1g/5ml	VD-25362-16	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	792/TĐTN	09/03/2023	Thay đổi cách ghi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Piracetam (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Pharmaceutical Works Polpharma S.A. Địa chỉ: Pelplinska 19, 83 – 200 Starogard Gdanski, Poland.	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A. Địa chỉ: Ul. Pelplińska 19, 83 – 200 Starogard Gdański, Poland.
399	Nikethamide Kabi 25%	VD-23171-15	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	909/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược Nước cất pha tiêm khi cập nhật cùng dược điển (MiV-N6)	USP 42	USP 2022
400	Osla online	VD-27353-17	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	6598/TĐTN	28/11/2023	Bỏ bớt cơ sở sản xuất dược chất Natri hyaluronat (MiV-N4)	1. Kewpie Corporation Fine Chemical Division Goka Plant Địa chỉ: 1800, kotesashi, gokamachi, sashima-gun, ibaraki, 306-0315, Nhật Bản Tiêu chuẩn chất lượng: JP XVII 2. QuFu GuangLong Biochemical Factory Địa chỉ: No.1 GuangMing Road QuFu Economic Zone QuFu ShanDong China Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10 3. Bloomage Biotechnology Co., Ltd. Địa chỉ: No. 678 Tianchen St., High-tech, Development Jone, Jinan City Shandong Province, China Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10	Bloomage Biotechnology Co., Ltd. Địa chỉ: No. 678 Tianchen St., High-tech, Development Jone, Jinan City Shandong Province, China Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10

401	Salonsip Gel-Patch	VD-28645-17	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	1247/TĐTN	17/03/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất tá dược Partially neutralized polyacrylate (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Showa Denko K.K	Resonac Corporation
402	Salonsip Gel-Patch	VD-28645-17	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	1249/TĐTN	17/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất và tá dược (MiV-N6)	1. l-Menthol: USP 42 2. dl-Camphor: JP 17 3. Tocopherol Acetate: USP 42 4. Gelatin: JP 17 5. Titanium oxide: JP 17 6. Synthetic aluminum silicate: JP 17	1. l-Menthol: USP hiện hành (USP 2022) 2. dl-Camphor: JP hiện hành (JP 18) 3. Tocopherol Acetate: USP hiện hành (USP 2022) 4. Gelatin: JP hiện hành (JP 18) 5. Titanium oxide: JP hiện hành (JP 18) 6. Synthetic aluminum silicate: JP hiện hành (JP 18)
403	Salonpas Gel	VD-12687-10	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	645/TĐTN	24/02/2023	Thay đổi địa điểm sản xuất tá dược Hydroxypropyl Cellulose (MiV-N2) Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược Hydroxypropyl Cellulose (MiV-N6)	Nippon Soda Co.,Ltd. Địa chỉ: 2-2-1 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản JP 17	Nippon Soda Co.,Ltd. Địa chỉ: Nihongi Plant, 950, Fujisawa, Nakago-ku, Joetsu-shi, Niigata, 949-2392, Japan JP hiện hành (JP 18)
404	Diazepam	VD-24756-16	Công ty CPDP Dược liệu Pharmedic	Công ty CPDP Dược liệu Pharmedic	1286/TĐTN	20/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn dược chất và thành phẩm khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Thành phẩm: DĐVN IV Diazepam: USP 41	Thành phẩm: DĐVN hiện hành (DĐVN V) Diazepam: USP hiện hành (USP 2022)
405	Nacofar	VD-25672-16	Công ty CPDP Dược liệu Pharmedic	Công ty CPDP Dược liệu Pharmedic	1284/TĐTN	20/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn dược chất Natri clorid khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	USP 35	USP hiện hành (USP 2022)
406	Ozolin	VD-29733-18	Công ty CPDP Dược liệu Pharmedic	Công ty CPDP Dược liệu Pharmedic	42/TĐTN	04/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Xylometazolin hydroclorid khi cập nhật phiên bản cùng dược điển (MiV-N6)	Ph.Eur.8	Ph.Eur hiện hành (Ph.Eur.10)
407	Topsidin	VD-29739-18	Công ty Cổ Phần Euvipharm	Công ty Cổ Phần Euvipharm	6566/TĐTN	28/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn dược chất khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Paracetamol: USP 37 2. Guaifenesine: USP 38 3. Sodium benzoat: EP 8	1. Paracetamol: USP hiện hành (USP 2022) 2. Guaifenesine: USP hiện hành (USP 2022) 3. Sodium benzoat: EP hiện hành (EP 10.8)
408	Eumoxin 500	VD-28932-18	Công ty Cổ Phần Euvipharm	Công ty Cổ Phần Euvipharm	6568/TĐTN	28/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn dược chất và thành phẩm khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Amoxicillin: BP 2014 Thành phẩm: USP 38.	Amoxicillin: BP hiện hành (BP 2022) Thành phẩm: USP 2022.
409	Sitrizol	VD-25682-16	Công ty Cổ Phần Euvipharm	Công ty Cổ Phần Euvipharm	7293/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất Betamethason (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Crystal Pharma S.A.U	Curia Spain S.A.U.
410	Eulexcin 500	VD-30364-18	Công ty Cổ Phần Euvipharm	Công ty Cổ Phần Euvipharm	6201/TĐTN	11/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn thành phẩm khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	USP 42	USP 2022

411	Salonsip Gel-Patch	VD-28645-17	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	7440/TĐTN	27/12/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Partially neutralized polyacrylate (MiV-N2)	Showa Denko K.K Địa chỉ: 5-1, Ohgimachi, Kawasaki-Ku, Kawasaki City, Kawasaki 210-0867, Japan	Toagosei Co., Ltd. Sakaide Plant Địa chỉ: 2-4-1 Syowacho, Sakaide, Kagawa, 762-0004, Japan
412	Salonsip Gel-Patch	VD-28645-17	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	7439/TĐTN	27/12/2022	Thay đổi địa điểm sản xuất tá dược Partially hydrolyzed polyvinyl alcohol (MiV-N2)	1-1-3 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản.	2-6-4 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan.
413	Salonsip Gel-Patch	VD-28645-17	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	7439/TĐTN	27/12/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất tá dược Partially hydrolyzed polyvinyl alcohol (MiV-N3)	Kuraray Corporation	Kuraray Co., Ltd.
414	Uphaxime® 200mg	VD-22551-15	Công ty cổ phần dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần dược phẩm TW 25	7339/TĐTN	23/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cefixim (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	1. Covalent Laboratories Private Limited Địa chỉ: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak District, Andhra Pradesh, India 2. Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Village Saidpura, Tehsil – Derabassi, District Mohali (Punjab), India	1. Covalent Laboratories Private Limited Địa chỉ: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Sangareddy District – 502296, Telangana, India 2. Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
415	Cefixime Uphace 100	VD-22546-15	Công ty cổ phần dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần dược phẩm TW 25	7338/TĐTN	23/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cefixim (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	1. Covalent Laboratories Private Limited Địa chỉ: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak District, Andhra Pradesh, India 2. Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Village Saidpura, Tehsil – Derabassi, District Mohali (Punjab), India	1. Covalent Laboratories Private Limited Địa chỉ: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Sangareddy District – 502296, Telangana, India 2. Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
416	Cefixime Uphace 50	VD-24336-16	Công ty cổ phần dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần dược phẩm TW 25	7337/TĐTN	23/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cefixim (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Covalent Laboratories Private Limited Địa chỉ: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak District, Andhra Pradesh, India	Covalent Laboratories Private Limited Địa chỉ: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Sangareddy District – 502296, Telangana, India
417	Cezirnate® 250 mg	VD-20881-14	Công ty cổ phần dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần dược phẩm TW 25	7340/TĐTN	23/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cefuroxim (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Regd. Office & Works: Vill. Saidpura, Tehsil – Derabassi, Distt. Mohali (Pb.), India	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
418	Salonpas	VD-22387-15	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	1248/TĐTN	17/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn dược chất khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Methyl salicylate: EP 9.8 2. dl-Camphor: JP 17 3. l-Menthol: USP 41 4. Tocopherol acetate: USP 41	1. Methyl salicylate: EP hiện hành (EP 11.0) 2. dl-Camphor: JP hiện hành (JP 18) 3. l-Menthol: USP hiện hành (USP 2022) 4. Tocopherol acetate: USP hiện hành (USP 2022)
419	Salonpas	VD-22387-15	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	6370/TĐTN	18/11/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Zinc Oxide (MiV-N2) Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược Zinc Oxide (MiV-N6)	Mitsui Mining & Smelting Co., Ltd. Địa chỉ: Miike Rare Metal Plant 2081 Tousen, Omuta-shi, Fukuoka, 836-0003 JP 17	Industrias Electro Quimicas S.A. Địa chỉ: Av. Elmer Faucett 1920, Callao 07041, Peru JP hiện hành (JP 18)
420	Salonpas	VD-22387-15	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	6369/TĐTN	18/11/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Titanium oxide (MiV-N2) Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược Titanium oxide khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	Ishihara Sangyo Kaisha Ltd. Địa chỉ: 1 Ishihara-cho, Yokkaichi, Mie 510-0842, Nhật Bản. JP 17	PRECHEZA a.s. Địa chỉ: nábř. Dr. Edvarda Beneše 1170/24, Přerov I – Město, 750 02 Přerov, Czech Republic JP hiện hành (JP 18)

421	Quanoopyl 800	VD-31841-19	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình	630/TĐTN	24/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Piracetam: EP 6 2. Magnesi stearat: BP 2015 3. Sodium glycolat starch (DST):BP 2015 4. Tinh bột mỳ (Wheat starch): USP 35 5. Aerosil 200 (Colloidal silicon dioxid): USP 35 6. PVP K30 (Povidone): BP 2015 7. HPMC E6 (Hypromellose - Type 2910): BP 2015 8. PEG 6000 (Macrogols): BP 2015 9. Talc: Tiêu chuẩn DĐVN IV 10. Titan dioxyd: USP 35	1. Piracetam: EP hiện hành (EP 10) 2. Magnesi stearat: BP hiện hành (BP 2022) 3. Sodium glycolat starch (DST): BP hiện hành (BP 2022) 4. Tinh bột mỳ (Wheat starch): USP hiện hành (USP 44) 5. Aerosil 200 (Colloidal silicon dioxid): USP hiện hành (USP 44) 6. PVP K30 (Povidone): BP hiện hành (BP 2022) 7. HPMC E6 (Hypromellose - Type 2910): BP hiện hành (BP 2022) 8. PEG 6000 (Macrogols): BP hiện hành (BP 2022) 9. Talc: DĐVN hiện hành (DĐVN V) 10. Titan dioxyd: USP hiện hành (USP 44)
422	Vincerol 4 mg	VD-24906-16	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	6529/TĐTN	25/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	1.Acenocoumarol: BP 2013 2.Magnesi stearat: USP 34 3.Lactose monohydrat: USP 34 4.PVP K30: USP 34 5.Ethanol 96%: DĐVN IV	1.Acenocoumarol: BP 2022 2.Magnesi stearat: USP -NF 2022 3.Lactose monohydrat: USP phiên bản hiện hành 4.PVP K30: USP -NF 2022 5.Ethanol 96%: DĐVN phiên bản hiện hành
423	Vintanyl	VD-20276-13	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	6980/TĐTN	14/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của tá dược Ethanol 96% (MiV-N6)	DĐVN IV	DĐVN hiện hành
424	Vitamin B12	VD-24910-16	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	6977/TĐTN	14/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm, dược chất, tá dược (MiV-N6)	1. Thành phẩm: DĐVN IV 2.Vitamin B12 (Cyanocobalamin): USP 34 3. Natri clorid: DĐVN IV 4.Dung dịch acid hydroclorid 0,1 N: DĐVN IV 5.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN IV	1. Thành phẩm: DĐVN hiện hành. 2.Vitamin B12 (Cyanocobalamin): USP 43. 3. Natri clorid: DĐVN hiện hành 4. Dung dịch acid hydroclorid 0,1 N: DĐVN hiện hành 5. Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN hiện hành
425	Vinocerate	VD-20894-14	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	7095/TĐTN	20/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của tá dược (MiV-N6)	1.Natri dihydrophosphat.2H2O: BP 2007 2.Natri clorid: DĐVN IV 3.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN IV	1.Natri dihydrophosphat.2H2O: BP 2022 2. Natri clorid: DĐVN hiện hành 3. Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN hiện hành
426	Vinsalamin 400	VD-32035-19	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	6049/TĐTN	04/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ (địa điểm không thay đổi) cơ sở sản xuất tá dược Eudragit S 100 (MiV-N3)	Evonik Industries AG Địa chỉ: Acrylic Polymers Kirschenallee 64293 Darmstadt Germany	Evonik Operations GmbH Địa chỉ: Kirschenallee 64293 Darmstadt Germany
427	Vinsalamin 250	VD-29911-18	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	5988/ TĐTN	31/10/2022	Thay đổi tên và địa chỉ (địa điểm không thay đổi) cơ sở sản xuất tá dược Eudragit S 100 (MiV-N3)	Evonik Industries AG Địa chỉ: Acrylic Polymers Kirschenallee 64293 Darmstadt Germany	Evonik Operations GmbH Địa chỉ: Kirschenallee 64293 Darmstadt Germany
428	Ciprofloxacin 0,3%	VD-19322-13	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	6233/ TĐTN	14/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Ciprofloxacin HCl (MiV-N6)	USP40	USP-NF2022
429	Bidiclor 125	VD-28223-17	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	7137/TĐTN	20/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, tá dược (MiV-N6)	1.Cefaclor monohydrat: USP 37 2.Colloidal silicon dioxyde: USP 40 3.D-Mannitol: BP 2016 4.Đường RE (Sucrose): USP 37	1.Cefaclor monohydrat: USP NF2021 2.Colloidal silicon dioxyde: USP NF2022 3.D-Mannitol: BP 2022 4.Đường RE (Sucrose): USP NF2021
430	Canpaxel 100	VD-21630-14	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	7175/TĐTN	21/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn tá dược Acid citric khan (MiV-N6)	BP2016	BP2021
431	Canpaxel 100	VD-21630-14	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	7175/TĐTN	21/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược Acid citric khan (MiV-N2)	Panreac Quimica S.L.U. Địa chỉ: C/ Garraf, 2 Polígono Pla de la Bruguera, 08211 Castellar del Vallès, Spain . BP2021	TTCA Co., Ltd Địa chỉ: No.27, Xin'an Nan Road, Anqiu City, Weifang City, Shandong Province, P.R.China. BP2021

432	Ciprofloxacin 500	VD-19323-13	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	7181/TĐTN	21/12/2022	MiV-N6: Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, tá dược (MiV-N6)	1.Ciprofloxacin hydroclorid: USP42 2.Amidon de ble (Tinh bột mì): USP42 3.HPMC (Hypromellose): USP43 4.Natri lauryl sulfat: BP2020 5.Magnesi stearat: BP2020 6.Colloidal silicon dioxide: USP43 7.Era-tab (Pregelatinized starch): USP42 8.DST (Natri starch glycolat): USP42 9.PEG 4000: BP2020 10.Bột talc: USP42	1.Ciprofloxacin hydroclorid: USP-NF2021 2.Amidon de ble (Tinh bột mì): USP-NF2021 3.HPMC (Hypromellose): USP-NF2021 4.Natri lauryl sulfat: BP2021 5.Magnesi stearat: BP2021 6.Colloidal silicon dioxide: USP-NF2021 7.Era-tab (Pregelatinized starch): USP-NF2021 8.DST (Natri starch glycolat): USP-NF2021 9.PEG 4000: BP2021 10.Bột talc: USP-NF2021
433	Canpaxel 150	QLĐB-582-16	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	7186/TĐTN	21/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn tá dược Acid citric khan	BP2020	BP2021
434	Canpaxel 150	QLĐB-582-16	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	7186/TĐTN	21/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược Acid citric khan (MiV-N2)	Panreac Quimica S.L.U. Địa chỉ: C/ Garraf, 2 Polígono Pla de la Bruguera, 08211 BP2021 □	TTCA Co., Ltd Địa chỉ: No.27, Xin'an Nan Road, Anqiu City, Weifang City, Shandong Province, P.R.China. BP2021
435	Bitolysis 4,25 % low calci	VD-18934-13	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	7131/TĐTN	20/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Natri lactat (Sodium lactate) (MiV-N6)	USP32	USP-NF2021
436	Notired eff Strawberry	VD-23875-15	Công ty cổ phần Sundial Pharma	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	7524/TĐTN	29/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, tá dược (MiV-N6)	1.Magnesi gluconat: USP 35 2.Aspartam: USP 34 3.Kali acesulfam: BP 2013 4.Acid citric khan: BP 2013 5.Natri benzoat: BP 2013 6.Cồn tuyệt đối (Ethanol tuyệt đối): DĐVN IV	1.Magnesi gluconat: USP-NF2021 2.Aspartam: USP-NF2021 3. Kali acesulfam: BP 2021 4.Acid citric khan: BP 2021 5.Natri benzoat: BP 2021 6.Cồn tuyệt đối (Ethanol tuyệt đối): DĐVN V
437	Coxtone	VD-28718-18	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	6160/TĐTN	09/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký và cơ sở sản xuất (MiV-N1, MiV-N9)	Tên cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú (DAVIPHARM CO., LTD) Tên cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú (DAVIPHARM CO., LTD)	Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (DAVIPHARM) Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (DAVIPHARM)
438	Izac syrup	VD-25064-16	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	6466/TĐTN	22/11/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Natri gluconat (MiV-N2)	Dr. Paul Lohmann GmbH KG Địa chỉ: Hauptstrasse 2, D-31860 Emmerthal, Germany (Đức) USP hiện hành	Shanpar Industries Pvt. Ltd. Địa chỉ: Plant II: Survey No 345, Near Gambhira Bridge, Village: Mujpur, TA: Padara, Vadodara-391 440, Gujarat. India (Ấn Độ) USP hiện hành
439	MEPRAZ	VD-29991-18	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	6171/TĐTN	10/11/2022	Bỏ bớt cơ sở sản xuất dược chất (MiV-N4)	1.UNION QUIMICO FARMACEUTICA, S.A (UQUIFA) Địa chỉ: Poligon Industrail EI Pla, Avda. Puigcerda No9, C-17, Km 17.4, 08185 LLICA DE VALL (Barcelona), Spain. 2.SHOUGUANG FUKANG PHARMACEUTICAL Địa chỉ: North-East of Dongwaihuan Road, Dongcheng Industrial Area. Shouguang City, Shandong Province, P.R of China.	SHOUGUANG FUKANG PHARMACEUTICAL Địa chỉ: North-East of Dongwaihuan Road, Dongcheng Industrial Area. Shouguang City, Shandong Province, P.R of China.
440	Ketocrom 500	VD-21670-14	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	6057/TĐTN	07/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Clarithromycin (địa điểm sản xuất dược chất không đổi) (MiV-N3)	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: Wei Wu Road, Fine Chemical Zone, Shangyu, Zhejiang, China.	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No. 6, Weiwu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Economic and Technological Development Zone, Zhejiang, China.
441	Opetradol	VD-20791-14	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	6072/TĐTN	07/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Tramadol hydrochloride (địa điểm sản xuất dược chất không đổi) (MiV-N3)	Alekhya Drug Private Limited. Địa chỉ: 145-150, 153 & 154A, IDA Kondapally, Ibrahimpatnam (M), Krishna District - 521 228, Andhra Pradesh, India.	Celebrity Life Sciences Private Limited. Địa chỉ: 145-150, 153 & 154A, IDA Kondapalli, Ibrahimpatnam (M), NTR District - 521 228, Andhra Pradesh State, India.

442	Cetabudol	VD-21667-14	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	6072/TĐTN	07/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Tramadol hydrochloride (địa điểm sản xuất dược chất không đổi) (MiV-N3)	Alekhya Drug Private Limited. Địa chỉ: 145-150, 153 & 154A, IDA Kondapally, Ibrahimpatnam (M), Krishna District - 521 228, Andhra Pradesh, India.	Celebrity Life Sciences Private Limited. Địa chỉ: 145-150, 153 & 154A, IDA Kondapalli, Ibrahimpatnam (M), NTR District - 521 228, Andhra Pradesh State, India.
443	Duradolol	VD-25230-16	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	6072/TĐTN	07/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Tramadol hydrochloride (địa điểm sản xuất dược chất không đổi) (MiV-N3)	Alekhya Drug Private Limited. Địa chỉ: 145-150, 153 & 154A, IDA Kondapally, Ibrahimpatnam (M), Krishna District - 521 228, Andhra Pradesh, India.	Celebrity Life Sciences Private Limited. Địa chỉ: 145-150, 153 & 154A, IDA Kondapalli, Ibrahimpatnam (M), NTR District - 521 228, Andhra Pradesh State, India.
444	Piriglimin 2	VD-19418-13	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	6058/TĐTN	07/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Glimepiride (địa điểm sản xuất dược chất không đổi) (MiV-N3)	Glenmark Generics Limited	Glenmark Life Sciences Ltd
445	Piriglimin 4	VD-19419-13	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	6058/TĐTN	07/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Glimepiride (địa điểm sản xuất dược chất không đổi) (MiV-N3)	Glenmark Generics Limited	Glenmark Life Sciences Ltd
446	VITAMIN C 100mg/2ml	VD-24318-16	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA Bình Dương	6718/TĐTN	02/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm (MiV-N6)	DĐVN IV	DĐVN V
447	Diclofenac	VD-26307-17	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA Bình Dương	6719/TĐTN	02/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm, tá dược (MiV-N6)	1.Thành phẩm: DĐVN IV 2.Sodium metabisulfile: BP 2013 3.Benzyl alcohol: BP 2013 4.Sodium hydroxide: BP 2013 5.Propylene glycol: BP 2013 6.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN IV	1.Thành phẩm: DĐVN V 2.Sodium metabisulfile: BP 2022 3.Benzyl alcohol: BP 2022 4.Sodium hydroxide: BP 2022 5. Propylene glycol: BP 2022 6.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN V
448	Thémaxtene	VD-17021-12	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA Bình Dương	7046/TĐTN	15/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Alimemazin (MiV-N6)	BP 2020	BP 2022
449	Tiphafast	VD – 31925 – 19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	6015/TĐTN	01/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất và tá dược khi cập nhật dược điển (MiV-N6)	1.Fexofenadin hydroclorid : USP 38 2. Lactose: DĐVN IV 3.Tinh bột mì: DĐVN IV 4.Avicel 101: BP 2016 5.Croscarmellose natri: BP 2016 6.Povidon K29/32: BP 2016 7.Bột Talc: DĐVN IV 8.Magnesi stearat: DĐVN IV 9.Colloidal silicon dioxid: USP 38 10.Hydroxypropyl methyl cellulose 60HD6: USP 38 11.Màu Tartrazin: DĐVN IV 12.Màu Erythrosin: DĐVN IV 13.Macrogol 6000: BP 2016 14.Ethanol 96^0: DĐVN IV 15.Nước tinh khiết : DĐVN IV	1.Fexofenadin hydroclorid: USP phiên bản hiện hành 2.Lactose: DĐVN phiên bản hiện hành 3.Tinh bột mì: DĐVN phiên bản hiện hành 4.Avicel 101: BP phiên bản hiện hành 5.Croscarmellose natri: BP phiên bản hiện hành 6.Povidon K29/32: BP phiên bản hiện hành 7.Bột Talc: DĐVN phiên bản hiện hành 8.Magnesi stearat: DĐVN phiên bản hiện hành 9. Colloidal silicon dioxid: USP phiên bản hiện hành 10.Hydroxypropyl methyl cellulose 60HD6: USP phiên bản hiện hành 11.Màu Tartrazin: DĐVN phiên bản hiện hành 12.Màu Erythrosin: DĐVN phiên bản hiện hành 13.Macrogol 6000: BP phiên bản hiện hành 14.Ethanol 960: DĐVN phiên bản hiện hành 15.Nước tinh khiết : DĐVN phiên bản hiện hành

450	Tiphanil 500	VD-31926-19	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco	7037/TĐTN	15/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật dược điển (MiV-N6)	1.Microcel 101 (Microcrystalline cellulose) :BP 2016 2.Lactose : DĐVN IV 3.Tinh bột mì : DĐVN IV 4.Hydroxypropyl methyl cellulose 60HD6: USP 38 5.Povidon K30 : BP 2016 6.Bột Talc: DĐVN IV 7.Magnesi stearat: DĐVN IV 8.Croscarmellose natri : BP 2016 9.Ethanol 96°: DĐVN IV 10.Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Microcel 101 (Microcrystalline cellulose) : BP phiên bản hiện hành 2. Lactose: DĐVN phiên bản hiện hành 3.Tinh bột mì : DĐVN phiên bản hiện hành 4.Hydroxypropyl methyl cellulose 60HD6: USP phiên bản hiện hành 5.Povidon K30: BP phiên bản hiện hành 6.Bột Talc: DĐVN phiên bản hiện hành 7.Magnesi stearat : DĐVN phiên bản hiện hành 8.Croscarmellose natri : BP phiên bản hiện hành 9.Ethanol 96°: DĐVN phiên bản hiện hành 10.Nước tinh khiết : DĐVN phiên bản hiện hành
451	CAPTAZIB 25/12,5	VD – 32024 – 19	Công ty Cổ phần Dược phẩm VIAN	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	7059/TĐTN	16/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất và tá dược khi cập nhật dược điển (MiV-N6)	1.Captopril : USP 38 2.Hydroclorothiazid : EP 8.0 3.Croscarmellose natri : BP 2016 4.Natri lauryl sulfat : USP 38 5.Microcel 102: BP 2016 6.Lactose : DĐVN IV 7.Magnesi stearat : DĐVN IV 8.Colloidal silicon dioxid : USP 38	1.Captopril : USP phiên bản hiện hành 2.Hydroclorothiazid : EP phiên bản hiện hành 3.Croscarmellose natri : BP phiên bản hiện hành 4.Natri lauryl sulfat : USP phiên bản hiện hành 5.Microcel 102: BP phiên bản hiện hành 6.Lactose : DĐVN phiên bản hiện hành 7.Magnesi stearat : DĐVN phiên bản hiện hành 8.Colloidal silicon dioxid : USP phiên bản hiện hành
452	Tranagliptin 5	VD – 29848 – 18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	6392/TĐTN	21/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật dược điển (MiV-N6)	1.Microcrystalline cellulose 102 : BP 2013 2.Lactose: DĐVN IV 3.Hydroxypropyl methyl cellulose 60HD6: USP 36 4.Colloidal silicon dioxid: USP 36 5.Bột Talc: DĐVN IV 6.Magnesi stearat: DĐVN IV 7.Macrogol 6000: BP 2013 8.Màu Erythrosin: DĐVN IV 9.Titan dioxyd: DĐVN IV 10.Nước tinh khiết: DĐVN IV 11.Ethanol 96^{0}: DĐVN IV	1.Microcrystalline cellulose 102 : BP phiên bản hiện hành 2.Lactose: DĐVN phiên bản hiện hành 3.Hydroxypropyl methyl cellulose 60HD6: USP phiên bản hiện hành 4.Colloidal silicon dioxid: USP phiên bản hiện hành 5.Bột Talc: DĐVN phiên bản hiện hành 6.Magnesi stearat: DĐVN phiên bản hiện hành 7.Macrogol 6000: BP phiên bản hiện hành 8.Màu Erythrosin: DĐVN phiên bản hiện hành 9.Titan dioxyd: DĐVN phiên bản hiện hành 10.Nước tinh khiết: DĐVN phiên bản hiện hành 11.Ethanol 96^{0}: DĐVN phiên bản hiện hành
453	Maxibumol fort	VD-32548-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm VIAN	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	6662/TĐTN	30/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất và tá dược khi cập nhật dược điển (MiV-N6)	1.Ibuprofen: BP 2014 2.Paracetamol: BP 2014 3.Syloid: USP 38 4.Kollidon® CL-M: USP 38 5.Lactose: DĐVN IV 6.Hydroxypropyl methyl cellulose 60HD6: USP 38 7.Natri starch glycolat: USP 38 8.Acesulfam kali: BP 2014 9.Natri carboxymethyl cellulose: EP 8.0 10.Ethanol 96 độ: DĐVN IV 11.Nước tinh khiết : DĐVN IV	1.Ibuprofen: BP phiên bản hiện hành 2.Paracetamol: BP phiên bản hiện hành 3.Syloid: USP phiên bản hiện hành 4.Kollidon® CL-M: USP phiên bản hiện hành 5.Lactose: DĐVN phiên bản hiện hành 6.Hydroxypropyl methyl cellulose 60HD6: USP phiên bản hiện hành 7.Natri starch glycolat: USP phiên bản hiện hành 8.Acesulfam kali: BP phiên bản hiện hành 9.Natri carboxymethyl cellulose: EP phiên bản hiện hành 10.Ethanol 96 độ: DĐVN phiên bản hiện hành 11.Nước tinh khiết : DĐVN phiên bản hiện hành
454	Vinluta 900	VD-27156-17	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	6219/TĐTN	18/11/2022	Bổ bớt cơ sở sản xuất dược chất glutathion (MiV-N4)	1.Kyowa Hakko Bio Co. Ltd. Địa chỉ: 1-8-1, Ohtemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, 100-8185, Japan 2.Hefei Joye Import Export Co., Ltd Địa chỉ: Room 1006, Building 2, Xihuan Center Square, No. 518, Huangshan Road, Shushan District, Hefei, Anhui, China	1.Kyowa Hakko Bio Co. Ltd. Địa chỉ: 1-8-1, Ohtemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, 100-8185, Japan
455	Vinsalpium	VD-33654-19	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	6528/TĐTN	25/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của dược chất (MiV-N6)	1.Salbutamol sulfat: BP 2018 2.Ipratropium bromid monohydrat: EP 9.0	1.Salbutamol sulfat: BP 2022 2.Ipratropium bromid monohydrat: EP hiện hành
456	Lidocain	VD-24901-16	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	7094/TĐTN	20/12/2022	. Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	1.Lidocain hydroclorid: USP 37 2.Natri clorid: DĐVN IV 3.Dung dịch NaOH 0,1N (K=1): DĐVN IV 4.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN IV	1.Lidocain hydroclorid: USP 43 2.Natri clorid: DĐVN hiện hành 3.Dung dịch NaOH 0,1N (K=1): DĐVN hiện hành 4.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN hiện hành
457	Nước cất tiêm	VD-24903-16	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	7096/TĐTN	20/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của dung môi nước để pha thuốc tiêm (MiV-N6)	DĐVN IV	DĐVN hiện hành
458	Vincomid	VD-21919-14	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	7147/TĐTN	21/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	1.Metoclopramid hydroclorid: BP 2010 2.Natri clorid: DĐVN IV 3.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN IV	1.Metoclopramid hydroclorid: BP 2022 2.Natri clorid: DĐVN hiện hành 3.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN hiện hành

459	Omevin	VD-25326-16	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	7146/TĐTN	21/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	1.Omeprazol natri 1.1.Union Quimico Farmaceutica, S.A BP 2013 1.2.Nosch Labs Private Limited EP 8.0 2.Manitol: USP 34 3.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN IV	1.Omeprazol natri 1.1.Union Quimico Farmaceutica, S.A BP 2022 1.2.Nosch Labs Private Limited EP 10.0 2.Manitol: USP-NF hiện hành 3.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN hiện hành
460	Dimedrol	VD-24899-16	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	6910/TĐTN	14/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của dược chất, tá dược (MiV-N6)	1.Diphenhydramin hydroclorid: EP 7.0 2.Natri dihydrophosphat dihydrat: BP 2013 3.Natri hydroxyd: USP 37 4.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN IV	1.Diphenhydramin hydroclorid: EP 10.0 2.Natri dihydrophosphat dihydrat: BP 2022 3.Natri hydroxyd: USP-NF hiện hành 4.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN hiện hành
461	Kingloba	VD-24938-16	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	7177/TĐTN	21/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, tá dược (MiV-N6)	1.Cao khô lá Bạch quả (cao khô Ginkgo Biloba): USP 40 2.Dầu đậu nành: JP 17 3.Nipagin (Methyl parahydroxybenzoat): BP 2018 4.Nipasol (Propyl hydroxybenzoat): BP 2018 5.Glycerin: USP 42 6.Titan dioxid: EP 9.0 7.Vanillin: USP 42	1.Cao khô lá Bạch quả (cao khô Ginkgo Biloba): USP- NF2022 2.Dầu đậu nành: JP 18 3.Nipagin (Methyl parahydroxybenzoat): BP 2021 4.Nipasol (Propyl hydroxybenzoat): BP 2021 5.Glycerin: USP- NF2021 6.Titan dioxid: EP 10.0 7.Vanillin: USP- NF2021
462	Spobavas 3 MIU	VD-28241-17	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	7530/TĐTN	29/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, tá dược (MiV-N6)	1.Spiramycin: EP 9.0 2.Era-tab (Pregelatinized starch): USP 38	1.Spiramycin: EP 10.0 2.Era-tab (Pregelatinized starch): USP-NF2021
463	Vaginax	VD-27342-17	Công ty cổ phần Sundial Pharma	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	7525/TĐTN	29/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất (MiV-N6)	1.Metronidazol: BP 2020 2.Miconazol nitrat: EP 7.0	1.Metronidazol: BP 2021 2.Miconazol nitrat: EP 10.7
464	Canpaxel 100	VD-21630-14	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	7771/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, tá dược (MiV-N6)	1.Paclitaxel: 1.1.Teva Czech Industries S.R.O. USP40 1.2.Phyton Biotech LLC. USP39 2.Kolliphor ELP (Polyoxyl 35 castor oil): USP40 3.Ethanol tuyệt đối: BP 2016	1.Paclitaxel: 1.1.Teva Czech Industries S.R.O. USP-NF2021 1.2.Phyton Biotech LLC. USP-NF2022 2.Kolliphor ELP (Polyoxyl 35 castor oil): USP-NF2021 3.Ethanol tuyệt đối: BP 2021
465	Bidicarlin 1,6g	VD-32999-19	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	7768/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tên nhà sản xuất dược chất 'Ticarcillin (dưới dạng Ticarcillin dinatri), Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali) (địa điểm sản xuất không thay đổi) (MiV-N3)	Fuan Pharmaceutical (Group) Co., Ltd.	Fuan Pharmaceutical Group Chongqing Bosen Pharmaceutical Co., Ltd
466	Ondansetron Bidiphar 8mg/4ml	VD-34063-20	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	112/TĐTN	13/01/2023	Thay đổi tên nhà sản xuất tá dược Natri clorid (địa điểm không thay đổi) (MiV-N3)	Dominion Salt	Dominion Salt Limited
467	Sirô Hedera	VD – 31921 – 19	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	266/TĐTN	07/02/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất (địa điểm sản xuất không đổi) (MiV-N3)	Naturex Inc.	Givaudan France Naturals SAS
468	Vinterlin 5 mg	VD-33655-19	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	143/TĐTN	17/01/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	1.Terbutalin sulfat: EP 9.0 2.Natri hydroxyd: USP 40 3.Acid citric monohydrat: BP 2018	1.Terbutalin sulfat: EP hiện hành 2.Natri hydroxyd: USP-NF hiện hành 3.Acid citric monohydrat: BP 2022
469	Clindacine 600	VD-18004-12	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	7744/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	1.Clindamycin phosphat: USP 38 2.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN IV	1.Clindamycin phosphat: USP 43 2.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN hiện hành

470	Vinrolac	VD-17048-12	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	7737/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược, thành phẩm (MiV-N6)	1.Ketorolac tromethamin :USP 38 2.Ethanol 96%: DĐVN IV 3.Natri clorid: DĐVN IV 4.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN IV 5.Thành phẩm: USP 38	1.Ketorolac tromethamin : USP-NF 2022 2.Ethanol 96%: DĐVN hiện hành 3.Natri clorid: DĐVN hiện hành 4.Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN hiện hành 5.Thành phẩm: USP-NF 2022
471	Acyclovir 200	VD-26787-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
472	Acyclovir 800	VD-26788-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
473	Ferkey	VD-25936-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
474	Ironkey	VD-26789-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
475	Jafumin	VD-26790-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
476	Jasunny	VD-26138-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
477	Jikagra	VD-27860-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
478	Ketovital	VD-26791-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
479	Lipidtab 10	VD-27861-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
480	Lipidtab 20	VD-26792-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
481	Livursol 250	VD-27862-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
482	Nozeytin	VD-23262-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine

483	Tezkin	VD-22630-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
484	Tezkin	VD-22631-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
485	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi Natri clorid 0,9%	VD-27863-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
486	Tinfomuc 100	VD-27864-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
487	Tinforova 1,5 M.I.U	VD-26794-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
488	Tinfoten 180	VD-26795-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
489	Tinfoten 60	VD-26796-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
490	Tinfozol	VD-27865-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
491	Torexvis	VD-27866-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
492	Urictab 100	VD-27867-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
493	Urictab 300	VD-26797-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
494	Vidceryl	VD-27869-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
495	Vidmedol 16	VD-27870-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine

496	Vidmedol 4	VD-27871-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
497	Vidpoic 600	VD-26798-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
498	Visdogyl	VD-26139-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
499	Avisla	VD-28935-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
500	Ezeytine	VD-28936-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
501	Tifoxan	VD-28937-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
502	Tinfomuc	VD-28938-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
503	Tinfomuc 200	VD-28939-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
504	Torexvis-D	VD-28940-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
505	Vidherpin 5%	VD-28942-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
506	Tinfotol 480	VD-30372-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
507	Tinforova 3 M.I.U	VD-30371-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
508	Vidherpin 100	VD-30373-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine

509	Vidherpin 2%	VD-30374-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
510	Siro Tinfocold	VD-31099-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
511	Tinfocold	VD-31100-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
512	Tinfocool	VD-31651-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
513	Vidroline	VD-32620-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
514	Etinfo	VD-33441-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
515	Limupic	VD-33442-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
516	Hỗn dịch nhỏ mắt vô trùng Videtrol	VD-34173-20	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
517	Esunvy T	VD-34680-20	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
518	Ibufo	VD-35441-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
519	Jazxylo	VD-23260-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
520	Jazxylo Adult	VD-23261-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
521	Prozalic	VD-23263-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine

522	Acyclovir	VD-24489-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
523	Jasunny	VD-23259-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
524	Yawin 30	QLĐB-656-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
525	Audogyl	VD-24491-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
526	Terfuzol	VD-24492-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
527	Nozeytin-F	VD-34603-20	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1561/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N1 & MiV-N9	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ Phần Dược phẩm Gia Nguyễn	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine
528	Prednisolon	VD-24366-16	Công ty cổ phần Dược Vacopharm	Công ty cổ phần Dược Vacopharm	6179/TĐTN	10/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, tá dược, thành phẩm /MiV-N6	1. Prednisolon: BP 2015 2. Tinh bột sắn: DĐVN IV 3. Lactose: DĐVN IV 4. Natri lauryl sufat: BP 2009 5. Polyvinyl pyrrolidon K30: DĐVN IV 6. Magnesi stearat: DĐVN IV 7. Natri starch glycolat: BP 2009 8. Talc: DĐVN IV 9. Microcrystallin cellulose 101: DĐVN IV 10. Tiêu chuẩn thành phẩm: DĐVN IV	1.Prednisolon: BP hiện hành 2.Tinh bột sắn: DĐVN hiện hành 3. Lactose: DĐVN hiện hành 4. Natri lauryl sufat: BP hiện hành 5. Polyvinyl pyrrolidon K30: DĐVN hiện hành 6. Magnesi stearat: DĐVN hiện hành 7. Natri starch glycolat: BP hiện hành 8.Talc: DĐVN hiện hành, 9. Microcrystallin cellulose 101: DĐVN hiện hành 10. Tiêu chuẩn thành phẩm: DĐVN hiện hành
529	Audogyl	VD-24491-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	6663/TĐTN	01/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, tá dược /MiV-N6	1. Spiramycin: EP 9.0 2. Metronidazol: BP 2018 3.Tinh bột ngô: USP 41 4. Cellulose vi tinh thể: USP 41 5. Povidon K30: USP 41 6. Talc: USP 41 7. Magnesi stearat: USP 41 8. Natri starch glycolat: USP 41 9. Titan dioxyd: USP 41 10. Hydroxypropyl methylcellulose: USP 41 11. Polyethylen glycol 6000: USP 41	1. Spiramycin: EP hiện hành 2.Metronidazol: BP hiện hành 3.Tinh bột ngô: USP hiện hành 4. Cellulose vi tinh thể: USP hiện hành 5. Povidon K30: USP hiện hành 6.Talc: USP hiện hành 7. Magnesi stearat: USP hiện hành 8.Natri starch glycolat: USP hiện hành 9. Titan dioxyd: USP hiện hành 10. Hydroxypropyl methylcellulose: USP hiện hành 11. Polyethylen glycol 6000: USP hiện hành
530	Tobicom	VD-21804-14	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	782/TĐTN	02/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cholin bitartrat/MiV-N6	USP 34	USP 43
531	SOSVOMIT 8 ODT	VD-25139-16	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	6143/TĐTN	08/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược microcelac 100 (Hỗn hợp: 75% Lactose monohydrat, 25% Microcrystalline cellulose)/ MiV-N3	MEGGLE Molkerei MEGGLE Wasserburg GmbH &Co.KG, Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg, Germany	MEGGLE GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6 –12, 83512 Wasserburg, Germany

532	SOSVOMIT 8 ODT	VD-25139-16	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	6143/TĐTN	08/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược microcrystalline cellulose 112/ MiV-N3	ITACEL FARMOQUIMICA LTDA Địa chỉ: Rua Dr. Jose Alexsandre Crosgnac 645-CEP 06680-035-Itapevi-SP, BRAZIL	ITACEL FARMOQUÍMICA LTDA Địa chỉ: Rua Dr. José Alexandre Crosgnac 645-CEP 06680-035-Itapevi-SP, BRAZIL
533	SOSVOMIT 8 ODT	VD-25139-16	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	6143/TĐTN	08/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược microcrystalline cellulose 112/ MiV-N3	MINGTAI CHEMICAL CO., LTD Địa chỉ: 1142 Shin Hsing Rd., Bah-Der City, Taoyuan Hsien, Taiwan R.O.C	MINGTAI CHEMICAL CO., LTD Địa chỉ: 1142 Shin Hsing Rd., Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan R.O.C
534	SOSVOMIT 8 ODT	VD-25139-16	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	6143/TĐTN	08/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược microcrystalline cellulose 112/ MiV-N3	SIGACHI INDUSTRIES PVT, LTD Địa chỉ: Plot no.20, Phase 1, IDA, Pashammallaram-502 307, T.S, India	SIGACHI INDUSTRIES LTD Địa chỉ: Plot No.20-21, Phase 1, IDA, Pashammailaram, Isnapur (V)-502307, Patancheru (M), Sangareddy Dist. T.S, India.
535	SOSVOMIT 8 ODT	VD-25139-16	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	6143/TĐTN	08/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược microcrystalline cellulose 112/ MiV-N2	1. ITACEL FARMOQUIMICA LTDA Địa chỉ: Rua Dr. Jose Alexsandre Crosgnac 645-CEP 06680-035-Itapevi-SP, BRAZIL 2. MINGTAI CHEMICAL CO., LTD Địa chỉ: 1142 Shin Hsing Rd., Bah-Der City, Taoyuan Hsien, Taiwan R.O.C 3. SIGACHI INDUSTRIES PVT, LTD Địa chỉ: Plot no.20, Phase 1, IDA, Pashammallaram-502 307, T.S, India	JRS PHARMA & GUJARAT MICROWAX PVT. LTD Địa chỉ: Unit 1: Survey No. 291/1&2, Kalol - Mehsana Highway, Nandasan. Dist: Mehsana - 382706, Gujarat, India
536	SOSVOMIT 8 ODT	VD-25139-16	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	6143/TĐTN	08/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược crospovidon/ MiV-N3	BASF Địa chỉ: Carl-Bosch-Str.38 67056 Ludwigshsfen, Germany	BASF SE Địa chỉ: Carl-Bosch-Strasse 38 67056 Ludwigshafen, Germany
537	SOSVOMIT 8 ODT	VD-25139-16	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	6143/TĐTN	08/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược natri lauryl sulfa/ MiV-N3	BASF Địa chỉ: BASF Personal Care and Nutrition GmbH 40589 Duesseldorf Germany	BASF Personal Care and Nutrition GmbH Địa chỉ: Henkelstrasse 67 40589 Duesseldorf, Germany
538	SOSVOMIT 8 ODT	VD-25139-16	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	6143/TĐTN	08/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược sucralose/ MiV-N2	1. JK Sucralose INC Địa chỉ: No. 118 Renmin East Road, Sheyang County, Jiangsu China 2. ALKEM Laboratories Ltd At Naugama on N.H.No.8.Mandva-393020, Ankleshwar, Dist.Bharuch, Gujarat, India Regd.Head Off: Alkem House, "Devashish", Senapati Bapat Marg, Lower Parel, Mumbai - 400013	Shijiazhuang Shixing Amino Acid Co.Ltd Địa chỉ: Jiacun, Xingan, Gaocheng, Shijiazhuang, 052160, China
539	SOSVOMIT 8 ODT	VD-25139-16	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	6143/TĐTN	08/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal anhydrous silica/ MiV-N2	EVONIK INDUSTRIES Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11 45128 Esen, Germany	Evonik Operations GmbH, Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany Site 1: Reheinfelden, Untere Kanalstraße 3, 79618
540	SOSVOMIT 8 ODT	VD-25139-16	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	6143/TĐTN	08/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal anhydrous silica/ MiV-N2	EVONIK INDUSTRIES Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11 45128 Esen, Germany	Evonik Operations GmbH, Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany Site 2: Antwwerp, Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium
541	Famotidin 40mg	VD-28100-17	Rudolf Lietz, INC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 2	6101.a/TĐTN	04/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Lietz Industrial Complex, Edison Avenue (P.Leviste), km 14 Slex, 1709 Paranaque city, Metro Manila, Philippines	Lietz Industrial Complex, Edison Avenue (P.Leviste), km 14 Slex, 1700 Paranaque city, Metro Manila, Philippines
542	Downlipitz 200	VD-30551-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 2	6162/TĐTN	09/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất benzafibrat khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	BP 2013	BP hiện hành (BP 2022)

543	Downlipitz 400	VD-30552-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	6161/TĐTN	09/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất benzafibrat khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	BP 2013	BP hiện hành (BP 2022)
544	Codintec 100mg/5ml	VD-31929-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	6164/TĐTN	09/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất cefpodoxim (dưới dạng cefpodoxim proxetil) khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	USP 38	USP hiện hành (USP 44)
545	Tovidex	VD-35758-22	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	6039/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	75 Yên Ninh, Ba Đình, Hà Nội - Việt Nam	Số 75, phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
546	AKIGOL	VD-25154-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
547	APLORAR HCTZ 150/12.5	VD-32585-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
548	APLORAR HCTZ 300/12.5	VD-32586-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
549	CICLEVIR 400	VD-21834-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
550	CICLEVIR 800	VD-21835-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
551	DAYGRA 100	VD-24759-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
552	DAYGRA 50	VD-24760-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
553	Flexidron 120	VD-21836-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
554	Flexidron 60	VD-21270-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
555	Flexidron 90	VD-21837-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
556	LODOVAX	VD-22856-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
557	ABIOFEN	VD-25525-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
558	SORBITOL GLOMED	VD-19871-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
559	GLOGAPEN	VD-21277-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
560	GLODIA 10	VD-28499-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
561	GLODIA 20	VD-30808-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

562	ANAFLAM 50	VD-29449-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
563	APLORAR 150	VD-20701-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
564	APLORAR 300	VD-20702-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
565	APLORAR HCTZ 300/25	VD-32587-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
566	BARIPTINE	VD-22130-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
567	BEZADRIN	VD-30072-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
568	BREZIMED	VD-21639-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
569	CICLEVIR 200	VD-21833-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
570	CISTINMED	VD-28497-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
571	CLEDAMED 150	VD-24758-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
572	CLEDAMED 300	VD-23536-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
573	MEGLIPTIN 100	VD-24175-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
574	MEGLIPTIN 25	VD-24176-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
575	MEGLIPTIN 50	VD-24177-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
576	NABURELAX 750	VD-28505-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
577	NABURELAX	VD-21284-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
578	ROLIZIDE	VD-20435-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
579	SULRIMED 50	VD-22460-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
580	TINIDAMED	VD-24764-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
581	ZETAMED	VD-24766-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
582	ZOLMED 200	VD-21842-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
583	METDIA 850	VD-33854-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
584	GLAMIVIR	VD-32365-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

585	MORIDMED	VD-28504-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
586	MUCIMED	VD-24763-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
587	MYDSONE	VD-22141-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
588	MYSOMED 500	VD-25687-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
589	MYSOMED 750	VD-29456-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
590	MEDIARID 2	VD-23545-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
591	MEDIARID 4	VD-21282-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
592	BUTRIDAT 100	VD-22839-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
593	BUTRIDAT 200	VD-22840-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
594	CARETRIL 10	VD-22841-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
595	CARETRIL 30	VD-22842-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
596	CARVELMED 12.5	VD-22843-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
597	CARVELMED 6.25	VD-22844-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
598	CAVIRED 10	VD-20434-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
599	CAVIRED 2.5	VD-20703-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
600	CAVIRED 20	VD-20704-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
601	CAVIRED 5	VD-20705-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
602	NIXAZIDE	VD-28506-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
603	RENSAID 200	VD-18724-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
604	RENSAID 400	VD-19351-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
605	CEFLODIN 125	VD-25155-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
606	CEFLODIN 250	VD-24161-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
607	CEFLODIN 500	VD-24757-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

608	ZILROZ 250	VD-18722-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
609	ZILROZ 500	VD-18723-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
610	CEFDINIR 100 GLOMED	VD-24160-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
611	CEFINI 100	VD-18945-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
612	CEFINI 125	VD-18946-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
613	CEFINI 300	VD-18947-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
614	MEDXIL 100	VD-24168-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
615	CO-FEROLIC	VD-21266-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5945/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên, cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
616	GLOSIC	VD-23540-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5945/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên, cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
617	MENDAZ	VD-19772-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5945/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên, cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
618	SIMVASTATIN 10 GLOMED	VD-23548-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5945/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên, cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
619	SIMVASTATIN 20 GLOMED	VD-23549-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5945/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên, cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
620	GLUCOSAMIN 500 GLOMED	VD-22853-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5945/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên, cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
621	GLODAFIL 10	VD-21274-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
622	GLODAFIL 5	VD-21276-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
623	GLOMEDROL 16	VD-28500-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
624	GLOMEDROL 4	VD-26507-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
625	GLOPANTAC 20	VD-22134-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
626	GLOPANTAC 40	VD-22135-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
627	GLORYCA	VD-21278-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
628	LECIFEX 100	VD-20721-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

629	LECIFEX 250	VD-30811-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
630	NOOTRYL 1200	VD-28507-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
631	NOOTRYL 400	VD-27472-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
632	TENECAND HCTZ 16/12,5	VD-28509-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
633	TENECAND HCTZ 32/12.5	VD-27474-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
634	CEDITAX 400	VD-21263-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
635	CEDITAX 90	VD-21635-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
636	NIDAREF 250	VD-23535-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
637	NIDAREF 500	VD-22838-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
638	CEFDINIR 300 GLOMED	VD-22833-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
639	CELORMED 125	VD-21828-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
640	CELORMED 250	VD-21636-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
641	CELORMED 500	VD-21637-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
642	GLANAX 500	VD-35389-21	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
643	GLEXIL 250	VD-21829-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
644	GLEXIL 500	VD-21830-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
645	GLOPIXIN 250	VD-22835-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
646	MEDXIL 200	VD-23534-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

647	MEDXIL 50	VD-22837-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
648	TYTDROXIL 250	VD-21638-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
649	TYTDROXIL 250	VD-21264-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
650	TYTDROXIL 500	VD-21832-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
651	CEODOX 100	VD-24163-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
652	CEODOX 200	VD-24164-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
653	CLODIFEN 200	VD-30805-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
654	CLODIFEN 400	VD-30806-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
655	FASCIP 250	VD-30807-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
656	MEDSIDIN 100	VD-24166-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
657	MEDSIDIN 125	VD-24762-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
658	MEDSIDIN 300	VD-24167-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
659	MEDSIDIN 300	VD-31382-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
660	CEDITAX 200	VD-20695-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
661	GLOPIXIN 250	VD-20697-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
662	GLOPIXIN 500	VD-20698-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
663	ABIOVAL-H 80	VD-21272-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
664	GLOPEPCID	VD-21838-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
665	GLOPOTIN 10	VD-34047-20	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
666	GLOTADOL 650	VD-22137-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
667	CAVIRED HCTZ 10/12.5	VD-30073-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

668	CAVIRED HCTZ 20/12.5	VD-30074-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
669	CAVIRED HCTZ 20/25	VD-30075-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
670	COXILEB 400	VD-21269-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
671	FURIXAT	VD-22845-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
672	GLOCOR 10	VD-29451-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
673	CEFAZOLIN 2G	VD-32363-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
674	DORIPENEM 500	VD-30078-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
675	CEFOPERAZON 2G	VD-28492-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
676	CEFTRIAXON 2G	VD-28493-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
677	CEFTRIAXON 500	VD-28494-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
678	CEPHALOTHIN 2G	VD-28495-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
679	CEPHALOTHIN 500	VD-28496-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
680	ACTIXIM 1G	VD-18721-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
681	CEFOXITIN 2G	VD-30076-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
682	ROMCID	VD-18949-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
683	VIRTUM 2G	VD-22129-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
684	XIMEDEF	VD-18950-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
685	PIMFEXIN	VD-20699-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
686	CEFAMANDOL 1G	VD-28719-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
687	CEFAMANDOL 2G	VD-28720-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
688	CEFTIZOXIM 2G	VD-30077-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
689	CEFTIZOXIM 500	VD-29450-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
690	TINAMCIS I.V	VD-20700-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5951/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

691	SORBITOL GLOMED	VD-19871-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
692	NABURELAX 750	VD-28505-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
693	NABURELAX	VD-21284-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
694	ROLIZIDE	VD-20435-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
695	SULRIMED 50	VD-22460-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
696	TINIDAMED	VD-24764-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
697	ZETAMED	VD-24766-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
698	ZOLMED 200	VD-21842-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
699	METDIA 850	VD-33854-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
700	GLAMIVIR	VD-32365-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
701	MORIDMED	VD-28504-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
702	MUCIMED	VD-24763-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
703	MYDSONE	VD-22141-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
704	MYSOMED 500	VD-25687-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
705	MYSOMED 750	VD-29456-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
706	MEDIARID 2	VD-23545-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
707	MEDIARID 4	VD-21282-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5941/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

708	CO-FEROLIC	VD-21266-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5945/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên, cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
709	GLOSIC	VD-23540-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5945/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên, cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
710	MENDAZ	VD-19772-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5945/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên, cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
711	SIMVASTATIN 10 GLOMED	VD-23548-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5945/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên, cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
712	SIMVASTATIN 20 GLOMED	VD-23549-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5945/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên, cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
713	GLUCOSAMIN 500 GLOMED	VD-22853-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5945/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên, cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 35 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
714	CEFLODIN 125	VD-25155-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
715	CEFLODIN 250	VD-24161-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
716	CEFLODIN 500	VD-24757-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
717	ZILROZ 250	VD-18722-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
718	ZILROZ 500	VD-18723-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
719	CEFDINIR 100 GLOMED	VD-24160-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
720	CEFINI 100	VD-18945-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
721	CEFINI 125	VD-18946-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
722	CEFINI 300	VD-18947-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

723	MEDXIL 100	VD-24168-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5944/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
724	ITAMEKACIN	VD-18570-13	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	6305/TĐTN	16/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	1. Natri citrat: EP 8 2. Natri metabisulfit: EP 8 3. Nước cất pha tiêm: EP 8	1. Natri citrat: EP hiện hành (EP 10.0) 2. Natri metabisulfit: EP hiện hành (EP 10.3) 3. Nước cất pha tiêm: EP hiện hành (EP 10.0)
725	Coxileb 200	VD-21268-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
726	Lezoline	VD-21281-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
727	Tenecand 16	VD-22860-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
728	Tenecand 4	VD-22861-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
729	Glocip 500	VD-21273-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
730	Deslornine	VD-32364-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
731	Glomoti-M 5/50 sachet	VD-28721-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
732	Lecifex 500	VD-30812-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
733	Glosardis 80	VD-32367-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
734	Nootryl 800	VD-29457-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
735	Glotizin	VD-21280-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
736	Glomoti-M	VD-20196-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
737	Magnesi-B6 Glomed	VD-23544-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
738	Spamerin	VD-28508-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
739	Glomoxif	VD-22458-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
740	Hexinvon 8	VD-23543-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
741	Tenecand 8	VD-22862-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
742	Daygra 100	VD-24759-16	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6278/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
743	Abioval-H 160	VD-21271-14	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
744	Abioval-HCTZ 160/12.5	VD-22456-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

745	Abioval-HCTZ 160/25	VD-22133-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
746	Abioval-HCTZ 80/12.5	VD-22457-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
747	Abmeben	VD-24170-16	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
748	Glonacin 1.5 M.I.U	VD-20711-14	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
749	Glonacin 3.0 M.I.U	VD-20712-14	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
750	Glotadol 250	VD-22459-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
751	Glotadol 325	VD-20715-14	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
752	Glotadol 500	VD-19349-13	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
753	Glotadol 500	VD-22851-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
754	Glotadol 650	VD-19350-13	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
755	Glotadol cold	VD-30809-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
756	Glotadol Extra	VD-20717-14	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
757	Glotadol F	VD3-146-21	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
758	Glotadol Flu	VD-20716-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
759	Glotadol Power	VD-22138-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
760	Ibumed 400	VD-20720-14	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
761	Daygra 50	VD-24760-16	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6279/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
762	GLOGAPEN	VD-21277-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
763	GLODIA 10	VD-28499-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
764	GLODIA 20	VD-30808-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
765	ABIOVAL-H 80	VD-21272-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

766	GLOPEPCID	VD-21838-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
767	GLOPOTIN 10	VD-34047-20	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
768	GLOTADOL 650	VD-22137-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
769	CAVIRED HCTZ 10/12.5	VD-30073-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
770	CAVIRED HCTZ 20/12.5	VD-30074-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
771	CAVIRED HCTZ 20/25	VD-30075-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
772	COXILEB 400	VD-21269-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
773	FURIXAT	VD-22845-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
774	GLOCOR 10	VD-29451-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5962/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
775	CEDITAX 400	VD-21263-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
776	CEDITAX 90	VD-21635-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
777	NIDAREF 250	VD-23535-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
778	NIDAREF 500	VD-22838-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
779	CEFDINIR 300 GLOMED	VD-22833-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
780	CELORMED 125	VD-21828-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

781	CELORMED 250	VD-21636-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
782	CELORMED 500	VD-21637-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
783	GLANAX 500	VD-35389-21	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
784	GLEXIL 250	VD-21829-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
785	GLEXIL 500	VD-21830-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
786	GLOPIXIN 250	VD-22835-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
787	MEDXIL 200	VD-23534-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
788	MEDXIL 50	VD-22837-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
789	TYTDROXIL 250	VD-21638-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
790	TYTDROXIL 250	VD-21264-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
791	TYTDROXIL 500	VD-21832-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5960/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam Địa chỉ: Số 29A Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
792	GLODAFIL 10	VD-21274-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
793	GLODAFIL 5	VD-21276-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
794	GLOMEDROL 16	VD-28500-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

795	GLOMEDROL 4	VD-26507-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
796	GLOPANTAC 20	VD-22134-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
797	GLOPANTAC 40	VD-22135-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
798	GLORYCA	VD-21278-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
799	LECIFEX 100	VD-20721-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
800	LECIFEX 250	VD-30811-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
801	NOOTRYL 1200	VD-28507-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
802	NOOTRYL 400	VD-27472-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
803	TENECAND HCTZ 16/12,5	VD-28509-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
804	TENECAND HCTZ 32/12.5	VD-27474-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5950/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
805	CEODOX 100	VD-24163-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
806	CEODOX 200	VD-24164-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
807	CLODIFEN 200	VD-30805-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
808	CLODIFEN 400	VD-30806-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
809	FASCIP 250	VD-30807-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
810	MEDSIDIN 100	VD-24166-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
811	MEDSIDIN 125	VD-24762-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

812	MEDSIDIN 300	VD-24167-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
813	MEDSIDIN 300	VD-31382-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
814	CEDITAX 200	VD-20695-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
815	GLOPIXIN 250	VD-20697-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
816	GLOPIXIN 500	VD-20698-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5961/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
817	Lornine	VD-21839-14	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
818	Sindirex	VD-25158-16	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
819	Droserid	VD-20708-14	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
820	Tizalon 4	VD-23550-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
821	Zadirex H	VD-25688-16	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
822	Henex	VD-30810-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
823	Alphachymotrypsin Glomed	VD-19771-13	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
824	Glomezol	VD-22849-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
825	Prazolmium 20	VD-24174-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty THNN dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
826	Prazolmium 40	VD-25686-16	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
827	Rabe-G	VD-23546-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
828	Glodas 120	VD-22848-15	Công ty TNHH Dược phẩm GLOMED	Công ty TNHH Dược phẩm GLOMED	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
829	Glodas 180	VD-21642-14	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
830	Glodas 60	VD-20709-14	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
831	Abmexic 15	VD-22846-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
832	Abmexic 7.5	VD-22847-15	Công ty TNHH Dược phẩm GLOMED	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

833	Glotaren 20	VD-22852-15	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6339/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
834	Akigol	VD-25154-16	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
835	Aplorar HCTZ 150/12.5	VD-32585-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
836	Aplorar HCTZ 300/12.5	VD-32586-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
837	Ciclevir 400	VD-21834-14	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
838	Ciclevir 800	VD-21835-14	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
839	Glazi 500	VD-33075-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
840	Glazi 250	VD-33074-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
841	Glogyl	VD-27469-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
842	Glotamuc	VD-20718-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
843	Lipodis 10/20	VD-31381-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
844	Tensodoz 2	VD-28510-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
845	Tensodoz 4	VD-28511-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
846	Tensodoz 8	VD-28512-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
847	Typcin 500	VD-30081-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
848	Zolmed 100	VD-21841-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
849	Zolmed 150	VD-20723-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
850	Glodia 10	VD-28499-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
851	Glodia 20	VD-30808-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
852	Glogapen	VD-21277-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	6340/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký/ MiV-N1	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
853	LODOVAX	VD-22856-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
854	ABIOFEN	VD-25525-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

855	ANAFLAM 50	VD-29449-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
856	APLORAR 150	VD-20701-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
857	APLORAR 300	VD-20702-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
858	APLORAR HCTZ 300/25	VD-32587-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
859	BARIPTINE	VD-22130-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
860	BEZADRIN	VD-30072-18	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
861	BREZIMED	VD-21639-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
862	CICLEVIR 200	VD-21833-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
863	CISTINMED	VD-28497-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
864	CLEDAMED 150	VD-24758-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
865	CLEDAMED 300	VD-23536-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
866	MEGLIPTIN 100	VD-24175-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
867	MEGLIPTIN 25	VD-24176-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
868	MEGLIPTIN 50	VD-24177-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5900/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
869	AKIGOL	VD-25154-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
870	APLORAR HCTZ 150/12.5	VD-32585-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
871	APLORAR HCTZ 300/12.5	VD-32586-19	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

872	CICLEVIR 400	VD-21834-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
873	CICLEVIR 800	VD-21835-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
874	DAYGRA 100	VD-24759-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
875	DAYGRA 50	VD-24760-16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
876	Flexidron 120	VD-21836-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
877	Flexidron 120	VD-21270-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
878	Flexidron 90	VD-21837-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5901/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
879	BUTRIDAT 100	VD-22839-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm / MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
880	BUTRIDAT 200	VD-22840-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm / MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
881	CARETRIL 10	VD-22841-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm / MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
882	CARETRIL 30	VD-22842-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm / MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
883	CARVELMED 12.5	VD-22843-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm / MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
884	CARVELMED 6.25	VD-22844-15	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm / MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
885	CAVIRED 10	VD-20434-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm / MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
886	CAVIRED 2.5	VD-20703-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm / MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
887	CAVIRED 20	VD-20704-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm / MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
888	CAVIRED 5	VD-20705-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm / MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam

889	NIXAZIDE	VD-28506-17	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm / MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
890	RENSAID 200	VD-18724-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm / MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
891	RENSAID 400	VD-19351-13	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	5942/TĐTN	14/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm / MiV-N9	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam
892	Nước súc miệng T-B	VS-4928-16	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	6562/TĐTN	25/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược natri clorid/ MiV-N2	1. Công ty CP hóa dược Việt Nam Địa chỉ: 192 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội, Việt Nam 2. Công ty muối Thanh Hóa Địa chỉ: Khu C, KCN Lễ Môn, X. Quang Hưng, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa	Dominion Salt Limited Địa chỉ: 89 Totara Street, Mount Maunganui, New Zealand)
893	Nước súc miệng T-B	VS-4928-16	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	6562/TĐTN	25/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược tinh dầu bạc hà/ MiV-N2	Công ty TNHH Sản xuất thương mại Thành Long Hưng Yên Địa chỉ: Thôn Bắc Châu, xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex Địa chỉ: Số 356, đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
894	Nước súc miệng T-B	VS-4928-16	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	6562/TĐTN	25/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược menthol/ MiV-N2	Anhui Great Nation Essential Oils Co., Ltd Địa chỉ: No.37 Xinyang road Economy and Technology Development district, Fuyang city, Anhui province, 236000 P.R.China	1. Sharp Mint Limited Địa chỉ: C-03, SMA Co-operative Industrial Estate, G.T. Karnal Road, Delhi – 110033, India) 2. Anhui Huaxin Biotech Co., Ltd Địa chỉ: No. 1088, Boju Road, Qiaocheng Economic Development Zone, Bozhou City, Anhui Province, China
895	Cebraton	VD-21453-14	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	7730/TĐTN	30/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược microcrystalline cellulose/ MiV-N2	Mingtai chemical Co., Ltd Địa chỉ: 1142, Shin Hsing Rd, Bah-Der City, Taoyuan Hsien, 33452 Taiwan	JRS pharma & Gujarat Microwax private limited Địa chỉ: Unit 1: Survey No.291/1&2, Kalol - Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana-382706, Gujarat, India
896	Cebraton	VD-21453-14	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	7730/TĐTN	30/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược talc/ MiV-N2	1. Công ty CP khoáng sản công nghiệp Miền Bắc Địa chỉ: Cảng Ba Cấp, xã Thái Thịnh, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam 2.Công ty CP hóa dược Việt Nam Địa chỉ: 192 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội, Việt Nam 3.Kalyani Mine Products Pvt. Ltd Địa chỉ: Khasra No.749/11 & 750/5, NH-11A, Village - Bapi, Dausa-303 507 (Rajasthan) - India	Imerys Talc Luzenac France Địa chỉ: 21, rue Principale, 09250 Luzenac, France
897	Cebraton	VD-21453-14	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	7730/TĐTN	30/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược hydroxypropyl methylcellulose (HPMC)/ MiV-N2	Shin-Estu Chemical Co., Ltd Địa chỉ: 6-1, Ohtemachi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0004, Japan	Nutrition & Biosciences USA 1, LLC LA Methocel Operations Địa chỉ:21255 Louisiana Highway 1, Plaquemine, LA 70764, United states
898	Cebraton	VD-21453-14	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	7730/TĐTN	30/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược polyethylen glycol 6000 (PEG 6000)/ MiV-N2	NOF Corp Địa chỉ: 20-3 Ebisu 4-Chome, Shibuya-Ku, Tokyo 150-6019, Japan	Clariant Produkte (Deutschland) GmbH Địa chỉ: Industrieparkstrasse 1, 84508 Burgkirchen, Germany
899	Nước súc miệng T-B Fresh	VS-4863-13	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	6560/TĐTN	25/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược tinh dầu bạc hà/ MiV-N2	Công ty TNHH sản xuất thương mại Thành Long Địa chỉ: Thôn Bắc Châu, xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex Địa chỉ: số 356, đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
900	Nước súc miệng T-B Fresh	VS-4863-13	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	6560/TĐTN	25/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược menthol/ MiV-N2	Anhui Great Nation Essential Oils Co., Ltd Địa chỉ: No.37 Xinyang road Economy and Technology Development district, Fuyang city, Anhui province, 236000 P.R. China	1. Sharp Mint Limited Địa chỉ: C-03, SMA Co-operative Industrial Estate, G. T. Karnal Road, Delhi – 110033, India. 2. Anhui Huaxin Biotech Co., Ltd Địa chỉ: No.1088, Boju Road, Qiaocheng Economic Development Zone, Bozhou City, Anhui Province, China
901	MABZA	VD-31151-18	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	7242/TĐTN	21/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng xuất xưởng và tiêu chuẩn chất lượng lưu hành của thuốc thành phẩm khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	USP 38	USP 44

902	MABZA	VD-31151-18	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	7242/TĐTN	21/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất mirtazapin khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	USP 38	USP 44
903	MABZA	VD-31151-18	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	7242/TĐTN	21/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	1. Lactose: BP 2016 2. Microcrystalline cellulose (Avicel) 102: BP 2016 3. Tinh bột bắp/ngô BP 2016 4. Polyvinyl pyrolidon (PVP) K30: BP 2016 5. Natri lauryl sulfat: USP 38 6. Primellose: BP 2016 7. Colloidal silicone dioxyd (Aerosil) 200: BP 2016 8. Magnesi stearat: DĐVN IV 9. Hyproxypropyl methyl cellulose (HPMC) 615: USP38 10. Polyethylen glycol (PEG) 6.000: USP38 11. Titan dioxyd: BP 2016 12.Talc DĐVN IV 13. Sắt oxyd đỏ DĐVN IV 14. Sắt oxyd vàng DĐVN IV 15. Ethanol 96° DĐVN IV 16. Nước tinh khiết DĐVN IV	1. Lactose: BP 2022 2. Microcrystalline cellulose (Avicel): 102 BP 2022 3. Tinh bột bắp/ngô: BP 2022 4. Polyvinyl pyrolidon (PVP) K30: BP 2022 5. Natri lauryl sulfat: USP 44 6. Primellose: BP 2022 7. Colloidal silicone dioxyd (Aerosil) 200: BP 2022 8. Magnesi stearat: DĐVN V 9. Hyproxypropyl methyl cellulose (HPMC) 615: USP44 10. Polyethylen glycol (PEG): 6.000 USP44 11. Titan dioxyd: BP 2022 12. Talc: DĐVN V 13. Sắt oxyd đỏ DĐVN V 14. Sắt oxyd vàng DĐVN V 15. Ethanol 96° DĐVN V 16. Nước tinh khiết DĐVN V
904	Viên nhuận tràng Ovalax	VD-27368-17	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	7731/TĐTN	30/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược lactose/ MiV-N2	Kerry Bio - Science Địa chỉ: 3400 Millington Rd, Beloit, WI 53511- USA	FrieslandCampina DMV B.V. Địa chỉ:NCB-Laan 80, 5462 Ge Veghel, The Netherlands
905	Viên nhuận tràng Ovalax	VD-27368-17	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	7731/TĐTN	30/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược talc:/ MiV-N2	Imerys Talc Luzenac Địa chỉ: BP 11 - 09250 Luzenac, France	Kalyani Mine Products (P). Ltd., Địa chỉ: Khasra No. 749/11 & 750/5, Village Bapi, Teh. & Distt. Dausa -303303 (Raj.), India
906	VILANTA	VD-18273-13	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	7410/TĐTN	27/12/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Nhôm hydroxyd gel và Magnesi hydroxyd paste/ MiV-N3	BK Giulini GmbH.	Elementis Pharma GmbH.
907	Predmesol	VD-31690-19	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	7272/TĐTN	23/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất methylprednisolon khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	USP 38	USP phiên bản hiện hành
908	Pecrandil 10	VD-30394-18	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	7271/TĐTN	23/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất nicorandil khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	BP 2013	BP phiên bản hiện hành
909	Tinaziweld	VD-33072-19	Công ty TNHH DP Thiên Minh	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	7270/TĐTN	23/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất cefdinir khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	USP 40	USP phiên bản hiện hành
910	Batiwell	VD-31011-18	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	6836/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi nhà sản xuất tá dược Glycerin (Glycerol)/ MiV-N2	PT. FORTUNE SURYA CHEMICALS TRADING/ EXPORT & IMPORT Địa chỉ: Jl. Raya Cibarusah,, No 68 A-B, Lippo Cikarang, Indonesia	VANCE BIOENERGY SDN. BHD. Địa chỉ: Plo 668 & Plo 669, Jalan Keluli 5, Kawasan Perindustrian Pasir Gudang, Johor, Pasir Gudang, 81700 Pasir Gudang, Johor, Malaysia
911	Batiwell	VD-31011-18	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	6836/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi nhà sản xuất tá dược Natri benzoat (Sodium benzoate)/ MiV-N2	EMERALD PERFORMANCE MATERIALS Địa chỉ: 240 W.Emerling Avenue Akron, OH, USA	WUHAN YOUJI INDUSTRIES CO., LTD. Địa chỉ: No.1, 2nd Chemical Rd., Wuhan Chemical Industry Park, Wuhan 230082 China

912	Batiwell	VD-31011-18	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	6836/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi nhà sản xuất tá dược Acid tartaric (Tartaric acid)/ MiV-N2	SHANGHAI HOLDENCHEM CO., LTD Địa chỉ: B-11G, No.1118,RD Changshou, Shanghai, China	INDUSTRIA CHIMICA VALENZANA Địa chỉ: Via Desman, 428, 35010 Borgoricco PD, Italy
913	Batiwell	VD-31011-18	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	6836/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi nhà sản xuất tá dược Sorbitol 70% (Liquid Sorbitol)/ MiV-N2	ROQUETTE FRÈRES Địa chỉ: 60282 Lestrem, France	GULSHAN POLYOLS LTD. Địa chỉ: 762, G.I.D.C. Industrial Estate, Dist. Bharuch, Jhagadia- 393110, Gujarat, India
914	Batiwell	VD-31011-18	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	6836/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi nhà sản xuất tá dược Ponceau 4R/ MiV-N2	UNIVAR COLOUR Địa chỉ: Victoria House, Radford Way, Billericay, Essex CM12 0DX, Vương Quốc Anh	ROHA DYECHEM Địa chỉ: No. 42, MIDC, Dhatav, Roha, 402116 Dist. Raigad, Maharashtra, India
915	Batiwell	VD-31011-18	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	6836/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi nhà sản xuất tá dược Natri hydroxyd (Sodium hydroxide)/ MiV-N2	GUANGDONG GUANGHUA SCI – TECH CO., LTD. Địa chỉ: 295, Daxue Road, Shantou, Guangdong, 515000 China	SCHARLAB S.L. Địa chỉ: Gato Pérez, 33. Pol. Ind. Mas d'en Cisa 08181 Sentmenat, Barcelona, Spain
916	Batiwell	VD-31011-18	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	6836/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược Natri benzoat (Sodium benzoate) khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	BP 2020	BP 2022
917	Batiwell	VD-31011-18	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	6836/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược Acid tartaric (Tartaric acid) khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	BP 2020	BP 2020
918	Batiwell	VD-31011-18	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	6836/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược Sorbitol 70% (Liquid Sorbitol) khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	BP 2020	BP 2020
919	Phudchymo	VD-32634-19	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	6495/TĐTN	23/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất alpha-chymotrypsin khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	USP 40	USP 44
920	Phudchymo	VD-32634-19	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	6495/TĐTN	23/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược povidon (PVP) K30 khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	BP 2018	BP 2022
921	Phudchymo	VD-32634-19	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	6495/TĐTN	23/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược tinh bột mỳ khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	BP 2018	BP 2022
922	Phudchymo	VD-32634-19	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	6495/TĐTN	23/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược acid stearic khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	BP 2018	BP 2022

923	Phudchymo	VD-32634-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	6495/TĐTN	23/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược aerosil (Colloidal silicon dioxide) 300 khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	BP 2018	BP 2022
924	Daygra 100	VD-24759-16	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	7563/TĐTN	28/12/2022	Bổ sung địa điểm sản xuất tá dược opadry II white /MiV-N2	Colorcon Địa chỉ: No. 588 Chundong Road, Xinzhuang Industry zone, Minhang Shanghai 201108, China.	Colorcon Asia Priviate Limited Địa chỉ: Plot No. M14 to M18, Verna Industrial Estate Verna Goa - 403722, India
925	Daygra 100	VD-24759-16	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	7563/TĐTN	28/12/2022	Bổ sung địa điểm sản xuất tá dược opadry II red/MiV-N2	Colorcon Địa chỉ: No. 588 Chundong Road, Xinzhuang Industry zone, Minhang Shanghai 201108, China.	Colorcon Asia Priviate Limited Địa chỉ: Plot No. M14 to M18, Verna Industrial Estate Verna Goa - 403722, India
926	Daygra 100	VD-24759-16	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	7563/TĐTN	28/12/2022	Bổ sung địa điểm sản xuất tá dược opadry silver/MiV-N2	Colorcon Địa chỉ: No. 588 Chundong Road, Xinzhuang Industry zone, Minhang Shanghai 201108, China.	Colorcon Asia Priviate Limited Địa chỉ: Plot No. M14 to M18, Verna Industrial Estate Verna Goa – 403722, India
927	Daygra 50	VD-24760-16	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	7562/TĐTN	28/12/2022	Bổ sung địa điểm sản xuất tá dược opadry II white/MiV-N2	Colorcon Địa chỉ: No. 588 Chundong Road, Xinzhuang Industry zone, Minhang Shanghai 201108, China.	Colorcon Asia Priviate Limited Địa chỉ: Plot No. M14 to M18, Verna Industrial Estate Verna Goa – 403722, India
928	Daygra 50	VD-24760-16	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	7562/TĐTN	28/12/2022	Bổ sung địa điểm sản xuất tá dược opadry silver/MiV-N2	Colorcon Địa chỉ: No. 588 Chundong Road, Xinzhuang Industry zone, Minhang Shanghai 201108, China.	Colorcon Asia Priviate Limited Địa chỉ: Plot No. M14 to M18, Verna Industrial Estate Verna Goa – 403722, India
929	Trasolu	VD-33290-19	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty Cổ phần Dược Danapha	7491/TĐTN	17/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất tramadol hydroclorid khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	EP 8	EP 10
930	Trasolu	VD-33290-19	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty Cổ phần Dược Danapha	7491/TĐTN	17/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược natri acetat khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	USP 38	USP-NF 2021
931	Trasolu	VD-33290-19	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty Cổ phần Dược Danapha	7491/TĐTN	17/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược acid acetic khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	EP 8	EP 10
932	Disidana	VD-31518-19	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty Cổ phần Dược Danapha	7492/TĐTN	17/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược natri dihydrophosphat.2H2O khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	EP 8	EP 10
933	Disidana	VD-31518-19	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty Cổ phần Dược Danapha	7492/TĐTN	17/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược dinatri hydrophosphat.12H2O khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	EP 8	EP 10

934	Disidana	VD-31518-19	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty Cổ phần Dược Danapha	7492/TĐTN	17/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược nước để pha thuốc tiêm khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	DĐVN IV	DĐVN V
935	Tovecor 5	VD-27099-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	6792/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất perindopril arginin, perindopril erbumin / MiV-N3	Aarti Industries Limited	Aarti Pharmalabs Limited
936	Tovecor plus	VD-26298-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	6792/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất perindopril arginin, perindopril erbumin / MiV-N3	Aarti Industries Limited	Aarti Pharmalabs Limited
937	Kozemix	VD-33575-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	6792/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất perindopril arginin, perindopril erbumin / MiV-N3	Aarti Industries Limited	Aarti Pharmalabs Limited
938	Codintec 100mg/5ml	VD-31929-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	6164/TĐTN	09/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	1. Avicel CL 611: USP 38 2. Acid citric khan: USP 38 3. Natri citrat dihydrat: USP 38 4. Natri benzoat: USP 38 5. Aerosil - 200 (Silicon dioxyd keo): BP 2016 6. Đường kính: DĐVN IV 7. Aspartam: USP 38 8. Simethicon: USP 38	1. Avicel CL 611: USP hiện hành (USP 44) 2. Acid citric khan: USP hiện hành (USP 44) 3. Natri citrat dihydrat: USP hiện hành (USP 44) 4. Natri benzoat: USP hiện hành (USP 44) 5. Aerosil - 200 (Silicon dioxyd keo): BP hiện hành (BP 2022) 6. Đường kính: DĐVN hiện hành (DĐVN V) 7. Aspartam: USP hiện hành (USP 44) 8. Simethicon: USP hiện hành (USP 44)
939	MITIRAMIRIX 2,5	VD-36141-22	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	370/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất ramipril/ MiV – N3	Aarti Industries Limited	Aarti Pharmalabs Limited
940	MITIRAMIRIX 5	VD-36142-22	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	370/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất ramipril/ MiV – N3	Aarti Industries Limited	Aarti Pharmalabs Limited
941	Furosemid 40 mg	VD-18827-13	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	565/TĐTN	21/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal silicon dioxid/ MiV-N2	Wacker Chemie AG Địa chỉ: Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München Deutschland	Henan Inno New Materials Technology Co, Ltd Địa chỉ: High-tech Industrial Park, Zhengzhou, Henan, China
942	Dodevifort Medlac	VD-18568-13	Công ty TNHH Sản xuất Dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH Sản xuất Dược phẩm Medlac Pharma Italy	457/TĐTN	17/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược propylparaben/ MiV-N2	Ueno Fine Chemicals Industry, Ltd. Địa chỉ: 2-4-8, Koraibashi, Chuo-ku, Osaka 541-8543, Nhật Bản	Merck KGaA Địa chỉ: Frankfurter Straße 250, 64293 Darmstadt, Đức.
943	Hoạt huyết dưỡng não	VD-19621-13	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	410/TĐTN	16/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược polyethylen glycol 6000 (PEG 6000)/ MiV-N2	NOF Corp Địa chỉ: 20-3 Ebisu 4-Chome, Shibuya-Ku, Tokyo 150-6019, Japan	Sasol Germany GmbH Địa chỉ: Paul-Baumann- Str. 1, Marl, Nordrhein-Westfalen, 45772, Germany
944	Aspirin-100	VD-20058-13	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	566/TĐTN	21/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal silicon dioxid:/ MiV-N2	1.Wacker Chemie AG Địa chỉ: Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München Deutschland - Germany 2.Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany	Henan Inno New Materials Technology Co, Ltd Địa chỉ: High-tech Industrial Park, Zhengzhou, Henan, China
945	Piracetam 400 mg	VD-31345-18	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	567/TĐTN	21/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal silicon dioxid/ MiV-N2	Wacker Chemie AG Địa chỉ: Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München Deutschland - Germany	Henan Inno New Materials Technology Co, Ltd Địa chỉ: High-tech Industrial Park, Zhengzhou, Henan, China

946	Fenxicam-M	VD-30744-18	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	568/TĐTN	21/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal silicon dioxid/ MiV-N2	Wacker Chemie AG Địa chỉ: Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München Deutschland - Germany	Henan Inno New Materials Technology Co, Ltd Địa chỉ: High-tech Industrial Park, Zhengzhou, Henan, China
947	Tottim extra	VD-21741-14	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	412/TĐTN	16/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal silicon dioxid/ MiV-N2	Wacker Chemie AG Địa chỉ: Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München Deutschland, Germany	Henan Inno New Materials Technology Co, Ltd Địa chỉ: High-tech Industrial Park, Zhengzhou, Henan, China
948	Ampelop	VD-23887-15	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	409/TĐTN	16/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal silicon dioxid/ MiV-N2	1.Wacker Chemie AG Địa chỉ: Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München Deutschland - Germany 2. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany	Henan Inno New Materials Technology Co, Ltd Địa chỉ: High-tech Industrial Park, Zhengzhou, Henan, China
949	Boganic	VD-19790-13	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	411/TĐTN	16/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược polyethylen glycol 6000 (PEG 6000)/ MiV-N2	NOF Corp Địa chỉ: 20-3 Ebisu 4-Chome, Shibuya-Ku, Tokyo 150-6019, Japan	Sasol Germany GmbH Địa chỉ: Paul-Baumann- Str. 1, Marl, Nordrhein-Westfalen, 45772, Germany
950	Trafedin new	VD- 31347-18	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	405/TĐTN	16/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal silicon dioxid/ MiV-N2	1. Wacker Chemie AG Địa chỉ: Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München Deutschland, Germany 2. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany	Henan Inno New Materials Technology Co, Ltd Địa chỉ: High-Tech Industrial Park, Zhengzhou, Henan, China
951	Viên cảm cúm Traflu ngày	VD-35602-22	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	406/TĐTN	16/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal silicon dioxid/ MiV-N2	1. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany 2. Wacker Chemie AG Địa chỉ: Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München Deutschland - Germany	Henan Inno New Materials Technology Co, Ltd Địa chỉ: High-Tech Industrial park, Zhengzhou, Henan, China
952	Claritra	VD-35599-22	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	408/TĐTN	16/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal silicon dioxid/ MiV-N2	1. Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany 2. Wacker Chemie AG Địa chỉ: Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München Deutschland - Germany	Henan Inno New Materials Technology Co, Ltd Địa chỉ: High-Tech Industrial park, Zhengzhou, Henan, China
953	Acid ursodeoxycholic 300 mg	VD-35382-21	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	402/TĐTN	16/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal silicon dioxid/ MiV-N2	Wacker Chemie AG Địa chỉ: Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München Deutschland, Germany	Henan Inno New Materials Technology Co, Ltd Địa chỉ: High-Tech Industrial Park, Zhengzhou, Henan, China
954	Acid ursodeoycholic 200 mg	VD-35381-21	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	403/TĐTN	16/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal silicon dioxid/ MiV-N2	Wacker Chemie AG Địa chỉ: Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München Deutschland, Germany	Henan Inno New Materials Technology Co, Ltd Địa chỉ: High-Tech Industrial Park, Zhengzhou, Henan, China
955	Rebamipid 100 mg	VD-35696-22	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	404/TĐTN	16/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược colloidal silicon dioxid/ MiV-N2	Evonik Resource Efficiency GmbH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany	1. Henan Inno New Materials Technology Co, Ltd Địa chỉ: High-Tech Industrial Park, Zhengzhou, Henan, China 2. Wacker Chemie AG Địa chỉ: Friedrich-von-Heyden-Platz 1 01612 Nünchritz, Germany
956	Edxor	VD-30476-18	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	771/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất, địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất venlafaxin/ MiV-N3	Tên cơ sở sản xuất: AARTI INDUSTRIES LIMITED Địa chỉ: Unit - IV, Plot No. E-50, MIDC, Tarapur, Taluka & District - Palghar. PIN - 401506 Maharashtra, India	Tên cơ sở sản xuất: AARTI PHARMALABS LIMITED Địa chỉ: Unit - IV, Plot No. E-50, 50/1 & 59/1, MIDC, Tarapur, Taluka & District - Palghar. PIN - 401506 Maharashtra, India
957	Calcolife	VD-31442-19	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	456/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Natri saccharin (Saccharin sodium)/ MiV-N2	TIANJIN CHANGJIE CHEMICAL CO., LTD Địa chỉ: No.19, JinWei Road, Hi-Tech Industrial Park, BeiChen District, TianJin City, China	HUGESTONE ENTERPRISE CO., LTD. Địa chỉ: 9/F, Fortune Building, No.359 Hongwu Road, Nanjing 210002, China
958	Calcolife	VD-31442-19	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	456/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược acid citric (Citric acid)/ MiV-N2	COFCO BIOCHEMICAL (ANHUI) CO., LTD Địa chỉ: No. 1 Zhongliang Avenue, Bengbu, Anhui, China	TTCA.CO., LTD. Địa chỉ: No.27 Xin An Nan Road, Anqiu, Shandong 262100, China
959	Calcolife	VD-31442-19	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	456/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược sorbitol 70% (Liquid Sorbitol Non-crystallising)/ MiV-N2	ROQUETTE FRÈRES Địa chỉ: 60282 Lestrem, France	GULSHAN POLYOLS LTD. Địa chỉ: Plot No. 762, G.I.D.C. Industrial Estate, Dist. Bharuch, Jhagadia- 393110, Gujarat, India

960	Calcolife	VD-31442-19	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	456/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược natri EDTA (Disodium Edetate)/ MiV-N2	AKZO NOBEL CHEMICALS (NINGBO) CO., LTD Địa chỉ: 1801 Mid - Haitian Rd, Xiepu Town, Zhenhai District, 315204 Ningbo city, China	PANREAC QUÍMICA S.L.U Địa chỉ: C/ Garraf 2, Polígono Pla de la Bruguera, E-08211 Castellar del Vallès (Barcelona), Tây Ban Nha
961	Calcolife	VD-31442-19	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	456/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược màu Tartrazin/ MiV-N2	PROQUIMAC FOOD&PHARMA Địa chỉ: Alle Berlín, 3 Polígono Ind Can Torrella, 08233 Vacarisses, Barcelona, Spain	NEELIKON FOOD DYES AND CHEMICALS LTD. Địa chỉ: Plot No. 67&17, M.I.D.C, Dhatav-402116, Roha, Dist-Ralgad, Maharashtra, India
962	Calcolife	VD-31442-19	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9	456/TĐTN	02/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/MiV-N6	1. Natri saccharin (Saccharin sodium): BP 2020 2. Acid citric (Citric acid): BP 2020 3. Sorbitol 70% (Liquid Sorbitol Non-crystallising): BP 2020 4. Kali sorbat (Potassium sorbate): BP 2020	1. Natri saccharin (Saccharin sodium): BP 2022 2. Acid citric (Citric acid): BP 2022 3. Sorbitol 70% (Liquid Sorbitol Non-crystallising): BP 2022 4. Kali sorbat (Potassium sorbate): BP 2022
963	Star-GSV	VD-36134-22	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	801/TĐTN	14/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất terbinafin hydroclorid khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/MiV-N6	EP 9.0	EP 10.0
964	Terpin Codein 5	VD-18715-13	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	1235/TĐTN	17/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất codein phosphat/ MiV-N3	Génova 27, Planta 6a, 28004 Madrid, Spain.	Avda. Ventalomar 1, Poligono Industrial, 45007 Toledo, Spain.
965	Panalgan Effer Codein	VD-31631-19	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	974/TĐTN	09/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất codein phosphat/ MiV-N3	Génova 27, Planta 6, 28004 Madrid, Spain.	Avda. Ventalomar 1, Poligono Industrial, 45007 Toledo, Spain.
966	Terpin Codein 15	VD3-131-21	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	972/TĐTN	09/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất codein phosphat/ MiV-N3	Génova 27, Planta 6a, 28004 Madrid, Spain.	Avda. Ventalomar 1, Poligono Industrial, 45007 Toledo, Spain.
967	Terpin Codein 15	VD-34933-21	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	975/TĐTN	09/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất codein phosphat/ MiV-N3	Génova 27, Planta 6a, 28004 Madrid, Spain.	Avda. Ventalomar 1, Poligono Industrial, 45007 Toledo, Spain.
968	TERPIN CODEIN 15	VD-27842-17	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	973/TĐTN	09/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất codein phosphat/ MiV-N3	Génova 27, Planta 6a, 28004 Madrid, Spain.	Avda. Ventalomar 1, Poligono Industrial, 45007 Toledo, Spain.
969	Tahero 325	VD-29080-18	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	1065/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất paracetamol khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/MiV-N6	BP 2011	BP 2022
970	Tahero 325	VD-29080-18	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	1065/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/MiV-N6	1. Propylen glycol: USP 34 2. Polyethylen glycol (PEG) 6.000: BP 2011 3. Glycerin: USP 34 4. Levomenthol: BP 2011 5. Methyl paraben: BP 2011 6. Propyl paraben: BP 2011 7. Natri cyclamat: BP 2011 8. Natri saccharin: USP 34 9. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Propylen glycol: USP 44 2. Polyethylen glycol (PEG) 6.000: BP 2022 3. Glycerin: USP 44 4. Levomenthol: BP 2022 5. Methyl paraben: BP 2022 6. Propyl paraben: BP 2022 7. Natri cyclamat: BP 2022 8. Natri saccharin: USP 44 9. Nước tinh khiết: DĐVN V

971	Tahero 500	VD-31835-19	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	658/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/MiV-N6	Propylen glycol: USP 34 Polyethylen glycol (PEG) 6.000: BP 2011 Glycerin: USP 34 Levomenthol: BP 2011 Methyl paraben: BP 2011 Propyl paraben: BP 2011 Natri cyclamat: BP 2011 Natri saccharin: USP 34 Nước tinh khiết: DĐVN IV	Propylen glycol: USP 44 Polyethylen glycol (PEG) 6.000: BP 2022 Glycerin: USP 44 Levomenthol: BP 2022 Methyl paraben: BP 2022 Propyl paraben: BP 2022 Natri cyclamat: BP 2022 Natri saccharin: USP 44 Nước tinh khiết: DĐVN V
972	Tahero 500	VD-31835-19	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	658/TĐTN	27/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất paracetamol khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/MiV-N6	BP 2011	BP 2022
973	Topralsin	VD3-132-21	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long.	1399/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất guaifenesin/ MiV-N3	Zhejiang Jianfeng Haizhou Pharmaceutical Co.,Ltd.	Zhejiang Haizhou Pharmaceutical Co.,Ltd.
974	Paracetamol 0,1g	VD-17447-12	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	1166/TĐTN	22/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký/ MiV-N1	10A Quang Trung - Hà Đông - Hà Nội.	Số 10A, phố Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
975	Paracetamol 0,1g	VD-17447-12	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	1166/TĐTN	22/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/ MiV-N9	La Khê - Văn Khê - Hà Đông - Hà Nội.	Tổ dân phố số 4, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
976	Paracetamol 0,1g	VD-17447-12	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	1166/TĐTN	22/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng xuất xưởng và tiêu chuẩn chất lượng lưu hành của thuốc thành phẩm khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển/ MiV-N6	DĐVN IV	DĐVN V
977	Naphazolin 0,05 % Danapha	VD-29627-18	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty Cổ phần Dược Danapha	1415/TĐTN	24/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất naphazolin hydroclorid/ MiV-N3	Precise Chemipharma Pvt. Ltd. Địa chỉ: C-384, T.T.C. Industrial Area, M.I.D.C, Pawne Village, Navi Mumbai - 400 703, India.	Precise Biopharma Pvt Ltd. Địa chỉ: C-384 TTC Ind Area, Pawane Village, Navi Mumbai - 400703, Dist - Thane-Zone7, India.
978	Zopin TTN	VD-35880-22	Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH)	Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH)	5982/TĐTN	28/10/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất nguyên liệu Zopiclon/MiV – N3	Precise Chemipharma Pvt. Ltd	Precise Biopharma Pvt. Ltd
979	Dung dịch Povidon 10%	VD-19175-13	Công ty TNHH dược phẩm Phương Nam	Công ty TNHH dược phẩm Phương Nam	5966/TĐTN	07/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký/MiV - N1	366 CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam	300C Nguyễn Thông, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
980	Newgifar	VD-19678-13	Công ty TNHH dược phẩm Phương Nam	Công ty TNHH dược phẩm Phương Nam	5966/TĐTN	07/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký/MiV - N1	366 CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam	300C Nguyễn Thông, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
981	Clotrimazol 1%	VD-19676-13	Công ty TNHH dược phẩm Phương Nam	Công ty TNHH dược phẩm Phương Nam	5966/TĐTN	07/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký/MiV - N1	366 CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam	300C Nguyễn Thông, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
982	Cồn Boric 3%	VD-21072-14	Công ty TNHH dược phẩm Phương Nam	Công ty TNHH dược phẩm Phương Nam	5966/TĐTN	07/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký/MiV - N1	366 CMT8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam	300C Nguyễn Thông, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
983	Vicimlastatin 1g	VD-22245-15	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	6181/TĐTN	11/11/2022	Bổ bớt cơ sở sản xuất dược chất hỗn hợp Imipenem monohydrat, Cilastatin natri và natri bicarbonat (1:1:0,04)/MiV-N4	1. Harbin Pharmaceutical Group Co., Ltd Địa chỉ: No.109 Xuefu road, Nangang district, Harbin, 150086, P.R China 2. Zhejiang Hisun Pharmaceutical Co., Ltd Địa chỉ: 56 Binhai road, JiaoJiang district, Taizhou city, Zhejiang province, P.R China	Zhejiang Hisun Pharmaceutical Co., Ltd Địa chỉ: 56 Binhai road, JiaoJiang district, Taizhou city, Zhejiang province, P.R China

984	Bivouro	VD-31446-19	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	6283/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Acid ursodeoxycholic /MiV-N3	Pharmaceutical Industrial Park, Pengzhou, Sichuan, China.	No. 588 Middle Section of Mudan Avenue, Tianpeng Town, Pengzhou city, Sichuan province, China
985	BivoEro 100	QLĐB-578-16	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	6284/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Erlotinib HCl/MiV-N3	Shilpa Medicare Limited	Shilpa Pharma Lifesciences Limited
986	Nokatip 100	QLĐB-511-15	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	6284/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Erlotinib HCl/MiV-N3	Shilpa Medicare Limited	Shilpa Pharma Lifesciences Limited
987	Nokatip 150	QLĐB-512-15	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	6284/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Erlotinib HCl/MiV-N3	Shilpa Medicare Limited	Shilpa Pharma Lifesciences Limited
988	Bivicanib 150	VD3-173-22	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	6284/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Erlotinib HCl/MiV-N3	Shilpa Medicare Limited	Shilpa Pharma Lifesciences Limited
989	Bivicanib 100	VD3-180-22	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	6284/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Erlotinib HCl/MiV-N3	Shilpa Medicare Limited	Shilpa Pharma Lifesciences Limited
990	Dolumixib 100	VD-32222-19	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	6361/TĐTN	18/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất và tá dược cập nhật dược điển/MiV - N6	1. Celecoxib: USP 38 2. Lactose monohydrat: BP 2016 3. Microcrystalline cellulose (Avicel) 102: BP 2016 4. Natri lauryl sulfat: USP 38 5. Povidone (PVP) K30: BP 2016 6. Primellose: USP 38 7. Magnesi stearat: DĐVN IV 8. Nước tinh khiết : DĐVN IV	1. Celecoxib : USP 44 2. Lactose monohydrat: BP 2022 3. Microcrystalline cellulose (Avicel) 102: BP 2022 4. Natri lauryl sulfat: USP 44 5. Povidone (PVP) K30: BP 2022 6. Primellose : USP 44 7. Magnesi stearat : DĐVN V 8. Nước tinh khiết : DĐVN V
991	BivoEro 150	QLĐB-553-16	Công ty Cổ phần BRV Healthcare	Công ty Cổ phần BRV Healthcare	6476/TĐTN	23/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Erlotinib (dưới dạng Erlotinib HCl)/MiV-N3	Shilpa Medicare Limited Địa chỉ: 2nd floor, 10/80, Rajendra Gunji, Raichur 584 102, India.	Shilpa Pharma Lifesciences Limited Địa chỉ: Plot No. 33,33A, 40 to 47, Raichur Industrial Growth Centre, Chicksugur-584 134, Raichur District, India
992	Umkanib 100	QLĐB-513-15	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	6468/TĐTN	23/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Imatinib (dưới dạng Imatinib mesylat)/MiV-N3	Shilpa Medicare Limited Địa chỉ: 2nd floor, 10/80, Rajendra Gunji, Raichur 584 102, India.	Shilpa Pharma Lifesciences Limited Địa chỉ: Plot No. 33, 33A, 40 to 47, Block C, D, E, H, I & AM, Raichur Industrial Growth Centre, Chicksugur - 584 134, Raichur District, India.
993	Umkanib 400	QLĐB-514-15	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	6468/TĐTN	23/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Imatinib (dưới dạng Imatinib mesylat)/MiV-N3	Shilpa Medicare Limited Địa chỉ: 2nd floor, 10/80, Rajendra Gunji, Raichur 584 102, India.	Shilpa Pharma Lifesciences Limited Địa chỉ: Plot No. 33, 33A, 40 to 47, Block C, D, E, H, I & AM, Raichur Industrial Growth Centre, Chicksugur - 584 134, Raichur District, India.
994	Meropenem 0,25g	VD-33642-19	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	6203/TĐTN	22/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng thuốc thành phẩm, cập nhật dược điển/MiV N6	USP 40	USP 2021 (USP 44)
995	Povidon iod 10%	VD-32019-19	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	6204/TĐTN	22/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng thuốc thành phẩm, cập nhật dược điển/MiV N6	DĐVN IV	DĐVN V
996	Ceftizoxim 0,5g	VD-23726-15	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	6205/TĐTN	22/11/2022	Bỏ bớt quy cách đóng gói thuốc thành phẩm/MiV-N7	Hộp 1 lọ, 10 lọ bột pha tiêm, hộp 1 lọ bột pha tiêm + 1 ống nước cất pha tiêm 5 ml	Hộp 1 lọ, 10 lọ bột pha tiêm

997	Clamogentin 1,2g	VD-27141-17	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	6206/TĐTN	22/11/2022	Bỏ bớt quy cách đóng gói thuốc thành phẩm/MiV-N7	Hộp 1 lọ, 10 lọ thuốc bột pha tiêm, Hộp 1 lọ thuốc bột pha tiêm + 2 ống nước cất pha tiêm 5ml (SĐK: VD-22389-15 hoặc SĐK: VD-18637-13)	Hộp 1 lọ, 10 lọ thuốc bột pha tiêm
998	Ezeato	VD-30027-18	Công ty CP Dược phẩm Quận 3	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	6507/TĐTN	24/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất và tá dược cập nhật dược điển/MiV - N6	1. Atorvastatin calcium trihydrat: EP 8.0 2. Calci carbonat: EP 8.0 3. Cellulose vi tinh thể: USP 36 4. Lactose: EP 8.0 5. Natri croscarmellose: USP 36 6. Hydroxypropyl cellulose: USP 36 7. Polysorbat 80: JP 16 8. Magnesi stearat: EP 8.0 9. Polyethylene glycol 6000: USP 36 10. Hypromellose 2910: JP 16 11. Talc: EP 8.0 12. Titanium oxide: EP 8.0	1. Atorvastatin calcium trihydrat: EP 10 2. Calci carbonat: EP 10 3. Cellulose vi tinh thể: USP 44-NF39 4. Lactose: EP 10 5. Natri croscarmellose: USP 44-NF39 6. Hydroxypropyl cellulose: USP 44-NF39 7. Polysorbat 80: JP 18 8. Magnesi stearat: EP 10 9. Polyethylene glycol 6000: USP 44-NF39 10. Hypromellose 2910: JP 18 11. Talc: EP 10 12. Titanium oxide: EP 10
999	Rede	VD-29136-18	Công ty cổ phần dược phẩm Song Vân	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	6532/TĐTN	24/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm, dược chất và tá dược cập nhật dược điển/MiV - N6	1. Thành phẩm: JP 16 2. Rebamipide: JP 16 3. Lactose hydrate: USP 38 - NF33 4. Microcrystalline cellulose: USP 38-NF33 5. Hydroxypropyl cellulose: USP 38-NF33 6. Carboxymethyl cellulose calcium: USP 38 - NF33 7. Sodium starch glycolate: USP 38 - NF33 8. Magnesium stearate: USP 38 - NF33 9. Hypromellose 2910: USP 38 - NF33 10. Titanium oxide:USP 38 - NF33 11. Carnauba wax: USP 38 - NF33 12. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Thành phẩm: JP 18 2. Rebamipide: JP 18 3. Lactose hydrate: USP 44 - NF 39 4. Microcrystalline cellulose: USP 44 - NF 39 5. Hydroxypropyl cellulose: USP 44 - NF 39 6. Carboxymethyl cellulose calcium: USP 44 - NF 39 7. Sodium starch glycolate: USP 44 - NF 39 8. Magnesium stearate: USP 44 - NF 39 9. Hypromellose 2910: USP 44 - NF 39 10. Titanium oxide:USP 44 - NF 39 11. Carnauba wax: USP 44 - NF 39 12. Nước tinh khiết: DĐVN V
1000	Acnekyn	VD-32220-19	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	6591/TĐTN	28/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược, cập nhật dược điển/MiV - N6	1. Acetaminophen: BP 2018 2. Lactose: BP 2018 3. Microcrystalline cellulose (Avicel) 102: BP 2018 4. Tinh bột bắp: BP 2018 5. Povidone (PVP) K30: BP 2018 6. Colloidal silicone dioxyd (Aerosil) 200: USP 40 7. Sodium starch glycolate (DST) : USP 40	1. Acetaminophen : BP 2022 2. Lactose: BP 2022 3. Microcrystalline cellulose (Avicel) 102: BP 2022 4. Tinh bột bắp: BP 2022 5. Povidone (PVP) K30: BP 2022 6. Colloidal silicone dioxyd (Aerosil) 200: USP 44 7. Sodium starch glycolate (DST) : USP 44
1001	Glyford	VD-32225-19	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	6589/TĐTN	28/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược, cập nhật dược điển/MiV - N6	1. Ciprofloxacin HCl: USP 38 2. Sodium starch glycolate (DST) : USP 38 3. Povidone (PVP) K30: BP 2016 4. Hydroxypropyl methylcellulose (HPMC) 615: USP 38 5. Polyethylene glycol (PEG) 6000 : USP 38 6. Titan dioxyd: BP 2016 7. Talc: USP 38	1. Ciprofloxacin HCl : USP 44 2. Sodium starch glycolate (DST) : USP 44 3. Povidone (PVP) K30: BP 2022 4. Hydroxypropyl methylcellulose (HPMC) 615: USP 44 5. Polyethylene glycol (PEG) 6000 : USP 44 6. Titan dioxyd: BP 2022 7. Talc: USP 44
1002	Doripenem 250mg	VD-27142-17	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	6422/TĐTN	30/11/2022	Bỏ bớt quy cách đóng gói thuốc thành phẩm/MiV-N7	Hộp 1 lọ, 10 lọ thuốc bột pha tiêm, Hộp 1 lọ thuốc bột pha tiêm + 1 ống nước cất pha tiêm 5ml (SĐK: VD-22389-15 hoặc SĐK: VD-23675-15)	Hộp 1 lọ, 10 lọ thuốc bột pha tiêm
1003	Benthasone	VD-22402-15	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	6785/TĐTN	09/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược, cập nhật dược điển/MiV-N6	1. Betamethason: USP 38 2. Lactose: DĐVN IV 3. Tinh bột ngô: DĐVN IV 4. Aspartam: BP 2013 5. Gelatin: DĐVN IV 6. Magnesi stearat: DĐVN IV 7. Vàng Tartrazin: DĐVN IV 8. Nước RO (nước tinh khiết): BP 2013	1. Betamethason: USP 2021 2. Lactose: DĐVN V 3. Tinh bột ngô: DĐVN V 4. Aspartam: BP 2022 5. Gelatin: DĐVN V 6. Magnesi stearat: DĐVN V 7. Vàng Tartrazin: DĐVN V 8. Nước RO (nước tinh khiết): BP 2022
1004	Atalzan	VD-32079-19	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	6838/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất, tá dược, cập nhật dược điển/MiV-N6	1. Paracetamol: BP 2016 2. Ibuprofen: USP 40 3. Dibasic calcium phosphate dihydrat (Dicalci phosphat): USP 40 4. Starch, pregelatinized (Erapac): Ph. Eur 8.0 5. Maize starch (Tinh bột): Ph. Eur 8.0 6. FD&C Yellow No. 61 (Sunset yellow): FCC V 7. Povidone K90 (Povidon K90): Ph. Eur 8.0 8. Hydrophobic colloidal silica (Aerosil 200): USP 40 9. Magnesium stearate (Magnesi stearat): USP 40 10. Talc: USP 40 11. Sodium starch glycolate (DST): USP 40 12. Ethanol 96%: DĐVN IV 13. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Paracetamol: BP 2020 2. Ibuprofen: USP 44 3. Dibasic calcium phosphate dihydrat (Dicalci phosphat): USP 44 4. Starch, pregelatinized (Erapac): Ph. Eur 10.0 5. Maize starch (Tinh bột): Ph. Eur 10.0 6. FD&C Yellow No. 61 (Sunset yellow): FCC XII 7. Povidone K90 (Povidon K90): Ph. Eur 10.0 8. Hydrophobic colloidal silica (Aerosil 200): USP 44 9. Magnesium stearate (Magnesi stearat): USP 44 10. Talc: USP 44 11. Sodium starch glycolate (DST): USP 44 12. Ethanol 96%: DĐVN V 13. Nước tinh khiết: DĐVN V

1005	Vitamin C 500mg	VD-32080-19	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	6837/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của thuốc thành phẩm, dược chất, tá dược, cập nhật dược điển/MiV-N6	1. Tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm - Độ đồng đều khối lượng: Thử theo DĐVN IV (Phụ lục 11.3 – Phép thử độ đồng đều khối lượng – Phương pháp 2) - Độ rã: DĐVN IV - Phụ lục 11.6 - Phép thử độ rã của viên nén và nang. 2. Ascorbic acid (Vitamin C): USP 36 3. Maize starch (Tinh bột): Ph. Eur 8.0 4. Microcrystaline cellulose (M101): USP 38 5. Magnesium stearate (Magnesi stearat): USP 40	1. Tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm - Độ đồng đều khối lượng: Thử theo DĐVN V (Phụ lục 11.3 – Phép thử độ đồng đều khối lượng – Phương pháp 2) - Độ rã: DĐVN V - Phụ lục 11.6 - Phép thử độ rã của viên nén và nang. 2. Ascorbic acid (Vitamin C): USP 44 3. Maize starch (Tinh bột): Ph. Eur 10.0 4. Microcrystaline cellulose (M101): USP 44 5. Magnesium stearate (Magnesi stearat): USP 44
1006	Prednison	VD-32559-19	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	6839/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của thuốc thành phẩm, dược chất, tá dược, cập nhật dược điển/MiV-N6	1. Tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm - Độ đồng đều khối lượng: Thử theo DĐVN IV (Phụ lục 11.3 – Phép thử độ đồng đều khối lượng – Phương pháp 2) 2. Prednisone (Prednison): USP 40 3. Maize starch (Tinh bột): Ph. Eur 8.0 4. Lactose monohydrate (Lactose monohydrat): USP 40 5. Gum arabic (Gôm arabic): FCC V 6. Sodium starch glycolate (DST): USP 40 7. Purified talc (Talc): BP 2016 8. Magnesium stearate (Magnesi stearat): USP 40 9. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm - Độ đồng đều khối lượng: Thử theo DĐVN V (Phụ lục 11.3 – Phép thử độ đồng đều khối lượng – Phương pháp 2) 2. Prednisone (Prednison): USP 44 3. Maize starch (Tinh bột): Ph. Eur 10.0 4. Lactose monohydrate (Lactose monohydrat): USP 44 5. Gum arabic (Gôm arabic): FCC XII 6. Sodium starch glycolate (DST): USP 44 7. Purified talc (Talc): BP 2020 8. Magnesium stearate (Magnesi stearat): USP 44 9. Nước tinh khiết: DĐVN V
1007	Tigasdo	VD-36019-22	Công ty cổ phần dược phẩm Liviat	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Nam	7781/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất/MiV - N3	Crystal Pharma S.A.U	Curia Spain S.A.U
1008	Biviven	VD-31013-18	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	7806/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Diosmin khi cập nhật dược điển/MiV-N6	1. Nhà sản xuất Hangzhou Viwa Co.,Ltd: EP 8.0 2. Nhà sản xuất Xiamen Neore Chemical Co., Ltd: EP 9.0	1. Nhà sản xuất Hangzhou Viwa Co.,Ltd: EP 10 2. Nhà sản xuất Xiamen Neore Chemical Co., Ltd: EP 10
1009	Ebastine-5A Farma 10mg	VD-34969-21	Công ty Cổ phần 5A Farma	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	29/TĐTN	04/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược, cập nhật dược điển/MiV - N6	1. Ebastin: EP 9.0 2. Lactose monohydrat: BP 2019 3. Crospovidon XL 10: USP 42 4. Tween 80: EP 9.0 5. Hydroxypropyl cellulose: USP 42 6. Starch 1500: USP 42 7. Magnesi stearat: USP 42 8. Aerosil: USP 42	1. Ebastin: EP 10 2. Lactose monohydrat: BP 2022 3. Crospovidon XL 10: USP-NF 2021 4. Tween 80: EP 10 5. Hydroxypropyl cellulose: USP-NF 2021 6. Starch 1500: USP-NF 2021 7. Magnesi stearat: USP-NF 2021 8. Aerosil: USP-NF 2021
1010	Gel Desonide 0,05%	VD-33640-19	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	86/TĐTN	10/01/2023	Thay đổi tên nhà sản xuất dược chất Desonide/MiV-N3	AARTI INDUSTRIES LIMITED	AARTI PHARMALABS LIMITED
1011	Desonide 0,05%	VD-33637-19	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	87/TĐTN	10/01/2023	Thay đổi tên nhà sản xuất dược chất Desonide/MiV-N3	AARTI INDUSTRIES LIMITED	AARTI PHARMALABS LIMITED
1012	Soler	VD-34840-20	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	559/TĐTN	21/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược, cập nhật dược điển/MiV - N6	1. Zopiclone: EP 9.0 2. Lactose monohydrat: BP 2019 3. Microcrystalline cellulose (Avicel) 102: BP 2019 4. Povidone (PVP) K30: BP 2019 5. Silicon dioxyd (Syloid AL 1FP): USP 42 6. Talc: USP 42 7. Sodium starch glycolate (DST): USP 42	1. Zopiclone: EP 10.0 2. Lactose monohydrat: BP 2022 3. Microcrystalline cellulose (Avicel) 102: BP 2022 4. Povidone (PVP) K30: BP 2022 5. Silicon dioxyd (Syloid AL 1FP) : USP 44 6. Talc: USP 44 7. Sodium starch glycolate (DST): USP 44
1013	Trustemtri	VD-36046-22	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	713/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Tenofovir disoproxil fumarat/MiV-N3	Acebright (India) Pharma Private Limited	Cdymax (India) Pharma Private Limited
1014	Temacip 300	VD-25575-16	Công ty TNHH BRV HEALTHCARE	Công ty TNHH BRV HEALTHCARE	716/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Tenofovir disoproxil fumarat/MiV-N3	Acebright (India) Pharma Private Limited	Cdymax (India) Pharma Private Limited

1015	Nuradre 400	VD-14150-11	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	718/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Gabapentin cập nhật dược điển/MiV-N6	1. Nhà sản xuất Labochim - Italy: USP 30 2. Nhà sản xuất Hangzhou Starshine Pharmaceutical Co., Ltd: USP 38	1. Nhà sản xuất Labochim - Italy: USP hiện hành(*) (USP-NF 2022) **2.** Nhà sản xuất Hangzhou Starshine Pharmaceutical Co., Ltd: USP hiện hành(*) (USP-NF 2022)
1016	Rhinaris	VD-28273-17	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l	790/TĐTN	02/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược, cập nhật dược điển/MiV - N6	1. Vitamin E (tương đương d-α tocopherol) : USP 36 2. Dầu đậu nành (Soybean oil): USP 36 3. Gelatin: NF 31 4. Glycerin đậm đặc: USP 36 5. Methyl para-hydroxybenzoat(Methyl paraben): NF 31 6. Propyl para-hydroxybenzoat (Propyl paraben) : NF 31 7. Ethyl vanillin : NF 31 8. Nước tinh khiết (Purified water): USP 36	1. Vitamin E (tương đương d-α tocopherol) : USP hiện hành (USP 43) 2. Dầu đậu nành (Soybean oil): USP hiện hành (USP 43) 3. Gelatin: NF hiện hành (NF 38) 4. Glycerin đậm đặc: USP hiện hành (USP 43) 5. Methyl para-hydroxybenzoat (Methyl paraben): NF hiện hành (NF 38) 6. Propyl para-hydroxybenzoat (Propyl paraben) : NF hiện hành (NF 38) 7. Ethyl vanillin : NF hiện hành (NF 38) 8. Nước tinh khiết (Purified water): USP hiện hành (USP 43)
1017	Mesalic	VD-35310-21	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	869/TĐTN	07/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/MiV-N1, MiV-N9	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
1018	Neocilon	VD-35352-21	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	869/TĐTN	07/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/MiV-N1, MiV-N9	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
1019	Cefodizim 1g	VD-35631-22	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	869/TĐTN	07/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/MiV-N1, MiV-N9	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
1020	Cefuroxim 1g	VD-35741-22	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	869/TĐTN	07/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/MiV-N1, MiV-N9	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
1021	Isotrin 0,05%	VD-35839-22	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	869/TĐTN	07/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/MiV-N1, MiV-N9	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
1022	Vicimadol 0,75g	VD-35947-22	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	869/TĐTN	07/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/MiV-N1, MiV-N9	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
1023	Zeskin	VD-35948-22	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	869/TĐTN	07/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/MiV-N1, MiV-N9	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
1024	Ceragon	VD-35973-22	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	869/TĐTN	07/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/MiV-N1, MiV-N9	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
1025	Cetrimide	893100004623	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	869/TĐTN	07/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/MiV-N1, MiV-N9	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam

1026	Tophem	VD-32576-19	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	1069/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược, cập nhật dược điển/MiV - N6	1. Sắt fumarat : BP 2016 2. Acid folic: USP 38 3. Vitamin B12: USP 38 4. Dầu cọ: USP 38 5. Sáp ong trắng: DĐVN IV 6. Lecithin: USP 38 7. Dầu đậu nành: BP 2016 8. Gelatin: BP 2016 9. Sorbitol: BP 2016 10. Glycerin: BP 2016 11. Vanillin: USP 38 12. Methyl paraben: USP 38 13. Propyl paraben : USP 38 14. Titan dioxyd: BP 2016 15. Ethanol 96^0 : DĐVN IV 16. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Sắt fumarat : BP 2022 2. Acid folic: USP 44 3. Vitamin B12: USP 44 4. Dầu cọ: USP 44 5. Sáp ong trắng: DĐVN V 6. Lecithin: USP 44 7. Dầu đậu nành: BP 2022 8. Gelatin: BP 2022 9. Sorbitol: BP 2022 10. Glycerin: BP 2022 11. Vanillin: USP 44 12. Methyl paraben: USP 44 13. Propyl paraben : USP 44 14. Titan dioxyd: BP 2022 15. Ethanol 96^0 : DĐVN V 16. Nước tinh khiết: DĐVN V
1027	Shogen 400	VD-32229-19	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	1067/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược, cập nhật dược điển/MiV - N6	1. Vitamin E (d-alpha tocopheryl acetat) : USP 38 2. Dầu đậu nành: BP 2014 3. Gelatin: BP 2014 4. Glycerin: BP 2014 5. Methyl paraben: USP 38 6. Propyl paraben : USP 38 7. Ethanol 96^0 : DĐVN IV 8. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Vitamin E (d-alpha tocopheryl acetat) : USP 44 2. Dầu đậu nành: BP 2022 3. Gelatin: BP 2022 4. Glycerin: BP 2022 5. Methyl paraben: USP 44 6. Propyl paraben : USP 44 7. Ethanol 96^0 : DĐVN V 8. Nước tinh khiết: DĐVN V
1028	Vitamin B1B6B12	VD-30721-18	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	1070/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược, cập nhật dược điển/MiV - N6	1. Vitamin B1: BP 2013 2. Vitamin B6: EP 7.0 3. Vitamin B12: USP 38 4. Dầu cọ: USP 38 5. Sáp ong trắng: DĐVN IV 6. Lecithin: USP 38 7. Dầu đậu nành: BP 2013 8. Gelatin: BP 2013 9. Sorbitol: BP 2013 10. Glycerin: BP 2013 11. Vanillin: USP 38 12. Methyl paraben: USP 38 13. Propyl paraben : USP 38 14.Titan dioxyd: BP 2013 15. Sắt oxyd đỏ : DĐVN IV 16. Ethanol 96^0 : DĐVN IV 17. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Vitamin B1: BP 2022 2. Vitamin B6: EP 10.0 3. Vitamin B12: USP 44 4. Dầu cọ: USP 44 5. Sáp ong trắng: DĐVN V 6. Lecithin: USP 44 7. Dầu đậu nành: BP 2022 8. Gelatin: BP 2022 9. Sorbitol: BP 2022 10. Glycerin: BP 2022 11. Vanillin: USP 44 12. Methyl paraben: USP 44 13. Propyl paraben : USP 44 14. Titan dioxyd: BP 2022 15. Sắt oxyd đỏ : DĐVN V 16. Ethanol 96^0 : DĐVN V 17. Nước tinh khiết: DĐVN V
1029	Simenta	VD-25078-16	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	1363/TĐTN	22/03/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất Cetirizin dihydrochloride/MiV -N3	Auctus Pharma Limited (Unit II)	Granules India Limited
1030	Alphachymotrypsin - BVP 8400	VD-20618-14	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma	6157/TĐTN	10/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Chymotrypsin (nhà sản xuất Shanghai Linzyme Biosciences Ltd) (cập nhật dược điển)/MiV-N6 Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất/MiV-N3	1. Tiêu chuẩn chất lượng: USP 34 2. Tên cơ sở sản xuất: Shanghai Linzyme Biosciences Ltd	1. Tiêu chuẩn chất lượng: USP 43 2. Tên cơ sở sản xuất: Ningbo Linzyme Biosciences Co., Ltd

1031	Alchysin 4200	VD-30207-18	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	6155/TĐTN	10/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Chymotrypsin (nhà sản xuất Shanghai Linzyme Biosciences Ltd) (cập nhật dược điển)/MiV-N6 Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất/MiV-N3	1. Tiêu chuẩn chất lượng: USP 34 2. Tên cơ sở sản xuất: Shanghai Linzyme Biosciences Ltd	1. Tiêu chuẩn chất lượng: USP 43 2. Tên cơ sở sản xuất: Ningbo Linzyme Biosciences Co., Ltd
1032	Alphachymotrypsin - BVP 4200	VD-27671-17	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	6153/TĐTN	10/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Chymotrypsin (nhà sản xuất Shanghai Linzyme Biosciences Ltd) (cập nhật dược điển)/MiV-N6 Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất/MiV-N3	1. Tiêu chuẩn chất lượng: USP 34 2. Tên cơ sở sản xuất: Shanghai Linzyme Biosciences Ltd	1. Tiêu chuẩn chất lượng: USP 43 2. Tên cơ sở sản xuất: Ningbo Linzyme Biosciences Co., Ltd
1033	Alphachymotrypsin - BVP	VD-27670-17	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	6151/TĐTN	10/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Chymotrypsin (nhà sản xuất Shanghai Linzyme Biosciences Ltd) (cập nhật dược điển)/MiV-N6 Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất/MiV-N3	1. Tiêu chuẩn chất lượng: USP 34 2. Tên cơ sở sản xuất: Shanghai Linzyme Biosciences Ltd	1. Tiêu chuẩn chất lượng: USP 43 2. Tên cơ sở sản xuất: Ningbo Linzyme Biosciences Co., Ltd
1034	Alchysin 8400	VD-22714-15	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	7797/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Chymotrypsin (Nhà sản xuất: Shanghai Linzyme Biosciences Ltd) (cập nhật dược điển)/MiV-N6	USP 36	USP-NF 2021
1035	Gastsus	VD-30213-18	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	159/TĐTN	19/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất (Nhà sản xuất: Nitika Pharmaceutical Specialities Pvt. Ltd) (cập nhật dược điển)/MiV-N6	1. Dried aluminium hydroxide gel: USP 38 2. Magnesium hydroxide: USP 38	1. Dried aluminium hydroxide gel: USP-NF 2021 2. Magnesium hydroxide: USP 43
1036	Ausvair 150	VD-28759-18	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	148/TĐTN	17/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Pregabalin (Nhà sản xuất: VPL Chemicals PVT. Ltd) (cập nhật dược điển)/MiV-N6	EP 8.7	EP hiện hành (EP 10)

1037	Bividios	VD-29607-18	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	7811/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Diosmin (nhà sản xuất Hangzhou Viwa Co.,Ltd) (cập nhật dược điển)/MiV-N6	EP 8.0	EP 10
1038	Alphachymotrypsin - BVP 8400	VD-20618-14	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma	7799/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Chymotrypsin (nhà sản xuất Shanghai Linzyme Biosciences Ltd) (cập nhật dược điển)/MiV-N6	USP 34	USP-NF 2021
1039	Nofotai 100	VD-30981-18	Công ty cổ phần Mặt Trời Mới	Công ty Cổ phần BV Pharma	711/TĐTN	28/02/2023	Thay đổi tên, địa chỉ cơ sở đăng ký/MiV-N1; Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm do thay đổi chủ sở hữu/MiV-N8; Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/MiV-N9	1. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Mặt Trời Mới Địa chỉ: 36B/17 Đường 762 Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần BV Pharma 3. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Ấp 2, Xã Tân Thạnh Tây - Huyện Củ Chi - Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược NEWSUN Địa chỉ: 43/14 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty TNHH BRV Healthcare 3. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Khu A, số 18, đường số 09, ấp 2A, Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam
1040	Nofotai 50	VD-30982-18	Công ty cổ phần Mặt Trời Mới	Công ty Cổ phần BV Pharma	712/TĐTN	28/02/2023	Thay đổi tên, địa chỉ cơ sở đăng ký/MiV-N1; Thay đổi tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm do thay đổi chủ sở hữu/MiV-N8; Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/MiV-N9	1. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Mặt Trời Mới Địa chỉ: 36B/17 Đường 762 Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần BV Pharma 3. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Ấp 2, Xã Tân Thạnh Tây - Huyện Củ Chi - Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược NEWSUN Địa chỉ: 43/14 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 2. Tên cơ sở sản xuất: Công ty TNHH BRV Healthcare 3. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Khu A, số 18, đường số 09, ấp 2A, Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam
1041	Flabivi	VD-27681-17	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	7803/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Simethicone emulsion 30% (nhà sản xuất RioCare India Pvt.Ltd) (cập nhật dược điển)/MiV-N6	USP 36	USP 43
1042	Sedno	VD-28767-18	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare	1807/TĐTN	11/04/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Desloratadin (nhà sản xuất Vasudha Pharma Chem Limited) (cập nhật dược điển)/MiV-N6	EP 8	EP hiện hành (EP 11)
1043	BVPALIN	VD-27678-17	Công ty TNHH BRV HEALTHCARE	Công ty TNHH BRV HEALTHCARE	1803/TĐTN	11/04/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Desloratadin (nhà sản xuất Vasudha Pharma Chem Limited) (cập nhật dược điển)/MiV-N6	EP 8	EP hiện hành (EP 11)

1044	BIVIFLU-F	VD-20619-14	Công ty TNHH BRV HEALTHCARE	Công ty TNHH BRV HEALTHCARE	1805/TĐTN	11/04/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Dextromethorphan Hydrobromide (nhà sản xuất Wockhardt Ltd) (cập nhật dược điển)/MiV-N6	USP 39	USP 43
1045	BIVIFLU	VD-27676-17	Công ty TNHH BRV HEALTHCARE	Công ty TNHH BRV HEALTHCARE	1800/TĐTN	11/04/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Dextromethorphan Hydrobromide/MiV-N3	Hy-Gro Chemicals Phartek Pvt.Ltd	Hy-Gro Chemicals Pharmtek Private Limited
1046	HEPA-TAF	VD3-126-21	Công ty TNHH BRV HEALTHCARE	Công ty TNHH BRV HEALTHCARE	1801/TĐTN	11/04/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Tenofovir alafenamide fumarate/MiV-N3	Laurus Labs Private Limited	Laurus Labs Limited (Unit-I)
1047	FRANFACLOR 125	VD-32162-19	Công ty cổ phần liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty cổ phần liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	1759/TĐTN	07/04/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Cefaclor monohydrat (cập nhật dược điển)/MiV-N6	USP 38	USP -NF 2022
1048	FRANPICIN 500	VD-32164-19	Công ty cổ phần liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty cổ phần liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	1758/TĐTN	07/04/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất Ampicilin trihydrat (cập nhật dược điển)/MiV-N6	BP 2016	BP 2022
1049	UKISEN	VD-32160-19	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	1941/TĐTN	17/04/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký/MiV-N1; Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/MiV-N9; Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất và tá dược cập nhật dược điển/MiV - N6;	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 2A, Đại lộ Tự Do, Khu Công nghiệp Việt Nam- Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Số 2A, Đại lộ Tự Do, Khu Công nghiệp Việt Nam- Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam 3. Cetirizin hydroclorid: EP 9.0 4. Lactose monohydrat: NF 34 5. Cellulose vi tinh thể 102: NF 34 6. Tinh bột natri glycolat: NF 34 7. Magnesi stearat: NF 34 8. Colloidal silicon dioxyd: NF 34 9. Ethanol 96%: USP 39 10. Methylen clorid: NF 34	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 2A, Đại lộ Tự Do, Khu Công nghiệp Việt Nam- Singapore, Phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Số 2A, Đại lộ Tự Do, Khu Công nghiệp Việt Nam- Singapore, Phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam 3. Cetirizin hydroclorid: EP hiện hành (EP 11.0) 4. Lactose monohydrat: NF hiện hành (NF 38) 5. Cellulose vi tinh thể 102: NF hiện hành (NF 38) 6. Tinh bột natri glycolat: NF hiện hành (NF 38) 7. Magnesi stearat: NF hiện hành (NF 38) 8. Colloidal silicon dioxyd: NF hiện hành (NF 38) 9. Ethanol 96%: USP hiện hành (USP-NF 2021) 10. Methylen clorid: NF hiện hành (NF 38)
1050	DUTAON	VD-26389-17	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	1940/TĐTN	17/04/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký/MiV-N1; Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm/MiV-N9; Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược/MiV-N2	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 2A, Đại lộ Tự Do, Khu Công nghiệp Việt Nam- Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Số 2A, Đại lộ Tự Do, Khu Công nghiệp Việt Nam- Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam 3. Tá dược Glycin: - Cơ sở sản xuất: Jizhou Huaheng Biological Technology Co., Ltd - Địa chỉ: No.777 Xinghua South Street, Jizhou City, Hebei Province, China) 4. Tá dược Sắt oxyd (màu vàng): - Cơ sở sản xuất: Junsei Chemical Co. Ltd - - Địa chỉ: 1-6 Ohmano-Cho, Koshigaya-Shi, Saitama 343-0844, Japan	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 2A, Đại lộ Tự Do, Khu Công nghiệp Việt Nam- Singapore, Phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Số 2A, Đại lộ Tự Do, Khu Công nghiệp Việt Nam- Singapore, Phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam 3. Tá dược Glycin: - Cơ sở sản xuất: Yuki Gosei Kogyo., Ltd (Joban Factory) - Địa chỉ: 788, Ochiai, Joban Nishigo-machi, Iwaki-shi, Fukushima 972-8316, Japan 4. Tá dược Sắt oxyd (màu vàng): - Cơ sở sản xuất 1: + Venator + Địa chỉ: Vía G. Reiss Romoli, 44/12- 10148 Torino, Italy); - Cơ sở sản xuất 2: + Univar Colour + Địa chỉ: Victoria House, Radford Way, Billericay, Essex CM12 0DX, England

1051	Paracetamol 500mg	VD-30684-18	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	6052/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Paracetamol: BP 2013 2. Tinh bột ngô: DĐVN IV 3. Povidon K29/32: USP 36 4. Colloidal silicon dioxyd: NF 31 5. Magnesi stearat: DĐVN IV 6. Natri starch glycolat: BP 2013 7. Pregelatinized starch: NF 31 8. Nước tinh khiết: DĐVN IV 9. Thuốc thành phẩm: DĐVN IV	1. Paracetamol: BP 2022 2. Tinh bột ngô: DĐVN V 3. Povidon K29/32: USP 44 4. Colloidal silicon dioxyd: NF 39 5. Magnesi stearat: DĐVN V 6. Natri starch glycolat: BP 2022 7. Pregelatinized starch: NF 39 8. Nước tinh khiết: DĐVN V 9. Thuốc thành phẩm: DĐVN V
1052	Tetracycline 500mg	VD-22279-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1053	Tetracycline 500mg	VD-22279-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1054	Augbactam 1g	VD-23175-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1055	Augbactam 1g	VD-23175-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1056	Cephalexin 250mg	VD-23176-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1057	Cephalexin 250mg	VD-23176-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1058	Meko Cepha	VD-23181-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1059	Meko Cepha	VD-23181-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1060	Merovast 10	VD-23183-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1061	Merovast 10	VD-23183-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1062	Merovast 20	VD-23184-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1063	Merovast 20	VD-23184-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1064	Mutecium-M	VD-23185-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1065	Mutecium-M	VD-23185-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1066	Mycogynax	VD-23186-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1067	Mycogynax	VD-23186-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1068	Nalsarac	VD-23187-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1069	Nalsarac	VD-23187-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1070	Nasolspray	VD-23188-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1071	Nasolspray	VD-23188-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1072	Protamol	VD-23189-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1073	Protamol	VD-23189-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1074	Sirô Ho Antituss Plus	VD-23191-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1075	Sirô Ho Antituss Plus	VD-23191-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1076	Sodium Chloride 0,45% & Dextrose 5%	VD-23192-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1077	Sodium Chloride 0,45% & Dextrose 5%	VD-23192-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1078	Sumakin 250/125	VD-23193-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1079	Sumakin 250/125	VD-23193-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1080	Sumakin 500/125	VD-23194-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1081	Sumakin 500/125	VD-23194-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1082	Aziphar	VD-23799-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1083	Aziphar	VD-23799-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1084	Captarsan 25	VD-23800-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1085	Captarsan 25	VD-23800-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1086	Heptaminol	VD-23802-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1087	Heptaminol	VD-23802-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7089/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1088	Cefixime MKP 100	VD-18459-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1089	Cefixime MKP 100	VD-18459-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1090	Cefixime MKP 50	VD-18460-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1091	Cefixime MKP 50	VD-18460-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1092	Ibuprofen 600mg	VD-18461-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1093	Ibuprofen 600mg	VD-18461-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1094	Lysinkid-Ca	VD-18462-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1095	Lysinkid-Ca	VD-18462-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1096	Mekotropyl 400	VD-18464-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1097	Mekotropyl 400	VD-18464-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1098	Mekotropyl 800	VD-18465-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1099	Mekotropyl 800	VD-18465-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1100	Quincef 125	VD-18466-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1101	Quincef 125	VD-18466-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1102	Sumakin	VD-18467-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1103	Sumakin	VD-18467-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1104	Chloram-H	VD-18805-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1105	Chloram-H	VD-18805-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1106	Arthrobic 15	VD-19108-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1107	Arthrobic 15	VD-19108-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1108	Arthrobic 7,5	VD-19109-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1109	Arthrobic 7,5	VD-19109-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1110	Gríseofulvin 5%	VD-19111-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1111	Gríseofulvin 5%	VD-19111-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1112	Vitamin B1 250mg	VD-19114-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1113	Vitamin B1 250mg	VD-19114-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1114	Acetylcysteine 200mg	VD-20019-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1115	Acetylcysteine 200mg	VD-20019-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1116	Amoxicillin 500mg	VD-20020-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1117	Amoxicillin 500mg	VD-20020-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1118	Cefpodoxime-MKP 100	VD-20022-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1119	Cefpodoxime-MKP 100	VD-20022-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1120	Cefpodoxime-MKP 50	VD-20023-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1121	Cefpodoxime-MKP 50	VD-20023-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1122	Danircap 125	VD-20024-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1123	Danircap 125	VD-20024-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1124	Erymekophar	VD-20026-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1125	Erymekophar	VD-20026-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1126	Maloxid P Gel	VD-20027-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1127	Maloxid P Gel	VD-20027-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1128	Methylprednisolone MKP 16mg	VD-20028-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1129	Methylprednisolone MKP 16mg	VD-20028-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1130	Methylprednisolone MKP 4mg	VD-20029-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1131	Methylprednisolone MKP 4mg	VD-20029-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1132	Amoxicillin 250mg	VD-20313-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1133	Amoxicillin 250mg	VD-20313-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1134	Cesyrup	VD-20314-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1135	Cesyrup	VD-20314-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1136	Dextrose 10%	VD-20315-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1137	Dextrose 10%	VD-20315-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1138	Dextrose 20%	VD-20316-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1139	Dextrose 20%	VD-20316-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1140	Kim tiền thảo MKP	VD-20317-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1141	Kim tiền thảo MKP	VD-20317-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1142	Mekociprox	VD-20318-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1143	Mekociprox	VD-20318-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1144	Sodium chloride 10%	VD-20319-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1145	Sodium chloride 10%	VD-20319-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1146	Sumakin 750	VD-20320-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1147	Sumakin 750	VD-20320-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7090/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1148	Penicillin G 1000 000 IU	VD-26387-17	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1149	Penicillin G 1000 000 IU	VD-26387-17	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1150	Cefotaxime1g	VD-24410-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1151	Cefotaxime1g	VD-24410-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1152	Paracetamol 500mg	VD-24412-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1153	Paracetamol 500mg	VD-24412-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1154	Paracold 500	VD-24413-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1155	Paracold 500	VD-24413-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1156	Pyrazinamide 500mg	VD-24414-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1157	Pyrazinamide 500mg	VD-24414-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1158	Sodium chloride 0,9%	VD-24415-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1159	Sodium chloride 0,9%	VD-24415-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1160	Amoxicillin 250mg	VD-24948-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1161	Amoxicillin 250mg	VD-24948-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1162	Cimetidine 300mg	VD-24949-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1163	Cimetidine 300mg	VD-24949-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1164	Mekoamin	VD-24952-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1165	Mekoamin	VD-24952-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1166	Chlorpheniramine 4mg	VD-25366-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1167	Chlorpheniramine 4mg	VD-25366-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1168	Mekoamin S 5%	VD-25369-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1169	Mekoamin S 5%	VD-25369-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1170	Paracetamol 500mg	VD-25370-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1171	Paracetamol 500mg	VD-25370-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1172	Sodium chloride 3%	VD-25372-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1173	Sodium chloride 3%	VD-25372-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1174	Ampicillin MKP 500	VD-25878-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1175	Ampicillin MKP 500	VD-25878-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1176	Ketoconazole 2%	VD-25880-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1177	Ketoconazole 2%	VD-25880-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1178	Mekocefaclor 500	VD-25881-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1179	Mekocefaclor 500	VD-25881-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1180	D.E.P	VS-4958-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1181	D.E.P	VS-4958-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1182	Povidone Iodine 10%	VS-4959-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1183	Povidone Iodine 10%	VS-4959-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7091/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1184	Kalecin 500	VD-8941-09	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1185	Kalecin 500	VD-8941-09	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1186	Poncityl 500	VD-15033-11	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1187	Poncityl 500	VD-15033-11	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1188	Diclofenac 50mg	VD-15516-11	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1189	Diclofenac 50mg	VD-15516-11	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1190	Mebendazole 500mg	VD-15522-11	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1191	Mebendazole 500mg	VD-15522-11	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1192	Mutecium-M	VD-15527-11	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1193	Mutecium-M	VD-15527-11	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1194	Sulfaprim	VD-17131-12	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1195	Sulfaprim	VD-17131-12	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1196	Dầu khuynh diệp MEKOPHAR	VD-17671-12	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1197	Dầu khuynh diệp MEKOPHAR	VD-17671-12	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1198	Erybact 365	VD-17673-12	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1199	Erybact 365	VD-17673-12	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1200	Erybact Fort	VD-17674-12	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1201	Erybact Fort	VD-17674-12	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1202	Cesyrup	VD-20499-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1203	Cesyrup	VD-20499-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1204	Calci lactate 650mg	VD-20949-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1205	Calci lactate 650mg	VD-20949-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1206	Dầu gió MEKOPHAR	VD-20950-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1207	Dầu gió MEKOPHAR	VD-20950-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1208	Mekocefal	VD-20952-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1209	Mekocefal	VD-20952-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1210	Mekocefal	VD-20953-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1211	Mekocefal	VD-20953-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1212	Methionine 250mg	VD-20954-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1213	Methionine 250mg	VD-20954-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1214	Paracold MKP	VD-20955-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1215	Paracold MKP	VD-20955-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1216	Prednisone 5mg	VD-20956-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1217	Prednisone 5mg	VD-20956-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1218	Quincef 125	VD-20958-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1219	Quincef 125	VD-20958-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1220	Quincef 250	VD-20959-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1221	Quincef 250	VD-20959-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1222	Roxithromycin 50mg	VD-20960-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1223	Roxithromycin 50mg	VD-20960-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1224	Stroseca	VD-20962-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1225	Stroseca	VD-20962-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1226	Glumarix	VD-21431-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1227	Glumarix	VD-21431-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1228	Lactate ringer & Dextrose5%	VD-21432-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1229	Lactate ringer & Dextrose5%	VD-21432-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1230	Quincef 125mg/5ml	VD-21433-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1231	Quincef 125mg/5ml	VD-21433-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1232	Tyrothricin Pastille	VD-21434-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1233	Tyrothricin Pastille	VD-21434-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1234	Dextrose 30%	VD-21715-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1235	Dextrose 30%	VD-21715-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1236	Paracold Fort	VD-21718-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1237	Paracold Fort	VD-21718-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1238	Rhaminas	VD-21959-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1239	Rhaminas	VD-21959-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7148/TĐTN	19/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1240	Meflavon	VD-30680-18	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	22/TĐTN	04/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Rutin: EP 8.0 2. Lactose: DĐVN IV 3. Talc: DĐVN IV 4. Magnesi stearat: DĐVN IV 5. Natri starch glycolat: BP 2013 6. Tinh bột biến tính: NF 31 7. Methacrylic acid copolymer: NF 31 8. Hydroxypropyl methylcellulose: BP 2013 9. Titan dioxyd: BP 2013 10. Macrogol 6000: DĐVN IV 11. Polysorbat 80: BP 2013 12. Ethanol 96%: DĐVN IV	1. Rutin: EP 10.0 2. Lactose: DĐVN V 3. Talc: DĐVN V 4. Magnesi stearat: DĐVN V 5. Natri starch glycolat: BP 2022 6. Tinh bột biến tính: NF 39 7. Methacrylic acid copolymer: NF 39 8. Hydroxypropyl methylcellulose: BP 2022 9. Titan dioxyd: BP 2022 10. Macrogol 6000: DĐVN V 11. Polysorbat 80: BP 2022 12. Ethanol 96%: DĐVN V
1241	Gríseofulvin 250mg	VD-19110-13	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	23/TĐTN	04/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Griseofulvin: EP 8.0 2.Tinh bột sắn biến tính: NF 34 3.Povidon K29/32: USP 39 4.Talc: DĐVN IV 5.Magnesi stearat: DĐVN IV 6.Colloidal silicon dioxyd: NF 34 7.Ethanol 96%: DĐVN IV 8.Lactose: DĐVN IV 9.Thuốc thành phẩm: DĐVN IV	1.Griseofulvin: EP 10.0 2.Tinh bột sắn biến tính: NF 39 3.Povidon K29/32: USP 44 4.Talc: DĐVN V 5.Magnesi stearat: DĐVN V 6.Colloidal silicon dioxyd: NF 39 7.Ethanol 96%: DĐVN V 8.Lactose: DĐVN V 9.Thuốc thành phẩm: DĐVN V
1242	Cephalexin MKP 250	VD-32130-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	202/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Cephalexin monohydrat: BP 2019 2. Magnesi stearat: DĐVN IV	1. Cephalexin monohydrat: BP 2022 2. Magnesi stearat: DĐVN V
1243	Erythromycin 250mg	VD-32135-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	294/TĐTN	07/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Erythromycin stearat: BP 2013 2. Pregelatinized starch: NF 31 3.Natri croscarmellose: BP 2013 4.Magnesi stearat: DĐVN IV 5.Hydroxypropylmethylcellulose (Hypromellose): BP 2013 6.Macrogol 6000: DĐVN IV 7.Polysorbat 80: BP 2013 8.Titan dioxid: BP 2013 9.Talc: DĐVN IV 10.Ethanol 96%: DĐVN IV 11.Nước tinh khiết: DĐVN IV 12.Thuốc thành phẩm: DĐVN IV	1.Erythromycin stearat: BP 2022 2.Pregelatinized starch: NF 39 3.Natri croscarmellose: BP 2022 4.Magnesi stearat: DĐVN V 5.Hydroxypropylmethylcellulose (Hypromellose): BP 2022 6.Macrogol 6000: DĐVN V 7.Polysorbat 80: BP 2022 8.Titan dioxid: BP 2022 9.Talc: DĐVN V 10.Ethanol 96%: DĐVN V 11.Nước tinh khiết: DĐVN V 12.Thuốc thành phẩm: DĐVN V
1244	Cimetidine MKP 200	VD-32131-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	295/TĐTN	07/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Cimetidin: USP 36 2.Lactose: DĐVN IV 3.Natri croscarmellose: BP 2013 4.Povidon K29/32: USP 36 5.Magnesi stearat: DĐVN IV 6.Tinh bột ngô: DĐVN IV 7.Nước tinh khiết: DĐVN IV 8.Thuốc thành phẩm: DĐVN IV	1.Cimetidin: USP 44 2.Lactose: DĐVN V 3.Natri croscarmellose: BP 2022 4.Povidon K29/32: USP 44 5.Magnesi stearat: DĐVN V 6.Tinh bột ngô: DĐVN V 7.Nước tinh khiết: DĐVN V 8.Thuốc thành phẩm: DĐVN V

1245	Berberine 100mg	VD-32129-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	201/TĐTN	07/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Povidon K29/32: USP 36 2. Talc: DĐVN IV 3. Tinh bột sắn biến tính (Modified starch): NF 31 4. Ethanol 96%: DĐVN IV	1. Povidon K29/32: USP 44 2. Talc: DĐVN V 3. Tinh bột sắn biến tính (Modified starch): NF 39 4. Ethanol 96%: DĐVN V
1246	Doxycycline 100mg	VD-32134-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	297/TĐTN	07/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Doxycyclin hyclat: EP 8.0 2. Tinh bột sắn biến tính (Modified starch): NF 33 3. Talc: DĐVN IV 4. Lactose: DĐVN IV 5. Nước tinh khiết: DĐVN IV 6. Thuốc thành phẩm: DĐVN IV	1. Doxycyclin hyclat: EP 10.0 2. Tinh bột sắn biến tính (Modified starch): NF 39 3. Talc: DĐVN V 4. Lactose: DĐVN V 5. Nước tinh khiết: DĐVN V 6. Thuốc thành phẩm: DĐVN V
1247	Aziphar 100	VD-32128-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	383/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Azithromycin dihydrate: USP 39 2.Mannitol: DĐVN IV 3.Acesulfame potassium: BP 2013 4.Ammonium glycyrrhizinate: BP 2013 5.Colloidal silicon dioxide: NF 31 6.Crospovidone: NF 31 7.Hydroxypropylmethylcellulose (Hypromellose): BP 2013 8.Đường trắng: DĐVN IV	1.Azithromycin dihydrate: USP 44 2.Mannitol: DĐVN V 3.Acesulfame potassium: BP 2022 4.Ammonium glycyrrhizinate: BP 2022 5.Colloidal silicon dioxide: NF 39 6.Crospovidone: NF 39 7.Hydroxypropylmethylcellulose (Hypromellose): BP 2022 8.Đường trắng: DĐVN V
1248	Meko Coramin	VD3-106-21	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	384/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Nikethamid: BP 2013 2.Glucose monohydrat: USP 36 3.Đường trắng: DĐVN IV 4.Tinh bột ngô: DĐVN IV 5.Colloidal silicon dioxyd: NF 31 6.Maltodextrin: BP 2013 7.Crospovidon: NF 31 8.Vanilin: DĐVN IV 9.Magnesi stearat: DĐVN IV 10.Nước tinh khiết: DĐVN IV	1.Nikethamid: BP 2022 2.Glucose monohydrat: USP 44 3.Đường trắng: DĐVN V 4.Tinh bột ngô: DĐVN V 5.Colloidal silicon dioxyd: NF 39 6.Maltodextrin: BP 2022 7.Crospovidon: NF 39 8.Vanilin: DĐVN V 9.Magnesi stearat: DĐVN V 10.Nước tinh khiết: DĐVN V
1249	Berberine 100mg	VD-32129-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	385/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất Berberin clorid khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	JP XVII	JP XVIII
1250	Lifibrat 300	VD-32139-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	386/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Fenofibrat: EP 7.0 2.Crospovidon: NF 31 3.Colloidal silicon dioxyd: NF 31 4.Natri starch glycolat: BP 2013 5.Natri lauryl sulfat: NF 31 6.Talc: DĐVN IV 7.Tinh bột ngô: DĐVN IV	1.Fenofibrat: EP 10.0 2.Crospovidon: NF 39 3.Colloidal silicon dioxyd: NF 39 4.Natri starch glycolat: BP 2022 5.Natri lauryl sulfat: NF 39 6.Talc: DĐVN V 7.Tinh bột ngô: DĐVN V
1251	Ethambutol 400	VD-32137-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	612/TĐTN	23/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Ethambutol hydroclorid: BP 2013 2. Povidon K29/32: USP 36 3. Manitol: DĐVN IV 4. Dicalci phostphat khan: BP 2013 5. Crospovidon: NF 31 6. Colloidal silicon dioxyd: NF 31 7. Magnesi stearat: DĐVN IV 8. Microcrystalline cellulose 101: NF 31 9. Hydroxypropylmethylcellulose (Hypromellose): BP 2013 10. Titan dioxyd: BP 2013 11. Talc: DĐVN IV 12. Macrogol 6000: DĐVN IV 13. Ethanol 96%: DĐVN IV 14. Nước tinh khiết: DĐVN IV 15. Thuốc thành phẩm: DĐVN IV	1. Ethambutol hydroclorid: BP 2022 2. Povidon K29/32: USP 44 3. Manitol: DĐVN V 4. Dicalci phostphat khan: BP 2022 5. Crospovidon: NF 39 6. Colloidal silicon dioxyd: NF 39 7. Magnesi stearat: DĐVN V 8. Microcrystalline cellulose 101: NF 39 9. Hydroxypropylmethylcellulose (Hypromellose): BP 2022 10. Titan dioxyd: BP 2022 11. Talc: DĐVN V 12. Macrogol 6000: DĐVN V 13. Ethanol 96%: DĐVN V 14. Nước tinh khiết: DĐVN V 15. Thuốc thành phẩm: DĐVN V

1252	Mekoindocin 25	VD-32145-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	613/TĐTN	23/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Indomethacin: EP 8.0 2. Tinh bột ngô: DĐVN IV 3. Povidon K29/32: USP 36 4. Natri lauryl sulfat: NF 31 5. Colloidal silicon dioxyd: NF 31 6. Magnesi stearat: DĐVN IV 7. Crospovidon: NF 31 8. Lactose: DĐVN IV 9. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Indomethacin: EP 10.0 2. Tinh bột ngô: DĐVN V 3. Povidon K29/32: USP 44 4.Natri lauryl sulfat: NF 39 5. Colloidal silicon dioxyd: NF 39 6. Magnesi stearat: DĐVN V 7. Crospovidon: NF 39 8. Lactose: DĐVN V 9. Nước tinh khiết: DĐVN V
1253	Mekolasmin	VD-32146-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	614/TĐTN	23/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Betamethason: EP 8.0 2. Dexclorpheniramin maleat: BP 2013 3. Lactose: DĐVN IV 4. Magnesi stearat: DĐVN IV 5. Tinh bột ngô: DĐVN IV 6. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Betamethason: EP 10.0 2. Dexclorpheniramin maleat: BP 2022 3. Lactose: DĐVN V 4. Magnesi stearat: DĐVN V 5. Tinh bột ngô: DĐVN V 6. Nước tinh khiết: DĐVN V
1254	Mekocetin	VD-32144-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	615/TĐTN	23/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Betamethasone:EP 7.0 2. Lactose: DĐVN IV 3. Tinh bột ngô: DĐVN IV 4. Talc: DĐVN IV 5. Natri starch glycolat: BP 2013 6. Magnesi stearat: DĐVN IV 7. Colloidal silicon dioxyd: NF 31 8. Tinh bột biến tính: NF 31 9. Nước tinh khiết: DĐVN IV 10. Thuốc thành phẩm: DĐVN IV	1. Betamethasone:EP 10.0 2. Lactose: DĐVN V 3. Tinh bột ngô: DĐVN V 4. Talc: DĐVN V 5. Natri starch glycolat: BP 2022 6. Magnesi stearat: DĐVN V 7. Colloidal silicon dioxyd: NF 39 8. Tinh bột biến tính: NF 39 9. Nước tinh khiết: DĐVN V 10. Thuốc thành phẩm: DĐVN V
1255	Furagon	VD-32686-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	936/TĐTN	08/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. L-Lysin acetat: EP 8.0 2. L-Threonin: EP 8.0 3. L-Tryptophan: EP 8.0 4. L-Histidin: EP 8.0 5. L-Tyrosin: EP 8.0 6. Pregelatinized starch: NF 33 7. Natri croscarmellose: BP 2014 8. Colloidal silicon dioxyd: NF 33 9. Magnesi stearat: DĐVN IV 10. Microcrystallin cellulose 112: NF 33 11. Hydroxypropyl methylcellulose 606: BP 2014 12. Macrogol 6000: DĐVN IV 13. Talc: DĐVN IV 14. Titan dioxyd: BP 2014 15. Polysorbat 80: BP 2014 16. Ethanol 96%: DĐVN IV 17. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. L-Lysin acetat: EP 10.0 2. L-Threonin: EP 10.0 3. L-Tryptophan: EP 10.0 4. L-Histidin: EP 10.0 5. L-Tyrosin: EP 10.0 6. Pregelatinized starch: NF 39 7. Natri croscarmellose: BP 2022 8. Colloidal silicon dioxyd: NF 39 9. Magnesi stearat: DĐVN V 10. Microcrystallin cellulose 112: NF 39 11. Hydroxypropyl methylcellulose 606: BP 2022 12. Macrogol 6000: DĐVN V 13. Talc: DĐVN V 14. Titan dioxyd: BP 2022 15. Polysorbat 80: BP 2022 16. Ethanol 96%: DĐVN V 17. Nước tinh khiết: DĐVN V
1256	Mekoderm-Neomycin	VD3-143-21	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	937/TĐTN	08/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Betamethason dipropionat: USP 38 2. Neomycin sulfat: USP 39 3. Polysorbat 80: BP 2014 4. Dinatri edetat: BP 2014 5. Natri metabisulfit: BP 2014 6. Natri sulfit: BP 2014 7. Vaselin: DĐVN IV 8. Cetostearyl alcol: BP 2014 9. Cetomacrogol 1000 (Matcrogol cetostearyl ether): BP 2014 10. Dầu parafin: BP 2014 11. Propylen glycol: BP 2014 12. Glycerin: DĐVN IV 13. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Betamethason dipropionat: USP 44 2. Neomycin sulfat: USP 44 3. Polysorbat 80: BP 2022 4. Dinatri edetat: BP 2022 5. Natri metabisulfit: BP 2022 6. Natri sulfit: BP 2022 7. Vaselin: DĐVN V 8. Cetostearyl alcol: BP 2022 9. Cetomacrogol 1000 (Matcrogol cetostearyl ether): BP 2022 10. Dầu parafin: BP 2022 11. Propylen glycol: BP 2022 12. Glycerin: DĐVN V 13. Nước tinh khiết: DĐVN V

1257	Methadone hydrochloride 10mg/ml	VD-32148-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	938/TĐTN	08/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Methadon hydroclorid: EP 7.0 2. Methyl hydroxybenzoat: BP 2013 3. Propyl hydroxybenzoat: BP 2013 4. Acid citric monohydrat: DĐVN IV 5. Natri saccharin: BP 2013 6. Natri citrat: DĐVN IV 7. Propylen glycol: BP 2013 8. Glycerin: DĐVN IV 9. Sorbitol: DĐVN IV 10. Acesulfam kali: BP 2013 11. Tinh dầu cam: BP 2013 12. Ethanol 96%: DĐVN IV 13. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Methadon hydroclorid: EP 10.0 2. Methyl hydroxybenzoat: BP 2022 3. Propyl hydroxybenzoat: BP 2022 4. Acid citric monohydrat: DĐVN V 5. Natri saccharin: BP 2022 6. Natri citrat: DĐVN V 7. Propylen glycol: BP 2022 8. Glycerin: DĐVN V 9. Sorbitol: DĐVN V 10. Acesulfam kali: BP 2022 11. Tinh dầu cam: BP 2022 12. Ethanol 96%: DĐVN V 13. Nước tinh khiết: DĐVN V
1258	Ibuprofen 400mg	VD-32138-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	939/TĐTN	08/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Ibuprofen: BP 2013 2. Colloidal silicon dioxyd: NF 31 3. Pregelatinized starch: NF 31 4. Natri starch glycolat: BP 2013 5. Acid stearic: BP 2013 6. Crospovidon: NF 31 7. Microcrystalline cellulose 112: NF 31 8. Hydroxypropyl methylcellulose 606 9. (Hypromellose): BP 2013 10. Polysorbat 80: BP 2013 11. Titan dioxyd: BP 2013 12. Macrogol 6000: DĐVN IV 13. Propylen glycol: BP 2013 14. Ethanol 96%: DĐVN IV 15. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Ibuprofen: BP 2022 2. Colloidal silicon dioxyd: NF 39 3. Pregelatinized starch: NF 39 4. Natri starch glycolat: BP 2022 5. Acid stearic: BP 2022 6. Crospovidon: NF 39 7. Microcrystalline cellulose 112: NF 39 8. Hydroxypropyl methylcellulose 606 9. (Hypromellose): BP 2022 10. Polysorbat 80: BP 2022 11.Titan dioxyd: BP 2022 12. Macrogol 6000: DĐVN V 13. Propylen glycol: BP 2022 14. Ethanol 96%: DĐVN V 15. Nước tinh khiết: DĐVN V
1259	Aupisin 1,5g	VD-29320-18	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	1310/TĐTN	20/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất ampicillin sodium and sulbactam sodium (2:1) (MiV-N3)	Zhuhai United Laboratories Co., Ltd. Địa chỉ: Sanzao Science & Technology Park, National Hi-Tech Zone, Zhuhai, Guangdong - 519040, China	Zhuhai United Laboratories Co., Ltd. Địa chỉ: No. 2428, Anji Road, Sanzao Town, Jinwan District, Zhuhai, Guangdong - 519040, P.R. China
1260	Onegpazin 10	VD-32150-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	1354/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Olanzapin: USP 38 2.Lactose: DĐVN IV 3.Crospovidon: NF 33 4.Natri croscarmellose: BP 2014 5.Magnesi stearat: DĐVN IV 6.Colloidal silicon dioxyd: NF 33 7.Microcrystalline cellulose 112: NF 33 8.Hydroxypropyl methylcellulose: BP 2014 9.Copovidon: BP 2014 10.Talc: DĐVN IV 11.Titan dioxyd: BP 2014 12.Macrogol 6000: DĐVN IV 13.Polysorbat 80: BP 2014 14.Ethanol 96%: DĐVN IV	1.Olanzapin: USP 44 2.Lactose: DĐVN V 3.Crospovidon: NF 39 4.Natri croscarmellose: BP 2022 5.Magnesi stearat: DĐVN V 6.Colloidal silicon dioxyd: NF 39 7.Microcrystalline cellulose 112: NF 39 8.Hydroxypropyl methylcellulose: BP 2022 9.Copovidon: BP 2022 10.Talc: DĐVN V 11.Titan dioxyd: BP 2022 12.Macrogol 6000: DĐVN V 13.Polysorbat 80: BP 2022 14.Ethanol 96%: DĐVN V
1261	Ofloxacin 200mg	VD-32149-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	1355/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Ofloxacin: USP 36 2.Lactose: DĐVN IV 3.Povidon K29/32: USP 36 4.Natri starch glycolat: BP 2013 5.Colloidal silicon dioxyd: NF 31 6.Magnesi stearat: DĐVN IV 7.Tinh bột ngô: DĐVN IV 8.Hydroxypropylmethylcellulose: BP 2013 9.Titan dioxyd: BP 2013 10.Talc: DĐVN IV 11.Macrogol 6000: DĐVN IV 12.Polysorbat 80: BP 2013 13.Ethanol 96%: DĐVN IV 14.Nước tinh khiết: DĐVN IV 15.Thuốc thành phẩm: DĐVN IV	1.Ofloxacin: USP 44 2.Lactose: DĐVN V 3.Povidon K29/32: USP 44 4.Natri starch glycolat: BP 2022 5.Colloidal silicon dioxyd: NF 39 6.Magnesi stearat: DĐVN V 7.Tinh bột ngô: DĐVN V 8.Hydroxypropylmethylcellulose: BP 2022 9.Titan dioxyd: BP 2022 10.Talc: DĐVN V 11.Macrogol 6000: DĐVN V 12.Polysorbat 80: BP 2022 13.Ethanol 96%: DĐVN V 14.Nước tinh khiết: DĐVN V 15.Thuốc thành phẩm: DĐVN V

1262	ZOCGER	VD-34699-20	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEDBOLIDE	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO	273/TĐTN	02/07/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Capsaicin: USP 40 2.Emulsifying wax: USP 40 3.Acid Stearic: BP 2017 4.Isopropyl Miristat: BP2017 5.Propylen Glycol: BP2017 6. Polyoxyl 40 Hydrogenated Castor oil: USP 40	1.Capsaicin: USP 2022. 2.Emulsifying wax: USP 2022 3.Acid Stearic: BP 2022 4.Isopropyl Miristat: BP2022 5.Propylen Glycol: BP2022 6. Polyoxyl 40 Hydrogenated Castor oil: USP 22
1263	NATRI CLORID 0,9%	VD-34988-21	Công ty cổ phần Global Pharmaceutical	Công ty cổ phần Dược Medipharco	1160/TĐTN	15/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	6/7 đường số 3, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM.	Số 5 Đường 59B, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
1264	ANACABIN 200	VD-34819-20	Công ty cổ phần Global Pharmaceutical	Công ty cổ phần Dược Medipharco	1161/TĐTN	15/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	6/7 đường số 3, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM.	Số 5 Đường 59B, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
1265	Atorvastatin 60	893110005123	Công ty cổ phần Global Pharmaceutical	Công ty cổ phần Dược Medipharco	1162/TĐTN	15/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	6/7 đường số 3, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM.	Số 5 Đường 59B, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
1266	HADUPARA EXTRA	VD-33205-19	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Nhà máy Hdpharma EU-công ty CP dược vật tư y tế Hải Dương	7728/TĐTN	01/04/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Paracetamol (MiV-N3)	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: Xijingming Village, Donganzhuang Towship, Shenzhou County, Hengshui city, Hebei province, 053800 China.	Shenzhou Jiheng Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: West of Guoxin road, Xijingming Village, Dong'anzhuang Towship, Shenzhou County, Hengshui city, Hebei province, 053800 China.
1267	HADUPARA	VD-33204-19	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Nhà máy Hdpharma EU-công ty CP dược vật tư y tế Hải Dương	7729/TĐTN	01/04/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Paracetamol (MiV-N3)	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: Xijingming Village, Donganzhuang Towship, Shenzhou County, Hengshui city, Hebei province, 053800 China.	Shenzhou Jiheng Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: West of Guoxin road, Xijingming Village, Dong'anzhuang Towship, Shenzhou County, Hengshui city, Hebei province, 053800 China.
1268	ULOXORIC	VD3-73-20	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera	6329/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Febuxostat (MiV-N3)	PRECISE CHEMIPHARMA PVT LTD. Địa chỉ: Plot No-C-384, TTC Industrial Area. M.I.D.C, Village Pawne, Navi Mumh - 400 703, Ấn Độ	PRECISE BIOPHARMA PVT LTD Địa chỉ: C-384 TTC Ind Area, Pawane Village, Navi Mumbai – 400703, Dist – Thane – Zone7, Ấn Độ
1269	ULOXORIC	QLĐB-688-18	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera	6330/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Febuxostat (MiV-N3)	PRECISE CHEMIPHARMA PVT LTD. Địa chỉ: Plot No-C-384, TTC Industrial Area. M.I.D.C, Village Pawne, Navi Mumh - 400 703, Ấn Độ	PRECISE BIOPHARMA PVT LTD Địa chỉ: C-384 TTC Ind Area, Pawane Village, Navi Mumbai – 400703, Dist – Thane – Zone7, Ấn Độ
1270	Aspilets EC	VD-17816-12	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6207/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Stearic Acid (MiV-N2)	Avantor Performance Materials Inc. Địa chỉ: Site Paris Mfg Ctr & DC: 7001 Martin luther King Bluvd Paris KY 40361-2147, USA Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)	BASF Personal Care and Nutrition GmbH Địa chỉ: Henkelstr. 67-40589 Duesseldorf, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)
1271	Aspilets EC	VD-17816-12	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6207/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Acryl-eze 93O18359 và Opadry II 85G52653 yellow (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate, Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1272	Perosu-10mg	VD-16173-11	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6208/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Monobasic sodium phosphate monohydrate: (MiV-N2)	Avantor Performance Materials. LLC. Địa chỉ: 3477 Corporate Parkway, Center valley, PA 18034, USA. Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)	1. Jost Chemical Co. Địa chỉ: 8150 Lackland Rd., St. Louis, MO 63114, USA Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43) 2. Chemische Fabrik Địa chỉ: Budenheim KG Rheinstr. 27, 55257 Budenheim, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)
1273	Perosu-10mg	VD-16173-11	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6208/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry II OY-L-30900 blue (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1274	Decolgen Forte	VD-21573-14	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6209/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Povidone K30 (MiV-N2)	1. BASF SE Địa chỉ: Carl-Bosch-Strasse 38, 67056 Ludwigshafen, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43) 2. BASF Advanced Chemicals Co., Ltd. Địa chỉ: No. 300 Jiang Xin Sha Road, Pudong New District, Shanghai 200137, P.R. China Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)	1. Ashland Specialty Ingredients ISP Chemicals LLC Địa chỉ: 455 N. Main St., Calvert City, KY 42029, United States Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)

1275	Atussin	VD-23415-15	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6209/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Povidone K30 (MiV-N2)	1. BASF SE Địa chỉ: Carl-Bosch-Strasse 38, 67056 Ludwigshafen, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43) 2. BASF Advanced Chemicals Co., Ltd. Địa chỉ: No. 300 Jiang Xin Sha Road, Pudong New District, Shanghai 200137, P.R. China Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)	1. Ashland Specialty Ingredients ISP Chemicals LLC Địa chỉ: 455 N. Main St., Calvert City, KY 42029, United States Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)
1276	Hydrite	VD-24047-15	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6210/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Polyethylene Glycol 8000 (MiV-N2)	The Dow Chemical Company (St. Charles Operations, Union Carbide Coporation, Asubsidiary of The Dow Chemical Company) Địa chỉ: 355 Highway 3142 Hahnville, Louisiana 70057, USA Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)	Clariant Produkte (Deutschland) GmbH Địa chỉ: Industrieparkstrasse 1, 84508 Burgkirchen, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)
1277	Hydrite	VD-24047-15	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6210/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Povidone K30 (MiV-N2)	1. BASF SE Địa chỉ: Carl-Bosch-Strasse 38, 67056 Ludwigshafen, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43) 2. BASF Advanced Chemicals Co., Ltd. Địa chỉ: No. 300 Jiang Xin Sha Road, Pudong New District, Shanghai 200137, P.R. China Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP-NF2022)	1. Ashland Specialty Ingredients ISP Chemicals LLC Địa chỉ: 455 N. Main St., Calvert City, KY 42029, United States Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP-NF2022)
1278	Obimin	VD-25517-16	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6211/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Butylated Hydroxyanisole (MiV-N2)	Merck KGaA Địa chỉ: Frankfuter Straβe 250, 64293 Darmstadt, Germany Tiêu chuẩn: EP hiện hành (EP 10.0)	Panreac Química S.L.U Địa chỉ: C/Garraf, 2 Polígono Pla de la Bruguera E-08211 Castellar del Vallès (Barcelona) España Tiêu chuẩn: EP hiện hành (EP 10.0)
1279	Alaxan	VD-23414-15	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6212/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Povidone K30 (MiV-N2)	BASF SE Địa chỉ: Carl-Bosch-Strasse 38, 67056 Ludwigshafen, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)	Ashland Specialty Ingredients ISP Chemicals LLC Địa chỉ: 455 N. Main St., Calvert City, KY 42029, United States Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)
1280	Alaxan	VD-23414-15	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6212/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Precipitated Silica (Syloid 244) (MiV-N2)	W.R.Grace & Co.-Conn Địa chỉ: Curtis Bay Plant, 5500 Chemical Road, Baltimore, MD 21226, USA Tiêu chuẩn: TCNSX	Grace GmbH Địa chỉ: In der Hollerhecke 1, 67547 Worms, Germany Tiêu chuẩn: TCNSX
1281	Combizar	VD-28623-17	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6213/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry II 85G52653 Yellow (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1282	Odiron	VD-28625-17	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6214/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry AMB 80W55232 Red (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1283	Bisoloc	VD-16168-11	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6215/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry White và Opadry Yellow (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1284	Ceelin	VD-19743-13	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6345/TĐTN	17/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Propylene glycol (MiV-N2)	The Dow Chemical Company Địa chỉ: 2301 North Brazosport Boulevard Freeport, Texas 77541, USA Tiêu chuẩn: EP hiện hành (EP 10.0)	1. Dow Chemical Thailand Ltd. Địa chỉ: 10/4 Moo 2, Asia Industrial Estate, Tambol Banchang, Banchang District, Rayong 21130, Thailand Tiêu chuẩn: EP hiện hành (EP 10.0) 2. Finar Limited Địa chỉ: 184-185-186/P, Vill.: Chacharwadi-Vasna, Balva 8 km Milestone, Sarkhej – Bavla Highway, Ta.: Sanand, District Ahmedabad – 382 110, India Tiêu chuẩn: EP hiện hành (EP 10.0)
1285	Decolgen ND	VD-22382-15	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6613/TĐTN	29/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Povidone K30 (MiV-N2)	1. BASF SE Địa chỉ: Carl-Bosch-Strasse 38, 67056 Ludwigshafen, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43) 2. BASF Advanced Chemicals Co., Ltd. Địa chỉ: No. 300 Jiang Xin Sha Road, Pudong New District, Shanghai 200137, P.R. China Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)	Ashland Specialty Ingredients ISP Chemicals LLC Địa chỉ: 455 N. Main St., Calvert City, KY 42029, United States Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP 43)

1286	Enervon	VD-29557-18	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6749/TĐTN	12/05/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cyanocobalamin (MiV-N3)	Sanofi Địa chỉ: Sanofi Chimie, rue de Verdun, BP 80125-76410 Saint Aubin Les Elbeuf, France	EuroAPI France Địa chỉ: Rue de Verdun, Saint Aubin Les Elbeuf, BP 80125, 76410, France
1287	Enervon	VD-29557-18	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	220/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry AMB II 88A630035 Orange và Opadry OY-S-29038 Clear (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1288	Enervon	VD-29557-18	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	220/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Colloidal Silicon Dioxide (MiV-N2)	Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstraβe 2, DE-79618 Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	1. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Rheinfelden Untere Kanalstrasse 3, 79618, Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022) 2. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Antwerp Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1289	Fordia MR	VD-30179-18	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	221/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry OY-S-29019 Clear (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Limited Địa chỉ: No.588, Chundong Road, Minhang District, Shanghai, P.R.China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1290	Fordia MR	VD-30179-18	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	221/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Colloidal Silicon Dioxide (MiV-N2)	Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstraβe 2, DE-79618 Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	1. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Rheinfelden Untere Kanalstrasse 3, 79618, Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022) 2. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Antwerp Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1291	Fordia MR	VD-30178-18	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	222/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry OY-S-29019 Clear (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Limited Địa chỉ: No.588, Chundong Road, Minhang District, Shanghai, P.R. China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1292	Fordia MR	VD-30178-18	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	222/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Colloidal Silicon Dioxide (MiV-N2)	Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstraβe 2, DE-79618 Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	1. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Rheinfelden Untere Kanalstrasse 3, 79618, Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022) 2. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Antwerp Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1293	Fordia MR	VD-30178-18	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	222/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Hydroxypropyl Methylcellulose K100M: (MiV-N2)	The Dow Chemical Company Địa chỉ: 1131 Building Midland, MI 48667, USA Tiêu chuẩn: USP Hiện hành (USPNF 2022)	Lotte Fine Chemical Co., Ltd. Địa chỉ: 47, Namdong-daero, 79beon-gil, Namdong-gu, Incheon, South Korea Tiêu chuẩn: USP Hiện hành (USPNF 2022)
1294	Hyvalor Plus	VD-35617-22	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	223/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Colloidal Silicon Dioxide (MiV-N2)	Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstraβe 2, DE-79618 Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	1. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Rheinfelden Untere Kanalstrasse 3, 79618, Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022) 2. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Antwerp Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1295	Hyvalor Plus	VD-35617-22	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	223/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Magnesium Stearate (MiV-N2)	Peter Greven Asia SDN.BHD Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	Sudeep Pharma Pvt Ltd Địa chỉ:129/1/A, AND 129/12,13,14,15, G.I.D.C Estate, Nandesari - 391340, Dist. Vadodara, Gujarat, India Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1296	Hyvalor Plus	VD-35617-22	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	223/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Microcrystalline cellulose 112 (MiV-N2)	Mingtai Chemical Co., Ltd. Địa chỉ: No.1142 Shin Hsing Rd., Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan, R.O.C Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	Crest Cellulose Private Limited Địa chỉ: Plot No. 12 &13, Block-B, APIIC Industrial park, Menakuru village, Naidupet Mandal, SPSR Nellore District, Andhra Pradesh 524421, India Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)

1297	Hyvalor Plus	VD-35617-22	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	223/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Croscarmellose Sodium (MiV-N2)	DMV-Fonterra Excipients B.V Địa chỉ: Avebe-Weg 1,, 9607 PT Foxhol, The Netherlands Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	JRS Pharma & Gujarat Microwax Private Limited Địa chỉ: Unit – 2, Survey No. 292/293, Kalol - Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana – 382706, Gujarat, India Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1298	Hyvalor Plus	VD-35616-22	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	224/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Colloidal Silicon Dioxide (MiV-N2)	Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstraβe 2, DE-79618 Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	1. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Rheinfelden Untere Kanalstrasse 3, 79618, Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022) 2. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Antwerp Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1299	Hyvalor Plus	VD-35616-22	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	224/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Magnesium Stearate (MiV-N2)	Peter Greven Asia SDN.BHD Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	Sudeep Pharma Pvt Ltd Địa chỉ:129/1/A, AND 129/12,13,14,15, G.I.D.C Estate, Nandesari - 391340, Dist. Vadodara, Gujarat, India Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1300	Hyvalor Plus	VD-35616-22	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	224/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Microcrystalline cellulose 112 (MiV-N2)	Mingtai Chemical Co., Ltd. Địa chỉ: No.1142 Shin Hsing Rd., Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan, R.O.C Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	Crest Cellulose Private Limited Địa chỉ: Plot No. 12 &13, Block-B, APIIC Industrial park, Menakuru village, Naidupet Mandal, SPSR Nellore District, Andhra Pradesh 524421, India Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1301	Hyvalor Plus	VD-35616-22	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	224/TĐTN	02/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Croscarmellose Sodium: (MiV-N2)	DMV-Fonterra Excipients B.V Địa chỉ: Avebe-Weg 1,, 9607 PT Foxhol, The Netherlands Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	JRS Pharma & Gujarat Microwax Private Limited Địa chỉ: Unit – 2, Survey No. 292/293, Kalol - Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana – 382706, Gujarat, India Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1302	Clazic SR	VD-33975-19	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	323/TĐTN	02/10/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Colloidal Silicon Dioxide: (MiV-N2)	Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstraβe 2, DE-79618 Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021)	1. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Rheinfelden Untere Kanalstrasse 3, 79618, Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021) 2. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Antwerp Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021)
1303	Fenoflex	VD-21574-14	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	324/TĐTN	02/10/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Colloidal Silicon Dioxide (MiV-N2)	Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstraβe 2, DE-79618 Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021)	Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Rheinfelden Untere Kanalstrasse 3, 79618, Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021) Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Antwerp Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021)
1304	Fenoflex	VD-21574-14	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	324/TĐTN	02/10/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Microcrystalline cellulose (MiV-N2)	Mingtai Chemical Co., Ltd. Địa chỉ: No.1142 Shin Hsing Rd., Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan, R.O.C Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	Crest Cellulose Private Limited Địa chỉ: Plot No. 12 &13, Block-B, APIIC Industrial park, Menakuru village, Naidupet Mandal, SPSR Nellore District, Andhra Pradesh 524421, India Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1305	Ambroco	VD-30176-18	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	325/TĐTN	02/10/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Povidone K30 (MiV-N2)	1. BASF SE Địa chỉ: Carl-Bosch-Strasse 38, 67056 Ludwigshafen, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021) 2. BASF Advanced Chemicals Co., Ltd. Địa chỉ: No. 300 Jiang Xin Sha Road, Pudong New District, Shanghai 200137, P.R. China Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021)	Ashland Specialty Ingredients ISP Chemicals LLC Địa chỉ: 455 N. Main St., Calvert City, KY 42029, United States Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021)
1306	Hydrite (Hương chuối)	VD-18595-13	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	400/TĐTN	15/02/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Dextrose Anhydrous (MiV-N3)	Hebei Shengxue Glucose Co., Ltd Địa chỉ: No. 48 Sheng Xue Road, Luancheng County, Shijiazhuang City, Hebei Province, China	CSPC Shengxue Glucose Co., Ltd Địa chỉ: No. 48 Shengxue Road, Luancheng District, Shijiazhuang City, Hebei Province, China
1307	Obimin	VD-25517-16	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	501/TĐTN	20/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Povidone K30 (MiV-N2)	1. BASF SE Địa chỉ: Carl-Bosch-Strasse 38, 67056 Ludwigshafen, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP-NF 2022) 2. BASF Advanced Chemicals Co., Ltd. Địa chỉ: No. 300 Jiang Xin Sha Road, Pudong New District, Shanghai 200137, P.R. China Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP-NF 2022)	AshI235:J259land Specialty Ingredients ISP Chemicals LLC Địa chỉ: 455 N. Main St., Calvert City, KY 42029, United States Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USP-NF 2022)

1308	Obimin	VD-25517-16	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	501/TĐTN	20/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Colloidal Silicon Dioxide (MiV-N2)	Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstraβe 2, DE-79618 Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	1. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Rheinfelden Untere Kanalstrasse 3, 79618, Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022) 2. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Antwerp Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1309	Obimin	VD-25517-16	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	501/TĐTN	20/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Hydropropyl methylcellulose 2910 15cps (MiV-N2)	The Dow Chemical Company Địa chỉ: 21255 Louisiana Hwy 1 South Plaquemine, LA 70765, USA Tiêu chuẩn: USP Hiện hành (USPNF 2022)	Lotte Fine Chemical Co., Ltd. Địa chỉ: 47, Namdong-daero, 79beon-gil, Namdong-gu, Incheon, 21700, Republic of Korea Tiêu chuẩn: USP Hiện hành (USPNF 2022)
1310	Obimin	VD-25517-16	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	501/TĐTN	20/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry AMB II 88A650028 Red (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18,Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1311	Hydrite	VD-24047-15	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	502/TĐTN	20/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Microcrystalline cellulose (MiV-N2)	Mingtai Chemical Co., Ltd. Địa chỉ: No.1142 Shin Hsing Rd., Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan, R.O.C Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	Crest Cellulose Private Limited Địa chỉ: Plot No. 12 &13, Block-B, APIIC Industrial park, Menakuru village, Naidupet Mandal, SPSR Nellore District-524421, Andhra Pradesh, India Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1312	Aspilets EC	VD-17816-12	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	503/TĐTN	20/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Microcrystalline cellulose (MiV-N2)	Mingtai Chemical Co., Ltd. Địa chỉ: No.1142 Shin Hsing Rd., Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan, R.O.C Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	Crest Cellulose Private Limited Địa chỉ: Plot No. 12 &13, Block-B, APIIC Industrial park, Menakuru village, Naidupet Mandal, SPSR Nellore District-524421, Andhra Pradesh, India. Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1313	Decolgen	VD-22057-14	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	504/TĐTN	20/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Propylene glycol (MiV-N2)	1. Dow Chemical Co. Địa chỉ: 2301 Brazosport Blvd., B-1605 Freeport, TX 77541, USA Tiêu chuẩn: EP hiện hành (EP 10.0) 2. Dow Chemical Thailand Ltd. Địa chỉ: 10/4 Moo 2, Asia Industrial Estate, Tambol Banchang, Banchang District, Rayong 21130, Thailand Tiêu chuẩn: EP hiện hành (EP 10.0)	Finar Limited Địa chỉ: 184-185-186/P, Vill.: Chacharwadi-Vasna, Balva 8 km Milestone, Sarkhej – Bavla Highway, Ta.: Sanand, District Ahmedabad – 382 110, India Tiêu chuẩn: EP hiện hành (EP 10.0)
1314	Bisoloc	VD-16169-11	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	505/TĐTN	20/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Colloidal Silicon Dioxide: (MiV-N2)	Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstraβe 2, DE-79618 Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021)	1. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Rheinfelden Untere Kanalstrasse 3, 79618, Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021) 2. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Antwerp Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021)
1315	Bisoloc	VD-16169-11	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	505/TĐTN	20/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Microcrystalline cellulose (MiV-N2)	Mingtai Chemical Co., Ltd. Địa chỉ: No.1142 Shin Hsing Rd., Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan, R.O.C Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	Crest Cellulose Private Limited Địa chỉ: Plot No. 12 &13, Block-B, APIIC Industrial park, Menakuru village, Naidupet Mandal, SPSR Nellore District, Andhra Pradesh 524421, India Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1316	Bisoloc	VD-16168-11	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	506/TĐTN	20/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Colloidal Silicon Dioxide: Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstraβe 2, DE-79618 Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021) 2. Microcrystalline cellulose: Mingtai Chemical Co., Ltd. Địa chỉ: No.1142 Shin Hsing Rd., Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan, R.O.C Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	1. Colloidal Silicon Dioxide 1.1. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Rheinfelden Untere Kanalstrasse 3, 79618, Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021) 1.2. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Antwerp Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021) 2. Microcrystalline cellulose Crest Cellulose Private Limited Địa chỉ: Plot No. 12 &13, Block-B, APIIC Industrial park, Menakuru village, Naidupet Mandal, SPSR Nellore District, Andhra Pradesh 524421, India Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1317	Dolfenal	VD-25561-16	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	723/TĐTN	03/06/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Dibasic Calcium Phosphate Anhydrous (MiV-N2)	Innophos Inc. Địa chỉ: 1101 Arnold St. Chicago Heights, IL 60411 Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	Chemische Fabrik Budenheim KG Địa chỉ: Rheinstr.27, 55257 Budenheim, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)

1318	Dolfenal	VD-25561-16	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	723/TĐTN	03/06/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Magnesium Stearate (MiV-N2)	Peter Greven Asia SDN.BHD Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	Sudeep Pharma Pvt Ltd Địa chỉ:129/1/A, AND 129/12,13,14,15, G.I.D.C Estate, Nandesari - 391340, Dist. Vadodara, Gujarat, India Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1319	Dolfenal	VD-25561-16	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	723/TĐTN	03/06/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry OY-S-54908 Pink (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot No. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1320	Hydrite	VD-24047-15	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	976/TĐTN	03/09/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Aspartame (MiV-N2)	1. The NutraSweet Company Địa chỉ: 1762 Lovers, Augusta, GA 30901, USA Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021) 2. Changzhou Guanghui Biotechnology Co., Ltd. Địa chỉ: No.18, Binjiang Three Road, Chunjiang Town, Xinbei District, Changzhou City, Jiangsu, China Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021)	Xinjiang Suyuan Biological Engineering Co., Ltd Địa chỉ: The South of 6-7 Section, Yingyer Township, Yining, Xinjiang, 835000 P.R.China Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021)
1321	Vascam	VD-16175-11	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	977/TĐTN	03/09/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Dibasic Calcium Phosphate Anhydrous (MiV-N2)	Innophos Inc. Địa chỉ: 1101 Arnold Street, Chicago Heights, Illinois, USA Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	Chemische Fabrik Budenheim KG Địa chỉ: Rheinstr.27, 55257 Budenheim, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1322	Vascam	VD-16175-11	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	977/TĐTN	03/09/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Microcrystalline cellulose M301 (MiV-N2)	Mingtai Chemical Co., Ltd. Địa chỉ: No.1142 Shin Hsing Rd., Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan, R.O.C Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	Crest Cellulose Private Limited Địa chỉ: Plot No. 12 &13, Block-B, APIIC Industrial park, Menakuru village, Naidupet Mandal, SPSR Nellore District-524421, Andhra Pradesh, India. Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1323	Neo-Pyrazon	VD-25562-16	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	978/TĐTN	03/09/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Dibasic Calcium Phosphate Dihydrate (MiV-N2)	Innophos Inc. Địa chỉ: 1101 Arnold Street, Chicago Heights, Illinois, USA Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	Chemische Fabrik Budenheim KG Địa chỉ: Rheinstr.27, 55257 Budenheim, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1324	Neo-Pyrazon	VD-25562-16	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	978/TĐTN	03/09/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Acryl-eze 93O18359 và Opadry II 85G56417 Maroon (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot No. M14-M18,Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1325	Kremil-S	VD-18596-13	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	1129/TĐTN	14/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Colloidal Silicon Dioxide (MiV-N2)	Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstraße 2, DE-79618 Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)	1. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Rheinfelden Untere Kanalstrasse 3, 79618, Rheinfelden, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022) 2. Evonik Industries AG Địa chỉ: Site Antwerp Tijsmanstunnel West, B-2040 Antwerpen, Belgium Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2022)
1326	Kremil-S	VD-18596-13	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	1129/TĐTN	14/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Aspartame (MiV-N2)	Changzhou Guanghui Biotechnology Co., Ltd. Địa chỉ: No.18, Binjiang Three Road, Chunjiang Town, Xinbei District, Changzhou City, Jiangsu, China Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021)	Xinjiang Suyuan Biological Engineering Co., Ltd Địa chỉ: The South of 6-7 Section, Yingyer Township, Yining, Xinjiang, 835000 P.R.China Tiêu chuẩn: USP hiện hành (USPNF 2021)
1327	Cefodomid 100	VD-24796-16	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6599/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefpodoxim proxetil (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd Đc: S.C.O-38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 009 India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Đc: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.
1328	Midancef 125	VD-21322-14	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6599/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefuroxim axetil (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd Đc: S.C.O-38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 009 India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Đc: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.

1329	Cefuroxime 125mg	VD-23598-15	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6599/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefuroxim axetil (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd Đc: S.C.O-38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 009 India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Đc: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.
1330	Cefuroxime 500mg	VD-22940-15	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6599/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefuroxim axetil (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd Đc: S.C.O-38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 009 India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Đc: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.
1331	Cefuroxime 250mg	VD-22939-15	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6599/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefuroxim axetil (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd Đc: S.C.O-38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 009 India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Đc: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.
1332	Cephazomid 125mg/5ml	VD-31776-19	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6599/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefuroxim axetil (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd Đc: S.C.O-38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 009 India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Đc: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.
1333	Cefuroxime 125mg/5ml	VD-29006-18	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6599/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefuroxim axetil (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd Đc: S.C.O-38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 009 India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Đc: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.
1334	Midefix 200	VD-27952-17	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6599/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefixim trihydrat (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd Đc: S.C.O-38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 009 India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Đc: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.
1335	Cefixime 50mg	VD-32525-19	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6599/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefixim trihydrat (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd Đc: S.C.O-38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 009 India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Đc: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.
1336	Cefixime 100mg	VD-32524-19	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6599/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefixim trihydrat (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd Đc: S.C.O-38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 009 India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Đc: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.
1337	Midefix 50mg/5ml	VD-32855-19	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6599/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefixim trihydrat (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd Đc: S.C.O-38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 009 India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Đc: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.
1338	Cendromid 100	VD-24231-16	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6599/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefpodoxim proxetil (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd Đc: S.C.O-38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 009 India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Đc: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.
1339	Midaxin 300	VD-22947-15	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6601/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefdinir (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit-II, Village Saidpura, Tehsi Dera Bassi, District Mohali, Punjab, India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Địa chỉ: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.
1340	Midanat 100	VD-26901-17	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6604/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefdinir (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd Địa chỉ: Vill.Saidpura.Tehsil - Derabassi, Distt, Mohali (Pb.) India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.II) Địa chỉ: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.
1341	Pipebamid 2,25	VD-26193-17	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6602/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất hỗn hợp dược chất Piperacilin (dưới dạng Piperacilin natri) và Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri) tỷ lệ 8:1 (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Ltd. Địa chỉ: Vill. Saidpura, Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb.) India.	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.I) Địa chỉ: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India.

1342	Ceftriaxone 1g	VD-24797-16	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6656/TĐTN	02/12/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri) khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	USP 38	USP 44
1343	Midataxim 2g	VD-21323-14	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	6603/TĐTN	02/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cefotaxim natri (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited. Địa chỉ: Vill. Saidpura, Teh. Dera Bassi, Distt. Mohali, Punjab - India	Nectar Lifesciences Ltd., (Unit No.I) Địa chỉ: Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
1344	Midatan 250/62.5	VD-31779-19	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	7629/TĐTN	05/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Amoxicilin trihydrat: BP 2015 2. Kali clavulanat + cellulose vi tinh thể: EP 8 3. Acid stearic: USP 36 4. Xanthan gum: USP 36 5. Polyethylen glycol 6000: USP 36 6. Avicel PH 102: USP 36 7. Đường trắng: DĐVN IV	1. Amoxicilin trihydrat: BP 2022 2. Kali clavulanat + cellulose vi tinh thể: EP 10 3. Acid stearic: USP 44 4. Xanthan gum: USP 44 5. Polyethylen glycol 6000: USP 44 6. Avicel PH 102: USP 44 7. Đường trắng: DĐVN V
1345	Ceframid 1000	VD-22938-15	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	7630/TĐTN	05/01/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Cephalexin monohydrat (MiV-N3)	1. Tên: DSM Sinochem Pharmaceuticals Spain, S.A. 2. Địa chỉ: Poligono industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona.	1. Tên: Centrient Pharmaceuticals Spain, S.A. 2. Địa chỉ: Poligono industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona.
1346	Cephalexin 250mg	VD-19899-13	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	80/TĐTN	11/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Cephalexin(dùng dạng Cephalexin monohydrat): BP 2013 2. Lactose: DĐVN IV 3. Magnesi stearat: DĐVN IV 4. Natri benzoat: DĐVN IV 5. Xanthan gum: USP 35 6. Polyethylen glycol 6000: USP 35 7. Colloidal anhydrous silica (Aerosil R200): BP 2010 8. Đường trắng: DĐVN IV	1. Cephalexin (dùng dạng Cephalexin monohydrat): BP 2022 2. Lactose: DĐVN V 3. Magnesi stearat: DĐVN V 4. Natri benzoat: DĐVN V 5. Xanthan gum: USP 44 6. Polyethylen glycol 6000: USP 44 7. Colloidal anhydrous silica (Aerosil R200): BP 2022 8. Đường trắng: DĐVN V
1347	Cefradin 500mg	VD-29005-18	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	187/TĐTN	03/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Cefradin (Cephradine): USP 36 2. Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline Cellulose): USP 36 3. Bột Talc: DĐVN IV 4. Magnesi stearat: DĐVN IV 5. Natri starch glycolat: USP 36 6. Colloidal anhydrous silica (Colloidal Silicon Dioxide): USP 36 7. Tinh bột biến tính (Modified starch): USP 36 8. Hydroxypropylmethyl cellulose (Hypromellose): USP 36 9. Polyethylen glycol 6000: USP 36 10. Titan dioxyd (titanium dioxide): USP 36	1. Cefradin (Cephradine): USP 44 2. Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline Cellulose): USP 44 3. Bột Talc: DĐVN V 4. Magnesi stearat: DĐVN V 5. Natri starch glycolat: USP 44 6. Colloidal anhydrous silica (Colloidal Silicon Dioxide): USP 44 7. Tinh bột biến tính (Modified starch): USP 44 8. Hydroxypropylmethyl cellulose (Hypromellose): USP 44 9. Polyethylen glycol 6000: USP 44 10. Titan dioxyd (titanium dioxide): USP 44
1348	Cephazomid 250mg/5ml	VD-31776-19	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	308/TĐTN	14/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Cefuroxim (dùng dạng Cefuroxim axetil): USP 35 2. Lactose : USP 35 3. Acid stearic: USP 35 4. Xanthan gum: USP 35 5. Polyethylen glycol 6000: USP 35 6. Đường trắng: DĐVN IV	1. Cefuroxim (dùng dạng Cefuroxim axetil): USP 44 2. Lactose : USP 44 3. Acid stearic: USP 44 4. Xanthan gum: USP 44 5. Polyethylen glycol 6000: USP 44 6. Đường trắng: DĐVN V
1349	Cephalexin 750	VD-31775-19	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	394/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Cephalexin (dùng dạng cephalexin monohydrat): BP 2014 2. Bột Talc: DĐVN IV 3. Magnesi stearat : DĐVN IV	1. Cephalexin (dùng dạng cephalexin monohydrat): BP 2022 2. Bột Talc: DĐVN V 3. Magnesi stearat: DĐVN V
1350	Tranexamic acid 500mg/5ml	VD-26912-17	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	809/TĐTN	07/03/2023	Bổ bớt cơ sở sản xuất của dược chất (MiV-N4)	1: Asahi Kasei Finechem Co.,Ltd Địa chỉ: 3-3-23, Nakanoshima, Kita-ku, Osaka, 530-6130, Japan. 2: Changzhou yinsheng pharmaceutical Co.,Ltd Địa chỉ: Weitang Chemical Zone, Xinbei District, Changzhou, Jiangsu province, China.	1. Changzhou yinsheng pharmaceutical Co.,Ltd Địa chỉ: Weitang Chemical Zone, Xinbei District, Changzhou, Jiangsu province, China.

1351	Di-ansel 8	VD-21747-14	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	6102/TĐTN	07/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Pregelatinized Starch (Era tab) [rice starch (partially gelatinized, spray dry)]: USP 34/NF 29 2. Pregelatinized Starch (Era Pac) [rice starch (partially gelatinized)]: USP 34/NF 29 3. Colloidal Silicon Dioxide (Aerosil): USP 34/NF 29 4. Crospovidon (Crospovidone): USP 34/NF 29	1. Pregelatinized Starch (Era tab) [rice starch (partially gelatinized, spray dry)]: USP 43/NF 38 2. Pregelatinized Starch (Era Pac) [rice starch (partially gelatinized)]: USP 43/NF 38 3. Colloidal Silicon Dioxide (Aerosil): USP 43/NF 38 4. Crospovidon (Crospovidone): USP 43/NF 38
1352	Bustidin 20	VD-24996-16	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	6294/TĐTN	17/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất Trimetazidin dihydroclorid khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	EP 9.0	EP 10.0
1353	Sinuflex P	VD-25942-16	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	6296/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Pregelatinized Starch (Era-tab): USP 34/NF 29 2. Povidone (Kollidon 30): USP 34/NF 29 3. Colloidal Silicon Dioxide (Aerosil): USP 34/NF 29 4. Pregelatinized Starch: USP 34/NF 29 (Lycatab C) 5. Natri croscarmellose (Croscarmellose sodium): BP2013	1. Pregelatinized Starch (Era-tab): USP 43/NF 38 2. Povidone (Kollidon 30): USP 43/NF 38 3. Colloidal Silicon Dioxide (Aerosil): USP 43/NF 38 4. Pregelatinized Starch: USP 43/NF 38 (Lycatab C) 5. Natri croscarmellose (Croscarmellose sodium): BP2020
1354	Cortibion	VD-21043-14	Công ty ROUSSEL VIỆT NAM	Công ty ROUSSEL VIỆT NAM	7531/TĐTN	28/12/2022	Thay đổi tên của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	Công ty Roussel Việt Nam	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
1355	Cortibion	VD-21043-14	Công ty ROUSSEL VIỆT NAM	Công ty ROUSSEL VIỆT NAM	7531/TĐTN	28/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1356	Cortibion	VD-21043-14	Công ty ROUSSEL VIỆT NAM	Công ty ROUSSEL VIỆT NAM	7531/TĐTN	28/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
1357	LoviloLSP1	VD-35878-22	Công ty cổ phần Y dược LS	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco - Xí nghiệp Dược phẩm 150	5973/TĐTN	11/01/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco - Xí nghiệp dược phẩm 150 112 Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina Số 112, đường Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam
1358	Sorbitol	VD-29273-18	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	532/TĐTN	21/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất Sorbitol khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	USP 39	USP 43
1359	ME2B	VD-22575-15	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	7342/TĐTN	23/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất Vitamin B12 (Mecobalamin) khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	JP 16	JP 17
1360	Piracetam-DNA	VD-26362-17	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	537/TĐTN	21/02/2023	Thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: 68 - Nguyễn Sỹ Sách - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
1361	Piracetam-DNA	VD-26362-17	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	537/TĐTN	21/02/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: 68 - Nguyễn Sỹ Sách - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

1362	CinatamDNA	VD-26359-17	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	539/TĐTN	21/02/2023	Thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: 68 - Nguyễn Sỹ Sách - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
1363	CinatamDNA	VD-26359-17	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	539/TĐTN	21/02/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: 68 - Nguyễn Sỹ Sách - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
1364	Nafluextra	VD-27249-17	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	538/TĐTN	21/02/2023	Thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: 68 - Nguyễn Sỹ Sách - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
1365	Nafluextra	VD-27249-17	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	538/TĐTN	21/02/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: 68 - Nguyễn Sỹ Sách - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
1366	ACCDRUG-DNA	VD-23770-15	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	540/TĐTN	21/02/2023	Thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: 68 - Nguyễn Sỹ Sách - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
1367	ACCDRUG-DNA	VD-23770-15	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	540/TĐTN	21/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược PVA (MiV-N2)	Anmol Chemicals Địa chỉ: Plot No. J-63, Road No.U-6, MIDC, Taloja.Pin - 410208, India. Tiêu chuẩn: USP 2021	Jiangxi Alpha Hi-tech Pharmaceutical Co.,Ltd Địa chỉ: Penggao Industrial Park, Pingxiang Economic and Technological Development Zone, Pingxiang City, Jiangxi Province, China. Tiêu chuẩn: USP 2021
1368	ACCDRUG-DNA	VD-23770-15	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	540/TĐTN	21/02/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: 68 - Nguyễn Sỹ Sách - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
1369	ESCINE 40	VD-35936-22	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GENERIC	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	1101/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cập nhật thông tin liên quan đến cơ sở đăng ký (MiV-N1)	Số 62 Chiến Thắng, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam	Trụ sở chính: Cụm 9, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Địa chỉ kinh doanh: Số nhà 15, đường số 1, thôn Hưng Giáo, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.
1370	ESCINE 40	VD-35936-22	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GENERIC	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An	1101/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: 68 - Nguyễn Sỹ Sách - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
1371	Dung dịch Millian	VD-30667-18	Công ty Cổ phần Hóa Dược Việt Nam	Công ty Cổ phần Hóa Dược Việt Nam	27/TĐTN	11/01/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Xanh methylen: USP 38 2.Tím tinh thể: USP 38 3.Nước tinh thể: DĐVN IV	1.Xanh methylen: USP 43 2.Tím tinh thể: USP 43 3.Nước tinh thể: DĐVN V
1372	Osmadol C50	VD-23676-15	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	204/TĐTN	2/2/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất Tramadol hydroclorid khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	BP 2012	BP hiện hành

1373	Ofloxacin	VD-31215-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	7712/TĐTN	4/1/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất, tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Ofloxacin: EP 8 2. Natri clorid: DĐVN IV 3. Nước cất pha tiêm: BP 2016/EP 8	1. Ofloxacin: EP hiện hành 2. Natri clorid: DĐVN hiện hành 3. Nước cất pha tiêm: BP/EP hiện hành
1374	Spiramycin 1.5 M.I.U	VD-31966-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	1005/TĐTN	10/3/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Natri starch glycolat (DST): USP 38/EP 8 2. Hydroxypropyl methylcellulose 15cps: USP 38/EP 8 3. Ethanol 96%: DĐVN IV 4. Nước tinh khiết: DĐVN IV/EP 8	1. Natri starch glycolat (DST): USP/EP hiện hành 2. Hydroxypropyl methylcellulose 15cps: USP/EP hiện hành 3. Ethanol 96%: DĐVN hiện hành 4. Nước tinh khiết: DĐVN/EP hiện hành
1375	Spiramycin 1.5 M.I.U	VD-31966-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	1005/TĐTN	10/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Lactose 200 mesh: (MiV-N2)	Meggle Địa chỉ: Megglestrasse 6-12 83512 Wasserburg, Germany Tiêu chuẩn: USP 38	FrieslandCampina DMV, B.V Địa chỉ: N.C.B.- Laan 80, 5462 GE Veghel, The Netherlands Tiêu chuẩn: USP hiện hành
1376	Spiramycin 1.5 M.I.U	VD-31966-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	1005/TĐTN	10/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Natri croscarmellose (MiV-N2)	Blanver Địa chỉ: Rua joaquim Faustino de Camargo, Brazil. Tiêu chuẩn: USP 38	Itacel Farmoquímica Ltda. (Roquette) Địa chỉ: Rua Doutor José Alexandre Crosgnac, 645 – Vila Santa Flora: 06680-035 - Itapevi - SP, Brazil Tiêu chuẩn: USP hiện hành
1377	Spiramycin 1.5 M.I.U	VD-31966-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	1005/TĐTN	10/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Carboxymethyl cellulose natri (MiV-N2)	Nippon paper chemicals co. ltd Địa chỉ: JS Ichigaya Building 5-1 Gobancho Chiyoda-ku, Tokyo 102-0076 Japan Tiêu chuẩn: USP 38	Nouryon Chemicals Finland Oy Địa chỉ: Kuhnamontie 2, 44100 Aanekoski, Finland Tiêu chuẩn: USP hiện hành
1378	Spiramycin 1.5 M.I.U	VD-31966-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	1005/TĐTN	10/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Magnesi stearat (MiV-N2)	Sun Ace Kakoh Pte.Ltd Địa chỉ: 34 Tanjong Penjuru, Singapore Tiêu chuẩn: USP 38	Sudeep Pharma Private Limited Địa chỉ: Plot No. 129/1/A, 12,13, 14, 15 GIDC Estate, At & Post Nandesari, Dist. Vadodara – 391340, Gujarat, India Tiêu chuẩn: USP hiện hành
1379	Spiramycin 1.5 M.I.U	VD-31966-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	1005/TĐTN	10/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Titan dioxyd (MiV-N2)	Cosmo Chemical Co., Ltd Địa chỉ: 6 Gaseok-ro, Seo-Gu, Incheon, South Korea Tiêu chuẩn: USP 38	Proquimac PFC, S.A Địa chỉ: C/ Berlin, 5-a (Pol.lnd. Can Torrella) 08233 VACARISSES Barcelona (Espana). Tiêu chuẩn: USP hiện hành
1380	Spiramycin 1.5 M.I.U	VD-31966-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	1005/TĐTN	10/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Talc (MiV-N2)	Haicheng Xinda Mining Industry Co.,Ltd Địa chỉ: Xinda mining haicheng county economic development zone industrial park, China. Tiêu chuẩn: USP 38	Imerys Talc Luzenac France Địa chỉ: 21 rue Principale, 09250 Luzenac Sur Ariege, France Tiêu chuẩn: USP hiện hành
1381	Spiramycin 1.5 M.I.U	VD-31966-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	1005/TĐTN	10/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Polyethylen glycol 6000 (MiV-N2)	Nof corporation Địa chỉ: 20-3, Ebisu, 4-chome, Shibuya-ku, Tokyo 150-6019 – Japan. Tiêu chuẩn: USP 38	Sasol Germany Địa chỉ: Anckelmannspl. 1, 20537 Hamburg, Germany Tiêu chuẩn: USP hiện hành
1382	Phataumine	VD-30539-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	914/TĐTN	17/3/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Dimenhydrinat: USP 38 2. Ethanol 96%: DĐVN IV 3. Aerosil R200: USP 34 4. Acid stearic: USP 34/EP 8	1. Dimenhydrinat: USP hiện hành 2. Ethanol 96%: DĐVN hiện hành 3. Aerosil R200: USP hiện hành 4. Acid stearic: USP/EP hiện hành
1383	Phataumine	VD-30539-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	914/TĐTN	17/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Avicel PH 102 (MiV-N2)	Mingtai Địa chỉ: 1142, Shin Hsing Rd, Bah-Der City, Taoyuan Hsien, 33452 Taiwan Tiêu chuẩn: USP 34	Accent Microcell PVT. Ltd. Địa chỉ: Z-59, 60, 63, 64 Dahej-SEZ Limited Part-I, Tal - Vagra, Dahej, Dist. – Bharuch, India. Tiêu chuẩn: USP hiện hành
1384	Phataumine	VD-30539-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	914/TĐTN	17/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Lactose monohydrat (MiV-N2)	Foremost farms Địa chỉ: E10889 Penny Lane, Baraboo, WI 53913-8115, Mỹ Tiêu chuẩn: USP 34	FrieslandCampina DMV B.V Địa chỉ: N.C.B.- Laan 80, 5462 GE Veghel, The Netherlands Tiêu chuẩn: USP hiện hành

1385	Phataumine	VD-30539-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	914/TĐTN	17/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Magnesi stearat (MiV-N2)	Greven - Malaysia Địa chỉ: Suite 19-12, Level 19, Centro 8, Jalan Batu Tiga Lama, 41300 Klang, Selangor, Malaysia. Tiêu chuẩn: USP 34	Sudeep Pharma Private Limited Địa chỉ: Plot No. 129/1/A, 12,13, 14, 15 GIDC Estate, At & Post Nandesari, Dist. Vadodara – 391340, Gujarat, India Tiêu chuẩn: USP hiện hành
1386	Phataumine	VD-30539-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	914/TĐTN	17/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Croscarmellose natri (MiV-N2)	Blanver Farmoquimica Ltda. Địa chỉ: Rua Dr. Jose Alexandre Crosgnac, 715-CEP: 06680-035-Itapevi, Brazil Tiêu chuẩn: USP 34	Itacel Farmoquímica Ltda. (Roquette) Địa chỉ: Rua Doutor José Alexandre Crosgnac, 645 – Vila Santa Flora: 06680-035 - Itapevi - SP, Brazil Tiêu chuẩn: USP hiện hành
1387	Grovababy 375	VD-31958-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	919/TĐTN	17/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Lactose 200 mesh (MiV-N2)	Meggle Địa chỉ: Megglestrasse 6-12 83512 Wasserburg, Germany Tiêu chuẩn: USP 38	FrieslandCampina DMV, B.V Địa chỉ: N.C.B.- Laan 80, 5462 GE Veghel, The Netherlands Tiêu chuẩn: USP hiện hành
1388	Grovababy 375	VD-31958-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	919/TĐTN	17/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Aspartam: (MiV-N2)	Changzhou Niutang Chemical Plant Co., Ltd. Địa chỉ: No 51 Yanzhang Road Niutang Town Wujin District Changzhou, 21363 - China Tiêu chuẩn: USP 38	Hugestone Enterprise Co., Ltd Địa chỉ: Room 919, 920, No. 359 Hongwu Road, Qinhuai District, Nanjing, Jiangsu, China Tiêu chuẩn: USP hiện hành
1389	Grovababy 375	VD-31958-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	919/TĐTN	17/3/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất Spiramycin khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	EP 8	EP hiện hành
1390	Trikaxon 2g	VD-31968-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	922/TĐTN	17/3/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri) khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	USP 41	USP hiện hành
1391	Povinsea	VD-19952-13	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	6766/TĐTN	6/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Natri metabisulfit: USP 29 2. Nước cất pha tiêm: DĐVN IV	1. Natri metabisulfit: USP hiện hành 2. Nước cất pha tiêm: DĐVN hiện hành
1392	Clopencil	VD-23672-15	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	7218/TĐTN	20/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Magnesi stearat: EP 7 2. Bột talc: BP 2012	1. Magnesi stearat: EP hiện hành 2. Bột talc: BP hiện hành
1393	Fabathio 300 inf.	VD-31214-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	7554/TĐTN	29/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Acid alpha lipoic (Thioctic acid): EP 8 2. Tromethamin: USP38/EP8 3. Propylen glycol: USP38/EP8 4. Nước cất pha tiêm: DĐVN IV	1. Acid alpha lipoic (Thioctic acid): EP hiện hành 2. Tromethamin: USP/EP hiện hành 3. Propylen glycol: USP/EP hiện hành 4. Nước cất pha tiêm: DĐVN hiện hành
1394	Vitamin B6 100mg/1ml	VD-31969-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	923/TĐTN	17/3/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Dinatri edetat: BP2013/EP7 2. Natri dihydrophosphat: BP2013/EP7 3. Nước cất pha tiêm: DĐVN IV	1. Dinatri edetat: BP/EP hiện hành 2. Natri dihydrophosphat: BP/EP hiện hành 3. Nước cất pha tiêm: DĐVN hiện hành
1395	OCEPADO	VD-32573-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6594/TĐTN	28/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	312/10/15, Trịnh Đình Trọng, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	39/39 Nguyễn Cửu Đàm, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

1396	OCEPADO	VD-32573-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6594/TĐTN	28/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của thuốc thành phẩm, dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Thuốc thành phẩm: BP 2017 2. Paracetamol: BP 2017 3. Polyethylene glycol (400): USP 35 4. Propylen glycol: USP 35 5. Sorbitol 70 % (sorbitol solution): USP 35 6. Glycerin: DĐVN IV 7. Natri saccharin: USP 35 8. Polysorbat 80: USP 35 9. Vanilin: DĐVN IV 10. Erythrosin: DĐVN IV 11. Ethanol 96 %: DĐVN IV 12. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Thuốc thành phẩm: BP 2022 2. Paracetamol: BP 2022 3. Polyethylene glycol (400): USP 2021 4. Propylen glycol: USP 2021 5. Sorbitol 70 % (sorbitol solution): USP 2021 6. Glycerin: DĐVN V 7. Natri saccharin: USP 2021 8. Polysorbat 80: USP 2021 9. Vanilin: DĐVN V 10. Erythrosin: DĐVN V 11. Ethanol 96 %: DĐVN V 12. Nước tinh khiết: DĐVN V
1397	CHYMOTRYPSIN	VD-32168-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6288/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	312/10/15, Trịnh Đình Trọng, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	39/39 Nguyễn Cửu Đàm, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
1398	CHYMOTRYPSIN	VD-32168-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6288/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Alpha chymotrypsin (Chymotrypsin): USP 35 2. Crospovidon USP 35 3. Lactose DĐVN IV 4. Aspartam DĐVN IV 5. Colloidal Silicon Dioxid USP 35 6. Glyceryl dibehenat USP 35 7. Vanilin DĐVN IV	1. Alpha chymotrypsin (Chymotrypsin): USP 2021 2. Crospovidon USP 2021 3. Lactose DĐVN V 4. Aspartam DĐVN V 5. Colloidal Silicon Dioxid USP 2021 6. Glyceryl dibehenat USP 2021 7. Vanilin DĐVN V
1399	NICOROCE	VD-32170-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6061/TĐTN	03/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Nicorandil BP 2016 2.Bột talc DĐVN IV 3.Magnesi stearat DĐVN IV 4.Microcrystalline Cellulose USP 38 5.Colloidal silicon dioxid USP 38 6.Natri croscarmellose USP 38 7.Natri lauryl sulfat USP 38	1.Nicorandil BP 2022 2.Bột talc DĐVN V 3.Magnesi stearat DĐVN V 4.Microcrystalline Cellulose USP 2021 5.Colloidal silicon dioxid USP 2021 6.Natri croscarmellose USP 2021 7.Natri lauryl sulfat USP 2021
1400	OCEBEKID	VD-32171-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6008/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) EP 8.0 2.Crospovidon USP 38 3.Sucralose USP 38 4.Colloidal silicon dioxid USP 38 5.Glyceryl dibehenat USP 38 6.Povidon K30 USP 38	1.Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) EP 10.0 2.Crospovidon USP 2021 3.Sucralose USP 2021 4.Colloidal silicon dioxid USP 2021 5.Glyceryl dibehenat USP 2021 6.Povidon K30 USP 2021
1401	OCECODE	VD-32172-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6289/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	312/10/15, Trịnh Đình Trọng, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	39/39 Nguyễn Cửu Đàm, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
1402	OCECODE	VD-32172-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6289/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Fexofenadin hydrochlorid: USP 40 2. Lactose: DĐVN IV 3. Copovidon: USP 40 4. Colloidal silicon dioxid: USP 40 5. Sucralose: USP 40 6. Vanilin: DĐVN IV 7. Crospovidon: USP 40 8. Glyceryl dibehenat: USP 40 9. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Fexofenadin hydrochlorid: USP 2021 2. Lactose: DĐVN V 3. Copovidon: USP 2021 4. Colloidal silicon dioxid: USP 2021 5. Sucralose: USP 2021 6. Vanilin: DĐVN V 7. Crospovidon: USP 2021 8. Glyceryl dibehenat: USP 2021 9. Nước tinh khiết: DĐVN V
1403	OCECOMIT	VD-32173-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6218/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Acetylcystein: USP 38 2. Crospovidon: USP 38 3. Natri starch glycolat: USP 38 4. Lactose: DĐVN IV 5. Aspartam: DĐVN IV 6. Colloidal silicon dioxid: USP 38 7. Glyceryl dibehenat: USP 38	1. Acetylcystein: USP 2021 2. Crospovidon: USP 2021 3. Natri starch glycolat: USP 2021 4. Lactose: DĐVN V 5. Aspartam: DĐVN V 6. Colloidal silicon dioxid: USP 2021 7. Glyceryl dibehenat: USP 2021
1404	OCEDIO 160/25	VD-32175-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6290/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Valsartan: USP 38 2. Hydrochlorothiazid: USP 38 3. Mannitol: USP 38 4. Lactose monohydrat: EP 8.0 5. Copovidon: USP 38 6. Ethanol 96%: DĐVN IV 7. Natri starch glycolat: USP 38 8. Crospovidon: USP 38 9. Glyceryl dibehenat: USP 38 10. Colloidal silicon dioxid: USP 38 11. Sucralose: USP 38 12. Vanilin: USP 38	1. Valsartan: USP 2021 2. Hydrochlorothiazid: USP 2021 3. Mannitol: USP 2021 4. Lactose monohydrat: EP 10.0 5. Copovidon: USP 2021 6. Ethanol 96%: DĐVN V 7. Natri starch glycolat: USP 2021 8. Crospovidon: USP 2021 9. Glyceryl dibehenat: USP 2021 10. Colloidal silicon dioxid: USP 2021 11. Sucralose: USP 2021 12. Vanilin: USP 2021

1405	OCEDURIN	VD-32176-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	5992/TĐTN	31/10/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Lactose DĐVN IV 2.Crospovidon USP 38 3.Natri croscarmellose USP 38 4.Aspartam DĐVN IV 5.Colloidal silicon dioxid USP 38 6.Glyceryl dibehenat USP 38 7.Vanilin DĐVN IV 8.Povidon K30 USP 38 9.Nước tinh khiết DĐVN IV	1.Lactose DĐVN V 2.Crospovidon USP 2021 3.Natri croscarmellose USP 2021 4.Aspartam DĐVN V 5.Colloidal silicon dioxid USP 2021 6.Glyceryl dibehenat USP 2021 7.Vanilin DĐVN V 8.Povidon K30 USP 2021 9.Nước tinh khiết DĐVN V
1406	OCEKEM DT	VD-32177-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	5994/TĐTN	31/10/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Kẽm gluconat EP 8.0 2.Mannitol USP 38 3.Lactose DĐVN IV 4.Copovidon USP 38 5.Colloidal silicon dioxid USP 38 6.Sucralose USP 38 7.Vanilin USP 38 8.Crospovidon USP 38 9.Glyceryl dibehenat USP 38 10.Nước tinh khiết DĐVN IV	1.Kẽm gluconat EP 10.0 2.Mannitol USP 2021 3.Lactose DĐVN V 4.Copovidon USP 2021 5.Colloidal silicon dioxid USP 2021 6.Sucralose USP 2021 7.Vanilin USP 2021 8.Crospovidon USP 2021 9.Glyceryl dibehenat USP 2021 10.Nước tinh khiết DĐVN V
1407	OCEMUCO	VD-32179-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6062/TĐTN	03/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Ambroxol hydroclorid EP 8.0 2.Lactose DĐVN IV 3.Crospovidon USP 38 4.Natri croscarmellose USP 38 5.Sucralose USP 38 6.Colloidal silicon dioxid USP 38 7.Glyceryl dibehenat USP 38 8.Vanilin DĐVN IV 9.Povidon K30 USP 38 10.Nước tinh khiết DĐVN IV	1.Ambroxol hydroclorid EP 10.0 2.Lactose DĐVN V 3.Crospovidon USP 2021 4.Natri croscarmellose USP 2021 5.Sucralose USP 2021 6.Colloidal silicon dioxid USP 2021 7.Glyceryl dibehenat USP 2021 8.Vanilin DĐVN V 9.Povidon K30 USP 2021 10.Nước tinh khiết DĐVN V
1408	OCEMUCOF	VD-32180-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6059/TĐTN	03/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Ambroxol hydroclorid EP 8.0 2.Propylen glycol USP 38 3.Sorbitol 70 % (Sorbitol solution) USP 38 4.Natri citrat DĐVN IV 5.Acid citric (ngậm 1 phân tử nước) DĐVN IV 6.Natri saccharin USP 38 7.Polysorbat 80 USP 38 8.Vanilin USP 38 9.Tartrazin DĐVN IV 10.Nipagin (Methylparaben) USP 38 11.Nipasol (Propylparaben) USP 38 12.Ethanol 96 % DĐVN IV 13.Nước tinh khiết DĐVN IV	1.Ambroxol hydroclorid EP 10.0 2.Propylen glycol USP 2021 3.Sorbitol 70 % (Sorbitol solution) USP 2021 4.Natri citrat DĐVN V 5.Acid citric (ngậm 1 phân tử nước) DĐVN V 6.Natri saccharin USP 2021 7.Polysorbat 80 USP 2021 8.Vanilin USP 2021 9.Tartrazin DĐVN V 10.Nipagin (Methylparaben) USP 2021 11.Nipasol (Propylparaben) USP 2021 12.Ethanol 96 % DĐVN V 13.Nước tinh khiết DĐVN V
1409	OCEPERIDO	VD-32181-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6074/TĐTN	03/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Perindopril tert-butylamin EP 8.0 2.Mannitol USP 38 3.Lactose monohydrat EP 8.0 4.Colloidal silicon dioxid USP 38 5.Magnesi stearat DĐVN IV 6.Croscarmelose natri USP 38 7. Aspartam USP 38 8.Vanilin USP 38	1.Perindopril tert-butylamin EP 10.0 2.Mannitol USP 2021 3.Lactose monohydrat EP 10.0 4.Colloidal silicon dioxid USP 2021 5.Magnesi stearat DĐVN V 6.Croscarmelose natri USP 2021 7.Aspartam USP 2021 8.Vanilin USP 2021
1410	OCEPRED	VD-32183-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	5996/TĐTN	31/10/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Methylprednisolon USP 38 2.Crospovidon USP 38 3.Natri starch glycolat USP 38 4.Lactose DĐVN IV 5.Aspartam DĐVN IV 6.Colloidal silicon dioxid USP 38 7.Glyceryl dibehenat USP 38 8.Vanilin USP 38	1.Methylprednisolon USP 2021 2.Crospovidon USP 2021 3.Natri starch glycolat USP 2021 4.Lactose DĐVN V 5.Aspartam DĐVN V 6.Colloidal silicon dioxid USP 2021 7.Glyceryl dibehenat USP 2021 8.Vanilin USP 2021
1411	OCEREWEL	VD-32574-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6075/TĐTN	03/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	312/10/15, Trịnh Đình Trọng, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	39/39 Nguyễn Cửu Đàm, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

1412	OCEREWEL	VD-32574-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6075/TĐTN	03/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid): EP 8.0 2.Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid): USP 38 3.Vitamin B12 (Cyanocobalamin): EP 8.0 4.Lactose monohydrat: BP 2015 5.Copovidon: USP 38 6.Colloidal silicon dioxid: USP 38 7.Sucralose USP 38 8.Erythrosin DĐVN IV 9.Crospovidon USP 38 10.Glyceryl dibehenat USP 38 11.Nước tinh khiết DĐVN IV	1.Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid): EP 10.0 2.Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid): USP 2021 3.Vitamin B12 (Cyanocobalamin): EP 10.0 4.Lactose monohydrat BP 2022 5.Copovidon USP 2021 6.Colloidal silicon dioxid USP 2021 7.Sucralose USP 2021 8.Erythrosin DĐVN V 9.Crospovidon USP 2021 10.Glyceryl dibehenat USP 2021 11.Nước tinh khiết DĐVN V
1413	OCETEBU	VD-32185-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6009/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Bambuterol hydroclorid EP 8.0 2.Crospovidon USP 38 3.Natri starch glycolat USP 38 4.Croscarmellose natri USP 38 5.Lactose (monohydrat) USP 38 6.Mannitol USP 38 7.Aspartam USP 38 8.Colloidal silicon dioxid USP 38 9.Glyceryl dibehenat USP 38 10.Vanilin USP 38	1.Bambuterol hydroclorid EP 10.0 2.Crospovidon USP 2021 3.Natri starch glycolat USP 2021 4.Croscarmellose natri USP 2021 5.Lactose (monohydrat) USP 2021 6.Mannitol USP 2021 7.Aspartam USP 2021 8.Colloidal silicon dioxid USP 2021 9.Glyceryl dibehenat USP 2021 10.Vanilin USP 2021
1414	OCETHRO	VD-32186-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6060/TĐTN	03/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Roxithromycin EP 8.0 2.Croscarmelose natri USP 38 3.Lactose (monohydrat) EP 8.0 4.Copovidon USP 38 5.Natri starch glycolat USP 38 6.Crospovidon USP 38 7.Glyceryl dibehenat USP 38 8.Colloidal silicon dioxid USP 38 9.Sucralose USP 38	1.Roxithromycin EP 10.0 2.Croscarmelose natri USP 2021 3.Lactose (monohydrat) EP 10.0 4.Copovidon USP 2021 5.Natri starch glycolat USP 2021 6.Crospovidon USP 2021 7.Glyceryl dibehenat USP 2021 8.Colloidal silicon dioxid USP 2021 9.Sucralose USP 2021
1415	OCEVESIN DT	VD-32188-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6010/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Alverin citrat EP 8.0 2.Lactose DĐVN IV 3.Crospovidon USP 38 4.Natri croscarmellose USP 38 5.Aspartam DĐVN IV 6.Colloidal silicon dioxid USP 38 7.Glyceryl dibehenat USP 38 8.Vanilin DĐVN IV 9.Povidon K30 USP 38 10.Nước tinh khiết DĐVN IV	1.Alverin citrat EP 10.0 2.Lactose DĐVN V 3.Crospovidon USP 2021 4.Natri croscarmellose USP 2021 5.Aspartam DĐVN V 6.Colloidal silicon dioxid USP 2021 7.Glyceryl dibehenat USP 2021 8.Vanilin DĐVN V 9.Povidon K30 USP 2021 10.Nước tinh khiết DĐVN V
1416	OCEVINTON	VD-32189-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6064/TĐTN	03/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Vitamin B1 (Thiamin nitrat) BP 2017 2.Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) BP 2017 3.Copovidon USP 40 4.Colloidal Silicon Dioxid USP 40 5.Sucralose USP 40 6.Crospovidon USP 40 7.Glyceryl dibehenat USP 40	1.Vitamin B1 (Thiamin nitrat) BP 2022 2.Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) BP 2022 3.Copovidon USP 2021 4.Colloidal Silicon Dioxid USP 2021 5.Sucralose USP 2021 6.Crospovidon USP 2021 7.Glyceryl dibehenat USP 2021
1417	OCEZUZI	VD-32190-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	5993/TĐTN	31/10/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Paracetamol BP 2015 2.Lactose DĐVN IV 3.Mannitol USP 38 4.Copovidon USP 38 5.Colloidal silicon dioxid USP 38 6.Sucralose USP 38 7.Vanilin USP 38 8.Crospovidon USP 38 9.Glyceryl dibehenat USP 38 10.Nước tinh khiết DĐVN IV	1.Paracetamol BP 2022 2.Lactose DĐVN V 3.Mannitol USP 2021 4.Copovidon USP 2021 5.Colloidal silicon dioxid USP 2021 6.Sucralose USP 2021 7.Vanilin USP 2021 8.Crospovidon USP 2021 9.Glyceryl dibehenat USP 2021 10.Nước tinh khiết DĐVN V

1418	OCETUSI	VD-32187-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6007/TĐTN	31/10/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Paracetamol: BP 2015 2.Clorpheniramin maleat (Chlorphenamin maleat): BP 2015 3. Lactose (monohydrat): EP 8.0 4. Copovidon: USP 38 5.Colloidal silicon dioxid: USP 38 6.Sucralose: USP 38 7.Vanilin: USP 38 8.Crospovidon: USP 38 9.Glyceryl dibehenat: USP 38 10.Ethanol 96%: DĐVN IV	1.Paracetamol: BP 2022 2.Clorpheniramin maleat (Chlorphenamin maleat): BP 2022 4.Lactose (monohydrat): EP 10.0 3.Copovidon: USP 2021 5.Colloidal silicon dioxid: USP 2021 6.Sucralose: USP 2021 7.Vanilin: USP 2021 8.Crospovidon: USP 2021 9.Glyceryl dibehenat: USP 2021 10.Ethanol 96%: DĐVN V
1419	OCEMOCA 4/1,25	VD-32690-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6863/TĐTN	08/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Perindopril tert-butylamin: EP 8.0 2. Indapamid: EP 8.0 3. Mannitol: USP 38 4. Lactose monohydrat: EP 8.0 5. Colloidal silicon dioxid: USP 38 6. Magnesi stearat: DĐVN IV 7. Croscarmelose natri: USP 38 8. Aspartam: USP 38 9. Vanilin: USP 38	1. Perindopril tert-butylamin EP: 10.0 2. Indapamid: EP 10.0 3. Mannitol: USP 2021 4. Lactose monohydrat: EP 10.0 5. Colloidal silicon dioxid: USP 2021 6. Magnesi stearat: DĐVN V 7. Croscarmelose natri: USP 2021 8. Aspartam: USP 2021 9. Vanilin: USP 2021
1420	OCEBATEN	VD-33015-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6866/TĐTN	08/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Ebastin: EP 9.0 2. Crospovidon: USP 40 3. Croscarmellose natri: USP 40 4. Natri starch glycolat: USP 40 5. Lactose monohydrat: USP 40 6. Mannitol: USP 40 7. Aspartam: USP 40 8. Colloidal silicon dioxid: USP 40 9. Glyceryl dibehenat: USP 40 10. Vanilin: USP 40	1. Ebastin: EP 10.0 2. Crospovidon: USP 2021 3. Croscarmellose natri: USP 2021 4. Natri starch glycolat: USP 2021 5. Lactose monohydrat: USP 2021 6. Mannitol: USP 2021 7. Aspartam: USP 2021 8. Colloidal silicon dioxid: USP 2021 9. Glyceryl dibehenat: USP 2021 10. Vanilin: USP 2021
1421	OCEHAPPY	VD-33016-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6868/TĐTN	08/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Vardenafil hydroclorid (trihydrat): USP 40 2. Crospovidon: USP 40 3. Natri starch glycolat: USP 40 4. Lactose monohydrat: USP 40 5. Mannitol: USP 40 6. Aspartam: USP 40 7. Colloidal silicon dioxid: USP 40 8. Glyceryl dibehenat: USP 40 9. Vanilin: USP 40	1. Vardenafil hydroclorid (trihydrat): USP 2021 2. Crospovidon: USP 2021 3. Natri starch glycolat: USP 2021 4. Lactose monohydrat: USP 2021 5. Mannitol: USP 2021 6. Aspartam: USP 2021 7. Colloidal silicon dioxid: USP 2021 8. Glyceryl dibehenat: USP 2021 9. Vanilin: USP 2021
1422	OCEMEBIC 15	VD-33763-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6864/TĐTN	08/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Meloxicam: USP 40 2. Crospovidon: USP 40 3. Natri starch glycolat: USP 40 4. Natri croscarmellose: USP 40 5. Lactose monohydrat: USP 40 6. Mannitol: USP 40 7. Aspartam: USP 40 8. Colloidal silicon dioxid: USP 40 9. Glyceryl dibehenat: USP 40 10. Vanilin: USP 40	1. Meloxicam: USP 2021 2. Crospovidon: USP 2021 3. Natri starch glycolat: USP 2021 4. Natri croscarmellose: USP 2021 5. Lactose monohydrat: USP 2021 6. Mannitol: USP 2021 7. Aspartam: USP 2021 8. Colloidal silicon dioxid: USP 2021 9. Glyceryl dibehenat: USP 2021 10. Vanilin: USP 2021
1423	OCEVITI 50	VD-33764-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6867/TĐTN	08/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Vitamin C (acid ascorbic): USP 2021 2. Crospovidon: USP 38 3. Mannitol: USP 38 4. Aspartam: USP 38 5. Colloidal silicon dioxid: USP 38 6. Glyceryl dibehenat: USP 38 7. Vanilin: USP 38	1. Vitamin C (acid ascorbic): USP 2021 2. Crospovidon: USP 2021 3. Mannitol: USP 2021 4. Aspartam: USP 2021 5. Colloidal silicon dioxid: USP 2021 6. Glyceryl dibehenat: USP 2021 7. Vanilin: USP 2021
1424	OCEVYTOR 10/10	VD-33765-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6865/TĐTN	08/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Ezetimib: USP 40 2. Simvastatin: USP 40 3. Crospovidon: USP 40 4. Natri croscarmellose: USP 40 5. Microcrystallin cellulose: USP 40 6. Lactose monohydrat: USP 40 7. Colloidal silicon dioxid: USP 40 8. Magnesi stearat: USP 40	1. Ezetimib: USP 2021 2. Simvastatin: USP 2021 3. Crospovidon: USP 2021 4. Natri croscarmellose: USP 2021 5. Microcrystallin cellulose: USP 2021 6. Lactose monohydrat: USP 2021 7. Colloidal silicon dioxid: USP 2021 8. Magnesi stearat: USP 2021

1425	OCEDELO	VD-32174-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6063/TĐTN	03/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Desloratadin EP 8.0 2.Crospovidon USP 38 3.Natri starch glycolat USP 38 4.Lactose DĐVN IV 5.Aspartam DĐVN IV 6.Colloidal silicon dioxid USP 38 7.Glyceryl dibehenat USP 38 8.Vanilin DĐVN IV	1.Desloratadin EP 10.0 2.Crospovidon USP 2021 3.Natri starch glycolat USP 2021 4.Lactose DĐVN V 5.Aspartam DĐVN V 6.Colloidal silicon dioxid USP 2021 7.Glyceryl dibehenat USP 2021 8.Vanilin DĐVN V
1426	OCEMETHYL	VD-32178-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	5995/TĐTN	31/10/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Methylprednisolon: USP 38 2.Crospovidon: USP 38 3.Natri starch glycolat: USP 38 4.Lactose: DĐVN IV 5.Aspartam: DĐVN IV 6.Colloidal silicon dioxid: USP 38 7.Glyceryl dibehenat: USP 38 8.Vanilin: DĐVN IV	1.Methylprednisolon: USP 2021 2.Crospovidon: USP 2021 3.Natri starch glycolat: USP 2021 4.Lactose: DĐVN V 5.Aspartam: DĐVN V 6.Colloidal silicon dioxid: USP 2021 7.Glyceryl dibehenat USP: 2021 8.Vanilin: DĐVN V
1427	OCEPITAM	VD-32182-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6287/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	312/10/15, Trịnh Đình Trọng, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	39/39 Nguyễn Cửu Đàm, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
1428	OCEPITAM	VD-32182-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6287/TĐTN	15/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Rutin: DĐVN IV 2. Microcrystalline Cellulose: USP 35 3. Magnesi stearat: DĐVN IV 4. Bột talc: DĐVN IV 5. Copovidon: USP 35 6. Crospovidon: USP 35 7. Ethanol 96%: DĐVN IV	1. Rutin: DĐVN V 2. Microcrystalline Cellulose: USP 2021 3. Magnesi stearat: DĐVN V 4. Bột talc: DĐVN V 5. Copovidon: USP 2021 6. Crospovidon: USP 2021 7. Ethanol 96%: DĐVN V
1429	Cefpobiotic 100	VD-34092-20	công ty cổ phần dược Medipharco	công ty cổ phần dược Medipharco	6660/TĐTN	30/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Cefpodoxim proxetil: USP 40 2. Xanthan gum: USP 40 3. Hydroxypropyl cellulose : BP 2017 4. Sodium lâuyl sulfat: BP 2017 5. Colloidal silicon dioxide : USP 40	1. Cefpodoxim proxetil : USP 2022 2. Xanthan gum : USP 2022 3. Hydroxypropyl cellulose : BP 2022 4. Sodium lâuyl sulfat : BP 2022 5. Colloidal silicon dioxide : USP 22
1430	Zento B-CPC1	VD-18472-13	Công ty cổ phần dược Medipharco	công ty cổ phần dược Medipharco	6957/TĐTN	13/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất cyanocobalamin (MiV-N3)	Cyanocobalamin : Hebei Yuxing Bio-Engineering Co.,LTD Địa chỉ: Xicheng District, Ningjing Contry, Xingtai, Hebei Provincen, China.	Cyanocobalamin : Yuxing Biotechnology (Group) Co.,LTD Địa chỉ: Xicheng District, Ningjing Contry, Xingtai, Hebei Provincen, China.
1431	Oresol	VD-33206-19	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Nhà máy Hdpharma EU-công ty CP dược vật tư y tế Hải Dương	7727/TĐTN	29/12/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Thửa đất số 307, cụm công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương-Việt Nam	Tầng 2, Tòa nhà 4A,Thửa đất số 307, cụm công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương-Việt Nam
1432	Cefpobiotic 100	VD-30029-18	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco	6399/TĐTN	21/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Cefpodoxim proxetil: USP 42 2. Pregelatinized starch: BP 2018 3. Polacrilin potassium: USP 42 4. Microcrystalline cellulose 102: BP 2018 5. Copovidon: BP2018 6. Colloidal silicon dioxide: BP 2018 7. Sodium lauryl sulfate: BP 2018 8. Hypromelose: BP 2018 9. Polyvinyl alcohol: BP2018	1. Cefpodoxim proxetil: USP 2022 2. Pregelatinized starch: BP 2022 3. Polacrilin potassium: USP 2022 4. Microcrystalline cellulose 102: BP 2022 5. Copovidon: BP 2022 6. Colloidal silicon dioxide: BP 2022 7. Sodium lauryl sulfate: BP 2022 8. Hypromelose: BP 2022 9. Polyvinyl alcohol: BP 2022
1433	Bicelor	VD-29157-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	6222/TĐTN	11/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở đăng ký (MiV-N1)	160 - Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội - Việt Nam	160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
1434	Bicelor	VD-29157-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	6222/TĐTN	11/11/2022	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Thanh Xuân- Sóc Sơn- Hà Nội- Việt Nam	Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
1435	Tetracyclin 1%	VD-26395-17	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Công ty cổ phần Dược Medipharco	487/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Tetracyclin hydroclorid (MiV-N3)	Ningxia Qiyuan Pharmaceutical Co., Ltd Địa chỉ: No. 1 Qiyuan Avenue, Wangyuan Industrial Park, Yinchuan City, Ningxia, China.	Ningxia Qiyuan Pharmaceutical Co., Ltd Địa chỉ: No. 1 Qiyuan Street, Wangyuan Industrial Area, Yinchuan, Ningxia, China

1436	Clorpheniramin	VD-32169-19	Công ty cổ phần O2pharm	Công ty cổ phần hóa dược Việt Nam	6073/TĐTN	11/03/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Clorpheniramin maleat (Cholorphenamin maleat): BP 2015 2.Crospovidon : USP 38 3.Lactose : DĐVN IV 4.Aspartam : DĐVN IV 5.Colloidal silicon dioxid USP 38 6.Glyceryl dibehenat : USP 38 7.Vanilin : USP 38	1.Clorpheniramin maleat (Cholorphenamin maleat): BP 2022 2.Crospovidon : USP 2021 3.Lactose : DĐVN V 4.Aspartam : DĐVN V 5.Colloidal silicon dioxid USP 2021 6.Glyceryl dibehenat : USP 2021 7.Vanilin : USP 2021
1437	OCEMUCO	VD-32179-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6062/TĐTN	03/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Ambroxol hydroclorid EP 8.0 2.Lactose DĐVN IV 3.Crospovidon USP 38 4.Natri croscarmellose USP 38 5.Sucralose USP 38 6.Colloidal silicon dioxid USP 38 7.Glyceryl dibehenat USP 38 8.Vanilin DĐVN IV 9.Povidon K30 USP 38 10.Nước tinh khiết DĐVN IV	1.Ambroxol hydroclorid EP 10.0 2.Lactose DĐVN V 3.Crospovidon USP 2021 4.Natri croscarmellose USP 2021 5.Sucralose USP 2021 6.Colloidal silicon dioxid USP 2021 7.Glyceryl dibehenat USP 2021 8.Vanilin DĐVN V 9.Povidon K30 USP 2021 10.Nước tinh khiết DĐVN V
1438	OCERITEC 80/25	VD-32184-19	CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	6006/TĐTN	02/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Telmisartan: USP 38 2.Hydrochlorothiazid: USP 38 3.Lactose (monohydrat): EP 8.0 4.Copovidon: USP 38 5.Ethanol 96%: DĐVN IV 6.Natri starch glycolat: USP 38 7.Crospovidon: USP 38 8.Glyceryl dibehenat: USP 38 9.Colloidal silicon dioxid: USP 38 10.Sucralose: USP 38 11.Vanilin: USP 38	1.Telmisartan: USP 2021 2.Hydrochlorothiazid: USP 2021 3.Lactose (monohydrat): EP 10.0 4.Copovidon: USP 2021 5.Ethanol 96%: DĐVN V 6.Natri starch glycolat: USP 2021 7.Crospovidon: USP 2021 8.Glyceryl dibehenat: USP 2021 9.Colloidal silicon dioxid: USP 2021 10.Sucralose: USP 2021 11.Vanilin: USP 2021
1439	ROSUVASTATIN 5	VD-35417-21	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco	1476/TĐTN	27/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Rosuvastatin calci (MiV-N3)	CTX Life Sciences Pvt. Ltd. Địa chỉ: Block No. 251/P, 252/P, 253 to 255, 256/P, 258/P, 276/P, 277, 278/P, 279 to 282, 283/P, 284/P, GIDC, City: Sachin, Dist. Surat, Gujarat State, India.	CTX Lifesciences Pvt. Ltd. Địa chỉ: Block No. 251 / P, 252 / P, 253 to 255, 256 / P,258 / P,276 / P,277, 278 / P, 279 to 282, 283 / P, 284 / P GIDC, City - Sachin, Dist. – Surat, Gujarat State, India.
1440	ROSUVASTATIN 10	VD-35415-21	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco	1477/TĐTN	27/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Rosuvastatin calci (MiV-N3)	CTX Life Sciences Pvt. Ltd. Địa chỉ: Block No. 251/P, 252/P, 253 to 255, 256/P, 258/P, 276/P, 277, 278/P, 279 to 282, 283/P, 284/P, GIDC, City: Sachin, Dist. Surat, Gujarat State, India.	CTX Lifesciences Pvt. Ltd. Địa chỉ: Block No. 251 / P, 252 / P, 253 to 255, 256 / P,258 / P,276 / P,277, 278 / P, 279 to 282, 283 / P, 284 / P GIDC, City - Sachin, Dist. – Surat, Gujarat State, India.
1441	ROSUVASTATIN 20	VD-35416-21	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco	1475/TĐTN	27/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Rosuvastatin calci (MiV-N3)	CTX Life Sciences Pvt. Ltd. Địa chỉ: Block No. 251/P, 252/P, 253 to 255, 256/P, 258/P, 276/P, 277, 278/P, 279 to 282, 283/P, 284/P, GIDC, City: Sachin, Dist. Surat, Gujarat State, India.	CTX Lifesciences Pvt. Ltd. Địa chỉ: Block No. 251 / P, 252 / P, 253 to 255, 256 / P,258 / P,276 / P,277, 278 / P, 279 to 282, 283 / P, 284 / P GIDC, City - Sachin, Dist. – Surat, Gujarat State, India.
1442	DROFAXIN	VD-20981-14	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco	1478/TĐTN	27/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất Cefadroxil (dưới dạng Cefadroxil monohydrat) khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	USP 42	USP 2023
1443	Citicoline 500mg/4ml	VD-32526-19	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	1401/TĐTN	24/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Citicolin (dạng citicolin natri): CP 2010 2. Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN IV	1. Citicolin (dạng citicolin natri): CP 2015 2. Nước để pha thuốc tiêm: DĐVN V
1444	Midamox 750	VD-32527-19	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	1404/TĐTN	24/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất Amoxicilin (dạng amoxicilin trihydrat) khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	BP 2014	BP 2022

1445	Candesartan cilexetil 32mg	VD-26185-17	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	1406/TĐTN	24/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Candesartan cilexetil (MiV-N3)	Weihai Disu Pharmaceutical Co., Ltd	Dijia Pharmaceutical Co., Ltd
1446	Berberine 100mg	VD-32129-19	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	296/TĐTN	07/02/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Povidon K29/32: USP 36 2.Talc: DĐVN IV 3.Tinh bột sắn biến tính: NF 31 4. Ethanol 96%: DĐVN IV	1.Povidon K29/32: USP 44 2.Talc: DĐVN V 3.Tinh bột sắn biến tính: NF 39 4. Ethanol 96%: DĐVN V
1447	Ceracept 0,75g	VD-31306-18	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	1555/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất amoxicillin sodium and sulbactam sodium (2:1) (MiV-N3)	Zhuhai United Laboratories Co., Ltd. Địa chỉ: Sanzao Science & Technology Park, National Hi-Tech Zone, Zhuhai, Guangdong - 519040, P.R. China	Zhuhai United Laboratories Co., Ltd. Địa chỉ: No. 2428, Anji Road, Sanzao Town, Jinwan District, Zhuhai, Guangdong - 519040, P.R. China
1448	Ceracept 1,5g	VD-31307-18	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	1556/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất amoxicillin sodium and sulbactam sodium (2:1) (MiV-N3)	Zhuhai United Laboratories Co., Ltd. Địa chỉ: Sanzao Science & Technology Park, National Hi-Tech Zone, Zhuhai, Guangdong - 519040, P.R. China	Zhuhai United Laboratories Co., Ltd. Địa chỉ: No. 2428, Anji Road, Sanzao Town, Jinwan District, Zhuhai, Guangdong - 519040, P.R. China
1449	Cefotaxime1g	VD-24410-16	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	1557/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất cefotaxime sodium (MiV-N3)	Zhuhai United Laboratories Co., Ltd. Địa chỉ: Sanzao Science & Teachnology Park, National Hi-Tech Zone, Zhuhai, Guangdong - 519040, P.R. China	Zhuhai United Laboratories Co., Ltd. Địa chỉ: No. 2428, Anji Road, Sanzao Town, Jinwan District, Zhuhai, Guangdong - 519040, P.R. China
1450	Sumakin 250/125	VD-23193-15	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	1558/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất sulbactam pivoxyl (MiV-N3)	Zhuhai United Laboratories Co., Ltd. Địa chỉ: Sanzao Science & Technology Park, National Hi-Tech Zone, Guangdong, China	Zhuhai United Laboratories Co., Ltd. Địa chỉ: No. 2428, Anji Road, Sanzao Town, Jinwan District, Zhuhai, Guangdong - 519040, P.R. China
1451	Uniferon tablet	VD-32076-19	Công ty CP Dược TW Mediplantex	Công ty CP Dược TW Mediplantex	1377/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của thuốc thành phẩm khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	DĐVN IV	DĐVN V
1452	Uniferon tablet	VD-32076-19	Công ty CP Dược TW Mediplantex	Công ty CP Dược TW Mediplantex	1377/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Sắt (II) fumarat: EP 8 2. Acid folic: USP 38	1. Sắt (II) fumarat: EP 10 2. Acid folic: USP-NF 2021
1453	Uniferon tablet	VD-32076-19	Công ty CP Dược TW Mediplantex	Công ty CP Dược TW Mediplantex	1377/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Lactose monohydrat : USP 38 2.Natri starch glycolat: USP 38 3.PVP K30: USP 38 4.Natri laurylsulfat : USP 38 5.Low-Substituted Hydroxypropyl Cellulose (L-HPC): USP 38 6.Aerosil : USP 38 7.Magnesi stearat: USP 38 8.HPMC 606: USP 38 9.Eudragit E100: USP 38 10.Titan dioxyd: USP 38 11.Talc: USP 38 12.PEG 6000: USP 38 13.Erythrosin: DĐVN IV 14.Tween 80: USP 38 15.Ethanol tuyệt đối (dung môi bay hơi): DĐVN IV 16.Ethanol 96% (dung môi bay hơi): DĐVN IV 17.Nước tinh khiết (dung môi bay hơi): DĐVN IV	1.Lactose monohydrat : USP-NF 2021 2.Natri starch glycolat: USP-NF 2021 3.PVP K30: USP-NF 2021 4.Natri laurylsulfat : USP-NF 2021 5.Low-Substituted Hydroxypropyl Cellulose (L-HPC): USP-NF 2021 6.Aerosil : USP-NF 2021 7.Magnesi stearat: USP-NF 2021 8.HPMC 606: USP-NF 2021 9.Eudragit E100: USP-NF 2021 10.Titan dioxyd: USP-NF 2021 11.Talc: USP-NF 2021 12.PEG 6000: USP-NF 2021 13.Erythrosin: DĐVN V 14.Tween 80: USP-NF 2021 15.Ethanol tuyệt đối (dung môi bay hơi): DĐVN V 16.Ethanol 96% (dung môi bay hơi): DĐVN V 17.Nước tinh khiết (dung môi bay hơi): DĐVN V

1454	Stustu	VD-32075-19	Công ty CP Dược TW Mediplantex	Công ty CP Dược TW Mediplantex	1378/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của thuốc thành phẩm khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	DĐVN IV	DĐVN V
1455	Stustu	VD-32075-19	Công ty CP Dược TW Mediplantex	Công ty CP Dược TW Mediplantex	1378/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Cinarizin: BP 2016 2.Lactose monohydrat: USP 37 3.Tinh bột mỳ : BP 2016 4.Tinh bột sắn: DĐVN IV 5.Magnesi stearat : USP 37 6.Talc : BP 2016 7.Aerosil : BP 2016 8.Nước RO (dung môi bay hơi): DĐVN IV	1. Cinarizin: BP 2022 2.Lactose monohydrat: USP-NF 2021 3.Tinh bột mỳ : BP 2022 4.Tinh bột sắn: DĐVN V 5.Magnesi stearat : USP-NF 2021 6.Talc : BP 2022 7.Aerosil : BP 2022 8.Nước RO (dung môi bay hơi): DĐVN V
1456	Chlorpheniramin maleat	VD-32059-19	Công ty CP Dược TW Mediplantex	Công ty CP Dược TW Mediplantex	1543/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng thuốc thành phẩm khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	DĐVN IV	DĐVN V
1457	Chlorpheniramin maleat	VD-32059-19	Công ty CP Dược TW Mediplantex	Công ty CP Dược TW Mediplantex Đ/c: Nhà máy dược phẩm số 2: Trung Hậu, Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	1543/TĐTN	30/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Chlorpheniramin maleat: BP 2013 2.Lactose monohydrat: USP 37 3.Tinh bột mỳ: DĐVN IV 4.PVP K30: USP 37 5.Sodium starch glycolat: BP 2013 6.Magnesi stearat USP 37	1. Chlorpheniramin maleat: BP 2022 2.Lactose monohydrat: USP-NF 2021 3.Tinh bột mỳ: DĐVN V 4.PVP K30: USP-NF 2021 5.Sodium starch glycolat: BP 2022 6.Magnesi stearat: USP-NF 2021
1458	Lifecita 400	VD-30533-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	1172/TĐTN	15/3/2023	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry 03A18373 White (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Limited (Đ/c: No 688 Chundong Road, Shanghai Xinzhuang Industry Zone Minhang Shanghai 201108, Trung Quốc)	Colorcon Asia Pvt. Limited (Đ/c: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna Goa – 403722, India)
1459	Moxifloxacin 400mg/100ml	893115057123	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I- Pharbaco	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	1537/TĐTN	30/3/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Moxifloxacin hydroclorid : EP 9 2. Dinatri edetat: EP 9/BP 2019 3. Nước cất pha tiêm: BP 2019	1. Moxifloxacin hydroclorid : EP hiện hành 2. Tiêu chuẩn Dinatri edetat: EP/BP hiện hành 3. Nước cất pha tiêm: BP hiện hành
1460	Avozzim	VD-22570-15	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	1482/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi địa chỉ nhà phân phối (MiV)	Km 31+500, Quốc lộ 5, thôn Trại, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.	Khu đô thị Lạc Hồng Phúc, phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
1461	Egaldy	VD-30644-18	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	1593/TĐTN	31/03/2023	Thay đổi địa chỉ nhà phân phối (MiV)	Số 1181, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ dân phố Trại, phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Hưng Yên.	Khu đô thị Lạc Hồng Phúc, phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
1462	Kodemin	VD-22265-15	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	1480/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của dược chất khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1. Codein phosphat: EP 8 2. Guaifenesin: USP 38	1. Codein phosphat: EP hiện hành 2. Guaifenesin USP: hiện hành
1463	Kodemin	VD-22265-15	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	1480/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng của tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	1.Dầu đậu nành: BP 2016 2.Dầu cọ: BP 2016 3.Lecithin USP 38 4.Dung dịch Sorbitol 70%: BP 2016 5.Nipagin: USP 38 6.Nipasol: USP 38 7.Vanilin: BP 2016	1.Dầu đậu nành: BP hiện hành 2.Dầu cọ: BP hiện hành 3.Lecithin USP hiện hành 4.Dung dịch Sorbitol 70%: BP hiện hành 5.Nipagin: USP hiện hành 6.Nipasol: USP hiện hành 7.Vanilin: BP hiện hành

1464	Vida up	VD-27631-17	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6346/TĐTN	17/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry II 85G51130 Green và Opadry OY-S-29019 Clear (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1465	Vida up	VD-27632-17	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6346/TĐTN	17/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry II 85G51130 Green và Opadry OY-S-29019 Clear (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1466	Lifezar	VD-28624-17	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6347/TĐTN	17/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry 20B610001 Green (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1467	Lifezar	VD-33978-19	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6347/TĐTN	17/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry 20B610001 Green (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1468	Bisoloc	VD-16169-11	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6348/TĐTN	17/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry White (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1469	Fenoflex	VD-21574-14	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6348/TĐTN	17/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry White (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1470	Hyvalor	VD-23418-15	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6349/TĐTN	17/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry II 85G28725 White (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1471	Hyvalor	VD-23417-15	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6349/TĐTN	17/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry II 85G28725 White (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1472	Hyvalor Plus	VD-35616-22	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6349/TĐTN	17/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry II 85G28725 White (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1473	Hyvalor Plus	VD-35617-22	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma	6349/TĐTN	17/11/2022	Bổ sung nhà sản xuất/địa điểm sản xuất tá dược Opadry II 85G28725 White (MiV-N2)	Shanghai Colorcon Coating Technology Địa chỉ: No.588 Chundong Road, Minhang District, Shanghai, China Tiêu chuẩn: TCNSX	Colorcon Asia Pvt. Limited Địa chỉ: Plot Nos. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna. Goa 403722, India Tiêu chuẩn: TCNSX
1474	Glumat 750	VD-19237-13	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7151/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1475	Lenomid 10	VD-21561-14	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7151/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1476	Lenomid 20	VD-21562-14	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7151/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1477	Thiochicod 4 mg	VD-21563-14	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7151/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1478	Lenomid 100	VD-22041-14	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7151/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1479	Lotrial S-200	VD-22711-15	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7151/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1480	Mulpax S- 250	VD-23430-15	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7151/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1481	Dailycare	VS-4910-15	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7151/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1482	Pit-Stat Tablet 1 mg	DG3-1-20	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6442/TĐTN	24/11/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1); Thay đổi địa chỉ cơ sở đóng gói cấp 2 (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4 đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở đóng gói cấp 2: Lô B14-3,4 đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký và cơ sở đóng gói cấp 2: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở đóng gói cấp 2: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1483	Pit-Stat Tablet 2 mg	DG3-2-20	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6442/TĐTN	24/11/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1); Thay đổi địa chỉ cơ sở đóng gói cấp 2 (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4 đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở đóng gói cấp 2: Lô B14-3,4 đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký và cơ sở đóng gói cấp 2: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở đóng gói cấp 2: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1484	Glimet 500mg/2.5 tablets	DG3-3-20	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6442/TĐTN	24/11/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1); Thay đổi địa chỉ cơ sở đóng gói cấp 2 (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4 đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở đóng gói cấp 2: Lô B14-3,4 đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký và cơ sở đóng gói cấp 2: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở đóng gói cấp 2: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1485	Sita-Met Tablets 50/1000	DG3-4-20	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6442/TĐTN	24/11/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1); Thay đổi địa chỉ cơ sở đóng gói cấp 2 (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4 đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở đóng gói cấp 2: Lô B14-3,4 đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký và cơ sở đóng gói cấp 2: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở đóng gói cấp 2: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1486	Infilong	VD-21791-14	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1487	Cadineuron	VD-18263-13	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1488	Ustrivit	VD-19241-13	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1489	Prodinir-F	VD-23429-15	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1490	Tacerax 125 mg	VD-24057-15	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1491	Pyramet 800	VD-27645-17	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1492	a-Tase	VD-29558-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1493	Tabrison	VD-29574-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1494	Uscotrim	VD-29577-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1495	Cadicidin	VD-30183-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1496	Cehitas 8	VD-30186-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1497	Vitamin C 500	VD-30194-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1498	Caplexib 200	VD-30891-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1499	Usapril 20	VD-30902-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1500	Usclovir 800	VD-30903-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1501	Xorof	VD-30905-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1502	Topcefpo 200	VD-31008-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1503	Podokid 100 (mùi tutti frutti)	VD-32484-19	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1504	Tabrison (white)	VD-32739-19	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1505	Robnadol	VD-24056-15	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1506	Atasic 200	VD-18938-13	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1507	Corfarlex 500	VD-21177-14	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1508	duleusic 100	VD-21182-14	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1509	Pedolas 100 tab	VD-21184-14	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1510	CAAVIREL	VD-28290-17	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco	738/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất entecavir monohydrat (MiV-N3)	Hetero Drugs Limited Sy.No. 213, 214 and 255, Bonthapally Village, Jinnaram Mandal, India.	Hetero Drugs Limited Sy.No. 213, 214 and 255, Bonthapally Village, Gummadidala Mandal, Sangareddy District, Telangana State, India.
1511	Cefdinir 125-MV	VD-24655-16	Công ty TNHH TM DP Quốc tế Minh Việt	Công ty TNHH US Pharma USA	7201/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1512	Clopias	VD-28622-17	Công ty TNHH TM DP Quốc tế Minh Việt	Công ty TNHH US Pharma USA	7201/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1513	Rosuvastatin-MV	VD-32467-19	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Quốc tế Minh Việt	Công ty cổ phần US Pharma USA	7201/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1514	Clopidogrel 75 - MV	VD-19238-13	Công ty TNHH Thương mại DP Quốc tế Minh Việt	Công ty cổ phần US pharma USA	7201/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1515	Cefantif 300 cap	VD-21582-14	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm quốc tế Minh Việt	Công ty cổ phần US Pharma USA	7201/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1516	Tenofovir 300-MV	QLĐB-601-17	Công ty TNHH thương mại dược phẩm quốc tế Minh Việt	Công ty cổ phần US Pharma USA	7201/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1517	ACERALGIN 400mg	GC-315-19	MEDOCHEMIE LTD.	Công ty TNHH MEDOCHEMIE (VIỄN ĐÔNG)	6759/TĐTN	09/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Lactose spray-dried (Lactose monohydrate); Bổ sung tên và địa chỉ cơ sở sản xuất tá dược Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline cellulose); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ văn phòng, bổ sung thêm địa chỉ nhà máy của cơ sở sản xuất tá dược Croscarmellose natri (Croscarmellose sodium); Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược Magnesi stearat (Magnesium stearate) (MiV-N3)	1. Lactose spray-dried (Lactose monohydrate): Molkerei MEGGLE Địa chỉ: Wasserburg GmbH & Co. KG Megglestraße 6–12, 83512 Wasserburg Germany. 2. Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline cellulose): JRS Pharma GmbH & Co. KG Địa chỉ: Holzmühle 1, 73494 Rosenberg, Germany. 3. Croscarmellose natri (Croscarmellose sodium): Gujarat Microwax Pvt. Ltd Unit-II Địa chỉ: 401/402, Sarthik Square, NR GNFC Tower, Sarkhej Gandhinagar Highway, Ahmedabad – 380054, India. 4. Magnesi stearat (Magnesium stearate): Merck KGaA Địa chỉ: Frankfuter Straße 250, 64293 Darmstadt, Germany.	1. Lactose spray-dried (Lactose monohydrate): MEGGLE GmbH & Co. KG Địa chỉ; Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg, Germany. 2. Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline cellulose): JRS Pharma GmbH & Co. KG Tên nhà máy: Microcellulose Weißenborn GmbH & Co KG Địa chỉ văn phòng: Holzmühle 1, 73494 Rosenberg (Germany) Địa chỉ nhà máy: Freiberger Straße7, 09600 Weißenborn (Weissenborn)/ Erzgebirge, Germany. 3. Croscarmellose natri (Croscarmellose sodium): JRS Pharma & Gujarat Microwax Private Limited Địa chỉ văn phòng: 401/402 Sarthik Square Nr. GNFC Tower S.G. Highway Ahmedabad - 380054 (India). Địa chỉ nhà máy: Unit 2, Survey No. 292/293, Kalol - Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana - 382706, Gujarat, India. 4. Magnesi stearat (Magnesium stearate): Merck KGaA Địa chỉ: Frankfurter Str. 250, DE 64293 Darmstadt, Germany.
1518	ACERALGIN 400mg	GC-315-19	**MEDOCHEMIE LTD.**	**Công ty TNHH MEDOCHEMIE (VIỄN ĐÔNG)**	6759/TĐTN	09/12/2022	Thay đổi địa điểm sản xuất và bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Erythrosine lake E127 (Lake erythrosine VL108:1-30 E127); Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Lactose spray-dried (Lactose monohydrate) và tá dược Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline cellulose) (MiV-N2)	I. Lactose spray-dried (Lactose monohydrate): Molkerei MEGGLE Wasserburg GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestraße 6–12, 83512 Wasserburg Germany. TCCL: EP 10 II. Erythrosine lake E127 (Lake erythrosine VL108:1-30 E127): 1. Roha Dyechem Pvt. Ltd Địa chỉ: A/44 & A/45, Road No.2, M.I.D.C, Andheri(E), Mumbai-400093, India. 2. Roha Dyechem Viet Nam Ltd. Địa chỉ: Lô II-11, đường CN 8, KCN Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. HCM, Việt Nam. TCCL: nhà sản xuất III. Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline cellulose): JRS Pharma GMBH & CO. KG Địa chỉ: Holzmühle 1, 73494 Rosenberg, Germany. TCCL: EP 10	I. Lactose spray-dried (Lactose monohydrate): 1. Molkerei MEGGLE Wasserburg GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestraße 6–12, 83512 Wasserburg Germany. TCCL: EP 10 2. DFE Pharma GmbH & Co.KG Địa chỉ: Lauenfoerder Strasse 5, 37176 Noerten-Hardenberg, Germany. TCCL: EP 10 II. Erythrosine lake E127 (Lake erythrosine VL108:1-30 E127): 1. Roha Dyechem Vietnam Ltd. Lot EB9, Road 19A, Hiep Phuoc Industrial Park (phase 2), Hiep Phuoc Commune, Nha Be District, Ho Chi Minh City, Vietnam. 2. Neelikon Food Dyes & Chemicals Ltd. Plot No. 67 & 17, M.I.D.C., Dhatav, Roha, Dist. Raigad, Maharashtra - 402116, India. TCCL: nhà sản xuất III. Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline cellulose): 1. JRS Pharma & Gujarat Microwax Private Limited Địa chỉ văn phòng: 401/402 Sarthik Square Nr. GNFC Tower S.G. Highway Ahmedabad - 380054 (India). Địa chỉ nhà máy: Unit-1, Survey No. 291/1&2, Kalol-Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana-382706, Gujarat, India. 2. JRS Pharma GmbH & CO. KG Tên nhà máy: Rettenmaier Natural Fiber Manufacturing (Changzhou) Co., Ltd. Địa chỉ văn phòng: Holzmühle 1, 73494 Rosenberg (Germany). Địa chỉ nhà máy: No. 12 Changfan road, Wujin Economic Development Zone, Changzhou city, Jiangsu Province, P.R. China, 213146. 3. Crest Cellulose Private Limited Plot No.12 & 13, APIIC Industrial Park, Menakuru Village, Naidupet Mandal, SPSR Nellore District-524421 Andhra Pradesh, India. TCCL : EP 10

1519	ACERALGIN 800mg	GC-316-19	MEDOCHEMIE LTD.	Công ty TNHH MEDOCHEMIE (VIỄN ĐÔNG)	6760/TĐTN	09/12/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	I. Lactose spray-dried (Lactose monohydrate): Molkerei MEGGLE Wasserburg GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestraße 6–12, 83512 Wasserburg Germany. TCCL: EP 10 II. Blue lake E132 (Lake indigo carmine E132): 1. Roha Dyechem Pvt. Ltd Địa chỉ: A/44 & A/45, Road No.2, M.I.D.C, Andheri(E), Mumbai-400093, India. 2. Roha Dyechem Viet Nam Ltd. Địa chỉ: Lô II-11, đường CN 8, KCN Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. HCM, Việt Nam. TCCL: Nhà sản xuất III. Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline cellulose): JRS Pharma GMBH & CO. KG Địa chỉ: Holzmühle 1, 73494 Rosenberg, Germany. TCCL: EP 10	I. Lactose spray-dried (Lactose monohydrate): DFE Pharma GmbH & Co.KG Địa chỉ: Lauenfoerder Strasse 5, 37176 Noerten-Hardenberg, Germany. TCCL: EP 10 II. Blue lake E132 (Lake indigo carmine E132): Sensient Colors, LLC Địa chỉ: 2526 Baldwin Street, St. Louis, Missouri, United States, 63106 TCCL: Nhà sản xuất III. Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline cellulose): 1. JRS Pharma & Gujarat Microwax Private Limited Địa chỉ văn phòng: 401/402 Sarthik Square Nr. GNFC Tower S.G. Highway Ahmedabad - 380054 (India). Địa chỉ nhà máy: Unit-1, Survey No. 291/1&2, Kalol-Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana-382706, Gujarat, India. 2. JRS Pharma GmbH & CO. KG Tên nhà máy: Rettenmaier Natural Fiber Manufacturing (Changzhou) Co., Ltd. Địa chỉ văn phòng: Holzmühle 1, 73494 Rosenberg (Germany). Địa chỉ nhà máy: No. 12 Changfan road, Wujin Economic Development Zone, Changzhou city, Jiangsu Province, P.R. China, 213146. 3. Crest Cellulose Private Limited Plot No.12 & 13, APIIC Industrial Park, Menakuru Village, Naidupet Mandal, SPSR Nellore District-524421 Andhra Pradesh, India. TCCL: EP 10
1520	ACERALGIN 800mg	GC-316-19	MEDOCHEMIE LTD.	Công ty TNHH MEDOCHEMIE (VIỄN ĐÔNG)	6760/TĐTN	09/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của nhà sản xuất tá dược Lactose spray-dried (Lactose monohydrate); Bổ sung tên và địa chỉ nhà sản xuất tá dược Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline cellulose); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ văn phòng, bổ sung thêm địa chỉ nhà máy của nhà sản xuất tá dược Croscarmellose natri (Croscarmellose sodium); Thay đổi cách ghi địa chỉ của nhà sản xuất tá dược Magnesi stearat (Magnesium stearate) (MiV-N3)	1. Lactose spray-dried (Lactose monohydrate): Molkerei MEGGLE Wasserburg GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestraße 6–12, 83512 Wasserburg Germany. 2. Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline cellulose): JRS Pharma GmbH & Co. KG Địa chỉ: Holzmühle 1, 73494 Rosenberg, Germany. 3. Croscarmellose natri (Croscarmellose sodium): Gujarat Microwax Pvt. Ltd Unit-II Địa chỉ: 401/402, Sarthik Square, NR GNFC Tower, Sarkhej Gandhinagar Highway, Ahmedabad – 380054, India. 4. Magnesi stearat (Magnesium stearate): Merck KGaA Địa chỉ: Frankfuter Straße 250, 64293 Darmstadt, Germany.	1. Lactose spray-dried (Lactose monohydrate): MEGGLE GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg, Germany. 2. Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline cellulose): JRS Pharma GmbH & Co. KG Tên nhà máy: Microcellulose Weißenborn GmbH & Co KG Địa chỉ văn phòng: Holzmühle 1, 73494 Rosenberg (Germany) Địa chỉ nhà máy: Freiberger Straße7, 09600 Weißenborn (Weissenborn)/ Erzgebirge, Germany. 3. Croscarmellose natri (Croscarmellose sodium): JRS Pharma & Gujarat Microwax Private Limited Địa chỉ văn phòng: 401/402 Sarthik Square Nr. GNFC Tower S.G. Highway Ahmedabad - 380054 (India). Địa chỉ nhà máy: Unit 2, Survey No. 292/293, Kalol - Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana - 382706, Gujarat, India. 4. Magnesi stearat (Magnesium stearate): Merck KGaA Địa chỉ: Frankfurter Str. 250, DE 64293 Darmstadt, Germany.
1521	NCCEP	VD-17400-12	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1522	APFU	VD-18939-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1523	TIDOSIR	VD-19240-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1524	USCADIROCIN 50	VD-20606-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1525	PACFON 100	VD-21250-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1526	PODOLAMN 100	VD-21251-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1527	PACFON 200	VD-21253-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1528	CADIFAMO	VD-24657-16	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1529	TENDIPOXIM 100	VD-17403-12	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1530	VITAMIN C	VD-17404-12	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1531	TENDIPOXIM 200	VD-17897-12	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1532	ALPHACHYMOTRYPSIN-CGP	VD-17892-12	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1533	CADISMECTITE	VD-18264-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1534	TENDIPOXIM 50	VD-18267-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1535	TENDIRAZOL	VD-18268-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1536	YTECOGESIC	VD-18269-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1537	CADIPREDSON 16	VD-18705-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1538	CADIPREDSON 4	VD-18706-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1539	CADIRIZIN	VD-19235-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1540	CINNARIZIN	VD-19236-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1541	GARGALEX	VD-19239-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1542	CADIMELCOX	VD-19745-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1543	FLUCONAZOLE	VD-19747-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1544	ISOTRETINOIN	VD-19748-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1545	LADYFORMINE	VS-4847-12	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1546	CADIDROXYL 250	VD-20100-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1547	CADIMUSOL	VD-20102-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1548	CADIROVIB	VD-20103-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1549	CADITADIN	VD-20104-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1550	MIVITAS	VD-20111-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1551	NESTELOC 20	VD-20112-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1552	NESTELOC 40	VD-20113-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1553	TRETINOIN	VD-20114-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1554	USCMUSOL	VD-20115-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1555	USCPHEROL 400	VD-20116-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1556	CADICONAZOL	VD-20400-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1557	USCADIMIN C 1G	VD-20402-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1558	USCEFDIN CAP	VD-20403-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1559	LORATADIN-US	VD-21180-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1560	PEDOLAS 100 cap	VD-21183-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1561	PACFON 100	VD-21252-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1562	PODOLAMN 200	VD-21254-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1563	CABENDAZ	VD-21577-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1564	CADIDROXYL 500	VD-21578-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1565	CADIMIN C 500	VD-21579-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1566	CADIROXIM 500	VD-21580-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1567	CETIRIZIN-US	VD-21586-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1568	DOXIMPAK 200	VD-21589-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1569	RHUMEDOL 150	VD-27646-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1570	OMECAPLUS	VD-27644-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7213/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1571	ACYCLOVIR 200-MV	VD-28643-17	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Quốc tế Minh Việt	Công ty TNHH US Pharma USA	7200/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1572	ESOMEPRAZOL 40-MV	VD-32468-19	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Quốc tế Minh Việt	Công ty TNHH US Pharma USA	7200/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1573	VALSARTAN-MV	VD-32469-19	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Quốc tế Minh Việt	Công ty TNHH US Pharma USA	7200/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1574	MELOXICAM 15-US	VD-21590-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1575	ROBMELOX	VD-21591-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1576	PARACETAMOL 500-US	VD-21594-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1577	PARACETAMOL 650-US	VD-21595-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1578	PAXICOX 200	VD-21596-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1579	POFAKID	VD-21598-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1580	FEMALCARE	VS-4890-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1581	TENDIPOXIM 100	VD-21633-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1582	FICEMIX 400	VD-21792-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1583	GELOBET	VD-21793-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1584	CADICEFACLOR 250 MG	VD-22061-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1585	CELECOXIB 200-US	VD-22066-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1586	COLEXIB 200	VD-22067-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1587	FENOFIBRAT 100-US	VD-22070-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1588	FENOFIBRAT 300-US	VD-22071-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1589	NEMEUM	VD-22073-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1590	PAXICOX 100	VD-22074-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1591	SIXFITOL	VD-22075-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1592	USACIP 500	VD-22076-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1593	CEFTIKAS 100	VD-22820-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1594	USCIMIX 400	VD-22821-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1595	CADIGESIC EXTRA	VD-23421-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1596	FALOFANT 125	VD-23423-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1597	CADIFAGYN	VD-24049-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1598	CADIFLEX 500	VD-24050-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1599	CADIMUSOL	VD-24052-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1600	CIPROFLOXACIN 250-US	VD-24053-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1601	PRACTYL-F	VD-24055-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1602	CADIROCIN 150	VD-24659-16	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1603	CADIVASTAL	VD-24660-16	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1604	LOMAZOLE	VD-24661-16	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1605	CADISIMVAS	VD-26630-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1606	PREDLONIS	VD-26631-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1607	TOPLOVIR	VD-26632-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1608	CADIDOX	VD-27636-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1609	ELOVESS	VD-27640-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1610	CEFIXIM 400-CGP	VD-21583-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1611	BROMHEXIN-US 4MG	VD-28627-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1612	CADIFAST 120	VD-28629-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1613	CADIMELCOX 15	VD-28630-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1614	CADIPERIDON	VD-28631-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1615	CLAXYL	VD-28632-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1616	IFETAB	VD-28634-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1617	MINCOB 500	VD-28638-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1618	TOPOLAC-US	VD-28641-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1619	DECIRID 81mg	VD-33800-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1620	CEFUROXIM 500	VD-15391-11	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7215/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1621	CADICEFPO 100	VD-29560-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1622	BETACLO	VD-28626-17	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1623	USDESLOR	VD-32264-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1624	CADICEFACLOR 500	VD-32474-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1625	CEDOTRIL 30	VD-32475-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1626	CEFACLOR 250	VD-32476-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1627	CEFPODOXIM 100-CGP	VD-32477-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1628	ERAXICOX 90	VD-32478-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1629	ETODOLAC-US	VD-32479-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1630	GUTACIN	VD-32480-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1631	MINSON 4mg	VD-32481-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1632	MINSON 8mg	VD-32482-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1633	MONTELUKAST -US	VD-32483-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1634	TOPALPHA	VD-32485-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1635	CADICEFDIN 125	VD-32703-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1636	CADICEFPO 50	VD-32704-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1637	CADICELOX 200	VD-32705-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1638	CADIGESIC 650mg	VD-32706-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1639	DIRENTAB 200-US	VD-32707-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1640	DIRENTAB 400-US	VD-32708-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1641	DOCATRIL	VD-32709-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1642	ETORICOXIB 60-US	VD-32710-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1643	SOFTRIVIT	VD-32711-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1644	TOPFAX	VD-32712-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1645	TABRACEF 300 cap	VD-32738-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1646	BAMBUTEROL 10-US	VD-33027-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1647	DIFENTAB	VD-33028-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1648	FALOXIN	VD-33029-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1649	KIDFACEF 125	VD-33030-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1650	LUKATAB	VD-33031-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1651	ROSUTAB 10	VD-33032-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1652	CEFPODOXIM 100-CGP	VD-33803-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1653	GABANEUTRIL	VD-33804-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1654	GASICONE 80	VD-33805-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1655	REMITAB	VD-33806-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1656	USNADOL 650	VD-33807-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1657	USCLACID 500	VD-33979-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1658	TOPFIXIM 200	VD-34030-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1659	BEZOLCA	VD-34393-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1660	CADIPREDNI	VD-34394-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1661	PAXETIN	VD-34395-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1662	CADIDEXMIN	VD-35642-22	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7214/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1663	NATIDIN 300	VD-34845-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1664	OZANTA	VD-34846-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1665	OZANTA 20	VD-34847-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1666	PIROCAM 20	VD-34848-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1667	RUTADIN	VD-34849-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1668	TOPGALIN 300	VD-34850-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1669	USAPRIL 10	VD-34851-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1670	USNADOL EXTRA	VD-34852-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1671	DOCATRIL 30	VD-34600-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1672	PREGABALIN 75	VD-34601-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1673	Betahistine-US 24mg	VD-35089-21	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1674	Docatril 100	VD-35090-21	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1675	Jotaxib 400-US	VD-35091-21	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1676	Vasconcor 2.5	VD-35092-21	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1677	Cadiroxol	VD-35242-21	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1678	Cefpodoxim 100	VD-35243-21	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1679	CARDILOL 12.5	VD-35484-21	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1680	CARDILOL 25	VD-35485-21	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1681	CARDILOL 3.125	VD-35486-21	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1682	CARDILOL 6.25	VD-35487-21	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1683	FINATAB 5	VD-35561-22	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1684	CEFPODOXIM 100	VD-20676-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1685	CEFTIKAS 200	VD-20677-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1686	CADINICIN	VD-22447-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1687	LIOZIN	VD-22448-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1688	CLORAZER	VD-25145-16	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1689	ROSUVASTATIN 5-US	VD-30319-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1690	FEXOFENADINE 180-US	VD-21179-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1691	POKIDCLOR 125	VD-21185-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1692	USCADIGESIC 500	VD-21187-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1693	COLEXIB 100	VD-21587-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1694	CADIRAMID	VD-22383-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1695	CADIROGYN	VD-22384-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1696	SIBUCAP	VD-22385-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1697	USVERIN	VD-22386-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1698	CADIPIRA	VD-25564-16	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1699	FEDIP	VD-25565-16	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1700	ATINON 20	VD-26029-16	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1701	CEFUKING	VD-26031-16	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1702	PERASOLIC	VD-26033-16	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7216/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1703	BETAHISTINE-US 16mg	VD-29559-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1704	CADIFLEX 1500	VD-29561-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1705	COLCHICIN-US	VD-29564-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1706	ENAPRIL 5	VD-29565-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1707	FENACUS 50	VD-29567-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1708	LIBEFIT	VD-29569-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1709	MEBUREF	VD-29570-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1710	NADIFEX 120	VD-29571-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1711	TABRACEF 300 cap	VD-29573-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1712	TOPLO	VD-29575-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1713	USTADIN	VD-29578-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1714	NABUMETON 500-US	VD-29698-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1715	NABUMETON 750-US	VD-29699-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1716	ROSUVASTATIN 10-US	VD-29700-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1717	CADIOFAX	VD-30184-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1718	ERAXICOX 60	VD-30187-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1719	ERAXICOX 90	VD-30188-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1720	MOSAPRIDE-US	VD-30190-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1721	RHUMEDOL 250	VD-30191-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1722	USCLOVIR 400	VD-30192-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1723	USPASMYL	VD-30193-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1724	ROSUVASTATIN 5-US	VD-30319-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1725	ALPHATAB	VD-30886-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1726	BETAHISTINE-US 8mg	VD-30887-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1727	CADIFAST 180	VD-30888-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1728	CADIGESIC 650mg	VD-30889-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1729	CADINESIN	VD-30890-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1730	CEDOKIDS 30	VD-30892-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1731	GLIMEPIRID 2-US	VD-30893-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1732	GLIMEPIRID 4-US	VD-30894-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1733	LEVOCETIRIZIN-US	VD-30895-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1734	LEVOFLOXACIN - US	VD-30896-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1735	LEVOFLOXACIN 500-US	VD-30897-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1736	LYTOIN	VD-30898-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1737	TOPDOLAC 400	VD-30899-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1738	TOPGALIN 75	VD-30900-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1739	USAPRED	VD-30901-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1740	USRIZIN	VD-30904-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1741	CODORAB 200	VD-31005-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1742	HEXINAX 4	VD-31006-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1743	HEXINAX 8	VD-31007-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1744	CADICORT-N	VD-32255-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1745	CADIFAXIN 750	VD-32256-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1746	CADINAMIC	VD-32257-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1747	CAPLEXIB 200	VD-32258-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1748	CLOMACID	VD-32259-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1749	FINARID 5	VD-32260-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1750	GABANEUTRIL 100	VD-32261-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1751	NIZATIDIN 150-US	VD-32262-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1752	TOPROZIL 250	VD-32263-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7383/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1753	BANTAKO fort	VD-28368-17	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1754	ABVACEFF 200	VD-28366-17	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1755	ABVACEFF 200	VD-28367-17	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1756	ABVACEFF 100	VD-30009-18	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1757	ANBILID 125	VD-30010-18	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1758	ABVACEFF 100	VD-32254-19	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1759	GOLDASMO 100	VD-20349-13	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1760	GOLDAMPILL 125	VD-21033-14	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1761	ALPHA-CHYMOTRYPSIN-US	VD-21465-14	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1762	GOLDASMO 100	VD-21466-14	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1763	GOLDASMO 200	VD-21467-14	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1764	GOLDAMPILL 300	VD-21742-14	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1765	CEVOCAME	VD-24663-16	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1766	CEVOCAME Cold & Flu	VD-33802-19	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1767	TOPOLAC-US	VD3-27-19	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1768	ABGALIC FORT	VD-33801-19	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1769	QUEENLIFE	VS-4980-16	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharm USA	7597/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9):	Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1770	INFILONG	VD-21791-14	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1771	CADINEURON	VD-18263-13	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1772	USTRIVIT	VD-19241-13	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1773	PRODINIR-F	VD-23429-15	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1774	TACERAX 125 MG	VD-24057-15	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1775	PYRAMET 800	VD-27645-17	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1776	α-Tase	VD-29558-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1777	TABRISON	VD-29574-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1778	USCOTRIM	VD-29577-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1779	CADICIDIN	VD-30183-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1780	CEHITAS 8	VD-30186-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1781	VITAMIN C 500	VD-30194-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1782	CAPLEXIB 200	VD-30891-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1783	USAPRIL 20	VD-30902-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1784	USCLOVIR 800	VD-30903-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1785	XOROF	VD-30905-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1786	TOPCEFPO 200	VD-31008-18	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1787	PODOKID 100 (mùi tutti frutti)	VD-32484-19	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

1788	TABRISON (white)	VD-32739-19	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1789	ROBNADOL	VD-24056-15	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1790	ATASIC 200	VD-18938-13	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1791	CORFARLEX 500	VD-21177-14	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1792	DULEUSIC 100	VD-21182-14	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1793	PEDOLAS 100 tab	VD-21184-14	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA	7202/TĐTN	16/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký thuốc (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1794	NIZATIDIN 150-US	VD-32262-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	955/TĐTN	09/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược (MiV-N6)	- Lactose monohydrate (GranuLac 200): USP 38 - Tinh bột ngô (Maize starch B/ Corn starch): USP 38 - Polyvinyl pyrrolidon (PVP) K30 (Kollidon 30/ Povidone): USP 38 - Sodium starch glycolate: USP 38 - Magnesium stearate: USP 38 - Nước tinh khiết: DĐVN IV	- Lactose monohydrate (GranuLac 200): USP 2021 - Tinh bột ngô (Maize starch B/ Corn starch): USP 2021 - Polyvinyl pyrrolidon (PVP) K30 (Kollidon 30/ Povidone): USP 2021 - Sodium starch glycolate: USP 2021 - Magnesium stearate: USP 2021 - Nước tinh khiết: DĐVN V

1795	ALPHATAB	VD-30886-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	1042/TĐTN	13/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Chymotrypsin (MiV-N3); Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất Chymotrypsin (MiV-N6)	1. NINGBO LINZYME BIOSCIENCES CO., LTD. - Địa chỉ: 8 Xinshun, Rd, Xiaocao'e Town, Xuyao, Zhejing, China. 2. Tiêu chuẩn chất lượng dược chất: USP 38	1. NINGBO LINZYME BIOSCIENCES CO., LTD. - Địa chỉ: 8 Xingshun Road, 315 475 Binhai New City, Xiaocaoe Town, Yuyao, China. 2. Tiêu chuẩn chất lượng dược chất: USP 43
1796	Topdolac 400	VD-30899-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	1112/TĐTN	14/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Etodolac (MiV-N6)	USP 40	USP 43
1797	GLIMEPIRID 2-US	VD-30893-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	1120/TĐTN	14/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Glimepirid (MiV-N6)	USP 38	USP 43
1798	Caplexib 200	VD-30891-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	1119/TĐTN	14/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Celecoxib (MiV-N6)	USP 38	USP 43
1799	BANTAKO	VD-32715-19	Công ty Cổ phần USPharma Hà Nội	Công ty TNHH US Pharma USA	7378/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty TNHH US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	Công ty Cổ phần US PHARMA USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
1800	THIOCHICOD 8MG	VD-22372-15	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7649/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1/ Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1- 10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam 2/ Địa chỉ cơ sở đăng ký: DB29, Bàu Cát 6, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam	1/ Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. 2/ Địa chỉ cơ sở đăng ký: 58 Bàu Cát 7, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh – Việt Nam
1801	Dialamic	VD-29521-18	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	491/TĐTN	20/2/2023	Thay đổi địa chỉ nhà sản xuất dược chất Diacerein (nhà sản xuất: Ami Lifesciences Pvt. Ltd) (MiV-N3)	- Office: 2nd Floor, Prestige Plaza, 40, Urmi Society, Nr. Urmi Cross Road, BPC Road, Akota, Baroda-390020, Gujarat, India. - Factory: Block No. 82/B, ECP Road, At & PO: Karakhadi – 391 450, Tal: Padra, Dis: Baroda, Gujarat, India.	- Địa chỉ trên phiếu kiểm nghiệm(*): Block No. 82/B, ECP Road, At & Post: Karakhadi–391450, Taluka: Padra, District: Vadodara, Gujarat, India. - Địa chỉ trên GMP(*): Block No. 82/B, ECP Road, At & Post. Karakhadi, Tal. – Padra, City – Karakhadi – 391 450 Dist. – Vadodara Gujarat State, India.
1802	Fexodinefast 180	VD-34226-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	225/TĐTN	16/2/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	-Lactose monohydrate: EP 9.0 - Microcrystalline cellulose M101: EP 9.0 - Pregelatinised starch: EP 9.0 - Croscarmellose sodium: EP 9.0 - Colloidal anhydrous silica: EP 9.0 - Magnesium stearate: USP 40 - Hypromellose 606: USP 40 - Hypromellose 615: USP 40 - Polyethylene glycol 6000: EP 9.0 - Titanium dioxide: EP 9.0 - Nước tinh khiết: EP 9.0 - Talc: USP 40	- Lactose monohydrate: EP 10.0 - Microcrystalline cellulose M101: EP 10.0 - Pregelatinised starch: EP 10.0 - Croscarmellose sodium: EP 10.0 - Colloidal anhydrous silica: EP 10.0 - Magnesium stearate: USP 43 - Hypromellose 606: USP 43 - Hypromellose 615: USP 43 - Polyethylene glycol 6000: EP 10.0 - Titanium dioxide: EP 10.0 - Nước tinh khiết: EP 10.0 - Talc: USP 2021

1803	Fexodinefast 180	VD-34226-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	225/TĐTN	16/02/2023	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	I. Lactose monohydrate: DMV-FONTERRA EXCIPIENTS GMBH & CO. KG Địa chỉ: FrieslandCampina DMV B.V., Veghel, The Netherlands. II. Microcrystalline cellulose M101: DMV-FONTERRA EXCIPIENTS GMBH & CO. KG. Địa chỉ: Cuddalore, India III. Pregelatinised starch: COLORCON Địa chỉ: Indianapolis, IN, USA IV. Polyethylene glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Werk Marl, Paul-Baumann-Straße 1, D-45772 Marl, Germany. V. Red iron oxide: UNIVAR BV Địa chỉ: Victoria House, Radford Way, Billericay, Essex, CM12 0DX, England. VI. Yellow iron oxide: UNIVAR BV Địa chỉ: Victoria House, Radford Way, Billericay, Essex, CM12 0DX, England VII. Croscarmellose sodium: GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: Nandasan, India VIII. Colloidal anhydrous silica: EVONIK RESOURCE EFFICIENCY GMBH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany IX. Hypromellose 606: SHANDONG HEAD CO., LTD. Địa chỉ: Zhoucun, Zibo, Shandong, P.R.China. X. Hypromellose 615: DOW CHEMICAL COMPANY Địa chỉ: PLAQUEM Methocel Near Plant WH, United States)	I. Lactose monohydrate: FRIESLANDCAMPINA DMV B.V. Địa chỉ: N.B.C. – Laan 80 5462 GE Veghel, The Netherlands. II. Microcrystalline cellulose M101: DFE PHARMA INDIA PRIVATE LIMITED Địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore – 607 005, Tamil Nadu, India III. Pregelatinised starch: COLORCON INC. – INDIANAPOLIS, IN Địa chỉ: 3702 East 21st Street, Indianapolis, IN 46218 United States. IV. Cơ sở sản xuất tá dược Polyethylene glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Paul-Baumann-Str.1, 45772 Marl, Germany. V. Red iron oxide: UNIVAR SOLUTIONS B.V. Địa chỉ: Victoria House, Radford Way, Bllericay, Essex, CM12 ODX, England. VI. Yellow iron oxide: UNIVAR SOLUTIONS B.V. Địa chỉ: Victoria House, Radford Way, Billericay, Essex, CM12 ODX, England) VII. Croscarmellose sodium: JRS PHARMA & GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: Unit – 2, Survey No. 292/293, Kalol – Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana – 382706, Gujarat, India. VIII. Colloidal anhydrous silica: EVONIK OPERATIONS GMBH Địa chỉ: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany. IX. Hypromellose 606: SHANDONG HEAD GROUP CO., LTD. Địa chỉ: No. 999, Heda Road, Zhoucun District, Zibo City, Shandong Province, P.R.China. X. Hypromellose 615: NUTRITION & BIOSCIENCES USA 1, LLC Địa chỉ: 21255 Lousiana Highway 1, Building 4501, Plaquemine, LA, 70765, United States) và JRS PHARMA (Freiberger Straße 7, 09600 Weißenborn/Erzgebirge, Germany.
1804	Fexodinefast 180	VD-34226-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	225/TĐTN	16/02/2023	MiV-N2: Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược	1,Talc: IMERYS TALC Địa chỉ: 09250 Luzenac, France. 2. Ethanol 96%: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC Địa chỉ: 09/DX 04 - TH Tổ 07, Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	1, Talc: IMERYS TALC ELEMENTIS MINERALS B.V. Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR, AMSTERDAM, The Netherlands. 2. Ethanol 96%: CÔNG TY TNHH KHẢ DOANH Địa chỉ: 140E Đặng Công Bình, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
1805	PARALMAX 250 SỦI	VD-30314-18	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	6524/TĐTN	24/11/2022	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Acid citric: Cofco Biochemical (Anhui) Co., Ltd No.1, Cofco Avenue, bengbu, Anhui, China. 2. Natri hydrocarbonat: Solvay Chemicals GmbH-Germany Werk Honningen Am Guiterbahnhof 535 Neuwweid, German 3. Natri carbonat: Solvay-Operations France S.A.S 25 Rue De Clichy Paris, 75009 France 4. Aspartam: Changzhou Guanghui Biotechnology Co., Ltd Binjiang 3rd Rd., Chunjiang Town, Changzhou City, P.R. China. 5. Povidon K30: Cellmark Chemicals Shanghai Co., Ltd Ocean Towers, 550 Yan'an Road (E), Huang Pu Dist., Shanghai 200001, China. 6. Natri benzoat: Emerald Performance Meterials 240 W. Emerling Avenue, Akron, OH 44301, USA 7. Mùi cam: Givaudan Schweiz AD PID Switzerland Ueberlandstrasse 138, 8600 Dübendorf, Switzerland 8. Ethanol tuyệt đối: Công ty TNHH SX & TM Khả Doanh 9/27 Phạm Văn Hai, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1. Acid citric: TTCA Co., Ltd. No. 27, Xian'an Nan Road, Anqiu City, Shandong Province, P. R. China 2. Natri hydrocarbonat: Solvay Chemicals GmbH Xantener Strasse 237, 47495 Rheinberg, Germany 3. Natri carbonat: Solvay Operations France Rue Gabriel Péri, Dombasle-Sur-Meurthe, 54110, France 4. Aspartam: Xinjiang Suyuan Biological Engineering Co., Ltd. The South of 6-7 Section, Yingyer Township, Yining, Xinjiang, P. R. China 5. Povidon 'K30: Huangshan Bonsun Co., Ltd. 11# Weiyi Road, Shexian Circular Economy Zone, Huangshan City, China-245 200 Shexian, Anhui Province, China 6. Natri benzoat: Emerald Kalama Chemical, LLC 1296 Third Street Northwest, Kalama, Washington, 98625-9701, USA 7. Mùi cam: PT. Givaudan Indonesia Jl. Raya Bogor KM 35 RT.001 RW.020, Sukamaju, Cilodong, Kota Depok, 16415, Indonesia 8. Ethanol tuyệt đối: Công ty TNHH Một Thành Viên Dược phẩm OPC Bình Dương Số 09A/ĐX04, Tổ 7, Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

1806	PARALMAX 250 SỦI	VD-30314-18	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	6524/TĐTN	24/11/2022	Thay đổi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1. Natri sacharin: Tianjin Changjie Chemical Co., LTD- China Địa chỉ: South of Fengchan River Jinwei Road, Beichen District, Tianjin, China 2. PEG 6000 Sasol Germany GmbH, Werk Mart Địa chỉ: Paul – Baumann – Strabe 1. D – 45772 Marl /Germany 3. Nước tinh khiết Công ty CPDP Boston Việt Nam Địa chỉ: 43 đường số 8, KCN Việt Nam – Singapore, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam	1. Natri sacharin Tianjin Changjie Chemical Co., Ltd. South of Fengchan River, Jinwei Road, Beichen District, Tianjin, China 2. PEG 6000 Sasol Germany GmbH Werk Marl, Paul – Baumann – Strabe 1. D – 45772 Marl /Germany 3. Nước tinh khiết Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam Số 43, đường số 8, KCN Việt Nam - Singrapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
1807	PARALMAX 250 SỦI	VD-30314-18	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	6524/TĐTN	24/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn tá dược (MiV-N6)	1. Acid citric BP 2014 2. Aspartam USP 38 3. Natri saccharin BP 2015 4. Natri benzoat EP 8.0 5. Ethanol tuyệt đối DĐVN IV 6. Nước tinh khiết DĐVN IV	1. Acid citric BP 2022 2. Aspartam USP 43 3. Natri saccharin BP 2022 4. Natri benzoat EP 10.0 5. Ethanol tuyệt đối DĐVN V 6. Nước tinh khiết DĐVN V
1808	Rosuvastatin 5-US	VD-30319-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	1240/TĐTN	22/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Rosuvastatin (MiV-N3)	Morepen Laboratories Limited Địa chỉ: 4th Floor, Antriksh Bhawan, 22 K.G. Marg, New Delhi - 110001, India	Morepen Laboratories Limited Địa chỉ: (Morepen Village), Village Malkumajra, Baddi-Nalagarh Road, Baddi, Distt. Solan (H.P), India
1809	Lipistad 10	VD-23970-15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm- Chi nhánh 1	1195/TĐTN	20/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Atorvastatin calci (cơ sở sản xuất Centrient Pharmaceuticals India Private Limited), thành phẩm (MiV-N6)	- Atorvastatin calci: USP 41 - Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 41	- Atorvastatin calci: USP 43 - Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022
1810	Clindamycin Stella 300 mg	893110003623	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm- Chi nhánh 1	1194/TĐTN	20/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
1811	Omeprazole 20 mg	VD-36244-22	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm- Chi nhánh 1	1194/TĐTN	20/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
1812	Rosuvastatin 20 mg	VD-36245-22	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm- Chi nhánh 1	1194/TĐTN	20/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
1813	Stadfovir 25	893110005823	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm- Chi nhánh 1	1194/TĐTN	20/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
1814	Lipistad 10	VD-23970-15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm- Chi nhánh 1	1196/TĐTN	20/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Atorvastatin Calcium (cơ sở sản xuất Dr. Reddy's Laboratories Limited) (MiV-N6)	USP 41	USP 43

1815	Xolisco	VD-30432-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medbolide	Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun	1443/TĐTN	24/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn tá dược, dược chất, thành phẩm (MiV-N6)	-Tiêu chuẩn thành phẩm: BP 2016 - Bezafibrate: BP 2013/EP 9 - Lactose monohydrat: BP 2013 - Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline cellulose): BP 2013 - Natri croscarmellose sodium: BP 2013 - Povidone K30: BP 2013 - Tween (Polysorbat) 80: USP 34 - Silic dioxyd keo khan (Colloidal silicon dioxide): USP 34 - Magnesi stearat; DĐVN IV - HPMC (Hypromellose): USP 34 - PEG (Polyethylene glycol) 6000: USP 34 - Bột Talc: DĐVN IV - Ethanol 96%: DĐVN IV - Nước tinh khiết: DĐVN IV	- Tiêu chuẩn thành phẩm: BP 2022 - Bezafibrate: BP 2022/EP 11.0 - Lactose monohydrat: BP 2022 - Cellulose vi tinh thể (Microcrystalline cellulose): BP 2022 - Natri croscarmellose sodium: BP 2022 - Povidone K30: BP 2022 - Tween (Polysorbat) 80: USP 2023 - Silic dioxyd keo khan (Colloidal silicon dioxide): USP 2023 - Magnesi stearat; DĐVN V - HPMC (Hypromellose): USP 2023 - PEG (Polyethylene glycol) 6000: USP 2023 - Bột Talc: DĐVN V - Ethanol 96%: DĐVN V - Nước tinh khiết: DĐVN V
1816	Diosmin 500	VD-22349-15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm- Chi nhánh 1	1584/TĐTN	31/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược gelatin (MiV-N2)	Nitta Gelatin Inc. - Địa chỉ: 22 Futamata 2- chome, Yao-city, Osaka, Pret., (PC.581-0024) - Tiêu chuẩn chất lượng: USP 2021	PB Gelatins (Heilongjiang) Co., Ltd. - Địa chỉ: Xinyi Village, Kongguo Town, Nehe City, Qiqihar City, Heilongjiang Province, P.R.China - Tiêu chuẩn chất lượng: USP 2021
1817	Fluconazole Stella 150 mg	VD-32401-19	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm- Chi nhánh 1	1579/TĐTN	31/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược sodium starch glycolate (MiV-N2)	DFE Pharma B.V - Địa chỉ: Avebe-weg 3, 9607 PT Foxhol, The Netherland - Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10.0	Roquette Freres - Địa chỉ: 1, Rue De La Haute Loge, 62136 Lestrem, France - Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10.0
1818	Fluconazole Stella 150 mg	VD-32401-19	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm- Chi nhánh 1	1579/TĐTN	31/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, thuốc thành phẩm (MiV-N6)	- Tiêu chuẩn thành phẩm: BP 2018 - Fluconazol: EP 8.0	- Tiêu chuẩn thành phẩm: BP 2022 - Fluconazol: EP 10.0
1819	Flucistad	VD-23350-15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	1580/TĐTN	31/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn thuốc thành phẩm (MiV-N6)	BP 2018	BP 2022
1820	Cadifast 180	VD-30888-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	949/TĐTN	27/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất Fexofenadin HCl (MiV-N6)	USP 34	USP 2021
1821	Gasicone 80	VD-33805-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	1045/TĐTN	27/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất Simethicon (MiV-N6)	USP 40	USP 43
1822	Usrizin	VD-30904-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	1041/TĐTN	27/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất Cetirizin 2HCl (MiV-N6)	EP8.8	EP10.0
1823	Almasane	VD-23962-15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	1492/TĐTN	28/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược acid citric khan (MiV-N2)	BBCA - Địa chỉ: No.1 Zhongliang Road, Bengbu, Anhui, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0	Cofco Bio-chemical Energy (Yushu) Co., Ltd. - Địa chỉ: No 1 Dongfeng Avenue, Wukeshu, Economic Development Zone, Changchun City, 130401 PRC, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0
1824	Partamol 80	VD-23977-15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	1492/TĐTN	28/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược acid citric khan (MiV-N2)	BBCA - Địa chỉ: No.1 Zhongliang Road, Bengbu, Anhui, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0	Cofco Bio-chemical Energy (Yushu) Co., Ltd. - Địa chỉ: No 1 Dongfeng Avenue, Wukeshu, Economic Development Zone, Changchun City, 130401 PRC, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0
1825	Partamol eff.	VD-24570-16	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	1492/TĐTN	28/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược acid citric khan (MiV-N2)	BBCA - Địa chỉ: No.1 Zhongliang Road, Bengbu, Anhui, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0	Cofco Bio-chemical Energy (Yushu) Co., Ltd. - Địa chỉ: No 1 Dongfeng Avenue, Wukeshu, Economic Development Zone, Changchun City, 130401 PRC, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0
1826	L-Stafloxin 500	VD-24565-16	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	1494/TĐTN	28/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất Levofloxacin hemihydrat (MiV-N6)	USP 35	USP 2022
1827	Hemarexin	VD-16718-12	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	1493/TĐTN	28/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược acid citric khan (MiV-N2)	Cofco Biochemical (Anhui) Co., Ltd. - Địa chỉ: 73 Daqing Road, Bengbu, Anhui, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0	Cofco Bio-chemical Energy (Yushu) Co., Ltd. - Địa chỉ: No 1 Dongfeng Avenue, Wukeshu, Economic Development Zone, Changchun City, 130401 PRC, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0

1828	Kidviton	VD-22006-14	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	1493/TĐTN	28/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược acid citric khan (MiV-N2)	Cofco Biochemical (Anhui) Co., Ltd. - Địa chỉ: 73 Daqing Road, Bengbu, Anhui, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0	Cofco Bio-chemical Energy (Yushu) Co., Ltd. - Địa chỉ: No 1 Dongfeng Avenue, Wukeshu, Economic Development Zone, Changchun City, 130401 PRC, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0
1829	Partamol 150	VD-24569-16	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	1493/TĐTN	28/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược acid citric khan (MiV-N2)	Cofco Biochemical (Anhui) Co., Ltd. - Địa chỉ: 73 Daqing Road, Bengbu, Anhui, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0	Cofco Bio-chemical Energy (Yushu) Co., Ltd. - Địa chỉ: No 1 Dongfeng Avenue, Wukeshu, Economic Development Zone, Changchun City, 130401 PRC, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0
1830	Partamol 250	VD-18852-13	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	1493/TĐTN	28/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược acid citric khan (MiV-N2)	Cofco Biochemical (Anhui) Co., Ltd. - Địa chỉ: 73 Daqing Road, Bengbu, Anhui, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0	Cofco Bio-chemical Energy (Yushu) Co., Ltd. - Địa chỉ: No 1 Dongfeng Avenue, Wukeshu, Economic Development Zone, Changchun City, 130401 PRC, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0
1831	Partamol Codein eff.	VD-14577-11	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	1493/TĐTN	28/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược acid citric khan (MiV-N2)	Cofco Biochemical (Anhui) Co., Ltd. - Địa chỉ: 73 Daqing Road, Bengbu, Anhui, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0	Cofco Bio-chemical Energy (Yushu) Co., Ltd. - Địa chỉ: No 1 Dongfeng Avenue, Wukeshu, Economic Development Zone, Changchun City, 130401 PRC, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0
1832	Simethicone Stella	VD-25986-16	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	1493/TĐTN	28/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược acid citric khan (MiV-N2)	Cofco Biochemical (Anhui) Co., Ltd. - Địa chỉ: 73 Daqing Road, Bengbu, Anhui, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0	Cofco Bio-chemical Energy (Yushu) Co., Ltd. - Địa chỉ: No 1 Dongfeng Avenue, Wukeshu, Economic Development Zone, Changchun City, 130401 PRC, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0
1833	Stacytine 200	VD-20374-13	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	1493/TĐTN	28/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược acid citric khan (MiV-N2)	Cofco Biochemical (Anhui) Co., Ltd. - Địa chỉ: 73 Daqing Road, Bengbu, Anhui, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0	Cofco Bio-chemical Energy (Yushu) Co., Ltd. - Địa chỉ: No 1 Dongfeng Avenue, Wukeshu, Economic Development Zone, Changchun City, 130401 PRC, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0
1834	Stacytine 600	VD-23979-15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	1493/TĐTN	28/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược acid citric khan (MiV-N2)	Cofco Biochemical (Anhui) Co., Ltd. - Địa chỉ: 73 Daqing Road, Bengbu, Anhui, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0	Cofco Bio-chemical Energy (Yushu) Co., Ltd. - Địa chỉ: No 1 Dongfeng Avenue, Wukeshu, Economic Development Zone, Changchun City, 130401 PRC, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0
1835	Vitamin C Stella 1 g	VD-25486-16	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	1493/TĐTN	28/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược acid citric khan (MiV-N2)	Cofco Biochemical (Anhui) Co., Ltd. - Địa chỉ: 73 Daqing Road, Bengbu, Anhui, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0	Cofco Bio-chemical Energy (Yushu) Co., Ltd. - Địa chỉ: No 1 Dongfeng Avenue, Wukeshu, Economic Development Zone, Changchun City, 130401 PRC, China - Tiêu chuẩn chất lượng: EP10.0
1836	PODOKID 100 (mùi tutti frutti)	VD-32484-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	1048/TĐTN	27/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cefpodoxim proxetil (MiV-N3)	Covalent Laboratories Private Limited. Địa chỉ: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist-502 296, Tenlangana, India	Covalent Laboratories Private Limited. Địa chỉ: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Sangareddy Dist, Telangana, India-502296, Gundla Machnur Village, Hathnoora Mandal, Sangareddy District, Pincode 502296, Telangana State, India
1837	PODOKID 100 (mùi tutti frutti)	VD-32484-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	1048/TĐTN	27/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất Cefpodoxim proxetil (MiV-N6)	USP 36	USP 43
1838	Regulacid	VD-32537-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	1371/TĐTN	29/03/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Copovidon: BASF SE - Địa chỉ: Carl – Bosch – Str.38, 67056 Ludwigshafen, Germany. - Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10.0 2. Crospovidon: BASF SE - Địa chỉ: Carl – Bosch – Str.38, 67056 Ludwigshafen, Germany - Tiêu chuẩn chất lượng: USP 43	1. Copovidon: HUANGSHAN BONSUN PHARMACEUTICAL CO., LTD. - Địa chỉ: 11# Weiyi Road, Shexian Circular Economy Zone, Huangshan City, China-245 200 Shexian, Anhui Province, China. - Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10.0 2. Crospovidon: HUANGSHAN BONSUN PHARMACEUTICAL CO., LTD - Địa chỉ: 11# Weiyi Road, Shexian Circular Economy Zone, Huangshan City, China-245 200 Shexian, Anhui Province, China - Tiêu chuẩn chất lượng: USP 43

1839	SaVi Etoricoxib 60	VD-32874-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	1370/TĐTN	29/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	- Calci hydro phosphat khan: EP 9.0 - Cellulose vi tinh thể 101: EP 9.0 - Natri croscarmellose: EP 9.0 - Povidon K30: USP 40 - Natri lauryl sulfat: EP 9.0 - Magnesi stearat: USP 40 - Silic dioxyd keo: EP 9.0 - Hypromellose 6 cps: USP 40 - Polyethylen glycol 6000: EP 9.0 - Talc: USP 40 - Titan dioxyd: EP 9.0 - Nước tinh khiết: EP 9.0	- Calci hydro phosphat khan: EP 10.0 - Cellulose vi tinh thể 101: EP 10.0 - Natri croscarmellose: EP 10.0 - Povidon K30: USP 43 - Natri lauryl sulfat: EP 10.0 - Magnesi stearat: USP 43 - Silic dioxyd keo: EP 10.0 - Hypromellose 6 cps: USP 43 - Polyethylen glycol 6000: EP 10.0 - Talc: USP 2021 - Titan dioxyd: EP 10.0 - Nước tinh khiết: EP 10.0
1840	SaVi Etoricoxib 60	VD-32874-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	1370/TĐTN	29/03/2023	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	'1. Cellulose vi tinh thể 101: DFE PHARMA (Địa chỉ: B-4, Sipcot Complex 607005 Cuddalore, India) 2. Natri croscarmellose: GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED UNIT II (địa chỉ: Nandasan, India) 3. Povidon K30: SHANGHAI YUKING WATER SOLUBLE MATERIAL TECH CO., LTD (Địa chỉ: 4F, 13B, No. 600, South Xinyuan Road 201306, Shanghai, China) 4. Silic dioxyd keo: EVONIK RESOURCE EFFICIENCY GMBH (Địa chỉ: Rellinghauser Str.1-11, 45128 Essen, Germany) 5. Hypromellose 6 cps: SHANGDONG HEAD CO., LTD. (Địa chỉ: Zhoucun, Zibo, Shandong, P.R.China) 6. Polyethylen glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH (địa chỉ: Werk Marl, Paul-Baumann-Straße 1, D-45772 Marl, Germany) 7. Talc: MONDO MINERALS B.V. (địa chỉ: Amsterdam Operation, The Netherlands) 8. Green lake: PROQUINMAC PFC, S.A. (địa chỉ: C/ Berlin, 5-a (Pol.Ind. Can Torrella), 08233 VACARISSES Barcelona, Spain) 9. Ethanol 96%: CÔNG TY TNHH SX & TM KHÁ DOANH (địa chỉ: 9/27 Phạm Văn Hai, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh)	1. Cellulose vi tinh thể 101: DFE PHARMA INDIA PRIVATE LIMITED (địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore – 607 005, Tamil Nadu, India) 2. Natri croscarmellose: JRS PHARMA & GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED (địa chỉ: Unit - 2, Survey No. 292/293, Kalol-Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana - 382706, Gujarat, India) 3. Povidon K30: SHANGHAI YUKING NEW MATERIAL TECHNOLOGY CO., LTD. (địa chỉ: Room 402, Block B, Building 13, No.600, Xinyuan South Road, Nicheng Town, Pudong New District, Shanghai, China) 4. Silic dioxyd keo: EVONIK OPERATIONS GMBH (địa chỉ: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany) 5. Hypromellose 6 cps: SHANDONG HEAD GROUP CO., LTD. (địa chỉ: No. 999, Heda Road, Zhoucun District, Zibo City, Shandong Province, P.R.China) 6. Polyethylen glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH (địa chỉ: Paul-Baumann-Str. 1, 45772 Marl, Germany) 7. Talc: ELEMENTIS MINERALS B.V. (địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR, Amsterdam, The Netherlands) 8. Green lake: PROQUINMAC PFC, S.A. (địa chỉ: Pol. Ind Can Torella C/ Berlin 3-5, 08233 Vacarisses (Barcelona), Spain) 9. Ethanol 96%: CÔNG TY TNHH KHÁ DOANH (địa chỉ: 140E Đặng Công Binh, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)
1841	ACETYLCYSTEIN BOSTON 100	VD-26762-17	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	6768/TĐTN	05/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược Lactose monohydrat (MiV-N6)	USP 38	USP 2021
1842	ACETYLCYSTEIN BOSTON 100	VD-26762-17	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	6768/TĐTN	05/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất tá dược Lactose monohydrat (MiV-N3); Thay đổi, bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Lactose monohydrat (MiV-N2)	Molkerei Meggle Địa chỉ: Wasserburg GmbH & Co. KG Megglestraße 6–12 83512 Wasserburg, Germany	1. Meggle GmbH & Co. KG (**) Địa chỉ: Megglestr. 6 – 12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany 2, DFE Pharma GmBH & Co. KG (Production site: FrieslandCampina DMV B.V.) Địa chỉ: N.C.B. Iaan 80, 5462 GE Vegel, The Netherlands

1843	Tuần hoàn não Thái Dương	VD-27326-17	Công ty Cổ phần Sao Thái Dương	Chi nhánh Công ty Cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam	6230/TĐTN	14/11/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Calci carbonat (Calcii carbonas): Sankyo seifun Co., Ltd Địa chỉ: Chugoku/Okayama, Japan, 718-0003 Tiêu chuẩn chất lượng: DĐVN V 2. Tinh bột sắn (Amylum Manihoti): Roquette freres, Địa chỉ: 1, Rue de la haute loge, 52136 lestrem, France Tiêu chuẩn chất lượng: DĐVN V 3.Talc (Talcum) Haicheng Xinda Mining Industry Co. Ltd Địa chỉ: Haicheng county town ran home village in liaoning province (xin da mining) haicheng county economic development zone industrial park (xin Fuji minerals), China Tiêu chuẩn chất lượng: DĐVN V 4. Magnesi stearat (Magnessii stearas): Peter Greven Asia SDN.BHD Địa chỉ: 2411. Lorong Perusahaan Satu Pral Industrial complex, 13600 Pral, penang, Malaysia. Tiêu chuẩn chất lượng: DĐVN V	I. Calci carbonat (Calcii carbonas): Guangxi Tianshi New Material Co., Ltd. Địa chỉ: Debao Industrial District, Baise City, Guangxi, P.R. China. Tiêu chuẩn chất lượng: DĐVN V 2. Tinh bột sắn (Amylum Manihoti): Công ty Cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Trường Phát Địa chỉ: Đội 8, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Tiêu chuẩn chất lượng: DĐVN V 3. Talc (Talcum)Talc (Talcum) 3.1. Kalyani Mine Products Pvt. Ltd. Địa chỉ: Khasra No. 749/11, 750/5, NON RIICO Area, Village Bapi, Tehsil & District – Dausa, 303507, Rajasthan, India Tiêu chuẩn chất lượng: DĐVN V 3.2. NITIKA PHARMACEUTICAL SPECIALITIES PVT.LTD. Block No. 3 of Plot No. 1296, 1297/08, Ward No 03, Mouza – Waddhamna, Amravati Road, Nagpur – 440023, Dist – Nagpur. Tiêu chuẩn chất lượng: DĐVN V 4. Magnesi stearat (Magnessii stearas): NITIKA PHARMACEUTICAL SPECIALITIES PVT.LTD. Địa chỉ: Block No. 3 of Plot No. 1296, 1297/08, Ward No 03, Mouza – Waddhamna, Amravati Road, Nagpur – 440023, Dist – Nagpur. Tiêu chuẩn chất lượng: DĐVN V
1844	BV Medra 8	893110063423	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	1641/TĐTN	10/04/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	1.Tinh bột ngô (Corn Starch): ROQUETTE-FRANCE Địa chỉ: 1 Rue de la Haute Loge, 62136 Lesirem France. 2. Magnesi stearat (Magnesium stearate): Faci Asia Pacific Pte Ltd Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627862.	I.1.Tinh bột ngô (Corn Starch):: Everest Starch India Private Limited. Địa chỉ: Survey no-43, at, village, brahmapuri (vanki), n.h. 8a, tal-sayla, Dist. Surendranagar-363001, gujarat (India). II. Magnesi stearat (Magnesium stearate) 1. Peter Greven Asia SDN. BHD. Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. 2. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd Địa chỉ: No.12 Yong Xing Road, Economic And Technological Developing Zone, Huainan, Anhui. China
1845	COLLAMINO 1200	VD-36072-22	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	1642TĐTN	10/04/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Povidon K30: ISP Chemicals LLC Affiliate of Ashland Địa chỉ: 455 N. Main St. (HWY 95) Calvert City KY (42029). 2. Magnesi stearat (Magnesium stearate) Peter Greven Asia SDN. BHD. Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia.	I. Povidon K30: 1. ISP Chemicals LLC Affiliate of Ashland Địa chỉ: 455 N. Main St. (HWY 95) Calvert City KY (42029). 2. Huangshan Bonsun Co.,ltd Địa chỉ: Shexian Circular Economy Zone, Huangshan City, China. II. Magnesi stearat (Magnesium stearate) 1.Peter Greven Asia SDN. BHD. Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. 2. Faci Asia Pacific Pte Ltd Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627862. 3. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd Địa chỉ: No.12 Yong Xing Road, Economic And Technological Developing Zone, Huainan, Anhui. China

1846	COLTIMIN 4	893110063523	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	1782/TĐTN	12/04/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Tinh bột biến tính (Pregelatinised starch): ROQUETTE-FRANCE Địa chỉ: 1 Rue de la Haute Loge, 62136 Lesirem France. 2. Magnesi stearat (Magnesium stearate) Faci Asia Pacific Pte Ltd Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627862. 3. Colloidal silicon dioxyd (Hydrophilic Pyrogenic Silica): Grace GmbH Địa chỉ: In der Hollerhecke 1, Worms, 67547, Germany	I. Tinh bột biến tính (Pregelatinised starch): 1. Cho Heng Rice Vermicelli Factory Cp., Ltd Địa chỉ: 19 Moo 1, Petchkasem Rd. Yaicha, Samphran, Nakhon Pathom 73110, Thailand 2. S.A Pharmachem P. Ltd Địa chỉ: Survey No. 104/2/1, Umer Kui Road, Falandi, Silvassa-396230 U. T. Of Dadra & Nagar Haveli, India. 3. Ingredion India Private Limited Địa chỉ: Millenium Busine II. Magnesi stearat (Magnesium stearate) 1. Peter Greven Asia SDN. BHD. Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. 2. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd Địa chỉ: No.12 Yong Xing Road, Economic And Technological Developing Zone, Huainan, Anhui. China III. Colloidal silicon dioxyd (Hydrophilic Pyrogenic Silica): Wacker Chemie AG. Địa chỉ: Friedrich-von-Heyden-Platz 1, 01612 Nünchritz, Germany
1847	RisperSaVi 1	VD-34234-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	1451/TĐTN	11/04/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng thuốc thành phẩm, dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	- Risperidone: EP 8.0 - Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 41 - Lactose monohydrat: EP 9.0 - Pregelatinised starch: EP 9.0 - Sodium lauryl sulfate: EP 9.0 - Magnesium stearate: USP 40 - Colloidal silicon dioxide: EP 9.0 - Hydroxypropyl methylcellulose 6cps: USP 40 - Polyethylene glycol 6000: EP 9.0 - Talc: USP 40 - Titanium dioxide: EP 9.0 - Nước tinh khiết: EP 9.0	- Risperidone: EP 10.0 - Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022 - Lactose monohydrat: EP 10.0 - Pregelatinised starch: EP 10.0 - Sodium lauryl sulfate: EP 10.0 - Magnesium stearate: USP 43 - Colloidal silicon dioxide: EP 10.0 - Hydroxypropyl methylcellulose 6cps: USP 2022 - Polyethylene glycol 6000: EP 10.0 - Talc: USP 2022 - Titanium dioxide: EP 10.0 - Nước tinh khiết: EP 11.0
1848	RisperSaVi 1	VD-34234-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	1451/TĐTN	11/04/2023	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1. Pregelatinised starch: COLORCON Địa chỉ: 3702 E. 21st Street Indianapolis, IN 46218, United States 2. Magnesium stearate: NITIKA PHARMACEUTICAL SPECIALITIES PVT. LTD. Địa chỉ: 85, Pili Nadi, Industrial Area, Kamptee Road, Nagpur – 440026, India 3. Colloidal silicon dioxide: EVONIK RESOURCE EFFICIENCY GMBH Địa chỉ: Rellinghauser Str.1-11, 45128 Essen, Germany. 4. Hydroxypropyl methylcellulose 6cps: SHANGDONG HEAD CO., LTD. Địa chỉ: Zhoucun, Zibo, Shandong, P.R.China. 5. Polyethylene glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Werk Marl, Paul-Baumann-Straße 1, D-45772 Marl, Germany. 6. Talc: MONDO MINERALS B.V. Địa chỉ:Amsterdam Operation, The Netherlands.	1. Pregelatinised starch: COLORCON, INC. – INDIANAPOLIS, IN Địa chỉ: 3702 East 21st Street, Indianapolis, IN 46218 United States. 2. Magnesium stearate: NITIKA PHARMACEUTICAL SPECIALITIES PVT. LTD. Địa chỉ: Block No. 03 of Plot No. 1296, 1297/08, Ward No. 03, Mouza-Waddhamana, Tah-Hingna, Amravati Road, Nagpur-440023, India. 3. Colloidal silicon dioxide: EVONIK OPERATIONS GMBH Địa chỉ: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany. 4. Hydroxypropyl methylcellulose 6cps: SHANDONG HEAD GROUP CO., LTD. Địa chỉ: No. 999, Heda Road, Zhoucun District, Zibo City, Shandong Province, P.R.China 5. Polyethylene glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH - Địa chỉ: Paul-Baumann-Str.1, 45772 Marl, Germany) 6. Talc: ELEMENTIS MINERALS B.V. Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR, Amsterdam, The Netherlands.
1849	Cadifaxin 500	VD-20401-13	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	1409/TĐTN	18/04/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất Cephalexin monohydrat (MiV-N6)	USP 34	USP 43
1850	Hemarexin	VD-16718-12	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm- Chi nhánh 1	1960/TĐTN	18/04/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược glycerin (MiV-N2)	Crestmont,Sdn. Bhd Địa chỉ: Lot 30, 1st Floor) Jalan Brp 9/1D, Perusahaan Bukit Rahman Putra, 47000 Sungai Buloh, Selangor De, Malaysia Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10.0	Mosselman S.A. Địa chỉ: Route de Wallonie 4, 7011 Ghlin, Belgium Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10.0
1851	Clindamycin Stella 300 mg	893110003623,00	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm- Chi nhánh 1	1766TĐTN	10/04/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng thuốc thành phẩm (MiV-N6)	BP 2018	BP 2022

1852	Docimax 100 mg	VD-35605-22	Công ty Cổ phần XNK Y tế Domesco	Công ty Cổ phần XNK Y tế Domesco	1990/TĐTN	19/04/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Bột mùi dâu (MiV-N2)	M-Tech Aroma International Ltd. Địa chỉ: 1/F., Gloria Weaving & Knitting Pty. Bldg., No.1 Tung Yuen street, Yau Tong Bay, Kowloon, Hongkong Tiêu chuẩn chất lượng: NSX	PT Givaudan Indonesia Địa chỉ: Jl. Raya Bogor KM35 RT001RW020, Sukamaju Cilodong, Kota Depok 16415, Indonesia Tiêu chuẩn chất lượng: NSX
1853	CEFTIBIOTIC 2000	VD-30505-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	6969/TĐTN	19/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn thành phẩm và dược chất (MiV-N6)	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 43 2. Ceftizoxim natri: USP 43	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022 2. Ceftizoxim natri: USP 2022
1854	TENAFOTIN 1000	VD-23019-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	6913/TĐTN	19/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn thành phẩm và dược chất (MiV-N6)	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 43 2. Cefoxitin natri: USP 43	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022 2. Cefoxitin natri: USP 2022
1855	CEFOTAXIME 2000 (Tên cũ TAXIBIOTIC 2000)	VD-19008-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	6857/TĐTN	19/12/2022	Bổ bớt cơ sở sản xuất dược chất (MiV-N4)	1. Nectar Lifesciences Limited; Địa chỉ văn phòng: S.C.O. 38-39, Sector 9-D, Chandigarh - India. Địa chỉ nhà máy: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India. 2. Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd.; Địa chỉ: No.1, Ruiyang Road, Yiyuan county, Zibo City, Shandong Province-256100, China. 3. Fresenius Kabi Ipsum S.R.L. Địa chỉ văn phòng: Piazza Maestri del Lavoro 7, 20063 Cernusco, Sul Naviglio, Milano, Italy. Địa chỉ nhà máy: Via San Leonardo, 23-45010, Villadose, Rovigo, Italy.	1. Nectar Lifesciences Limited; Địa chỉ văn phòng: S.C.O. 38-39, Sector 9-D, Chandigarh - India. Địa chỉ nhà máy: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India. 2. Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd.; Địa chỉ: No.1, Ruiyang Road, Yiyuan county, Zibo City, Shandong Province-256100, China.
1856	CEFOTAXIME 500 (Tên cũ TAXIBIOTIC 500)	VD-19009-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	6858/TĐTN	19/12/2022	Bổ bớt cơ sở sản xuất dược chất (MiV-N4)	1. Nectar Lifesciences Limited; Địa chỉ văn phòng: S.C.O. 38-39, Sector 9-D, Chandigarh - India. Địa chỉ nhà máy: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India. 2. Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd.; Địa chỉ: No.1, Ruiyang Road, Yiyuan county, Zibo City, Shandong Province-256100, China. 3. Fresenius Kabi Ipsum S.R.L. Địa chỉ văn phòng: Piazza Maestri del Lavoro 7, 20063 Cernusco, Sul Naviglio, Milano, Italy. Địa chỉ nhà máy: Via San Leonardo, 23-45010, Villadose, Rovigo, Italy.	1. Nectar Lifesciences Limited; Địa chỉ văn phòng: S.C.O. 38-39, Sector 9-D, Chandigarh - India. Địa chỉ nhà máy: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India. 2. Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd.; Địa chỉ: No.1, Ruiyang Road, Yiyuan county, Zibo City, Shandong Province-256100, China.
1857	CEFOTAXIME 1000 (Tên cũ TAXIBIOTIC 1000)	VD-19007-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	6856/TĐTN	19/12/2022	Bổ bớt cơ sở sản xuất dược chất (MiV-N4)	1. Nectar Lifesciences Limited; Địa chỉ văn phòng: S.C.O. 38-39, Sector 9-D, Chandigarh - India. Địa chỉ nhà máy: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India. 2. Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd.; Địa chỉ: No.1, Ruiyang Road, Yiyuan county, Zibo City, Shandong Province-256100, China. 3. Fresenius Kabi Ipsum S.R.L. Địa chỉ văn phòng: Piazza Maestri del Lavoro 7, 20063 Cernusco, Sul Naviglio, Milano, Italy. Địa chỉ nhà máy: Via San Leonardo, 23-45010, Villadose, Rovigo, Italy.	1. Nectar Lifesciences Limited; Địa chỉ văn phòng: S.C.O. 38-39, Sector 9-D, Chandigarh - India. Địa chỉ nhà máy: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India. 2. Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd.; Địa chỉ: No.1, Ruiyang Road, Yiyuan county, Zibo City, Shandong Province-256100, China.
1858	ZOLIFAST 1000	VD-23021-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	6914/TĐTN	19/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, thành phẩm (MiV-N6)	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 43 2. Cefazolin natri: USP 43	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022 2. Cefazolin natri: USP 2022
1859	CEFTIBIOTIC 1000	VD-23016-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	6968/TĐTN	19/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn thành phẩm và dược chất (MiV-N6)	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 43 2. Ceftizoxim natri: USP 43	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022 2. Ceftizoxim natri: USP 2022
1860	ZOLIFAST 2000	VD-23022-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	6915/TĐTN	19/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn thành phẩm và dược chất (MiV-N6)	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 43 2. Cefazolin natri: USP 43	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022 2. Cefazolin natri: USP 2022
1861	TENAFOTIN 2000	VD-23020-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	6912/TĐTN	19/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn thành phẩm và dược chất (MiV-N6)	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 43 2. Cefoxitin natri: USP 43	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022 2. Cefoxitin: USP 2022

1862	Levozin 5	VD-36074-22	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	673/TĐTN	03/07/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	1, Colloidal silicon dioxyd (Hydrophilic Pyrogenic Silica): Evonik Địa chỉ: Site Darmstadt/ Weiterstadt, Kirschenallee, 64293 Darmstadt, Germany. 2. Magnesi stearat (Magnesium stearate) Faci Asia Pacific Pte Ltd Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627862. 3. Hydroxy propyl methyl cellulose 6cPs (Hydroxy Propyl Methyl Cellulose E6) Shin-Etsu Chemical Co., Ltd.. Địa chỉ: 28-1. Nishifukushima, Kubiki-ku Joetsu-shi. Niigata. Japan.	1. Colloidal silicon dioxyd (Hydrophilic Pyrogenic Silica): Wacker Chemie AG. Địa chỉ: Friedrich-von-Heyden-Platz 1, 01612 Nünchritz, Germany. 2. Magnesi stearat (Magnesium stearate) 2.1. Peter Greven Asia SDN. BHD. Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. 2.2. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd Địa chỉ: No.12 Yong Xing Road, Economic And Technological Developing Zone, Huainan, Anhui. China 3. Hydroxy propyl methyl cellulose 6cPs (Hydroxy Propyl Methyl Cellulose E6) Shandong Head Group Co., Ltd Địa chỉ: Zhoucun, Zibo, Shandong, P.R China.
1863	Bitarac 250	VD-36066-22	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	671/TĐTN	03/07/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Colloidal silicon dioxyd (Hydrophilic Pyrogenic Silica): Grace GmbH Địa chỉ: In der Hollerhecke 1, Worms, 67547, Germany. 2. Magnesi stearat (Magnesium stearate): FACI ASIA PACIFIC PTE LTD Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627862. 3. Hydroxy propyl methyl cellulose 6cPs (Hydroxy Propyl Methyl Cellulose E6): Shin-Etsu Chemical Co., Ltd.. Địa chỉ: 28-1. Nishifukushima, Kubiki-ku Joetsu-shi. Niigata. Japan.	1. Colloidal silicon dioxyd (Hydrophilic Pyrogenic Silica): Wacker Chemie AG. Địa chỉ: Friedrich-von-Heyden-Platz 1, D- 01612 Nünchritz, Germany. 2. Magnesi stearat (Magnesium stearate): Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd Địa chỉ: No.12 Yong Xing Road, Economic And Technological Developing Zone, Huainan, Anhui. China 3. Hydroxy propyl methyl cellulose 6cPs (Hydroxy Propyl Methyl Cellulose E6): Shandong Head Group Co., Ltd Địa chỉ: Zhoucun, Zibo, Shandong, P.R China.
1864	TENAMYD-CEFOTAXIME 500	VD-19446-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	392/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở cơ sở sản xuất dược chất Cefotaxim natri (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit II, Village Saidpura, District Mohali, Near Chandigarh, India – 140 507 Tehsil Dera Bassi, Punjab	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
1865	TENAMYD-CEFOTAXIME 1000	VD-19443-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	392/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở cơ sở sản xuất dược chất Cefotaxim natri (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit II, Village Saidpura, District Mohali, Near Chandigarh, India – 140 507 Tehsil Dera Bassi, Punjab	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
1866	TENAMYD-CEFOTAXIME 2000	VD-19445-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	392/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở cơ sở sản xuất dược chất Cefotaxim natri (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit II, Village Saidpura, District Mohali, Near Chandigarh, India – 140 507 Tehsil Dera Bassi, Punjab	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
1867	CEFOTAXIME 500 (Tên cũ TAXIBIOTIC 500)	VD-19009-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	393/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cefotaxim natri (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Vill. Saidpura, Tehsil Derabassi, Distt. Mohali (Pb.) India.	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
1868	CEFOTAXIME 1000 (Tên cũ TAXIBIOTIC 1000)	VD-19007-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	393/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cefotaxim natri (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Vill. Saidpura, Tehsil Derabassi, Distt. Mohali (Pb.) India.	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
1869	CEFOTAXIME 2000 (Tên cũ TAXIBIOTIC 2000)	VD-19008-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	393/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cefotaxim natri (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Vill. Saidpura, Tehsil Derabassi, Distt. Mohali (Pb.) India.	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
1870	CEFTRIAXONE 500 (Tên cũ TRIAXOBIOTIC 500)	VD-19011-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	393/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Ceftriaxon natri (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Vill. Saidpura, Tehsil Derabassi, Distt. Mohali (Pb.) India.	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
1871	CEFTRIAXONE 1000 (Tên cũ TRIAXOBIOTIC 1000)	VD-19010-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	393/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Ceftriaxon natri (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Vill. Saidpura, Tehsil Derabassi, Distt. Mohali (Pb.) India.	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
1872	CEFTRIAXONE 2000 (Tên cũ TRIAXOBIOTIC 2000)	VD-19454-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	393/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Ceftriaxon natri (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Vill. Saidpura, Tehsil Derabassi, Distt. Mohali (Pb.) India.	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India

1873	TENAFATHIN 1000	VD-23661-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	393/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cephalothin natri (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Vill. Saidpura, Tehsil Derabassi, Distt. Mohali (Pb.) India.	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
1874	TENAFATHIN 2000	VD-28682-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	393/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cephalothin natri (MiV-N3)	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Vill. Saidpura, Tehsil Derabassi, Distt. Mohali (Pb.) India.	Nectar Lifesciences Limited Địa chỉ: Unit No. II, Village Saidpura, Tehsil Dera Bassi, District Sahibzada Ajit Singh Nagar, Punjab, India
1875	BV Loratab 10	VD-36069-22	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	672/TĐTN	27/02/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Lactose monohydrate dập thẳng: Danone Gmbh- Germany. Địa chỉ: Richard-Reitzner-Allee 1 Haar, 85540 Germany. 2. Microcrystalline cellulose 102: Gujarat Microwax Private Limited Địa chỉ: Office no. 401 & 402, Fourth Floor, Sarthik Square, S.G. Road, Sarkhej Gandhinagar Highway, Ahmedabad - 380055, Near GNFC Info Tower-India. 3. Colloidal Silicon Dioxide (Hydrophilic Pyrogenic Silica): Evonik – Belgium. Địa chỉ: Evonik Degussa Antwerpen Nv, Tijsmanstunnel West, 2040 Antwerpen. 4. Magnesi stearat (Magnesium Stearate): Peter Greven Asia SDN. BHD. Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia.	1. Lactose monohydrate dập thẳng: Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6–12, 83512 Wasserburg, am Inn Germany. 2. Microcrystalline cellulose 102: Mingtai Chemical Co, LtdĐịa chỉ: 1142 Shin Hsing Rd, Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan, R.O.C 3 Colloidal Silicon Dioxide (Hydrophilic Pyrogenic Silica): Wacker Chemie AG Địa chỉ: Friedrich-von-Heyden-Platz 1, 01612 Nünchritz, Germany. 4. Magnesi stearat (Magnesium Stearate): 4.1. Faci Asia Pacific Pte Ltd Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627862 4.2..Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd Địa chỉ: No.12 Yong Xing Road, Economic And Technological Developing Zone, Huainan, Anhui. China
1876	BV Celex 200	VD-36067-22	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	579/TĐTN	21/2/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Povidone K30: Cellmark Chemicals Singapore Pte Ltd Địa chỉ: 271 Bukit Timah Road #03-13balmoral Plaza, 259708 Singapore 2. Croscarmellose Sodium (Natri croscarmellose): DFE PHARMA Địa chỉ: DMV Fonterra Excipients B.V.. Avebe-Weg 3, 9607 PT Foxhol.3. Magnesium stearate (Magnesi stearate): Peter Greven Asia SDN. BHD. Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia.	1. Povidone K30: Huangshan Bonsun Co.,ltd Địa chỉ: Shexian Circular Economy Zone, Huangshan City, China 2. Croscarmellose Sodium (Natri croscarmellose): MINGTAI CHEMICAL CO, LTD Địa chỉ: 1142 Shin Hsing Rd, Bah-Der District, Taoyuan City, Taiwan, R.O.C 3. Magnesium stearate (Magnesi stearate): FACI ASIA PACIFIC PTE LTD Địa chỉ: 1 Merlimau Place, Jurong Island, Singapore 627862.
1877	BV Gesic 650	VD-36068-22	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	578/TĐTN	24/2/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược Povidone K30 (MiV-N2)	Cellmark Chemicals Singapore Pte Ltd Địa chỉ: 271 Bukit Timah Road #03-13balmoral Plaza, 259708 Singapore	Bonsun Co.,ltd Địa chỉ: Shexian Circular Economy Zone, Huangshan City, China
1878	AZLOBAL 4	VD-36034-22	Công ty cổ phần Global Pharmaceutical	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	134/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	Số 18 đường Lê Thị Sọc, Ấp 2A, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, TP. HCM, Việt Nam	Số 5 Đường 59B, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
1879	HYPETOR 80	VD-36035-22	Công ty cổ phần Global Pharmaceutical	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	135/TĐTN	16/01/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	Số 18 đường Lê Thị Sọc, Ấp 2A, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, TP. HCM, Việt Nam	Số 5 Đường 59B, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
1880	SaVi Lamivudine/Tenofovir	VD3-87-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	696/TĐTN	10/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	- Lamivudin: USP 41 - Cellulose vi tinh thể 101: EP 9.0 - Lactose monohydrat: EP 9.0 - Natri croscarmellose: EP 9.0 - Povidon K30: USP 40 - Nước tinh khiết: EP 9.0 - Magnesi stearat: USP 40 - Silic dioxyd keo: EP 9.0	- Lamivudin: USP 2021 - Cellulose vi tinh thể 101: EP 10.0 - Lactose monohydrat: EP 10.0 - Natri croscarmellose: EP 10.0 - Povidon K30: USP 43 - Nước tinh khiết: EP 10.0 - Magnesi stearat: USP 43 - Silic dioxyd keo: EP 10.0

1881	SaVi Lamivudine/Tenofovir	VD3-87-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	696/TĐTN	10/03/2023	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1. Natri croscarmellose: GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: Nandasan, India. 2. Povidon K30: SHANGHAI YUKING WATER SOLUBLE MATERIAL TECH CO., LTD Địa chỉ: 4F, 13B, South Xinyuan Road 201306, Shanghai, China. 3. Silic dioxyd keo: EVONIK RESOURCE EFFICIENCY GMBH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. 4. Cellulose vi tinh thể 101: DFE PHARMA Địa chỉ: DFE Pharma India LLP, Cuddalore, India. 5. Lactose monohydrat: DFE PHARMA Địa chỉ: Frieslandcampina DMV B.V., Veghel, The Netherlands. 6. Ethanol 96%: CÔNG TY TNHH SX & TM KHẢ DOANH Địa chỉ: 9/27 Phạm Văn Hai, F.1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. 7. Vivacoat PM-1P-000: JRS PHARMA GMBH & CO. KG. Địa chỉ: 73494 Rosenberg (Germany). Holzmühle 1	1. Natri croscarmellose: JRS PHARMA & GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: Unit – 2, Survey No. 292/293, Kalol – Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana – 382706, Gujarat, India. 2. Povidon K30: SHANGHAI YUKING NEW MATERIAL TECHNOLOGY CO., LTD Địa chỉ: Room 402, Block B, Building 13, No.600, Xinyuan South Road, Nicheng Town, Pudong New District, Shanghai, China. 3. Silic dioxyd keo: EVONIK OPERATIONS GMBH Địa chỉ: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany. 4. Cellulose vi tinh thể 101: DFE PHARMA INDIA PRIVATE LIMITED Địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore – 607 005, Tamil Nadu, India. 5. Lactose monohydrat: FRIESLANDCAMPINA DMV B.V. Địa chỉ: NCB-Laan 80, 5462 GE Veghel, The Netherlands. 6. Ethanol 96%: CÔNG TY TNHH KHẢ DOANH Địa chỉ: 140E Đặng Công Binh, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. 7. Vivacoat PM-1P-000: MICROCELLULOSE WEIßENBORN GMBH & CO KG Địa chỉ: Freiberger Straße 7, 09600 Weißenborn/Erzgebirge, Germany
1882	Plaxsav 5	VD-32536-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	299/TĐTN	13/02/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Benazepril hydroclorid (MiV-N3)	ARTI INDUSTRIES LIMITED	AARTI PHARMALABS LIMITED
1883	Plaxsav 10	VD-32535-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	299/TĐTN	13/02/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Benazepril hydroclorid (MiV-N3)	ARTI INDUSTRIES LIMITED	AARTI PHARMALABS LIMITED
1884	SaViDopril 8	VD-24274-16	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	299/TĐTN	13/02/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Perindopril erbumin (MiV-N3)	ARTI INDUSTRIES LIMITED	AARTI PHARMALABS LIMITED
1885	Ventizam 75	VD-30503-18	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	299/TĐTN	13/02/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Venlafaxin hydroclorid (MiV-N3)	ARTI INDUSTRIES LIMITED	AARTI PHARMALABS LIMITED
1886	Tenofovir disoproxil fumarate 300 mg	VD-33533-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	109/TĐTN	10/02/2023	Thay đổi tên nhà sản xuất dược chất tenofovir disoproxil fumarat (MiV-N3)	ACEBRIGHT (INDIA) PHARMA PVT. LTD	CDYMAX (INDIA) PHARMA PRIVATE LIMITED
1887	Fexodinefast 120	VD-34225-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	190/TĐTN	10/02/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược (MiV-N6)	- Lactose monohydrate: EP 9.0 - Microcrystalline cellulose M101: EP 9.0 - Pregelatinised starch: EP 9.0 - Croscarmellose sodium: EP 9.0 - Colloidal anhydrous silica: EP 9.0 - Magnesium stearate: USP 40 - Hypromellose 606: USP 40 - Hypromellose 615: USP 40 - Polyethylene glycol 6000: EP 9.0 - Titanium dioxide: EP 9.0 - Nước tinh khiết: EP 9.0 - Talc: USP 40	- Lactose monohydrate: EP 10.0 - Microcrystalline cellulose M101: EP 10.0 - Pregelatinised starch: EP 10.0 - Croscarmellose sodium: EP 10.0 - Colloidal anhydrous silica: EP 10.0 - Magnesium stearate: USP 43 - Hypromellose 606: USP 43 - Hypromellose 615: USP 43 - Polyethylene glycol 6000: EP 10.0 - Titanium dioxide: EP 10.0 - Nước tinh khiết: EP 10.0 - Talc: USP 2021

1888	Fexodinefast 120	VD-34225-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	190/TĐTN	10/02/2023	Thay đổi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3); Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Hypromellose 615 (MiV-N2);	I. Lactose monohydrate: DMV-FONTERRA EXCIPIENTS GMBH & CO. KG Địa chỉ: FrieslandCampina DMV B.V., Veghel, The Netherlands II. Microcrystalline cellulose M101: DMV-FONTERRA EXCIPIENTS GMBH & CO. KG. Địa chỉ: Cuddalore, India. III. Pregelatinised starch: COLORCON Địa chỉ: Indianapolis, IN, USA. IV. Polyethylene glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH. Địa chỉ: Werk Marl, Paul-Baumann-Straße 1, D-45772 Marl, Germany. V. Cơ sở sản xuất tá dược Red iron oxide: UNIVAR BV Địa chỉ: Victoria House, Radford Way, Billericay, Essex, CM12 0DX, England. VI. Yellow iron oxide: UNIVAR BV Địa chỉ: Victoria House, Radford Way, Billericay, Essex, CM12 0DX, England. VII. Croscarmellose sodium: GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: Nandasan, India. VIII. Colloidal anhydrous silica: EVONIK RESOURCE EFFICIENCY GMBH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. IX. Hypromellose 606: SHANDONG HEAD CO., LTD. Địa chỉ: Zhoucun, Zibo, Shandong, P.R.China. X. Hypromellose 615: DOW CHEMICAL COMPANY Địa chỉ: PLAQUEM Methocel Near Plant WH, United States.	I. Lactose monohydrate: FRIESLANDCAMPINA DMV B.V. Địa chỉ: N.B.C. – Laan 80 5462 GE Veghel, The Netherlands) II. Microcrystalline cellulose M101: DFE PHARMA INDIA PRIVATE LIMITED Địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore – 607 005, Tamil Nadu, India. III. Pregelatinised starch: COLORCON INC. – INDIANAPOLIS, IN Địa chỉ: 3702 East 21st Street, Indianapolis, IN 46218 United States IV. Polyethylene glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Paul-Baumann-Str.1, 45772 Marl, Germany. V. Red iron oxide: UNIVAR SOLUTIONS B.V. Địa chỉ: Victoria House, Radford Way, Billericay, Essex, CM12 ODX, England. VI. Yellow iron oxide: UNIVAR SOLUTIONS B.V. Địa chỉ: Victoria House, Radford Way, Billericay, Essex, CM12 ODX, England. VII. Croscarmellose sodium: JRS PHARMA & GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: Unit – 2, Survey No. 292/293, Kalol – Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana – 382706, Gujarat, India. VIII. Colloidal anhydrous silica: EVONIK OPERATIONS GMBH Địa chỉ: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany. IX. Hypromellose 606: SHANDONG HEAD GROUP CO., LTD. Địa chỉ: No. 999, Heda Road, Zhoucun District, Zibo City, Shandong Province, P.R.China. X. Hypromellose 615: 1. NUTRITION & BIOSCIENCES USA 1, LLC Địa chỉ: 21255 Lousiana Highway 1, Building 4501, Plaquemine, LA, 70765, United States) 2. JRS PHARMA Địa chỉ: Freiberger Straße 7, 09600 Weißenborn/Erzgebirge, Germany.
1889	Fexodinefast 120	VD-34225-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	190/TĐTN	10/02/2023	Thay đổi nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	I. Talc: IMERYS TALC Địa chỉ: 09250 Luzenac, France. II. Ethanol 96%: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC Địa chỉ: 09/DX 04 - TH Tổ 07, Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.	I. Talc: ELEMENTIS MINERALS B.V. Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR, AMSTERDAM, The Netherlands. II. Ethanol 96%: CÔNG TY TNHH KHẢ DOANH Địa chỉ: 140E Đặng Công Bình, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
1890	Ursokol 300	VD-29134-18	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	7040/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3); Bổ bớt cơ sở sản xuất tá dược (Tinh bột biến tính 1500)	1. Crospovidon: BASF SE Địa chỉ: Carl-Bosch-Strasse 38, Ludwigshafen, Rhineland-Palatinate, Germany. 2. Celulose vi tinh thể 101: DMV-FONTERRA EXCIPIENTS GMBH & CO. KG Địa chỉ: Cuddalore, India. 3. Tinh bột biến tính 1500: 3.1. COLORCON ASIA PACIFIC PTE LTD Địa chỉ: Indianapolis, IN, USA) 3.2. HUZHOU ZHANWANG PHARMACEUTICAL CO., LTD. Địa chỉ: 1 Jiefang Rd., Linghu town, Huzhou City, Zhejiang Province, China, 313018. 4. Magnesi stearat: NITIKA CHEMICALS Địa chỉ: 85 Pilli Nadi, Industrial Area, Kamptee Road, Nagpur - 440026, India. 5. Celulose vi tinh thể 101: GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: 401/402 Sarthik Square, Nr. GNFC Tower, Sarkhej-Gandhinagar Highway, Ahmedabad - 380054 6.Povidon K30: SHANGHAI YUKING WATER SOLUBLE MATERIAL TECH CO., LTD. Địa chỉ: 4F, 13B, No.600, South Xinyuan Rd, 201306, Shanghai, China.	1. Crospovidon: BASF SE Địa chỉ: BASF SE, Carl-Bosch-Strasse 38, 67056 Ludwigshafen, Germany) 2. Celulose vi tinh thể 101: DFE PHARMA INDIA PRIVATE LIMITED Địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu Cuddalore - 607 005, Tamil Nadu, India. 3.Tinh bột biến tính 1500: COLORCON, INC. Địa chỉ: INDIANAPOLIS, IN (3702 East 21st Street, Indianapolis, IN 46218, United States) 4. Magnesi stearat: NITIKA PHARMACEUTICAL SPECIALITIES PVT. LTD. Địa chỉ: Block No. 03 of Plot No. 1296, 1297/08, Ward No. 03, Mouza-Waddhamana, Tah-Hingna, Amravati Road, Nagpur 440023, India. 5. Celulose vi tinh thể 101: JRS PHARMA & GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: Unit - 1, Survey No. 291/1 & 2, Kalol - Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana - 382706, Gujarat, India. 6. Povidon K30: SHANGHAI YUKING NEW MATERIAL TECHNOLOGY CO., LTD Địa chỉ: Room 402, Block B, Building 13, No. 600, Xinyuan South Road, Nicheng Town, Pudong New District, Shanghai, China.

1891	Ursokol 300	VD-29134-18	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	7040/TĐTN	22/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, tá dược (MiV-N6)	- Acid ursodeoxycholic: EP 9.0 - Celulose vi tinh thể 101: EP 9.0 - Tinh bột biến tính 1500: EP 9.0 - Povidon K30: USP 40 - Crospovidon: USP 40 - Magnesi stearat: USP 40 - Nước tinh khiết: EP 9.0	- Acid ursodeoxycholic: EP 10.0 - Celulose vi tinh thể 101: EP 10.0 - Tinh bột biến tính 1500: EP 10.0 - Povidon K30: USP 43 - Crospovidon: USP 43 - Magnesi stearat: USP 43 - Nước tinh khiết: EP 10.0
1892	SaVi Eprazinone 50	VD-21352-14	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6726/TĐTN	14/12/2022	Bỏ bớt quy cách đóng gói thuốc thành phẩm (MiV-N7)	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 250 viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên
1893	Demencur 50	VD-33527-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6727/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1. Tinh bột biến tính: COLORCON Địa chỉ: Indianapolis, IN, USA. 2. Cellulose vi tinh thể 101: DFE PHARMA Địa chỉ: Cuddalore, India. 3. Ethanol 96%: CÔNG TY TNHH SX & TM KHÁ DOANH Địa chỉ: 9/27 Phạm Văn Hai, Phường 1, Quận Tân Bình. 4. Talc: MONDO MINERAL B.V. Địa chỉ: Amsterdam Operation, The Netherland. 5. Hypromellose 6 cps: SHANDONG HEAD CO., LTD. Địa chỉ: Zhoucun, Zibo, Shandong, P.R.China.	1. Tinh bột biến tính: COLORCON, INC. - INDIANAPOLIS, IN Địa chỉ: 3702 East 21st Street, Indianapolis, IN 46218, United States) 2. Cellulose vi tinh thể 101: DFE PHARMA INDIA PRIVATE LIMITED Địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore - 607 005, Tamil Nadu, India. 3.Ethanol 96%: CÔNG TY TNHH KHÁ DOANH Địa chỉ: 140E Đặng Công Binh, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 4. Talc: ELEMENTIS MINERALS B.V. Địa chỉ: (Kajuitweg 8, 1041 AR, Amsterdam, The Netherlands 5. Hypromellose 6 cps: SHANDONG HEAD GROUP CO., LTD. Địa chỉ: No. 999, Heda Road, Zhoucun District, Zibo City, Shandong Province, P.R.China
1894	Demencur 50	VD-33527-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6727/TĐTN	14/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược (MiV-N6)	- Tinh bột biến tính: EP 9.0 - Cellulose vi tinh thể 101: EP 9.0 - Talc: USP 40 - Magnesi stearat: USP 40 - Hypromellose 6 cps: USP 40 - Polyethylen glycol 6000: EP 9.0 - Titan dioxyd: EP 9.0 - Nước tinh khiết: EP 9.0	- Tinh bột biến tính: EP 10.0 - Cellulose vi tinh thể 101: EP 10.0 - Talc: USP 2021 - Magnesi stearat: USP 43 - Hypromellose 6 cps: USP 43 - Polyethylen glycol 6000: EP 10.0 - Titan dioxyd: EP 10.0 - Nước tinh khiết: EP 10.0
1895	Samasol	VD-30493-18	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6747/TĐTN	14/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng thuốc thành phẩm, tá dược (MiV-N6)	- Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 39 - Magnesi stearat: USP 39 - Nước tinh khiết: EP 9.0	- Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022 - Magnesi stearat: USP 43 - Nước tinh khiết: EP 10.0
1896	Samasol	VD-30493-18	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6747/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1 Natri starch glycolat: DMV-FONTERRA EXCIPIENTS B.V. Địa chỉ: Foxhol, The Netherlands. 2. Natri lauryl sulfat: BASF PERSONAL CARE AND NUTRITION GMBH Địa chỉ: 40589 Duesseldorf Germany. 3. Magnesi stearat: NITIKA PHARMACEUTICAL SPECIALITIES PVT. LTD. Địa chỉ: 85, Pili Nadi Industrial Area, Kamptee Road, Nagpur (India)-440026.	1. Natri starch glycolat: DFE PHARMA Địa chỉ: Avebeweg 3, 9607 PT, Foxhol, The Netherlands. 2. Natri lauryl sulfat: BASF PERSONAL CARE AND NUTRITION GMBH Địa chỉ: Henkelstraße 67, 40589 Düsseldorf, Germany 3. Magnesi stearat: NITIKA PHARMACEUTICAL SPECIALITIES PVT. LTD. Địa chỉ: Block No. 03 of Plot No. 1296, 1297/08, Ward No.03, Mouza-Waddhamana, Tah-Hingna, Amravati Road, Nagpur 440023, India
1897	SaVi Cilostazol 100	VD-33530-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6124/TĐTN	25/11/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	- Cilostazol: USP 41 - Cellulose vi tinh thể 101: EP 9.0 - Tinh bột ngô: EP 9.0 - Natri croscarmellose: EP 9.0 - Hypromellose 6 cps: USP 40 - Magnesi stearat: USP 40 - Polyethylen glycol 6000: EP 9.0 - Talc: USP 40 - Titan dioxyd: EP 9.0 - Nước tinh khiết: EP 9.0	- Cilostazol: USP 2022 - Cellulose vi tinh thể 101: EP 10.0 - Tinh bột ngô: EP 10.0 - Natri croscarmellose: EP 10.0 - Hypromellose 6 cps: USP 43 - Magnesi stearat: USP 43 - Polyethylen glycol 6000: EP 10.0 - Talc: USP 2021 - Titan dioxyd: EP 10.0 - Nước tinh khiết: EP 10.0

1898	SaVi Cilostazol 100	VD-33530-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6124/TĐTN	25/11/2022	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1. Natri croscarmellose: GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: Nandasan, India 2. Hypromellose 6 cps: SHANDONG HEAD CO., LTD. Địa chỉ: Zhoucun, Zibo, Shandong, P.R. China. 3. Talc: MONDO MINERALS B.V Địa chỉ: Amsterdam Operation, The Netherlands. 4. Cellulose vi tinh thể 101: DFE PHARMA INDIA LLP Địa chỉ: B-4, Sipcot Complex, 607005 Cuddalore, India. 5. Tinh bột ngô: ROQUETTE Địa chỉ: 1 Rue De La Haute Loge, 62136 Lestrem, France. 6, Polyethylen glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Werk Marl, Paul-Baumann-Straße 1, D-45772 Marl, Germany. 7. Ethanol 96%: CÔNG TY TNHH SX &TM KHÁ DOANH Địa chỉ: 9/27 Phạm Văn Hai, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.	1. Natri croscarmellose: JRS PHARMA & GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: Unit – 2, Survey No. 292/293, Kalol – Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana – 382706, Gujarat, India. 2. Hypromellose 6 cps: SHANDONG HEAD GROUP CO., LTD. Địa chỉ: (No. 999, Heda Road, Zhoucun District, Zibo City, Shandong Province, P.R. China. 3. Talc: ELEMENTIS MINERALS B.V. Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR, AMSTERDAM, The Netherlands. 4. Cellulose vi tinh thể 101: DFE PHARMA INDIA PRIVATE LIMITED Địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore – 607 005, Tamil Nadu, India. 5. Tinh bột ngô: ROQUETTE FRERES Địa chỉ: 1, rue de la Haute Loge, 62136 LESTREM, France. 6. Polyethylen glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Paul-Baumann-Str. 1, 45772 Marl, Germany. 7. Ethanol 96%: CÔNG TY TNHH KHÁ DOANH Địa chỉ: 140E Đặng Công Binh, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
1899	SaVi Cilostazol 100	VD-33530-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6124/TĐTN	25/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn thuốc thành phẩm (MiV-N6)	JP XVII	JP XVIII
1900	PeriSaVi 5	VD-33529-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	5965/TĐTN	01/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn tá dược (MiV-N6)	- Magnesi stearat: USP 39 - Ethanol 96%: DĐVN IV	- Magnesi stearat: USP 43 - Ethanol 96%:DĐVN V
1901	PeriSaVi 5	VD-33529-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	5965/TĐTN	01/11/2022	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược Ethanol 96% (MiV-N2)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC Địa chỉ: 1017 Hồng Bàng, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh.	CÔNG TY TNHH KHÁ DOANH Địa chỉ: 140E Đặng Công Binh, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
1902	PeriSaVi 5	VD-33529-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	5965/TĐTN	01/11/2022	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3):	1. Tinh bột biến tính: COLORCON Địa chỉ: 3702 E. 21st Street Indianapolis, IN 46218, United States. 2. Cellulose vi tinh thể 102: DFE PHARMA Địa chỉ: B-4 Sipiot Complex, Cuddalore 607005, India. 3.Lactose monohydrat: DMV-FONTERRA EXCIPIENTS GMBH & CO.KG Địa chỉ: Lauenforder Strasse 5, 37176, Noerten-Hardenberg, Germany. 4. Silic dioxyd keo: EVONIK RESOURCE EFFICIENCY GMBH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany 5. Magnesi stearat: NITIKA PHARMACEUTICAL SPECIALITIES PVT. LTD. Địa chỉ: 85, Pili Nadi Industrial Area, Kamptee Road, Nagpur (India)-440026 6. Hypromellose 6cps: SHANDONG HEAD CO., LTD. Địa chỉ: Zhoucun, Zibo, Shandong, P.R.China 7. Polyethylen glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Werk Marl, Paul-Baumann-Straße 1, D-45772 Marl, Germany. 8. Green lake: PROQUIMAC PFC, S.A. Địa chỉ: C/Berlin, **5-a** (Pol.Ind. Can Torella), 08233 VACARISSES Barcelona, España.	1. Tinh bột biến tính: COLORCON Địa chỉ: 3702 East 21 st Street, Indianapolis, IN 46218, United States. 2. Cellulose vi tinh thể 102: DFE PHARMA INDIA PRIVATE LIMITED Địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore – 607 005, Tamil Nadu, India. 3. Lactose monohydrat: DFE PHARMA Địa chỉ: Lauenforder Strasse 5, 37176, Noerten-Hardenberg, Germany. 4. Silic dioxyd keo: EVONIK OPERATIONS GMB Địa chỉ: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany 5. Magnesi stearat: NITIKA PHARMACEUTICAL SPECIALITIES PVT. LTD. Địa chỉ: Block No.03 of Plot No. 1296, 1297/08, Ward No.03, Mouza-Waddhamana, Tah-Hingna, Amravati Road, Nagpur 440023, India. 6. Hypromellose 6cps: SHANDONG HEAD GROUP CO., LTD Địa chỉ: No.999, Heda Road, Zhoucun District, Zibo City, Shandong Province, P.R.China. 7. Polyethylen glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Paul-Baumann-Str. 1, 45772 Marl, Germany. 8. Green lake: PROQUIMAC PFC, S.A. Địa chỉ: Pol. Ind Can Torella. C/Berlin 3-5 08233 Vacarisses (Barcelona), Spain

1903	Antizyme	VD-28979-18	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	106/TĐTN	01/12/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, tá dược (MiV-N6)	- Gel nhôm hydroxyd khô: USP 38 - Magnesi hydroxyd: USP 38 - Simethicon : USP 38 - Lactose hydrate: USP 38 - Manitol: USP 38 - Maize starch: BP 2014 - Saccarin sodium: USP 38 - Povidone-K30: USP 38 - Vanillin: USP 38 - Magnesium stearate: USP 38 - Purified talc: USP 38	- Gel nhôm hydroxyd khô: USP – NF 2021 - Magnesi hydroxyd: USP – NF 2021 - Simethicon : USP – NF 2021 - Lactose hydrate: USP – NF 2021 - Manitol: USP – NF 2021 - Maize starch: BP 2022 - Saccarin sodium: USP – NF 2021 - Povidone-K30: USP – NF 2021 - Vanillin: USP – NF 2021 - Magnesium stearate: USP – NF 2021 - Purified talc: USP – NF 2021
1904	Undtas 500	VD-33485-19	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	245/TĐTN	02/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	- Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil): USP 38 - Microcrystallin cellulose M101 (Microcrystallin cellulose): BP 2014 - Natri starch glycolate (Sodium starch glycolate): BP 2014 - Natri lauryl sulfat (Sodium lauryl sulfat): BP 2014 - Talc: USP 38 - Magnesi stearat: USP 38 - Aerosil (Colloidal silicon dioxyd): BP 2014 - Hydroxypropylmethyl cellulose (HPMC) 606 (Hypromellose): USP 38 - Hydroxypropylmethyl cellulose (HPMC) 615 (Hypromellose): USP 38 - Titan dioxyd: BP 2014 - Dầu thầu dầu: BP 2014 - Ethanol 96%: DĐVN IV - Nước RO (Nước tinh khiết): DĐVN IV	- Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil):USP – NF2021 - Microcrystallin cellulose M101 (Microcrystallin cellulose): BP 2022 - Natri starch glycolate (Sodium starch glycolate): BP 2022 - Natri lauryl sulfat (Sodium lauryl sulfat): BP 2022 - Talc: USP – NF2021 - Magnesi stearat: USP – NF2021 - Aerosil (Colloidal silicon dioxyd): BP 2022 - Hydroxypropylmethyl cellulose (HPMC) 606 (Hypromellose): USP – NF2021 - Hydroxypropylmethyl cellulose (HPMC) 615 (Hypromellose): USP – NF2021 - Titan dioxyd: BP 2022 - Dầu thầu dầu: BP 2022 - Ethanol 96%: DĐVN V - Nước RO (Nước tinh khiết): DĐVN V
1905	CEFIXIM 100	VD-30185-18	Công ty TNHH Dược phẩm Sài Thành	Công ty Cổ phần US Pharma USA	947/TĐTN	13/3/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất Cefixim trihydrat (MiV-N6)	USP 40	USP 43
1906	OMERAZ 20 TAB	VD-35343-21	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	7315/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng dược chất omeprazol khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển. (MiV-N6	USP 41	USP 2021
1907	METHYLBOSTON 4	VD-33421-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	7286/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược Lactose monohydrat (MiV-N2)	Meggle USA Inc. Địa chỉ: 592 Route 22, Suite 2B, Pawling, NewYork 12564, USA	Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestrabe. 6 – 12, 83512 Wasserburg, Germany
1908	METHYLBOSTON 4	VD-33421-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	7286/TĐTN	30/12/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Cellulose vi tinh thể (type 102): Blanver Farmoquimica Ltd., Địa chỉ: Rua Dr. José Alexandre Crosgnac, Itapevi, São Paulo, Brazil 2. Magnesi stearat: Cellmark Shanghai Co., Ltd. Địa chỉ: Ocean Tower, 550 Yan'an Road (E), Huang Pu Dist., Shaihai 200001, China	1. Cellulose vi tinh thể (type 102): 1.1. Crest Cellulose Private Limited Địa chỉ: Plot No.: 12 & 13, APIIC Industrial Park, Menakuru Village, Naidupet Mandal, SPSR Nellore District-524421, Andhra Pradesh, India 1.2. Itacel Farmoquímica Ltda. Địa chỉ: Rua Doutor José Alexandre Crosgnac, 645, Vila Santa Flora, Itapevi-SP-Brazil 2. Magnesi stearat: 2.1. Cellmark Shanghai Co., Ltd. Địa chỉ: Ocean Tower, 550 Yan'an Road (E), Huang Pu Dist., Shaihai 200001, China 2.2. Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd No. 12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui, China
1909	METHYLBOSTON 4	VD-33421-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	7286/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1. Cellulose vi tinh thể (type 102): Blanver Farmoquimica Ltd., Địa chỉ: Rua Dr. José Alexandre Crosgnac, Itapevi, São Paulo, Brazil 2. Natri starch glycolat: Blanver Farmoquimica Ltd., Địa chỉ: Rua Dr. José Alexandre Crosgnac, Itapevi, São Paulo, Brazil 3. Silicon dioxyd: Cabot GmbH, Werk Rheinfelden Địa chỉ: Kronenstrasse 2, Rheinfelden, 79618, Germany	1. Cellulose vi tinh thể (type 102): Itacel Farmoquímica Ltda. Địa chỉ: Rua Doutor José Alexandre Crosgnac, 645, Vila Santa Flora, Itapevi-SP-Brazil 2. Natri starch glycolat: Itacel Farmoquímica Ltda. Địa chỉ: Rua Doutor José Alexandre Crosgnac, 645, Vila Santa Flora, Itapevi-SP-Brazil 3. Silicon dioxyd: Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstrasse 2, D - 79618 Rheinfelden, Germany
1910	METHYLBOSTON 4	VD-33421-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	7286/TĐTN	30/12/2022	Cập nhập tiêu chuẩn tá dược (MiV-N6)	1. Lactose monohydrat: USP 38 2. Silicon dioxyd: USP 38 3. Magnesi stearat: BP 2014 4. Natri starch glycolat: USP 38	1. lactose monohydrat: USP 43 2. Silicon dioxyd: USP 43 3. Magnesi stearat: BP 2021 4. Natri starch glycolat: USP 43

1911	ENABOSTON 5 PLUS	VD-33419-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	7572/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất (MiV-N6)	1 Enalapril maleat: USP 40 2. Hydroclorothiazid: USP 41	1. Enalapril maleat: USP 43 2. Hydroclorothiazid: USP 2022
1912	VITAR B1	VD-32507-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	49-TĐTN	03/06/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, tá dược (MiV-N6)	1. Thiamin nitrat: USP 38 2. Glycerin: USP 38 3. Ethyl vanillin: USP 38 4. Methylparaben: USP 38	1. Thiamin nitrat: USP 43 2. Glycerin: USP 43 3. Ethyl vanillin: USP 43 4. Methylparaben: USP 43
1913	BISOBOSTON 5	VD-22814-15	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	602/TĐTN	03/06/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Bisoprolol fumarat (MiV-N6)	USP 38	USP 43
1914	C-UP 1.000 mg	VD-32271-19	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	599/TĐTN	22/2/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược bột mùi cam (MiV-N2)	M-Tech Aroma International Ltd. – Hongkong Địa chỉ: 1/F., Gloria Weaving & Knitting Fty. Bldg., No.1 Tung Yuen street, Yau Tong Bay, Kowloon, Hongkong Tiêu chuẩn: Nhà sản xuất	PT GIVAUDAN INDONESIA Địa chỉ: Jl. Raya Bogor KM35 RT001RW020, Sukamaju Cilodong, Kota Depok 16415, Indonesia. Tiêu chuẩn: Nhà sản xuất.
1915	Domecor 2,5 mg	VD-21019-14	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	6053/TĐTN	11/02/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Bisoprolol fumarat (MiV-N6)	EP 8.0	EP 10.0
1916	Bromhexin 8 mg	VD-32266-19	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	6027/TĐTN	11/02/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Bromhexin hydroclorid (MiV-N6)	BP 2020	BP 2022
1917	POSISVA 10	VD-29792-18	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty Cổ phần Dược phẩm ME DI SUN	1165/TĐTN	15/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, tá dược, thành phẩm (MiV-N6)	- Pravastatin natri: EP 8.0 - Lactose: BP 2013 - Tinh bột mì: BP 2013 - Natri starch glycolat: BP 2013 - Povidon (PVP) K30: USP 38 - Magnesi stearat: DĐVN IV - Ethanol 96%: DĐVN IV - Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 38	- Pravastatin natri: EP 10.8 - Lactose: BP 2022 - Tinh bột mì: BP 2022 - Natri starch glycolat: BP 2022 - Povidon (PVP) K30: USP 2022 - Magnesi stearat: DĐVN V - Ethanol 96%: DĐVN V - Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022
1918	POSISVA 40	VD-29793-18	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty Cổ phần Dược phẩm ME DI SUN	543/TĐTN	21/02/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng thuốc thành phẩm, dược chất và tá dược (MiV-N6)	- Pravastatin natri: EP 8.0 - Lactose: BP 2013 - Tinh bột mì: BP 2013 - Natri starch glycolat: BP 2013 - Povidon (PVP) K30: USP 38 - Magnesi stearat: DĐVN IV - Ethanol 96%: DĐVN IV - Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 38	- Pravastatin natri: EP 10.8 - Lactose: BP 2022 - Tinh bột mì: BP 2022 - Natri starch glycolat: BP 2022 - Povidon (PVP) K30: USP 2022 - Magnesi stearat: DĐVN V - Ethanol 96%: DĐVN V - Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022
1919	Freejex inj.	VD-21963-14	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco	7166/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Nefopam hydrochloride và bổ sung thông tin địa chỉ sản xuất của cơ sở sản xuất dược chất (MiV-N3)	ISOCHEM S.A Head office: 32, Rue Lavoisier, 91710 Vert Le Petit, France	PMC ISOCHEM Head office: 32, Rue Lavoisier, 91710 Vert Le Petit, France Manufacturing site: 4 Avenue Philippe Lebon, 92230, Gennevilliers, France
1920	Pyme OM40	VD-26429-17	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco	6098/TĐTN	07/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Omeprazole sodium (MiV-N3)	Union Quimico Farmaceutica, S.A. Địa chỉ: Poligono Industrial El Pla, Av. Puigcerdà, No. 9, C-17, km 17.4, 08185 Lliçà de Vall (Barcelona) Spain.	ESTEVE QUÍMICA, S.A. Địa chỉ: Poligon Industrial El Pla, Av. Puigcerdà, No. 9, C-17, km 17.4, 08185 Lliçà de Vall (Barcelona) Spain.
1921	Omestad inj. 40mg	VD-23845-15	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco	6098/TĐTN	07/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Omeprazole sodium (MiV-N3)	Union Quimico Farmaceutica, S.A. Địa chỉ: Poligono Industrial El Pla, Av. Puigcerdà, No. 9, C-17, km 17.4, 08185 Lliçà de Vall (Barcelona) Spain.	ESTEVE QUÍMICA, S.A. Địa chỉ: Poligon Industrial El Pla, Av. Puigcerdà, No. 9, C-17, km 17.4, 08185 Lliçà de Vall (Barcelona) Spain.
1922	Izol - Fungi	VD-17691-12	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco	329/TĐTN	02/10/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất itraconazole pellets 22%w/w (MiV-N3)	Lee Pharma Limited Địa chỉ: Plot No. V, Phase-II, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam District-49, India	Lee Pharma Limited Địa chỉ: Plot No. V, Phase-II, VSEZ, Duvvada, Sabbavaram (M), Visakhapatnam District - 530 049, Andha Pradesh, India

1923	ZOAMCO-A	VD-36187-22	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco	593/TĐTN	22/2/2023	Thay đổi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Atorvastatin calcium trihydrate (MiV-N3)	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Private Limited (Formerly DSM Anti-Injectives India Limited) *Địa chỉ:* Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr - 144 533, Punjab, India	Centrient Pharmaceuticals India Private Limited *Địa chỉ:* Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, District SBS Nagar (Nawanshahr), Punjab - 144533, India
1924	CETIRIZINE EG 10 mg	VD-34963-21	Công ty cổ phần Pymepharco	Nhà máy STADA Việt Nam	592/TĐTN	22/2/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Lactose monohydrate: DFE pharma Địa chỉ: Klever Strasse 187, P.O. Box 20 21 20, 47568 Goch, Germany 2. Microcrystalline cellulose: Mingtai Chemical Co. Ltd. Địa chỉ: No. 1142, Shin Hsing Rd., Bah-Der City, Taoyuan Hsien, Taiwan, R.O.C. 3. Anhydrous colloidal silica: Wacker Chemie AG Địa chỉ: Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München, Germany 4. Opadry Y-1-7000: Shanghai Colorcon Coating Technology Limited Địa chỉ: No. 588, Chundong Road, Shanghai 201108, China	1. Lactose monohydrate: Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12, 83512 Wasserburg am Inn, Germany 2. Microcrystalline cellulose: 2.1. JRS Pharma GmbH & Co. KG (Manufacturing site: Weissenborn, Germany) Địa chỉ: Freiberger Straße (Strasse) 7, 09600 Weißenborn (Weissenborn)/ Erzgebirge, Germany 2.2. JRS Pharma (Manufacturing site: Rettenmaier Natural Fiber manufacturing (Changzhou) Co., Ltd.) Địa chỉ: No.12 Changfan road, Wujin Economic Development Zone, Changzhou city, Jiangsu Province, P.R. China, 213146 3. Anhydrous colloidal silica: Evonik Operations GmbH (Evonik) Địa chỉ: Site Rheinfelden, Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany 4. Opadry Y-1-7000: COLORCON (Manufacturing site: Colorcon Asia Private Limited) Địa chỉ: Plot No. M14-M18, Verna Industrial Estate Verna Goa - 403722, India
1925	Hemarexin	VD-16718-12	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6018/TĐTN	01/11/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược natri citrat (MiV-N2)	1. Jungbunzlauer Địa chỉ: Schwarzenbergplatz 16 A-1011 Wien Handesisgericht Wien, Austria) Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10.0 2. Cofco Biochemical (Anhui) Co.Ltd. Địa chỉ: 73 Daqing Road, Bengbu, Anhui, China) Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10.0	TTCA Co., Ltd Địa chỉ: No. 27 Xin'an Nan Road, Anqiu Shandong, China) Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10.0
1926	Stacytine 200 GRA	VD-23357-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6019/TĐTN	11/01/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, tá dược (MiV-N6)	1. Acetylcysteine: EP 9.0 2. Ethanol 96%: EP 9.0	1. Acetylcysteine: EP 10.3 2. Ethanol 96%: EP 10.0
1927	Scanneuron	VD-22677-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6016/TĐTN	11/01/2022	Bỏ bớt cơ sở sản xuất dược chất Vitamin B12 (cyanocobalamin) (MiV-N4)	1. North China Pharmaceutical Victor Co., Ltd. Địa chỉ: No.9, Zhaiying North Street, Shijiazhuang, Hebei, China. 2. Sanofi Chimie Địa chỉ: Rue de Verdun, 76410 Saint Aubin Les Elbeuf, France.	Sanofi Chimie Địa chỉ: Rue de Verdun, 76410 Saint Aubin Les Elbeuf, France.
1928	Gliptinestad 50	VD-35707-22	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6023/TĐTN	11/01/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Sitagliptin phosphate monohydrate (MiV-N6)	USP 42	USP 43
1929	Calcium STELLA Vitamin C,PP	VD-25981-16	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6017/TĐTN	11/01/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược natri hydroxyd (MiV-N2)	Merck KGaA Địa chỉ: Frankfurter Straße 250, 64293 Darmstadt, Germany Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10.0	PanReac Química S.L.U. Địa chỉ: C/Garraf, 2, Polígono Pla de la Bruguera, E-08211 Castellar del Vallès, (Barcelona) España Tiêu chuẩn chất lượng: EP 10.0
1930	Stacytine 200	VD-20374-13	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6489/TĐTN	23/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Acetylcysteine (MiV-N6)	EP 10.0	EP 10.3
1931	Stacytine 600	VD-23979-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6491/TĐTN	23/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Acetylcysteine (MiV-N6)	EP 10.0	EP 10.3
1932	Stacytine 200 CAP	VD-22667-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6490/TĐTN	23/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Acetylcysteine (MiV-N6)	EP 10.0	EP 10.3
1933	L-Stafloxin 250	VD-31396-18	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6817/TĐTN	12/07/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất, thành phẩm (MiV-N6)	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 38 2. Levofloxacin hemihydrate: USP 38	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022 2. Levofloxacin hemihydrate: USP 2021
1934	Clopistad	VD-23964-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6820/TĐTN	12/07/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất Clopidogrel bisulfate (MiV-N6)	USP 39	USP 43

1935	Lipistad 20	VD-23341-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	7503/TĐTN	27/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm khi cập nhật dược điển (MiV-N6)	USP 41	USP 2022
1936	Arastad 20	VD-17765-12	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	583/TĐTN	22/2/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Leflunomide (MiV-N6)	EP 9.0	EP 10.0
1937	Magne – B6 STELLA Tablet	VD-23355-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	912/TĐTN	03/08/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất (MiV-N6)	1. Magnesium lactate dihydrate (EP 9.0); 2. Pyridoxine hydrochloride (Vitamin B6) (EP 9.0)	1. Magnesium lactate dihydrate (EP 10.0); 2. Pyridoxine hydrochloride (Vitamin B6) (EP 10.0)
1938	Linezolid 400	VD-30289-18	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1939	Amvifeta	VD-31574-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1940	Amviklor 125	VD-31575-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1941	Amviklor 250	VD-31576-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1942	Amvitacine 150	VD-31577-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1943	Amvitacine 300	VD-31578-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1944	Asasea 250	VD-31579-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1945	Cefpicen 100	VD-31580-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1946	Cefpicen 50	VD-31581-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1947	Crystacef 0,5 g	VD-31582-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1948	Crystacef 1g	VD-31583-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

1949	Spreacef 2g	VD-31584-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1950	Inlezone 600	VD-32784-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1951	Spreabac 2g	VD-32785-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1952	Spreapim 2g	VD-32786-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1953	Widxim 1,5g	VD-32787-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1954	Greadim 2g	VD-33385-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1955	Greaxim 2g	VD-33386-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1956	Bouleram 2g	VD-34110-20	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1957	Ceftriaxone 1g	VD-34648-20	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1958	Blizadon 200	VD-34993-21	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1959	Egoticine 200	VD-34994-21	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1960	Aupiflox 400mg/250ml	VD-26727-17	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1961	Avicemor 750mg/150ml	VD-26728-17	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6776/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

1962	Egofixim 100	VD-20173-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6775/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 422/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1963	Egofixim 200	VD-20174-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6775/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 422/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1964	Soruxim 500	VD-20659-14	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6775/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 422/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1965	Amvifuxime 250	VD-18697-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6688/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4 đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh. 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1966	Egodinir 300	VD-19838-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1967	Sodinir 125	VD-19839-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1968	Isavent	VD-21628-14	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1969	Dysteki 1g	VD-23498-15	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1970	Dysteki 2g	VD-23499-15	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1971	Zasemer 1g	VD-23500-15	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

1972	Zasemer 2g	VD-23501-15	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1973	Avipeps	VD-24714-16	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1974	Fisulty 1 g	VD-24715-16	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1975	Fisulty 2 g	VD-24716-16	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1976	Fragenem 0.5 g	VD-24717-16	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1977	Fragenem 1 g	VD-24718-16	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1978	Nepalis 1.5%	VD-25130-16	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1979	Nepalis 2.5%	VD-25131-16	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1980	Asasea 500 mg/100 ml	VD-25618-16	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

1981	Decazone 12 g/60 ml	VD-27762-17	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1982	Nepalis 4.25%	VD-28836-18	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6778/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1), Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
1983	LevoDHG 500	VD-21558-14	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG Địa chỉ: 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG – Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang. Địa chỉ: Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	6668/TĐTN	30/11/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Natri stearyl fumarat (MiV-N2)	DuPont Nutrition USA, Inc. Địa chỉ: 1301 Ogletown Road, Newark, DE 19711, USA. Tiêu chuẩn chất lượng: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022)	Nitika Pharmaceutical Specialities PVT. LTD. Địa chỉ: Block No.3 of Plot No.1296, 1297/08, Ward No.03,Mouza-Waddhamna, Amravati Road, Nagpur-440023, Dist –Nagpur, India. Tiêu chuẩn chất lượng: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022)
1984	CEFTIBIOTIC 500	VD-23017-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	6967/TĐTN	19/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn thành phẩm và dược chất (MiV-N6)	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 43 2. Ceftizoxim natri: USP 43	1. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022 2. Ceftizoxim natri: USP 2022
1985	SaVi Trimetazidine 35MR	VD-32875-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	694/TĐTN	10/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược Povidon K30 (MiV-N6)	USP 34	USP 43
1986	Tamiacin 1g	VD-23225-15	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco	7162/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Vancomycin (MiV-N3)	Livzon Group Fuzhou Fuxing Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: Fuqing Jiangyin Industrial Concentration Zone, Fuzhou, China	Livzon Group Fuzhou Fuxing Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No.8 Nangang Road, Jiangyin Industrial Concentration Zone, Fuqing, Fuzhou City, Fujian Province, P.R.China
1987	Partamol Extra.	VD-30837-18	Công ty TNHH Liên doanh Stada - Việt Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada - Việt Nam	7498/TĐTN	29/12/2022	Thay đổi tên cơ sở đăng ký và tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1)	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Liên doanh Stada - Việt Nam 2. Tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada - Việt Nam	1. Tên cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm 2. Tên cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1988	Mebeverin 125	VD-34635-20	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG Địa chỉ: 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG – Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang. Địa chỉ: Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	494/TĐTN	20/02/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	I. Povidon K30 (PVP K30) 1. ISP Chemicals LLC Affiliate of Ashland Địa chỉ: 455, N. Main St. (HWY 95) Calvert City, KY 42029, USA Tiêu chuẩn: USP-NF hiện hành 2. ISP Technologies Inc. Affiliate of Ashland Địa chỉ: 4501 Attwater Ave (HWY 146) Texas City, TX 77590, USA. Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022) II. Magnesi stearat: Peter Greven Asia SDN.BHD Địa chỉ: 2411, Lorong Perusahaan Satu, Prai Industrial Complex, 13600 Prai, Penang, Malaysia. Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022)	I. Povidon K30 (PVP K30) JH Nanhang Life Sciences Co., Ltd. Địa chỉ: No.16 Luyin Road, Hi-Tech Industrial Zone, Quzhou, Zhejiang, 324004 P.R. China. Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022) II. Magnesi stearat: Sun Ace Kakoh (Pte). Ltd. Địa chỉ: 34 Tanjong, Penjuru, Jurong Town, Singapore 609030 Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022)

1989	Mebeverin 125	VD-34635-20	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG Địa chỉ: 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG – Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang. Địa chỉ: Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	494/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	I. Lactose monohydrat: 1. DMV Fonterra Excipients GmbH& Co. KG Địa chỉ sản xuất: - FrieslandCampina DMV B.V. N.C.B.laan 80, 5462 GE Veghel, The Netherlands - Fonterra Limited, Kaponga, New Zealand 2. Molkerei Meggle Wasserburg GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12 83512 Wasserburg, Germany. II. Talc: Mondo Minerals B.V. Địa chỉ: Kajuitweg8 1041 AR Amsterdam, The Netherlands	II. Lactose monohydrat: 1. DMV Fonterra Excipients GmbH& Co. KG Địa chỉ sản xuất: - FrieslandCampina DMV B.V. N.C.B.laan 80, 5462 GE Veghel, The Netherlands - Fonterra Limited, Kaponga, New Zealand 2. Meggle GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12 83512 Wasserburg, Germany. II. Talc: Elementis Minerals B.V. Địa chỉ: Kajuitweg8 1041 AR Amsterdam, The Netherlands
1990	Mebeverin 125	VD-34635-20	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG Địa chỉ: 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG – Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang. Địa chỉ: Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	494/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất tá dược Natri croscarmellose (MiV-N3)	DMV-Fonterra Excipients B.V. Địa chỉ: Avebe-weg 1 9607 PT Foxhol, The Netherlands.	DFE Pharma GmbH & Co. KG Nơi sản xuất: DFE Pharma B.V. Địa chỉ: Avebe-weg 3 9607 PT Foxhol, The Netherlands
1991	Alorax	VD-19115-13	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco	737/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Loratadin (MiV-N3)	Vasudha Pharma Chem Limited Địa chỉ: Plot No. 79, Jawaharlal Nehru Pharma City, Thanam Village, Parawada (M), Visakhapatnam District, Andhra Pradesh, India	Vasudha Pharma Chem Limited Địa chỉ: Plot No. 79, Jawaharlal Nehru Pharma City, Thanam Village, Parawada Mandal, Anakapalli District-531019, Andhra Pradesh, India
1992	Molnia	VD-34950-21	Công ty CP Dược VTYT Hà Nam	Công ty CP Dược VTYT Hà Nam	439/TĐTN	16/02/2023	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1. Đường kính: Công ty CP đường Quảng Ngãi Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, Quảng Phú, Quảng Ngãi 2. Mannitol: Địa chỉ: No.99, Xiwaihuan Rd., Shouguang, 262702 Trung Quốc 3. Bột hương cam: Juciano, Groudg Asia Pacific Pte. Ltd. Địa chỉ: 112 Robinson Road, #12-01, Singapore 068902. 4. Sunset yellow: Địa chỉ: Road No.2, M.I.D.C., Andheri (E), Mumbai - 400 093, Ấn Độ	1. Đường kính: Nhà máy đường An Khê - Chi nhánh Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi Địa chỉ: Thôn 2, xã Thành An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai, Việt Nam. 2. Mannitol: Shandong Tianli Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: South of Anshun Street and West of Xingyuanxi Road, Gucheng Subdistrict Office, Shouguang City, Weifang City, Shandong, P.R. Trung Quốc (262700). 3. Bột hương cam: Guangzhou Kaihong Flavour & Fragrance Co., Ltd. Địa chỉ: No. 2 Zhenxing Rd, High Technology Industrial Park of Conghua Economic Development Zone, Guangzhou City, Guangdong Province, P.R. Trung Quốc. 4. Sunset yellow: Roha Dyechem Pvt, Ltd. Địa chỉ: Plot No. 42, M.I.D.C., Area Dhatav, Taluka Roha, District Raigad-402 116 Maharashtra, Ấn Độ
1993	Cefdinir 125-MV	VD-24655-16	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Minh Việt	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7381/TĐTN	29/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefdinir (MiV-N6)	USP 34	USP 43
1994	Usccefpo 100	VD-21599-4	Công ty TNHH Dược phẩm Alaska Pharma U.S.A	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7153/TĐTN	22/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefpodoxim proxetil (MiV-N6)	USP 34	USP 43
1995	Bepracid 20	VD-20986-14	Công ty Cổ phần Pymepharco	Công ty Cổ phần Pymepharco	739/TDTN	01/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Rabeprazol natri (MiV-N3)	Lee Pharma Limited Địa chỉ: Sy No. 10/G-1, Gadda Potharam (Village), Jinnaram (Mandal), Medak (District) Andhra Pradesh, 502319, India	Lee Pharma Limited Địa chỉ: Sy No. 10/G-1, Gaddapotharam Village, Jinnaram (Mandal), Sangareddy (District), Telangana State, 502319, India

1996	Abvaceff 100	VD-32254-19	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA	396/TĐTN	20/02/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefpodoxim proxetil (MiV-N6)	USP 36	USP 43
1997	Ricoxin 750	VD-29460-18	Côn ty TNHH Dược phẩm Huy Văn	Công ty Cổ phần US Pharma USA	253/TĐTN	09/02/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Ciprofloxacin HCl (MiV-N6)	USP 40	USP 43
1998	Usclacid 500	VD-33979-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7125/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Clarithromycin (MiV-N3)	Century Pharmaceuticals Limited Địa chỉ: 406 World Trade Centre, Sayajigunj Vadodara - 390005, India	Century Pharmaceuticals Limited Địa chỉ: 103-106 GIDC Halol, Dist.- Panchmadal, Pin- 389350, Gujarat, India
1999	Usclacid 500	VD-33979-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7125/TĐTN	26/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Clarithromycin (MiV-N6)	USP 37	USP 43
2000	Cadigesic 650	VD-32706-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7118/TĐTN	26/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Paracetamol (MiV-N3)	Anqiu Lu'an Century Pharmaceuticals Limited Địa chỉ: No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	Anqiu Lu'an Century Pharmaceuticals Limited Địa chỉ: No.35 Weixu North Road, Anqiu, Xinan Subdistrict Anqiu, Weifang City, Shandong Province Post code: 262100, China
2001	Cadigesic 650	VD-32706-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7118/TĐTN	26/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Paracetamol (MiV-N6)	BP 2014	BP 2022
2002	Robnedril	VD-18707-13	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7197/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Methyl prednisolol (MiV-N3)	Zhejiang Xianju Pharmaceuticals Co., ltd Địa chỉ: No. 1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	Zhejiang Xianju Pharmaceuticals Co., ltd Địa chỉ: No. 3 Donghai Fourth Avenue, Duqiao Medical Industry Zone, Linhai, Zhejiang, China
2003	Robnedril	VD-18707-13	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7197/TĐTN	22/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Methyl prednisolol (MiV-N6)	USP 32	USP 43
2004	Robnedril	VD-18708-13	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7195/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Methyl prednisolol (MiV-N3)	Zhejiang Xianju Pharmaceuticals Co., ltd Địa chỉ: No. 1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	Zhejiang Xianju Pharmaceuticals Co., ltd Địa chỉ: No. 3 Donghai Fourth Avenue, Duqiao Medical Industry Zone, Linhai, Zhejiang, China
2005	Robnedril	VD-18708-13	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7195/TĐTN	22/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Methyl prednisolon (MiV-N6)	USP 32	USP 43
2006	Usclovir 800	VD-29576-18	Công ty TNHH Dược phẩm Bamboo	Công ty Cổ phần US Pharma USA	252/TĐTN	09/02/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Acyclovir (MiV-N6)	USP 38	USP 43
2007	Abvaceff 200	VD-28367-17	Công ty Cổ phần USPharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7598/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefpodoxim (MiV-N6)	USP 38	USP 43
2008	Uscadidroxyl 250	VD-19751-13	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7191/TĐTN	29/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty TNHH US Pharma USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công ty Cổ phần US Pharma USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

2009	Usnadol Extra	VD-34852-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7604/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất (MiV-N3)	1. Paracetamol: Anqiu LuAn Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No. 35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China, Post Code 262100 2, Guaifenesin: Pan Drugs Limited Địa chỉ: 167-168 GIDC Industrial Estate, Nandesari - 391340, Gujarat, India 3, Phenylephrin hydrochloride: Divi's Laboratories Limited Địa chỉ: Unit II, Chippada Village, Annavaram Post, Bheemunipatnam Mandal, Visakhapatnam Dist, Andhra Pradesh - 531 162, India	1. Paracetamol: Anqiu LuAn Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No. 35 Weixu North Road, Xinan Subdistrict Anqiu, Weifang City, Shandong Province, Post code: 262100, China. 2, Guaifenesin: Pan Drugs Limited Địa chỉ: Plot No 167-168 G.I.D.C Nandesari Industrial Estate, Vadodara - 391340, Dist, - Vadodara, India. 3, Phenylephrin hydrochloride: Divi's Laboratories Limited Địa chỉ: Unit II, Annavaram (Post), Chippada (V), Bheemunipatnam (M), Visakhapatnam District - 531 162, Andhra Pradesh, India
2010	Tendipoxim 200	VD-17897-12	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7384/TĐTN	29/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefpodoxim proxetil (MiV-N6)	USP 32	USP 43
2011	Cefdinir 125-HV	VD-20603-14	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn	Công ty Cổ phần US Pharma USA	6733/TĐTN	23/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefdinir (MiV-N6)	JP XIV	JP XVII
2012	Bufecol 100 Effe Sachets	VD-32561-19	Công ty CP Dược VTYT Hà Nam	Công ty CP Dược VTYT Hà Nam	6690/TĐTN	01/12/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất Ibuprofen (MiV-N3)	Hubei Granules-Biocause Pharmaceutical Co., Ltd	Hubei Biocause Heilen Pharmaceutical Co., Ltd
2013	Tabracef 300 cap	VD-32738-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	6544/TĐTN	01/10/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cefdinir (MiV-N3)	Covalent Laboratories Private Limited Địa chỉ: Survey No. 374, Guandla Machanor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist - 502296, Telangana, India	Covalent Laboratories Private Limited Địa chỉ: Survey. 374, Guandla Machanoor, Sangareddy Dist, Telangana, India - 502296, Gundla Machnur Village, Hathnoor Mandal, Sangareddy District, Pincode 502296, Telangana state, India
2014	Uspasmyl	VD-30193-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	6582/TĐTN	01/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất (MiV-N6)	1. Simethicon: USP 38 2. Alverine citrate: EP8.0	1. Simethicon: USP 43 2. Alverine citrate: EP10.0
2015	Cefditoren 200	VD-35174-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	Công ty Cổ phần US Pharma USA	6540/TĐTN	19/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefditoren Pivoxil (MiV-N6)	JP XIV	JP XVIII
2016	Cefditoren 400	VD-35175-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	Công ty Cổ phần US Pharma USA	6783/TĐTN	19/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefditoren Pivoxil (MiV-N6)	JP XIV	JP XVIII
2017	Azithromycin	VD-36214-22	Công ty Cổ phần Dược VTYT Thái Bình	Công ty Cổ phần Dược VTYT Thái Bình	144/TĐTN	01/02/2023	Cập nhật tiêu chuẩn thuốc thành phẩm (MiV-N6)	DĐVN IV	DĐVN V
2018	Cadifaxin 750	VD-32256-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	262/TĐTN	16/02/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cephalexin monohydrat (MiV-N6)	USP 37	USP 2021
2019	Cadicefdin 125	VD-32703-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	283/TĐTN	16/02/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefdinir (MiV-N6)	USP 38	USP 43
2020	Goldampill 125	VD-21033-14	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA	6616/TĐTN	09/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefdinir (MiV-N6)	JP XIV	JP XVII
2021	Kidfacef 125	VD-33030-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	6464/TĐTN	29/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefdinir (MiV-N6)	USP 40	USP 43
2022	Meloxboston 7.5	VD-35173-21	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	6972/TĐTN	21/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1); Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
2023	Omeraz 20 tab	VD-35343-21	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	6972/TĐTN	21/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1); Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

2024	Meloxboston 15	VD-35729-22	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	6972/TĐTN	21/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1); Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
2025	Bostoserc 8	VD-35798-22	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	6972/TĐTN	21/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1); Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
2026	Nexipraz 40 Tab	VD-35800-22	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	6972/TĐTN	21/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1); Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
2027	Vitar B6	VD-35804-22	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	6972/TĐTN	21/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1); Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
2028	Usnadol 650	VD-33807-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7388/TĐTN	29/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Paracetamol: (MiV-N3)	Anqiu Lu'an Century Pharmaceuticals Limited Địa chỉ: No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	Anqiu Lu'an Century Pharmaceuticals Limited Địa chỉ: No.35 Weixu North Road, Anqiu, Xinan Subdistrict Anqiu, Weifang City, Shandong Province Post code: 262100, China
2029	Usnadol 650	VD-33807-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7388/TĐTN	29/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Paracetamol: (MiV-N6)	BP 2018	BP 2022
2030	Cefpodoxim 100-CGP	VD-32477-19	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7602/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefpodoxim proxetil (MiV-N6)	USP 38	USP 43
2031	Cefixim 400-CGP	VD-21583-14	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7606/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cefixim (MiV-N3)	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd. Địa chỉ: Sidco Ind Estate, Alathur 603110 India	Orchid Pharma Limited Địa chỉ: Plot No. 121-128, 128A-133, 138 - 151 & 159 - 164, Sidco Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District - 603110, India
2032	Topfixim 200	VD-34030-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7608/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cefixim (MiV-N3)	Covalent Laboratories Private Limited Địa chỉ: Survay No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist-502 296, Telangana, India	Covalent Laboratories Private Limited Địa chỉ: Survey. 374, Guandla Machanoor, Sangareddy Dist, Telangana, India - 502296, Gundla Machnur Village, Hathnoor Mandal, Sangareddy District, Pincode 502296, Telangana state, India
2033	Cadiflex 500	VD-29561-18	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7610/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Glucosamin sulfat (MiV-N6)	USP 38	USP 43
2034	Cadicefpo 100	VD-27635-17	Công ty TNHH Dược phẩm Alaska Pharma U.S.A	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7593/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefpodoxime proxetil (MiV-N6)	USP 38	USP 43
2035	Diacerein 50-HV	VD-20604-14	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7691/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Diacerein (MiV-N3)	Ami Lifesciences Pvt. Ltd Địa chỉ: Tal: Padra, Dis Baroda, Gujarat, India	Ami Lifesciences Pvt. Ltd Địa chỉ: Block No. 82/B, ECP Road, At & Post, Karakhadi, Tal. - Padra, City - Karakhadi - 391 450 Dist. - Vadodara, Gujarat State, India
2036	Cadicefpo 100	VD-27635-17	Công ty TNHH Dược phẩm Alaska Pharma U.S.A	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7590/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefpodoxime proxetil (MiV-N6)	USP 38	USP 43
2037	Robnadol	VD-24056-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7682/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9); Thay đổi tên và địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	1. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty TNHH US Pharma USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam 2. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty TNHH US Pharma USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	1. Tên và địa chỉ cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần US Pharma USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh 2. Tên và địa chỉ sản xuất thuốc thành phẩm: Công ty Cổ phần US Pharma USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

2038	Cevocame Cold & Flu	VD-33802-19	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7659/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Paracetamol (Miv-N6)	BP 2015	BP 2022
2039	Cevocame Cold & Flu	VD-33802-19	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7659/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Paracetamol (MiV-N3)	Anqiu Lu'an Century Pharmaceuticals Limited Địa chỉ: No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	Anqiu Lu'an Century Pharmaceuticals Limited Địa chỉ: No.35 Weixu North Road, Anqiu, Xinan Subdistrict Anqiu, Weifang City, Shandong Province Post code: 262100, China
2040	Cevocame Cold & Flu	VD-33802-19	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7659/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Guaifenesin (Miv-N6)	USP 39	USP 43
2041	Cevocame Cold & Flu	VD-33802-19	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7659/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Guaifenesin (MiV-N3)	Pan Drugs Limited Địa chỉ: 167-168 GIDC Industrial Estate, Nandesari - 391340, Gujarat, India	Pan Drugs Limited Địa chỉ: Plot No 167-168, G.I.D.C, Nandesari Industrial Estate, Vadodara- 391 340, Dist.-Vadodara, India
2042	Cevocame Cold & Flu	VD-33802-19	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7659/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Dextromethorphan Hydrobromid (MiV-N6)	USP 38	USP 43
2043	Cevocame Cold & Flu	VD-33802-19	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7659/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Phenylephrin hydrochlorid (MiV-N6)	USP 38	USP 43
2044	Cevocame Cold & Flu	VD-33802-19	Công ty Cổ phần US Pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7659/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Phenylephrin hydrochlorid (MiV-N3)	Divi's Laboratories Limited Địa chỉ: Unit II, Chippada Village, Annavaram Post, Bheemunipatnam Mandal,Visakhaphatnam Dist, Andhra Pradesh - 531 162, India	Divi's Laboratories Limited Địa chỉ: Unit-2, Annavaram (Post), Chippada Village Bheemunipatnam Mandal,Visakhaphatnam District - 531 162, Andhra Pradesh, India
2045	Roblotidin	VD-23396-15	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7653/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Loratadin (MiV-N3)	Vasudha Pharma Chem Limited Địa chỉ: Unit-II, Plot No.79, Jawaharlal Nehru Pharma City, Parawada, Visakhapatnam - 531 019	Vasudha Pharma Chem Limited Địa chỉ: Unit-II, Plot No.79, Jawaharlal Nehru Pharmacity, Thanam Village, Parawada Mandal, Visakhapatnam District - 531 019, Andhra Pradesh, India
2046	Roblotidin	VD-23396-15	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7653/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Loratadin (Miv-N6)	USP 34	USP 43
2047	Roblotidin	VD-23396-15	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7653/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty TNHH US Pharma USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công ty Cổ phần US Pharma USA Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
2048	Doximpak 100 tab	VD-21588-14	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7696/TĐTN	30/12/2022	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất Cefpodoxim proxetil (MiV-N3)	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd. Địa chỉ: Sidco Ind Estate, Alathur 603110 India	Orchid Pharma Limited Địa chỉ: Plot No. 121-128, 128A-133, 138 - 151 & 159 - 164, Sidco Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District - 603110, India
2049	Doximpak 100 tab	VD-21588-14	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn	Công ty Cổ phần US Pharma USA	7696/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefpodoxim proxetil (MiV-N6)	USP 34	USP 43
2050	Bezolca	VD-34393-20	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Công ty Cổ phần US Pharma USA	255/TĐTN	16/02/2023	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Albendazole (MiV-N6)	USP 40	USP 43
2051	SOLUBOSTON 20	VD-32505-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1506/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược Povidon K30 (MiV-N2)	Cellmark Chemicals Shanghai Co., Ltd Địa chỉ: Ocean Towers, 550 Yan'an Road (E), Huang Pu Dist, Shanghai 200001, China	ISP Chemicals LLC Affiliate of Ashland Địa chỉ: 455 N. Main St. (HWY 95), Calvert City KY 42029, USA
2052	SOLUBOSTON 20	VD-32505-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1506/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược Crospovidon (MiV-N2)	Basf South East Asia Pte.LTd Địa chỉ: Carl – Bosch – Str.38 67856 Ludwighafen, Germany	1. BASF SE Địa chỉ: Carl-Bosch-Straße 38, 67056 Ludwigshafen, Germany 2. ISP Chemicals LLC Affiliate of Ashland Địa chỉ: 455 N. Main St. (HWY 95), Calvert City KY 42029, USA

2053	SOLUBOSTON 20	VD-32505-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1506/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược Magnesi stearat (MiV-N2)	Cellmark Chemicals Shanghai Co., Ltd Địa chỉ: Ocean Towers, 550 Yan'an Road (E), Huang Pu Dist, Shanghai 200001, China	Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd Địa chỉ: No. 12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui, China
2054	SOLUBOSTON 20	VD-32505-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1506/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược Sucralose (MiV-N2)	Qingdao Singsino Group Limited Địa chỉ: 2201, Building A.Guohua Tower, No.2 Minjiang Road, Qingdao 266071 P.R.China	Shijiazhuang Shixing Amino Acid Co., Ltd. Địa chỉ: Jiacun, Xing'an, Industrial Zone, Gaocheng City, Hebei Province, P. R. China
2055	SOLUBOSTON 20	VD-32505-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1506/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược Ethanol tuyệt đối (MiV-N2)	Công ty TNHH SX & TM Khả Doanh Địa chỉ: 9/27 Phạm Văn Hai, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược phẩm OPC Bình Dương Địa chỉ: Số 09A/ĐX04, Tổ 7, Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
2056	SOLUBOSTON 20	VD-32505-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1506/TĐTN	28/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược (MiV-N6)	1. Mannitol: EP 8.0 2. Povidon K30: USP 38 3. Crospovidon: EP 8.0 4. Magnesi stearat: BP 2014 5. Sucralose: USP 38 6. Ethanol tuyệt đối: DĐVN IV	1. Mannitol: EP 10.6 2. Povidon K30: USP 2021 3. Crospovidon: EP 10.6 4. Magnesi stearat: BP 2021 5. Sucralose: USP 2022 6. Ethanol tuyệt đối: DĐVN V
2057	BOSTACET	VD-31605-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1507/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược Cellulose vi tinh thể type 101 (MiV-N2)	Blanver Farmoquimica LTDA- Brazil Địa chỉ: Rua Dr. José Alexandre Crosgnac, 715 - CEP: 06680- 035- Itape	1. Itacel Farmoquímica Ltda. Địa chỉ: Rua Dr. Jose Alexandre Crosgnac, 645 - Vila Santa Flora - Itapevi - SPcep 06680-035, Brazil 2. Crest Cellulose Private Limited Địa chỉ: Plot No.: 12 & 13, APIIC Industrial Park, Menakuru Village, Naidupet Mandal, SPSR Nellore District-524421, Andhra Pradesh, India 3. Rettenmaier Natural Fiber Manufacturing (Changzhou) Co., Ltd Địa chỉ: 12 Changfan Road, Jiangsu Wujin Economic Development Zone, Changzhou City, 213146, Jiangsu Province, P.R. China
2058	BOSTACET	VD-31605-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1507/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược Pregelatinized starch (MiV-N2)	Erawan Pharmaceutical Resecrch and Laboratory Co., Ltd Địa chỉ: 494/15 – 16 Soi Vanich 1, Songward Road, Sumpanthawong, Bangkok 10100, Thailand	1. DFE Pharma GmbH & Co. KG Địa chỉ: Klever Strasse 187, 47574 Goch, Germany 2. Colorcon Địa chỉ: 3702 East 21st Street Indianapolis, IN 46218, United States
2059	BOSTACET	VD-31605-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1507/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược Natri starch glycolat (MiV-N2)	Blanver Farmoquimica LTDA- Brazil Địa chỉ: Rua Dr. José Alexandre Crosgnac, 715 - CEP: 06680- 035- Itapevi - SP	1. Itacel Farmoquímica Ltda. Địa chỉ: Rua Dr. Jose Alexandre Crosgnac, 645 - Vila Santa Flora - Itapevi - SPcep 06680-035, Brazil 2. Roquette Freres Địa chỉ: 1, rue de la Haute Loge, 62136 Lestrem, France
2060	BOSTACET	VD-31605-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1507/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược Magnesi stearat (MiV-N2)	CellMart Chemicals_China Địa chỉ: 550 Yan'an Road (E), Huang Pu District, Shanghai 200001, P.R , China	Anhui Sunhere Pharmaceutical Excipients Co., Ltd Địa chỉ: No. 12 Yong Xing Road, Economic and Technological Developing Zone, Huainan Anhui, China
2061	BOSTACET	VD-31605-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1507/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược Silicon dioxyd: (MiV-N2)	Cabot Corporation Địa chỉ: Interleuvenlaan 15i Leuven 3001 BELGIUM	Cabot GmbH Địa chỉ: Kronenstrasse 2, D - 79618 Rheinfelden, Germany
2062	BOSTACET	VD-31605-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1507/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất tá dược Cellulose vi tinh thể type 101 (MiV-N3)	Blanver Farmoquimica LTDA- Brazil Địa chỉ: Rua Dr. José Alexandre Crosgnac, 715 - CEP: 06680- 035- Itapevi - SP	Itacel Farmoquímica Ltda. Địa chỉ: Rua Dr. Jose Alexandre Crosgnac, 645 - Vila Santa Flora - Itapevi - SPcep 06680-035, Brazil
2063	BOSTACET	VD-31605-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1507/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất tá dược Natri starch glycolat (MiV-N3)	Blanver Farmoquimica LTDA- Brazil Địa chỉ: Rua Dr. José Alexandre Crosgnac, 715 - CEP: 06680- 035- Itapevi - SP	Itacel Farmoquímica Ltda. Địa chỉ: Rua Dr. Jose Alexandre Crosgnac, 645 - Vila Santa Flora - Itapevi - SPcep 06680-035, Brazil
2064	BOSTACET	VD-31605-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1507/TĐTN	28/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ cơ sở sản xuất tá dược Nước tinh khiết (MiV-N3)	Công ty CPDP Boston Việt Nam Địa chỉ: 43 đường số 8, KCN Việt Nam – Singapore, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam Địa chỉ: Số 43, đường số 8, KCN Việt Nam - Singrapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
2065	BOSTACET	VD-31605-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam	1507/TĐTN	28/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	- Tramadol hydroclorid: EP 8.0 - Silicon dioxyd: USP 38 - Tiêu chuẩn Natri starch glycolat: USP 38 - Tiêu chuẩn Magnesi stearat: BP 2014	- Tramadol hydroclorid: EP 10.8 - Silicon dioxyd: USP 2022 - Natri starch glycolat: USP 2021 - Magnesi stearat: BP 2021
2066	Haxidia 10	893110005023	Công ty cổ phần Global Pharmaceutical	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	1134/TĐTN	14/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1)	6/7 đường số 3, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM.	Số 5 Đường 59B, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2067	Zibreno 5	VD-33534-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	1250/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng thuốc thành phẩm, dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	- Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 41 - Lactose monohydrat: EP 9.0 - Cellulose vi tinh thể 102: EP 9.0 - Silic dioxyd keo: EP 9.0 - Magnesi stearat: USP 40 - Hydroxypropyl methylcellulose 6cps: USP 40 - Polyethylen glycol 6000: EP 9.0 - Talc: USP 40 - Titan dioxyd: EP 9.0 - Nước tinh khiết: EP 9.0	- Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022 - Lactose monohydrat: EP 10.0 - Cellulose vi tinh thể 102: EP 10.0 - Silic dioxyd keo: EP 10.0 - Magnesi stearat: USP 43 - Hydroxypropyl methylcellulose 6cps: USP 43 - Polyethylen glycol 6000: EP 10.0 - Talc: USP 2021 - Titan dioxyd: EP 10.0 - Nước tinh khiết: EP 10.0
2068	Zibreno 5	VD-33534-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	1250/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1. Lactose monohydrat: DMV-FONTERRA EXCIPIENTS GMBH & CO.KG Địa chỉ: Noerten-Hardenberg, Germany. 2. Cellulose vi tinh thể 102: DFE PHARMA INDIA LLP Địa chỉ: B-4, Sipcot Complex 607005 Cuddalore, India) 3. Cơ sở sản xuất tá dược Polyethylen glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Werk Marl, Paul-Baumann-Straße 1, D-45772 Marl, Germany. 4. Silic dioxyd keo: EVONIK RESOURCE EFFICIENCY GMBH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany. 5. Hydroxypropyl methylcellulose 6cps: SHANDONG HEAD CO., LTD. Địa chỉ: Zhoucun, Zibo, Shandong, P.R.China. 6. Talc: MONDO MINERAL B.V. Địa chỉ: Amsterdam Operation, The Netherlands.	1. Lactose monohydrat: DFE PHARMA Địa chỉ: Lauenfoerder Strasse 537176 Noerten – Hardenberg, Germany. 2. Cellulose vi tinh thể 102: DFE PHARMA INDIA PRIVATE LIMITED Địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore – 607 005, Tamil Nadu, India. 3. Polyethylen glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Paul-Baumann-Str.1, 45772 Marl, Germany. 4. Silic dioxyd keo: EVONIK OPERATIONS GMBH Địa chỉ: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany. 5. Hydroxypropyl methylcellulose 6cps: SHANDONG HEAD GROUP CO., LTD Địa chỉ: No. 999, Heda Road, Zhoucun District, Zibo City, Shandong Province, P.R.China. 6. Talc: ELEMENTIS MINERALS B.V. Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR, AMSTERDAM, The Netherlands.
2069	SaVi Donepezil 5	VD-33531-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	981/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng thuốc thành phẩm, dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	- Donepezil hydroclorid monohydrat: USP 40 - Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 39 - Cellulose vi tinh thể 102: EP 9.0 - Hypromellose 606: USP 40 - Talc: USP 40 - Tinh bột biến tính: EP 9.0 - Lactose monohydrat 100 mesh: EP 9.0 -Silic dioxyd keo: EP 9.0 - Magnesi stearat: USP 40 - Polyethylen glycol 6000: EP 9.0 - Titan dioxyd: EP 9.0 - Nước tinh khiết: EP 9.0	- Donepezil hydroclorid monohydrat: USP 2022 - Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022 - Cellulose vi tinh thể 102: EP 10.0 - Hypromellose 606: USP 43 - Talc: USP 2021 - Tinh bột biến tính: EP 10.0 - Lactose monohydrat 100 mesh: EP 10.0 -Silic dioxyd keo: EP 10.0 - Magnesi stearat: USP 43 - Polyethylen glycol 6000: EP 10.0 - Titan dioxyd: EP 10.0 - Nước tinh khiết: EP 10.0
2070	SaVi Donepezil 5	VD-33531-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	981/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Cellulose vi tinh thể 102: MINGTAI CHEMICAL CO., LTD. Địa chỉ: 1142, Shin Hsing Rd, Bah-Der Distric, Taoyuan City, Taiwan, R.O.C. 2. Hypromellose 606: HUZHOU ZHANWANG PHARMACEUTICAL CO., LTD. Địa chỉ: No.2185 W. Hong feng Rd, Huzhou, Zhejiang, China) 3. Talc: IMERYS TALC Địa chỉ: 09250 Luzenac, France	1. Cellulose vi tinh thể 102: DFE PHARMA INDIA PRIVATE LIMITED Địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore – 607 005, Tamil Nadu, India. 2. Hypromellose 606: SHANDONG HEAD GROUP CO., LTD. Địa chỉ: No.999, Heda Road, Zhoucun District, Zibo City, Shandong Province, P.R.China 3. Talc: ELEMENTIS MINERALS B.V. Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR, Amsterdam, The Netherlands.
2071	SaVi Donepezil 5	VD-33531-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	981/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1. Tinh bột biến tính: COLORCON Địa chỉ: 3702 E. 21st Street, Indianapolis, IN, USA. 2. Lactose monohydrat 100 mesh: DFE PHARMA Địa chỉ: DMV-Fonterra Excipients GmbH & Co.KG, Noerten-Hardenberg, Germany. 3. Silic dioxyd keo: EVONIK RESOURE EFFICIENCE GMBH Địa chỉ: Rellinghauser Str.1-11, 45128 Essen, Germany. 4. Magnesi stearat: NITIKA PHARMACEUTICAL SPECIALITIES PVT. LTD. Địa chỉ: 85, Pili Nadi Industrial Area, Kamptee Road, Nagpur (India)-440026. 5. Polyethylen glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Werk Marl Paul-Baumann-Straße 1, D-45772 Marl, Germany 6. Titan dioxyd: PRECHEZ Địa chỉ: Nábř. Dr. Edvarda. Beneše 1170/24, 750 02 Přerov, Czech Republic.	1. Tinh bột biến tính: COLORCON, INC. – INDIANAPOLIS, IN Địa chỉ: 3702 East 21st Street, Indianapolis, IN 46218 United States. 2. Lactose monohydrat 100 mesh: DFE PHARMA Địa chỉ: Lauenfoerder Strasse 5, 37176 Noerten-Hardenberg, Germany. 3. Silic dioxyd keo: EVONIK OPERATIONS GMBH Địa chỉ: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany. 4. Magnesi stearat: NITIKA PHARMACEUTICAL SPECIALITIES PVT. LTD. Địa chỉ: Block No. 03 of Plot No. 1296, 1297/08, Ward No. 03, Mouza-Waddhamana, Tah-Hingna, Amravati Road, Nagpur-440023, India. 5. Polyethylen glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Paul-Baumann-Str. 1, 45772 Marl, Germany. 6. Titan dioxyd: PRECHEZA A.S Địa chỉ: Nábř. Dr. Edvarda. Beneše 1170/24, 750 02 Přerov, Czech Republic.

2072	SaVi Lora 10	VD-33532-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	982/TĐTN	21/03/2023	Bổ bớt cơ sở sản xuất của dược chất loratadin (MiV-N4)	1. CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED Địa chỉ: 294, G.I.D.C., Estate, Ankleshwar – 393 002, Gujarat, India. 2. VASUDHA PHARMA CHEM LIMITED Địa chỉ: 78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad-38, India.	VASUDHA PHARMA CHEM LIMITED Địa chỉ: 78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad-38, India)
2073	SaVi Lora 10	VD-33532-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	982/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng thuốc thành phẩm, dược chất và tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	- Loratadine: USP 41 - Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 41 - Sodium starch glycolate: EP 9.0 - Microcrystalline cellulose M102: EP 9.0 - Lactose monohydrate: EP 9.0 - Colloidal silicon dioxide: EP 9.0 - Magnesium stearate: USP 40 - Hydroxypropyl methylcellulose 6 cps: USP 40 - Polyethylene glycol 6000: EP 9.0 - Talc: USP 40 - Titanium dioxide: EP 9.0 - Nước tinh khiết: EP 9.0	- Loratadine: USP 2022 - Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2022 - Sodium starch glycolate: EP 10.0 - Microcrystalline cellulose M102: EP 10.0 - Lactose monohydrate: EP 10.0 - Colloidal silicon dioxide: EP 10.0 - Magnesium stearate: USP 43 - Hydroxypropyl methylcellulose 6 cps: USP 43 - Polyethylene glycol 6000: EP 10.0 - Talc: USP 2021 - Titanium dioxide: EP 10.0 - Nước tinh khiết: EP 11.0
2074	SaVi Lora 10	VD-33532-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	982/TĐTN	21/03/2023	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1. Colloidal silicon dioxide: EVONIK RESOURCE EFFICIENCY GMBH Địa chỉ: Rellinghauser Str.1-11, 45128 Essen Germany. 2. Talc: MONDO MINERALS B.V Địa chỉ: Amsterdam Operation, The Netherlands. 3. Sodium starch glycolate: DMV-FONTERRA EXCIPIENTS B.V Địa chỉ: (Avebe-weg 1, 9607 PT Foxhol, The Netherlands. 4. Microcrystalline cellulose M102: DFE PHARMA INDIA LLP Địa chỉ: B-4, Sipcot Complex, 607005 Cuddalore India. 5. Lactose monohydrate: DMV-FONTERRA EXCIPIENTS GMBH & CO. KG Địa chỉ: Lauenförde Strasse 5, 37176 Nörten Hardenberg, Germany. 6. Hydroxypropyl methylcellulose 6 cps: SANGDONG HEAD CO.,LTD Địa chỉ: Zhoucun, Zibo, Shandong P.R. China. 7. Polyethylene glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Werk Marl, Paul-Baumann-Straße 1, D-45772 Marl, Germany.	1. Colloidal silicon dioxide: EVONIK OPERATIONS GMBH Địa chỉ: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany. 2. Talc: ELEMENTIS MINERALS B.V. Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR, AMSTERDAM, The Netherlands) 3. Sodium starch glycolate: DFE PHARMA B.V. Địa chỉ: Avebeweg 3, 9607 PT Foxhol, The Netherlands. 4. Microcrystalline cellulose M102: DFE PHARMA INDIA PRIVATE LIMITED Địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore – 607 005, Tamil Nadu, India. 5. Lactose monohydrate: DFE PHARMA Địa chỉ: Lauenfoerder Strasse 5, 37176 Noerten – Hardenberg, Germany. 6. Hydroxypropyl methylcellulose 6 cps: SHANDONG HEAD GROUP CO., LTD Địa chỉ: No. 999, Heda Road, Zhoucun District, Zibo City, Shandong Province, P.R.China. 7. Polyethylene glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Paul-Baumann-Str.1, 45772 Marl, Germany.
2075	Mebeverin 125	VD-34635-20	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG Địa chỉ: 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG – Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang. Địa chỉ: Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	494/TĐTN	20/02/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Lactose monohydrat (MiV-N2)	1. DMV Fonterra Excipients GmbH & Co. KG Địa chỉ: Headquarter: Klever Strasse 187, P.O, Box 20 21 20, 47568 Goch, Germany. Nơi sản xuất: - FrieslandCampina DMV B.V. N.C.B.laan 80, 5462 GE Veghel, The Netherlands - Fonterra Limited, Kaponga, New Zealand 2. Molkerei Meggle Wasserburg GmbH & Co. KG Địa chỉ: Megglestr. 6-12 83512 Wasserburg, Germany. Tiêu chuẩn: EP phiên bản hiện hành (EP 11)	Cơ sở đặt gia công: Meggle USA, Inc Địa chỉ: 592 Route 22, suite 2B, Pawling, NY 12564 Cơ sở nhận gia công: Agropur inc., Địa chỉ: 719 North Main Street, Le Sueur, MN 56058, USA. Tiêu chuẩn: EP phiên bản hiện hành (EP 11)
2076	Scanneuron	VD-22677-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6020/TĐTN	11/01/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược tinh bột natri glycolat (MiV-N2)	Roquette Freres Địa chỉ: 1, Rue De La Haute Loge, 62136 Lestrem, France) Tiêu chuẩn: EP 10.0	CHP Carbohydrate Pirna GmbH & Co. KG (JRS PHARMA GmbH & Co. KG) Địa chỉ: Lohmener Strasse 12, 01796 Pirna, Germany Tiêu chuẩn: EP 10.0
2077	Scanneuron-Forte	VD-22013-14	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6020/TĐTN	11/01/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược tinh bột natri glycolat (MiV-N2)	Roquette Freres Địa chỉ: 1, Rue De La Haute Loge, 62136 Lestrem, France) Tiêu chuẩn: EP 10.0	CHP Carbohydrate Pirna GmbH & Co. KG (JRS PHARMA GmbH & Co. KG) Địa chỉ: Lohmener Strasse 12, 01796 Pirna, Germany Tiêu chuẩn: EP 10.0
2078	Stadxicam 15	VD-19694-13	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6021/TĐTN	11/01/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược tinh bột natri glycolat (MiV-N2)	Roquette Freres Địa chỉ: 1, Rue De La Haute Loge, 62136 Lestrem, France) Tiêu chuẩn: EP 10.0	CHP Carbohydrate Pirna GmbH & Co. KG (JRS PHARMA GmbH & Co. KG) Địa chỉ: Lohmener Strasse 12, 01796 Pirna, Germany Tiêu chuẩn: EP 10.0
2079	Stadxicam 7.5	VD-21109-14	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6021/TĐTN	11/01/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược tinh bột natri glycolat (MiV-N2)	Roquette Freres Địa chỉ: 1, Rue De La Haute Loge, 62136 Lestrem, France) Tiêu chuẩn: EP 10.0	CHP Carbohydrate Pirna GmbH & Co. KG (JRS PHARMA GmbH & Co. KG) Địa chỉ: Lohmener Strasse 12, 01796 Pirna, Germany Tiêu chuẩn: EP 10.0

2080	Telmisartan STELLA 40 mg	VD-26569-17	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6022/TĐTN	11/01/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược natri hydroxyd (MiV-N2)	Guangdong Guanghua Sci-Tech Co, Ltd. Địa chỉ: No.295, Daxue Road, Shantou, GuangDong, China 515061) Tiêu chuẩn: EP 10.0	PanReac Química S.L.U. Địa chỉ: C/Garraf, 2, Polígono Pla de la Bruguera, E-08211 Castellar del Vallès, (Barcelona) España) Tiêu chuẩn: EP 10.0
2081	Telmisartan STELLA 80 mg	VD-25484-16	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	6022/TĐTN	11/01/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược tinh bột natri glycolat (MiV-N2)	Roquette Freres Địa chỉ: 1, Rue De La Haute Loge, 62136 Lestrem, France) Tiêu chuẩn: EP 10.0	CHP Carbohydrate Pirna GmbH & Co. KG (JRS PHARMA GmbH & Co. KG) Địa chỉ: Lohmener Strasse 12, 01796 Pirna, Germany Tiêu chuẩn: EP 10.0
2082	Azicine 500	VD-33095-19	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	7505/TĐTN	27/12/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược povidon K90 (MiV-N2)	BASF SE Địa chỉ: Carl - Bosch - Str. 38 67056 Ludwigshafen, Germany Tiêu chuẩn: EP 10.6	ISP Chemicals LLC (Affiliate of Ashland) Địa chỉ: 455 N. Main St. (Hwy 95), Calvert City, KY 42029, USA Tiêu chuẩn: EP 10.6
2083	Flucoldstad	VD-18109-12	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	7505/TĐTN	27/12/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược povidon K90 (MiV-N2)	BASF SE Địa chỉ: Carl - Bosch - Str. 38 67056 Ludwigshafen, Germany Tiêu chuẩn: EP 10.6	ISP Chemicals LLC (Affiliate of Ashland) Địa chỉ: 455 N. Main St. (Hwy 95), Calvert City, KY 42029, USA Tiêu chuẩn: EP 10.6
2084	Magne-B6 STELLA	VD-23355-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	7505/TĐTN	27/12/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược povidon K90 (MiV-N2)	BASF SE Địa chỉ: Carl - Bosch - Str. 38 67056 Ludwigshafen, Germany Tiêu chuẩn: EP 10.6	ISP Chemicals LLC (Affiliate of Ashland) Địa chỉ: 455 N. Main St. (Hwy 95), Calvert City, KY 42029, USA Tiêu chuẩn: EP 10.6
2085	Partamol Tab.	VD-23978-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	7505/TĐTN	27/12/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược povidon K90 (MiV-N2)	BASF SE Địa chỉ: Carl - Bosch - Str. 38 67056 Ludwigshafen, Germany Tiêu chuẩn: EP 10.6	ISP Chemicals LLC (Affiliate of Ashland) Địa chỉ: 455 N. Main St. (Hwy 95), Calvert City, KY 42029, USA Tiêu chuẩn: EP 10.6
2086	Ultradol	VD-22007-14	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	7505/TĐTN	27/12/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược povidon K90 (MiV-N2)	BASF SE Địa chỉ: Carl - Bosch - Str. 38 67056 Ludwigshafen, Germany Tiêu chuẩn: EP 10.6	ISP Chemicals LLC (Affiliate of Ashland) Địa chỉ: 455 N. Main St. (Hwy 95), Calvert City, KY 42029, USA Tiêu chuẩn: EP 10.6
2087	Fexodinefast 180	VD-34226-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	225/TĐTN	16/02/2023	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Hypromellose 615 (MiV-N2)	DOW CHEMICAL COMPANY Địa chỉ: PLAQUEM Methocel Near Plant WH, United States	JRS Pharma Địa chỉ: Freiberger Straße 7, 09600 Weißenborn/Erzgebirge, Germany.
2088	Eltium 50	VD-29522-18	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	492/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi địa chỉ nhà sản xuất dược chất Itoprid hydrochlorid (MiV-N3)	Ami Lifesciences Pvt. Ltd Địa chỉ: Block No. 82/B, ECP Road, At & PO. Karakhadi – 391 450, Tal. Padra, Dist. Baroda, Gujarat, India.	Ami Lifesciences Pvt. Ltd - Địa chỉ trên phiếu kiểm nghiệm(*): Block No. 82/B, ECP Road, At &Post: Karakhadi-391 450, Taluka: Padra, District: Vadodara, Gujarat, India. - Địa chỉ trên GMP(*): Block No. 82/B, ECP Road, At & Post. Karakhadi, Tal. – Padra, City –Karakhadi – 391 450 Dist. –Vadodara Gujarat State, India * Địa chỉ kê khai trên phiếu kiểm nghiệm và GMP là của cùng một địa điểm, chỉ khác nhau cách ghi
2089	Haginir 125	VD-27558-17	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	7423/TĐTN	28/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn dược chất Cefdinir (MiV-N6)	USP 43	USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022)
2090	Haginir 125	VD-27558-17	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	7423/TĐTN	28/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Cefdinir (MiV-N3)	Covalent Laboratories Private Limited Địa chỉ: Survey No.374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist – 502 296. Telangana, India.	Covalent Laboratories Private Limited Địa chỉ: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Sangareddy Dist – 502 296, Telangana, India.

2091	Haginir 125	VD-27558-17	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	7423/TĐTN	28/12/2022	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	I. Aspartam Nutrasweet. Địa chỉ: 1762 Lovers Lane, Augusta, GA 30901. USA Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022) II. Natri citrat 1. Cofco Biochemical (Anhui) Co, Ltd. Địa chỉ: 73 Daqing Road, Bengbu, Anhui. China. Tiêu chuẩn: BP/USP-NFphiên bản hiện hành (BP2022/USP-NF 2022)	I. Aspartam 1. Ajinomoto Co., Địa chỉ: Tokai Plant, 1730 Hinaga Yokkaichi Mie, Japan. Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022) 2. Xinjiang Suyuan Biological Engineering Co., Ltd. (nhà máy của Changzhou Guanghui Food Ingredients Co., Ltd. Địa chỉ: No.66 Changhong Western Road, Wujin District Changzhou, Jiangsu, China, 213000) Địa chỉ: The South of 6-7 Section, Yingyer Township, Yining, Xinjiang, 835000 P.R. CHINA Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022) II. Natri citrat 1. Cofco Biochemical (Maanshan) Co., Ltd Địa chỉ: Lianhe Road, Maanshan City, Anhui Province, China. Tiêu chuẩn: BP/USP-NF phiên bản hiện hành (BP2022/USP-NF 2022) 2. Canton Laboratories Pvt. Ltd. Plant II: Survey No. 350, Vill. Mujpur, Ta. Padra, Dist. Vadodara - 391 440, India. Tiêu chuẩn: BP phiên bản hiện hành (BP2022)
2092	Haginir 125	VD-27558-17	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	7423/TĐTN	28/12/2022	Thay đổi cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	I. Natri benzoat Noveon Kalama, INC. Địa chỉ: 29400 Lakeland Boulevard Wickliffe, OH 44092. USA. Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022) II. Bột hương cam Givaudan Schweiz AG. Địa chỉ: Ueberlandstrasse 138, 8600 Dübendorf, Switzerland. Tiêu chuẩn: nhà sản xuất III. Acid citric khan Cofco Biochemical (Anhui) Co, Ltd. Địa chỉ: 73 Daqing Road, Bengbu, Anhui, China. Tiêu chuẩn: BP/USP-NF/EP phiên bản hiện hành (BP2022/USP-NF 2022/EP10)	I. Natri benzoat Emerald Kalama Chemical, LLC Địa chỉ: 1296 Third Street N.W.Kalama, Washington, USA, 98625. Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022) II. Bột hương cam PT Givaudan Indonesia Địa chỉ: JL. Raya Bogor KM 35 RT.001 RW.020, Sukamaju Cilodong, Kota Depok, 16415, Indonesia Tiêu chuẩn: nhà sản xuất III. Acid citric khan 1. Jungbunzlauer Austria AG Địa chỉ: Pernhofen, 2064 Wulzeshofen, Austria. Tiêu chuẩn: EP/USP-NF phiên bản hiện hành (EP10/USP-NF 2022) 2. Cofco Bio-chemical Energy (Yushu) Co., Ltd. Địa chỉ: No.1 Dongfeng Avenue, Wukeshu, Economic Development Zone, Changchun City, 130401, PRC (China). Tiêu chuẩn: BP/USP-NF phiên bản hiện hành (BP2022/USP-NF 2022) 3. TTCA Co., Ltd. Địa chỉ: No.27, Xin An Nan Road, Anqiu, Shandong, China. Tiêu chuẩn: BP/EP phiên bản hiện hành (BP2022/EP10)
2093	Haginir 125	VD-27558-17	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	7423/TĐTN	28/12/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	I. Povidon K30 ISP Chemicals LLC Affiliate of Ashland Địa chỉ: 455N.Main St., (Hwy 95) P.O. Box 37, Calvert city, KY 42029, USA. Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022) II. Manitol 60 Roquette Freres Địa chỉ: 1, Rue De La Haute Loge, 62136 Lestrem – France. Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022)	I. Povidon K30 1. ISP Technologies Inc. Affiliate of Ashland Địa chỉ: 4501 Attwater Ave (HWY 146) Texas City, TX 77590, USA 2. JH Nanhang Life Sciences Co.,Ltd. Địa chỉ: No.16 Luyin Road, Hi-Tech Industrial Zone, Quzhou, Zhejiang, 324004 P.R. China. Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022) II. Manitol 60 1. Roquette America Inc. Địa chỉ: 1003 S. 5th Street Keokuk, IA 52632 USA. 2. SPI Pharma Inc Địa chỉ: 1711 Tiles Court, Grand Haven, MI 49417, USA. 3. Cơ sở đặt gia công: SPI Pharma Inc Địa chỉ: 1711 Tiles Court, Grand Haven, MI 49417, USA. Cơ sở nhận gia công: Cargill SRL-DIV Amidi Deriv. Specialita Địa chỉ: Via Cerestar, 1 Castelmassa, RO, Italy. 4. Cargill SRL-DIV Amidi Deriv. Specialita Địa chỉ: Via Cerestar, 1 RO Rovigo I-45035 Castelmassa, Italy. Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022)

2094	BisacodylDHG	VD-21129-14	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	7433/TĐTN	28/12/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N2)	I. Lactose monohydrat DFE Pharma GmbH & Co. KG Nơi sản xuất: - FrieslandCampina DMV B.V. N.C.B.laan 80, 5462 GE Veghel, The Netherlands Tiêu chuẩn: EP phiên bản hiện hành (EP 10) II. Povidon K30 (PVP K30) ISP Chemicals LLC Địa chỉ: 455, N. Main St. (HWY 95) Calvert City, KY 42029, USA Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022)	I. Lactose monohydrat 1. DFE Pharma GmbH & Co. KG Nơi sản xuất: Fonterra Limited Địa chỉ: 879 Manaia Road, Kaponga, New Zealand 2. Cơ sở đặt gia công: Meggle USA, Inc Địa chỉ: 592 Route 22, suite 2B, Pawling, NY 12564 Cơ sở nhận gia công: Agropur inc., Địa chỉ: 719 North Main Street, Le Sueur, MN 56058, USA. Tiêu chuẩn: EP phiên bản hiện hành (EP 10) II. Povidon K30 (PVP K30) JH Nanhang Life Sciences Co., Ltd. Địa chỉ: No.16 Luyin Road, Hi-Tech Industrial Zone, Quzhou, Zhejiang, 324004 P.R. China. Tiêu chuẩn: USP-NF phiên bản hiện hành (USP-NF 2022)
2095	Tamiacin 500mg	VD-23226-15	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco	7162/TĐTN	22/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Vancomycin HCl (MiV-N3)	Livzon Group Fuzhou Fuxing Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: Fuqing Jiangyin Industrial Concentration Zone, Fuzhou, China	Livzon Group Fuzhou Fuxing Pharmaceutical Co., Ltd. Địa chỉ: No.8 Nangang Road, Jiangyin Industrial Concentration Zone, Fuqing, Fuzhou City, Fujian Province, P.R.China
2096	Bepracid Inj. 20mg	VD-20986-14	Công ty Cổ phần Pymepharco	Công ty Cổ phần Pymepharco	739/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Rabeprazol natri (MiV-N3)	Lee Pharma Limited Địa chỉ: Sy No. 10/G-1, Gadda Potharam (Village), Jinnaram (Mandal), Medak (District) Andhra Pradesh, 502319, India	Lee Pharma Limited Địa chỉ: Sy No. 10/G-1, Gaddapotharam Village, Jinnaram (Mandal), Sangareddy (District), Telangana State, 502319, India
2097	SaVi Acarbose 50	VD-21685-14	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	488/TĐTN	16/03/2023	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	- Tinh bột biến tính: EP 9 - Cellulose vi tinh thể 102: EP 9 - Magnesi stearat: USP 40 - Hypromellose 15cps: USP 40 - Hypromellose 6cps: USP 40 - Polyethylen glycol 6000: EP 9 - Titan dioxyd: EP 9 - Nước tinh khiết: EP 9 - Silic dioxyd keo: EP 9 - Talc: USP 40	- Tinh bột biến tính: EP 10.0 - Cellulose vi tinh thể 102: EP 10.0 - Magnesi stearat: USP 43 - Hypromellose 15cps: USP 43 - Hypromellose 6cps: USP 43 - Polyethylen glycol 6000: EP 10.0 - Titan dioxyd: EP 10.0 - Nước tinh khiết: EP 10.0 - Silic dioxyd keo: EP 10.0 - Talc: USP 2021
2098	SaVi Acarbose 50	VD-21685-14	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	488/TĐTN	16/03/2023	Bổ sung nhà sản xuất tá dược (Hypromellose 15cps) (MiV-N2) Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	I. Hypromellose 15cps: THE DOW CHEMICAL COMPANY LTD. Địa chỉ: Plaquemine, LA, USA II. Silic dioxyd keo: EVONIK INDUSTRIES Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, 2040 Antwerpen, Belgium III. Talc: IMERYS TALC Địa chỉ: BP 11- 09250 Luzenac France	I. Hypromellose 15cps: 1. NUTRITION & BIOSCIENCES USA 1, LLC Địa chỉ: 21255 Lousiana Highway 1, Building 4501, Plaquemine, LA, 70765, United States 2. JRS PHARMA Địa chỉ: Freiberger Straße 7, 09600 Weißenborn/Erzgebirge, Germany II. Silic dioxyd keo: EVONIK OPERATIONS GMBH Địa chỉ: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany III. Talc: ELEMENTIS MINERALS B.V. Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR, AMSTERDAM, The Netherlands
2099	SaVi Losartan Plus HCT 50/12.5	VD-20810-14	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	489/TĐTN	16/03/2023	Thay đổi nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	Nhà sản xuất tá dược: 1. Low-hydroxypropyl celulose: SHIN-ETSU CHEMICAL CO., LTD. Địa chỉ: 28-1, Nishifukushima, Kubiki-ku 2. Silic dioxyd keo: EVONIK INDUSTRIES AG Địa chỉ: Tijsmanstunnel West, 2040 Antwerpen, Belgium 3. Talc: IMERYS TALC LUZENAC Địa chỉ: 09250 Luzenac, France 4. Ethanol 96%: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC Địa chỉ: 1017 Hồng Bàng, Quận 6, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nhà sản xuất tá dược: 1. Low-hydroxypropyl celulose: SHANDONG HEAD GROUP CO., LTD Địa chỉ: No. 999, Heda Road, Zhoucun District, Zibo City, Shandong Province, P.R.China 2. Silic dioxyd keo: EVONIK OPERATIONS GMBH Địa chỉ: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany 3. Talc: ELEMENTIS MINERALS B.V. Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR, AMSTERDAM, The Netherlands 4. Ethanol 96%: CÔNG TY TNHH KHẢ DOANH Địa chỉ: 140E Đặng Công Binh, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2100	SaVi Losartan Plus HCT 50/12.5	VD-20810-14	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	489/TĐTN	16/03/2023	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1. Hypromelose 6cps: SHANDONG HEAD CO., LTD. Địa chỉ: Zhoucun, Zibo, Shandong, P.R.China 2. Lactose monohydrat: DMV-FONTERRA EXCIPIENTS GMBH & CO. KG Địa chỉ:Klever Strasse 187, 47574 Goch, Germany 3. Celulose vi tinh thể 102: DFE PHARMA Địa chỉ: No: D4, B4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore – 607005, Tamil Nadu, India 4. Tinh bột biến tính: COLORCON Địa chỉ: 3702 East 21st Street, Indianapolis, IN, USA 5. Polyethylen glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Werk Marl, Paul-Baumann-Straße 1- 45772 Marl, Germany	1. Hypromelose 6cps: SHANDONG HEAD GROUP CO., LTD. Địa chỉ: No. 999, Heda Road, Zhoucun District, Zibo City, Shandong Province, P.R.China 2. Lactose monohydrat: DFE PHARMA Địa chỉ: Lauenfoerder Strasse 5, 37176 Noerten-Hardenberg, Germany 3. Celulose vi tinh thể 102: DFE PHARMA Địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore – 607 005, Tamil Nadu, India 4. Tinh bột biến tính: COLORCON INC. – INDIANAPOLIS, IN Địa chỉ: 3702 East 21st Street, Indianapolis, IN 46218 United States 5. Polyethylen glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Paul-Baumann-Str. 1, 45772 Marl, Germany
2101	Tenofovir disoproxil fumarate 300 mg	VD-33533-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6729/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	- Lactose monohydrat: EP 9.0 - Tinh bột biến tính: EP 9.0 - Natri croscarmellose: EP 9.0 - Magnesi stearat: USP 40 - Nước tinh khiết: EP 9.0 - Cellulose vi tinh thể M101: EP 9.0	- Lactose monohydrat: EP 10.0 - Tinh bột biến tính: EP 10.0 - Natri croscarmellose: EP 10.0 - Magnesi stearat: USP 43 - Nước tinh khiết: EP 10.0 - Cellulose vi tinh thể M101: EP 10.0
2102	Tenofovir disoproxil fumarate 300 mg	VD-33533-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6729/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Cellulose vi tinh thể M101: DMV-FONTERRA EXCIPIENTS GMBH & CO. KG Địa chỉ: Klever Str. 187, 47574 Goch, Germany 2. Màu xanh Opadry AMB: COLORCON Địa chỉ: No. 588 Chundong Road, Xinzhuang Industry Zone, Minhang Shanghai 201108, China	1. Cellulose vi tinh thể M101: DFE PHARMA INDIA PRIVATE LIMITED Địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore – 607 005, Tamil Nadu, India 2. Màu xanh Opadry AMB: COLORCON ASIA PRIVATE LIMITED Địa chỉ: Plot No. M14 to M18, Verna Industrial Estate Verna Goa – 403722, India
2103	Tenofovir disoproxil fumarate 300 mg	VD-33533-19	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6729/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1. Lactose monohydrat: DMV-FONTERRA EXCIPIENTS GMBH & CO. KG Địa chỉ: Klever Str. 187, 47574 Goch, Germany 2. Tinh bột biến tính: COLORCON Địa chỉ: 3702 East 21st Street, Indianapolis, IN, USA 3. Natri croscarmellose: GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: No 292/293, Kalol Mehsana Highway, Nandasan Mahesana, Mehsana – 382705, India 4. Ethanol 96%: CÔNG TY TNHH SX & TM KHÁ DOANH Địa chỉ: 9/27 Phạm Văn Hai, Phường 1, Quận Tân Bình, Việt Nam	1. Lactose monohydrat: DFE PHARMA Địa chỉ: Lauenfoerder Strasse 5 37176 Noerten-Hardenberg, Germany 2. Tinh bột biến tính: COLORCON Địa chỉ: 3702 East 21 st Street, Indianapolis, IN 46218, United States 3. Natri croscarmellose: JRS PHARMA & GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: Unit – 2, Survey No. 292/293, Kalol – Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana–382706, Gujarat, India 4. Ethanol 96%: CÔNG TY TNHH KHÁ DOANH Địa chỉ: 140E Đặng Công Binh, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2104	Fasmat 40	VD3-86-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6730/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi tiêu chuẩn chất lượng tá dược khi cập nhật phiên bản của cùng dược điển (MiV-N6)	- Lactose monohydrate: EP 9.0 - Croscarmellose sodium: EP 9.0 - Hydroxypropyl cellulose: EP 9.0 - Colloidal anhydrous silica: EP 9.0 - Magnesium stearate: USP 40 - Hydroxypropylmethylcellulose 6 cps: USP 40 - Polyethylene glycol 6000: EP 9.0 - Titanium dioxide: EP 9.0 - Talc: USP 40 - Nước tinh khiết: EP 9.0 - Microcrystalline cellulose 102: EP 9.0	- Lactose monohydrate: EP 10.0 - Croscarmellose sodium: EP 10.0 - Hydroxypropyl cellulose: EP 10.0 - Colloidal anhydrous silica: EP 10.0 - Magnesium stearate: USP 43 - Hydroxypropylmethylcellulose 6 cps: USP 43 - Polyethylene glycol 6000: EP 10.0 - Titanium dioxide: EP 10.0 - Talc: USP 2021 - Nước tinh khiết: EP 10.0 - Microcrystalline cellulose 102: EP 10.0
2105	Fasmat 40	VD3-86-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6730/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi nhà sản xuất tá dược (MiV-N2)	1. Microcrystalline cellulose 102: CHEMFIELD CELLULOSICS PVT. LTD. Địa chỉ: Nagpur, India 2. Yellow iron oxide: DYECHEM PVT.LTD. Địa chỉ: 42, M.I.D.C, Dhatav, Roha 402116 Dist. Raigad, Maharashtra, India	1. Microcrystalline cellulose 102: DFE PHARMA INDIA PRIVATE LIMITED Địa chỉ: B-4, Sipcot Industrial Complex, Kudikadu, Cuddalore – 607 005, Tamil Nadu, India 2. Yellow iron oxide: ROHA DYECHEM VIETNAM LTD Địa chỉ: Lot EB9, Road 19A, Group E, Hiep Phuoc Industrial Park, Hiep Phuoc Commune, Nha Be District, Ho Chi Minh City, Vietnam

2106	Fasmat 40	VD3-86-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	6730/TĐTN	14/12/2022	Thay đổi tên và/hoặc địa chỉ của cơ sở sản xuất tá dược (MiV-N3)	1. Lactose monohydrate: FRIESLANDCAMPINA DMV B.V. Địa chỉ: Veghel, The Netherlands 2. Croscarmellose sodium: GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: Nandasan, India 3. Colloidal anhydrous silica: EVONIK RESOURCE EFFICIENCY GMBH Địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany 4. Hydroxypropylmethylcellulose 6 cps: SHANDONG HEAD CO., LTD Địa chỉ: Zhoucun, Zibo, Shandong, P.R.China 5. Polyethylene glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Werk Marl, Paul-Baumann-Straße 1, D-45772 Marl, Germany 6. Talc: MONDO MINERALS B.V. Địa chỉ: Amsterdam Operation, The Netherlands	1.Lactose monohydrate: FRIESLANDCAMPINA DMV B.V. Địa chỉ: NCB-Laan 80, 5462 GE Veghel, The Netherlands 2. Croscarmellose sodium: JRS PHARMA & GUJARAT MICROWAX PRIVATE LIMITED Địa chỉ: Unit – 2, Survey No. 292/293, Kalol – Mehsana Highway, Nandasan, Dist. Mehsana – 382706, Gujarat, India 3. Colloidal anhydrous silica: EVONIK OPERATIONS GMBH Địa chỉ: Untere Kanalstraße 3, 79618 Rheinfelden, Germany 4. Hydroxypropylmethylcellulose 6 cps: SHANDONG HEAD GROUP CO., LTD. Địa chỉ: No.999, Heda Road, Zhoucun District, Zibo City, Shandong Province, P.R.China 5. Polyethylene glycol 6000: SASOL GERMANY GMBH Địa chỉ: Paul-Baumann-Str. 1, 45772 Marl, Germany 6. Talc: ELEMENTIS MINERALS B.V. Địa chỉ: Kajuitweg 8, 1041 AR, Amsterdam, The Netherlands
2107	Aliquina	VD-36088-22	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	1382/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1); thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 40 Đại Lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 40 Đại Lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2108	Lorastad D Syrup	VD-36090-22	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	1382/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1); thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 40 Đại Lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 40 Đại Lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2109	Amxolstad 60 mg/10 ml	VD-36089-22	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	1382/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở đăng ký (MiV-N1); thay đổi cách ghi địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 40 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	1. Địa chỉ cơ sở đăng ký: Số 40 Đại Lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm: Số 40 Đại Lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2110	Soredon NN 5	VD-31372-18	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	5787/TĐTN	24/10/22	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Prednisolon natri m-sulphobenzoat (MiV-N3)	63480 Vertolaye, France.	4, La Paterie, 63480 Vertolaye, France.
2111	Soredon NN 20	VD-31371-18	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	5786/TĐTN	24/10/22	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất dược chất Prednisolon natri m-sulphobenzoat (MiV-N3)	63480 Vertolaye, France.	4, La Paterie, 63480 Vertolaye, France.
2112	Amvifeta	VD-31574-19	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6593/TĐTN	30/11/2022	Bổ sung cơ sở sản xuất tá dược Mannitol (MiV-N2)	Cargill srl Div (Via Cerestar 1 - 45035 Castelmassa (RO), Ý) Tiêu chuẩn: USP 38	Shandong Tianli Pharmaceutical Co., Ltd. (South of Anshun Street and West of Xingyuanxi Road, Gucheng Subdistrict Office, Shouguang, China) Tiêu chuẩn: USP 43
2113	Amcefal	VD-18225-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2114	Cefazolin	VD-18226-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2115	Cefoam	VD-18228-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2116	Ceftazidime	VD-18230-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

2117	Cefuroxim	VD-18232-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2118	Cephradine	VD-18233-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2119	Greadim (SXNQ: của Affordable Quality Pharmaceuticals)	VD-18234-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2120	Greaxim (SXNQ: của Affordable Quality Pharmaceuticals)	VD-18235-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2121	Spreacef (SXNQ: của Affordable Quality Pharmaceuticals)	VD-18237-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2122	Sprealin (SXNQ: của Affordable Quality Pharmaceuticals)	VD-18239-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2123	Spreapim (SXNQ: của Affordable Quality Pharmaceuticals)	VD-18240-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2124	Vifoxim	VD-18244-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2125	Widxim (SXNQ: của Affordable Quality Pharmaceuticals)	VD-18245-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2126	Cefoperazone + Sulbactam	VD-18695-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2127	Noruxime 250	VD-18696-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2128	Noruxime 500	VD-18698-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2129	Spreabac	VD-18699-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2130	Spreadin	VD-19314-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2131	Eufaclor 125	VD-20175-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2132	Eufaclor 250	VD-20176-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2133	Noruxime 125	VD-20177-13	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2134	Soruxim 125	VD-20657-14	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
2135	Soruxim 250	VD-20658-14	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	6777/TĐTN	06/12/2022	Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất (MiV-N9)	Lô B14-3, lô 14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Lô B14-3,4, đường N13, khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

2136	Vipredni 4 mg	VD-35494-21	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	6116/TĐTN	18/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Methylprednisolon (MiV-N3)	Sanofi Chimie Địa chỉ: 63480 Vertolaye, France	Euroapi France Địa chỉ: 4 Lieu Dit La Paterie, Vertolaye, 63480, France
2137	Predsantyl 16 mg (CSNQ: Công ty Mibe GmbH Arzneimittel; Địa chỉ: Số 15, đường Münchener, D-06796 Brehna, CHLB Đức)	VD-27515-17	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	6115/TĐTN	18/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Methylprednisolon (MiV-N3)	Sanofi Chimie Địa chỉ: 63480 Vertolaye, France	Euroapi France Địa chỉ: 4 Lieu Dit La Paterie, Vertolaye, 63480, France
2138	Predsantyl 4 mg (CSNQ: Công ty Mibe GmbH Arzneimittel; Địa chỉ: Số 15, đường Münchener, D-06796 Brehna, CHLB Đức)	VD-27516-17	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	6117/TĐTN	18/11/2022	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Methylprednisolon (MiV-N3)	Sanofi Chimie Địa chỉ: 63480 Vertolaye, France	Euroapi France Địa chỉ: 4 Lieu Dit La Paterie, Vertolaye, 63480, France
2139	CALMIBE 500 mg/400 IU	VD-32390-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	903/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Cholecalciferol: EP 8 2. Sorbitol: DĐVN V 3. Dextrates: USP 38 4. Aspartam: BP 2017 5. Natri croscarmellose: BP 2017 6. Magnesi stearat: DĐVN V	1. Cholecalciferol: EP phiên bản hiện hành 2. Sorbitol: DĐVN phiên bản hiện hành 3. Dextrates: USP phiên bản hiện hành 4. Aspartam: BP phiên bản hiện hành 5. Natri croscarmellose: BP phiên bản hiện hành 6. Magnesi stearat: DĐVN phiên bản hiện hành
2140	CALMIBE 500 mg/400 IU	VD-32390-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2141	Lisidigal 10 mg	VD-32394-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	906/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Lisinopril dihydrat: EP 8 2. Magnesi stearat: EP 8 3. Talc: EP 8 4. Manitol: EP 8 5. Tinh bột ngô: EP 8 6. Calci hydrophosphat dihydrat: EP 8	1. Lisinopril dihydrat: EP phiên bản hiện hành 2. Magnesi stearat: EP phiên bản hiện hành 3. Talc: EP phiên bản hiện hành 4. Manitol: EP phiên bản hiện hành 5. Tinh bột ngô: EP phiên bản hiện hành 6. Calci hydrophosphat dihydrat: EP phiên bản hiện hành
2142	Lisidigal 10 mg	VD-32394-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2143	HASANBEST 500/5	VD-32392-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2144	HASANBEST 500/5	VD-32392-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	905/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Metformin hydroclorid: EP 9 2. Glibenclamid: EP 9 3. Povidon K30: BP 2019 4. Natri lauryl sulfat: BP 2019 5. Magnesi stearat: DĐVN V 6. HPMC 615: BP 2019 7. HPMC 606: BP 2019 8. PEG 6000: BP 2019 9. Titan dioxyd: BP 2019 10. Talc: DĐVN V 11. Ethanol 96%: BP 2019 12. Nước tinh khiết: BP 2019	1. Metformin hydroclorid: EP phiên bản hiện hành 2. Glibenclamid: EP phiên bản hiện hành 3. Povidon K30: BP phiên bản hiện hành 4. Natri lauryl sulfat: BP phiên bản hiện hành 5. Magnesi stearat: DĐVN phiên bản hiện hành 6. HPMC 615: BP phiên bản hiện hành 7. HPMC 606: BP phiên bản hiện hành 8. PEG 6000: BP phiên bản hiện hành 9. Titan dioxyd: BP phiên bản hiện hành 10. Talc: DĐVN phiên bản hiện hành 11. Ethanol 96%: BP phiên bản hiện hành 12. Nước tinh khiết: BP phiên bản hiện hành
2145	HASANBEST 500/2.5	VD-32391-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2146	HASANBEST 500/2.5	VD-32391-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	904/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Metformin hydroclorid: EP 8 2. Glibenclamid: EP 9 3. Povidon K30: BP 2017 4. Natri lauryl sulfat: BP 2017 5. Magnesi stearat: DĐVN IV 6. HPMC 615: BP 2017 7. HPMC 606: BP 2017 8. PEG 6000: BP 2017 9. Titan dioxyd: BP 2017 10. Talc: DĐVN IV 11. Ethanol 96%: BP 2017 12. Nước tinh khiết: BP 2017	1. Metformin hydroclorid: EP phiên bản hiện hành 2. Glibenclamid: EP phiên bản hiện hành 3. Povidon K30: BP phiên bản hiện hành 4. Natri lauryl sulfat: BP phiên bản hiện hành 5. Magnesi stearat: DĐVN phiên bản hiện hành 6. HPMC 615: BP phiên bản hiện hành 7. HPMC 606: BP phiên bản hiện hành 8. PEG 6000: BP phiên bản hiện hành 9. Titan dioxyd: BP phiên bản hiện hành 10. Talc: DĐVN phiên bản hiện hành 11. Ethanol 96%: BP phiên bản hiện hành 12. Nước tinh khiết: BP phiên bản hiện hành
2147	Irbehasan 150	VD-32393-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2148	Nifedipin Hansan 20 Retard	VD-32593-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2149	Nifedipin Hansan 20 Retard	VD-32593-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	901/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Nifedipin: USP 38, EP 8 2. Lactose monohydrat: BP 2017 3. Cellulose vi tinh thể 101: BP 2017 4. Tinh bột ngô: BP 2017 5. Tween 80: BP 2017 6. Magnesi stearat: BP 2017 7. HPMC 615: BP 2017 8. HPMC 606: BP 2017 9. PEG 6000: BP 2017 10. Titan dioxyd: BP 2017 11. Nước tinh khiết: BP 2017	1. Nifedipin: USP phiên bản hiện hành, EP phiên bản hiện hành 2. Lactose monohydrat: BP phiên bản hiện hành 3. Cellulose vi tinh thể 101: BP phiên bản hiện hành 4. Tinh bột ngô: BP phiên bản hiện hành 5. Tween 80: BP phiên bản hiện hành 6. Magnesi stearat: BP phiên bản hiện hành 7. HPMC 615: BP phiên bản hiện hành 8. HPMC 606: BP phiên bản hiện hành 9. PEG 6000: BP phiên bản hiện hành 10. Titan dioxyd: BP phiên bản hiện hành 11. Nước tinh khiết: BP phiên bản hiện hành
2150	Tilhasan 60	VD-32396-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2151	Tilhasan 60	VD-32396-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	1086/TĐTN	15/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Diltiazem hydroclorid: USP 38 2. Lactose monohydrat: BP 2017 3. PEG 6000: BP 2017 4. HPMC K15000: BP 2017 5. Magnesi stearat: BP 2017 6. HPMC 615: BP 2017 7. HPMC 606: BP 2017 8. Titan dioxyd: BP 2017	1. Diltiazem hydroclorid: USP phiên bản hiện hành 2. Lactose monohydrat: BP phiên bản hiện hành 3. PEG 6000: BP phiên bản hiện hành 4. HPMC K15000: BP phiên bản hiện hành 5. Magnesi stearat: BP phiên bản hiện hành 6. HPMC 615: BP phiên bản hiện hành 7. HPMC 606: BP phiên bản hiện hành 8. Titan dioxyd: BP phiên bản hiện hành

2152	Risperidon 2	VD-32395-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2153	Risperidon 2	VD-32395-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	902/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Risperidon: EP 8 2. Tinh bột ngô tiền gelatin hóa: BP 2017 3. Lactose monohydrat: DĐVN IV 4. Cellulose vi tinh thể 101: BP 2017 5. HPMC 606: BP 2017 6. Natri lauryl sulfat: BP 2017 7. Silic dioxyd keo khan: BP 2017 8. Magnesi stearat: DĐVN IV 9. HPMC 615: BP 2017 10. PEG 6000: BP 2017 11. Tween 80: BP 2017 12. Titan dioxyd: BP 2017	1. Risperidon: EP phiên bản hiện hành 2. Tinh bột ngô tiền gelatin hóa: BP phiên bản hiện hành 3. Lactose monohydrat: DĐVN phiên bản hiện hành 4. Cellulose vi tinh thể 101: BP phiên bản hiện hành 5. HPMC 606: BP phiên bản hiện hành 6. Natri lauryl sulfat: BP phiên bản hiện hành 7. Silic dioxyd keo khan: BP phiên bản hiện hành 8. Magnesi stearat: DĐVN phiên bản hiện hành 9. HPMC 615: BP phiên bản hiện hành 10. PEG 6000: BP phiên bản hiện hành 11. Tween 80: BP phiên bản hiện hành 12. Titan dioxyd: BP phiên bản hiện hành
2154	Carsantin® 6,25 mg (CSNQ: Công ty Mibe GmbH Arzneimittel; Địa chỉ: Số 15, Đường Münchener, D-06796 Brehna, CHLB Đức)	VD-29481-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2155	Efferhasan-C	VD-29482-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2156	Harotin 10	VD-29483-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2157	Harotin 20	VD-29484-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2158	Harotin 40	VD-29485-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2159	Keplidon 250	VD-29486-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2160	Maleutyl 500 mg	VD-29487-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2161	Premilin 150 mg	VD-29488-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2162	Spinolac fort	VD-29489-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2163	Spinolac plus	VD-29490-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2164	Viritin 8 mg	VD-29491-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2165	Volhasan 25	VD-29492-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2166	Volhasan 50	VD-29493-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2167	Acehasan 200	VD-30095-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2168	Atorhasan 20	VD-30096-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	166/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2169	Ganasef 3000	VD-30097-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2170	Hasancetam 800	VD-30098-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2171	Lisidigal® 5 mg (CSNQ: Công ty Mibe GmbH Arzneimittel; Địa chỉ: Số 15, đường Münchener, D-06796 Brehna, CHLB Đức)	VD-30099-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2172	Parahasan Max	VD-30100-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2173	Ribomin	VD-30101-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2174	Carsantin® 12,5 mg (CSNQ: Công ty Mibe GmbH Arzneimittel; Địa chỉ: Số 15, đường Münchener, D-06796 Brehna, CHLB Đức)	VD-30829-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2175	Diahasan	VD-30830-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2176	Hafenthyl supra 160 mg	VD-30831-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2177	Hasan-C 1000	VD-30832-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2178	Lordivas 5 mg	VD-30833-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2179	DH-Metglu XR 500	VD-31392-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2180	Dismin 500	VD-31393-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2181	Malibic 15	VD-30996-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2182	Malibic 7,5	VD-30997-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	168/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2183	DH-Captohasan 25	VD-33090-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2184	Efferhasan 80 Mg	VD-33091-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2185	Flutonin 10	VD-33092-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2186	Flutonin 20	VD-33093-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2187	Harotin 30	VD-33094-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2188	Acehasan 200	VD-33883-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2189	Catulus 300	VD-33884-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2190	Comiaryl 2 mg/500 mg	VD-33885-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	167/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2191	Hasanclar 500 mg	VD-33886-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2192	Imidu® 60 mg	VD-33887-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2193	Spinolac® 50 mg (CSNQ: Công ty Mibe GmbH Arzneimittel; địa chỉ: Số 15, đường Münchener, D-06796 Brehna, CHLB Đức)	VD-33888-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2194	Bihasal 2.5	VD-34454-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2195	Calci D-Hasan 600/400	VD-34455-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2196	Hafenthyl 200	VD-34456-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2197	Hasanvit	VD-34457-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2198	Lamivudin Hasan 100	VD-34458-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2199	Lamivudin Hasan 150	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2200	Lamivudin Hasan 300	VD-34460-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2201	Meshanon 60 mg	VD-34461-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2202	Vitaneurin	VD-34462-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2203	Alanboss XL 10	VD-34894-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2204	Bihasal 5	VD-34895-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2205	Caldihasan	VD-34896-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	169/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2206	Rosuvas Hasan 10	VD-34897-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	165/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2207	Hasancip 500	VD-35111-21	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	165/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2208	Maosenbo 62,5	VD-35112-21	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	165/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2209	Sucrahasan	VD-35320-21	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	165/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2210	Calci D-Hasan	VD-35493-21	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	165/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2211	Vipredni 4 mg	VD-35494-21	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	165/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2212	Alenbe 70 mg	VD-26547-17	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	165/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2213	Calcium Hasan 500 mg	VD-35898-22	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	165/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2214	Hasitec 10	VD-35899-22	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	165/TĐTN	1/2/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2215	Hasitec 5	VD-35900-22	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	165/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2216	Pacegan 500mg	VD-36080-22	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	165/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2217	Vashasan 20	VD-36081-22	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	165/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2218	DH-Metglu XR 1000	VD-27507-17	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	170/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2219	Atorhasan 10	VD-23327-15	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	170/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2220	Hansazol 40mg	VD-35116-21	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	170/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2221	Migomik	VD-23371-15	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	6315/TĐTN	18/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Dihydroergotamin mesylat: USP 41 2. Natri croscarmellose: BP 2019 3. Magnesi stearat: DĐVN V	1. Dihydroergotamin mesylat: USP phiên bản hiện hành 2. Natri croscarmellose: BP phiên bản hiện hành 3. Magnesi stearat: DĐVN phiên bản hiện hành
2222	Sufat	VD-36087-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2223	Sufat	VD-36087-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	513/TĐTN	23/02/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Sucralfat (MiV-N3)	SRL Pharma GmbH	Elementis Pharma GmbH
2224	Nicoziral Cream	VD-31405-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	1/2/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2225	Nicoziral Cream	VD-31405-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	172/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi tên và cách ghi địa chỉ của cơ sở sản xuất dược chất Ketoconazol (MiV-N3)	Piramal Enterprises Limited Địa chỉ: Digwal Village, Kohir Mandal, Medak Dist., 502 321 Andhra Pradesh, India	Piramal Pharma Limited Địa chỉ: Sy. Nos. 7-70, 70/1 and 70/2, Digwal Village, Kohir Mandal, Sangareddy District – 502 321, Telangana, India
2226	Oremute 20	QLĐB-458-14	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	181/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2227	Oremute 20	QLĐB-458-14	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	228/TĐTN	06/02/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất của thuốc (MiV-N6)	1. Natri clorid: DĐVN IV 2. Natri citrat dihydrat: DĐVN IV 3. Kali clorid: DĐVN IV 4. Glucose khan: DĐVN IV 5. Kẽm gluconat: USP 30	1. Natri clorid: DĐVN phiên bản hiện hành 2. Natri citrat dihydrat: DĐVN phiên bản hiện hành 3. Kali clorid: DĐVN phiên bản hiện hành 4. Glucose khan: DĐVN phiên bản hiện hành 5. Kẽm gluconat: USP phiên bản hiện hành

2228	Oremute 5	QLĐB-459-14	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	181/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2229	Oremute 5	QLĐB-459-14	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	231/TĐTN	06/02/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất của thuốc (MiV-N6)	1. Natri clorid: DĐVN IV 2. Natri citrat dihydrat: DĐVN IV 3. Kali clorid: DĐVN IV 4. Glucose khan: DĐVN IV 5. Kẽm gluconat: USP 30	1. Natri clorid: DĐVN phiên bản hiện hành 2. Natri citrat dihydrat: DĐVN phiên bản hiện hành 3. Kali clorid: DĐVN phiên bản hiện hành 4. Glucose khan: DĐVN phiên bản hiện hành 5. Kẽm gluconat: USP phiên bản hiện hành
2230	Mibelet	VD-32411-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2231	Mibelet	VD-32411-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	850/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Lactose monohydrat: BP 2017 2. Tinh bột ngô: BP 2017 3. Cellulose vi tinh thể 101: BP 2017 4. HPMC 615: BP 2017 5. Natri croscarmellose: BP 2017 6. Silic dioxyd keo khan: BP 2017 7. Magnesi stearat: BP 2017 8. Nước tinh khiết: BP 2017	1. Lactose monohydrat: BP phiên bản hiện hành 2. Tinh bột ngô: BP phiên bản hiện hành 3. Cellulose vi tinh thể 101: BP phiên bản hiện hành 4. HPMC 615: BP phiên bản hiện hành 5. Natri croscarmellose: BP phiên bản hiện hành 6. Silic dioxyd keo khan: BP phiên bản hiện hành 7. Magnesi stearat: BP phiên bản hiện hành 8. Nước tinh khiết: BP phiên bản hiện hành
2232	Ketosan-cap	VD-32409-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2233	Ketosan-cap	VD-32409-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	853/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Ketotifen fumarat: EP 9 2. Tinh bột ngô: BP 2017 3. Cellulose vi tinh thể 101: BP 2017 4. Calci hydrophosphat: BP 2017 5. Natri starch glycolat: BP 2017 6. Magnesi stearat: BP 2017 7. Nước tinh khiết: BP 2017	1. Ketotifen fumarat: EP phiên bản hiện hành 2. Tinh bột ngô: BP phiên bản hiện hành 3. Cellulose vi tinh thể 101: BP phiên bản hiện hành 4. Calci hydrophosphat: BP phiên bản hiện hành 5. Natri starch glycolat: BP phiên bản hiện hành 6. Magnesi stearat: BP phiên bản hiện hành 7. Nước tinh khiết: BP phiên bản hiện hành
2234	Gelactive fort	VD-32408-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2235	Gelactive fort	VD-32408-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	854/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Nhôm hydroxyd gel 20%: USP 38, USP 41 2. Magnesi hydroxyd 30%: USP 38, USP 41 3. Simethicon nhũ tương 30%: USP 38, USP 39 4. Glycerin: USP 40 5. Sorbitol 70%: BP 2017 6. Gôm xan than: BP 2017 7. Methyl paraben: BP 2017 8. Propyl paraben: BP 2017 9. Nước tinh khiết: BP 2017	1. Nhôm hydroxyd gel 20%: USP phiên bản hiện hành 2. Magnesi hydroxyd 30%: USP phiên bản hiện hành 3. Simethicon nhũ tương 30%: USP phiên bản hiện hành 4. Glycerin: USP phiên bản hiện hành 5. Sorbitol 70%: BP phiên bản hiện hành 6. Gôm xan than: BP phiên bản hiện hành 7. Methyl paraben: BP phiên bản hiện hành 8. Propyl paraben: BP phiên bản hiện hành 9. Nước tinh khiết: BP phiên bản hiện hành
2236	Mathomax gel	VD-32410-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2237	Mathomax gel	VD-32410-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	851/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Nhôm hydroxyd gel khô: USP 40 2. Magnesi hydroxyd: USP 40 3. Sorbitol 70%: BP 2017 4. Acid citric khan: BP 2017 5. Gôm xanthan: BP 2017 6. Natri saccharin: BP 2017 7. Benzalkonium clorid: BP 2017 8. Tinh dầu bạc hà: USP 40 9. Nước tinh khiết: BP 2017	1. Nhôm hydroxyd gel khô: USP phiên bản hiện hành 2. Magnesi hydroxyd: USP phiên bản hiện hành 3. Sorbitol 70%: BP phiên bản hiện hành 4. Acid citric khan: BP phiên bản hiện hành 5. Gôm xanthan: BP phiên bản hiện hành 6. Natri saccharin: BP phiên bản hiện hành 7. Benzalkonium clorid: BP phiên bản hiện hành 8. Tinh dầu bạc hà: USP phiên bản hiện hành 9. Nước tinh khiết: BP phiên bản hiện hành
2238	Sucrahasan gel	VD-32420-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2239	Sucrahasan gel	VD-32420-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	855/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Sorbitol 70%: BP 2017 2. Glycerin: BP 2017 3. Gôm xanthan: BP 2017 4. Natri citrat: BP 2017 5. Natri cyclamat: BP 2017 6. Natri saccharin: BP 2017 7. Acid sorbic: BP 2017 8. Nước tinh khiết: BP 2017	1. Sorbitol 70%: BP phiên bản hiện hành 2. Glycerin: BP phiên bản hiện hành 3. Gôm xanthan: BP phiên bản hiện hành 4. Natri citrat: BP phiên bản hiện hành 5. Natri cyclamat: BP phiên bản hiện hành 6. Natri saccharin: BP phiên bản hiện hành 7. Acid sorbic: BP phiên bản hiện hành 8. Nước tinh khiết: BP phiên bản hiện hành
2240	Misanlugel	VD-32415-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2241	Misanlugel	VD-32415-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	845/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Nhôm phosphat gel 20%: EP 9 2. Sorbitol 70%: BP 2017 3. Natri cyclamat: BP 2017 4. Natri saccharin: BP 2017 5. Gôm xanthan: BP 2017 6. Methyl paraben: BP 2017 7. Propyl paraben: BP 2017 8. Nước tinh khiết: BP 2017	1. Nhôm phosphat gel 20%: EP phiên bản hiện hành 2. Sorbitol 70%: BP phiên bản hiện hành 3. Natri cyclamat: BP phiên bản hiện hành 4. Natri saccharin: BP phiên bản hiện hành 5. Gôm xanthan: BP phiên bản hiện hành 6. Methyl paraben: BP phiên bản hiện hành 7. Propyl paraben: BP phiên bản hiện hành 8. Nước tinh khiết: BP phiên bản hiện hành
2242	Mibeviru cream	VD-32413-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	878/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Aciclovir: USP 38 2. Parafin lỏng (nặng): BP 2017 3. Parafin lỏng (nhẹ): BP 2017 4. Glycerin: BP 2017 5. Propylen glycol: USP 38 6. Vaselin trắng: DĐVN IV 7. Polyoxyl 6 cetostearyl ether: BP 2017 8. Polyoxyl 25 cetostearyl ether: BP 2017 9. Cetyl alcol: DĐVN IV 10. Methyl paraben: DĐVN IV 11. Propyl paraben: DĐVN IV 12. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Aciclovir: USP phiên bản hiện hành 2. Parafin lỏng (nặng): BP phiên bản hiện hành 3. Parafin lỏng (nhẹ): BP phiên bản hiện hành 4. Glycerin: BP phiên bản hiện hành 5. Propylen glycol: USP phiên bản hiện hành 6. Vaselin trắng: DĐVN phiên bản hiện hành 7. Polyoxyl 6 cetostearyl ether: BP phiên bản hiện hành 8. Polyoxyl 25 cetostearyl ether: BP phiên bản hiện hành 9. Cetyl alcol: DĐVN phiên bản hiện hành 10. Methyl paraben: DĐVN phiên bản hiện hành 11. Propyl paraben: DĐVN phiên bản hiện hành 12. Nước tinh khiết: DĐVN phiên bản hiện hành
2243	Micosalderm	VD-32414-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2244	Micosalderm	VD-32414-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	877/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Miconazol nitrat: EP 8 2. Cetostearyl alcol: BP 2017 3. Cetyl alcol: BP 2017 4. Polyoxyl 6 cetostearyl ether: BP 2017 5. Polyoxyl 25 cetostearyl ether: BP 2017 6. Parafin lỏng (nhẹ): BP 2017 7. Parafin lỏng (nặng): BP 2017 8. Glycerin: BP 2017 9. Propylen glycol: USP 40 10. Methyl paraben: BP 2017 11. Propyl paraben: BP 2017 12. Nước tinh khiết: BP 2017	1. Miconazol nitrat: EP phiên bản hiện hành 2. Cetostearyl alcol: BP phiên bản hiện hành 3. Cetyl alcol: BP phiên bản hiện hành 4. Polyoxyl 6 cetostearyl ether: BP phiên bản hiện hành 5. Polyoxyl 25 cetostearyl ether: BP phiên bản hiện hành 6. Parafin lỏng (nhẹ): BP phiên bản hiện hành 7. Parafin lỏng (nặng): BP phiên bản hiện hành 8. Glycerin: BP phiên bản hiện hành 9. Propylen glycol: USP phiên bản hiện hành 10. Methyl paraben: BP phiên bản hiện hành 11. Propyl paraben: BP phiên bản hiện hành 12. Nước tinh khiết: BP phiên bản hiện hành
2245	Mibetel Plus	VD-32412-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	1/2/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2246	Mibetel Plus	VD-32412-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	852/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Telmisartan: EP 8 2. Hydroclorothiazid: EP 8 3. Manitol: DĐVN IV 4. Cellulose vi tinh thể 102: BP 2017 5. Natri lauryl sulfat: BP 2017 6. Povidon K30: BP 2017 7. Natri starch glycolat: BP 2017 8. Silic dioxyd keo khan: BP 2017 9. Magnesi stearat: DĐVN IV 10. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Telmisartan: EP phiên bản hiện hành 2. Hydroclorothiazid: EP phiên bản hiện hành 3. Manitol: DĐVN phiên bản hiện hành 4. Cellulose vi tinh thể 102: BP phiên bản hiện hành 5. Natri lauryl sulfat: BP phiên bản hiện hành 6. Povidon K30: BP phiên bản hiện hành 7. Natri starch glycolat: BP phiên bản hiện hành 8. Silic dioxyd keo khan: BP phiên bản hiện hành 9. Magnesi stearat: DĐVN phiên bản hiện hành 10. Nước tinh khiết: DĐVN phiên bản hiện hành
2247	Tazeurin 15	VD-32421-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2248	Tazeurin 15	VD-32421-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	886/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Mirtazapin: EP 8 2. Hydroxypropylcellulose EF: BP 2017 3. Silic dioxyd keo khan: BP 2017 4. HPMC 615: BP 2017 5. HPMC 606: BP 2017 6. PEG 6000: BP 2017 7. Titan dioxyd: BP 2017	1. Mirtazapin: EP phiên bản hiện hành 2. Hydroxypropylcellulose EF: BP phiên bản hiện hành 3. Silic dioxyd keo khan: BP phiên bản hiện hành 4. HPMC 615: BP phiên bản hiện hành 5. HPMC 606: BP phiên bản hiện hành 6. PEG 6000: BP phiên bản hiện hành 7. Titan dioxyd: BP phiên bản hiện hành
2249	Tazeurin 30	VD-32422-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2250	Tazeurin 30	VD-32422-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	881/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Mirtazapin: EP 8 2. Hydroxypropylcellulose EF: BP 2017 3. Silic dioxyd keo khan: BP 2017 4. HPMC 615: BP 2017 5. HPMC 606: BP 2017 6. PEG 6000: BP 2017 7. Titan dioxyd: BP 2017	1. Mirtazapin: EP phiên bản hiện hành 2. Hydroxypropylcellulose EF: BP phiên bản hiện hành 3. Silic dioxyd keo khan: BP phiên bản hiện hành 4. HPMC 615: BP phiên bản hiện hành 5. HPMC 606: BP phiên bản hiện hành 6. PEG 6000: BP phiên bản hiện hành 7. Titan dioxyd: BP phiên bản hiện hành
2251	DH-Alenbe plus 70 mg/5600 IU	VD-32730-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2252	DH-Alenbe plus 70 mg/5600 IU	VD-32730-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	1083/TĐTN	15/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Natri alendronat trihydrat: USP 36 2. Cholecalciferol (vitamin D3): EP 8 3. Natri croscarmellose: BP 2013 4. Silic dioxyd keo khan: BP 2013 5. Magnesi stearat: DĐVN IV 6. Butyl hydroxytoluen: BP 2013 7. HPMC 615: BP 2013 8. HPMC 606: BP 2013 9. PEG 6000: BP 2013 10. Titan dioxyd: BP 2013 11. Talc: DĐVN IV 12. Ethanol 96%: BP 2013 13. Nước tinh khiết: BP 2013	1. Natri alendronat trihydrat: USP hiện hành 2. Cholecalciferol (vitamin D3): EP hiện hành 3. Natri croscarmellose: BP hiện hành 4. Silic dioxyd keo khan: BP hiện hành 5. Magnesi stearat: DĐVN hiện hành 6. Butyl hydroxytoluen: BP hiện hành 7. HPMC 615: BP hiện hành 8. HPMC 606: BP hiện hành 9. PEG 6000: BP hiện hành 10. Titan dioxyd: BP hiện hành 11. Talc: DĐVN hiện hành 12. Ethanol 96%: BP hiện hành 13. Nước tinh khiết: BP hiện hành
2253	Misirate 800	VD3-112-21	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2254	Misirate 800	VD3-112-21	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	1080/TĐTN	15/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Magaldrat: USP 42 2. Sorbitol: BP 2019 3. Sucralose: USP 42 4. Magnesi stearat: BP 2019	1. Magaldrat: USP hiện hành 2. Sorbitol: BP hiện hành 3. Sucralose: USP hiện hành 4. Magnesi stearat: BP hiện hành
2255	Cruderan 500	VD-32407-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	1/2/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2256	Cruderan 500	VD-32407-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	893/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Cellulose vi tinh thể 101: BP 2017 2. Natri croscarmellose: BP 2017 3. Magnesi stearat: BP 2017 4. HPMC 615: BP 2017 5. HPMC 606: BP 2017 6. PEG 6000: BP 2017 7. Titan dioxyd: BP 2017 8. Talc: BP 2017 9. Ethanol 96%: BP 2017 10. Nước tinh khiết: BP 2017	1. Cellulose vi tinh thể 101: BP hiện hành 2. Natri croscarmellose: BP hiện hành 3. Magnesi stearat: BP hiện hành 4. HPMC 615: BP hiện hành 5. HPMC 606: BP hiện hành 6. PEG 6000: BP hiện hành 7. Titan dioxyd: BP hiện hành 8. Talc: BP hiện hành 9. Ethanol 96%: BP hiện hành 10. Nước tinh khiết: BP hiện hành
2257	Brocizin 20	VD-32406-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2258	Brocizin 20	VD-32406-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	882/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Hyoscin butylbromid: EP 8 2. Calci hydrophosphat dihydrat: BP 2017 3. Lactose monohydrat: BP 2017 4. Povidon K30: BP 2017 5. Natri croscarmellose: BP 2017 6. Magnesi stearat: BP 2017 7. HPMC 615: BP 2017 8. HPMC 606: BP 2017 9. PEG 6000: BP 2017 10. Titan dioxyd: BP 2017 11. Talc: BP 2017 12. Ethanol 96%: BP 2017 13. Nước tinh khiết: BP 2017	1. Hyoscin butylbromid: EP hiện hành 2. Calci hydrophosphat dihydrat: BP hiện hành (tá dược) 3. Lactose monohydrat: BP hiện hành 4. Povidon K30: BP hiện hành 5. Natri croscarmellose: BP hiện hành 6. Magnesi stearat: BP hiện hành 7. HPMC 615: BP hiện hành 8. HPMC 606: BP hiện hành 9. PEG 6000: BP hiện hành 10. Titan dioxyd: BP hiện hành 11. Talc: BP hiện hành 12. Ethanol 96%: BP hiện hành 13. Nước tinh khiết: BP hiện hành
2259	Blocadip 20	VD-32405-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2260	Blocadip 20	VD-32405-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	880/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Lactose monohydrat: BP 2017 2. Cellulose vi tinh thể 101: BP 2017 3. Povidon K30: BP 2017 4. Natri starch glycolat: BP 2017 5. Magnesi stearat: BP 2017 6. HPMC 615: BP 2017 7. HPMC 606: BP 2017 8. PEG 6000: BP 2017 9. Titan dioxyd: BP 2017 10. Talc: BP 2017 11. Ethanol 96% : BP 2017 12. Nước tinh khiết: BP 2017	1. Lactose monohydrat: BP hiện hành 2. Cellulose vi tinh thể 101: BP hiện hành 3. Povidon K30: BP hiện hành 4. Natri starch glycolat: BP hiện hành 5. Magnesi stearat: BP hiện hành 6. HPMC 615: BP hiện hành 7. HPMC 606: BP hiện hành 8. PEG 6000: BP hiện hành 9. Titan dioxyd: BP hiện hành 10. Talc: BP hiện hành 11. Ethanol 96% : BP hiện hành 12. Nước tinh khiết: BP hiện hành
2261	Blocadip 10	VD-32404-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2262	Blocadip 10	VD-32404-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	875/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Lactose monohydrat: BP 2017 2. Cellulose vi tinh thể 101: BP 2017 3. Povidon K30: BP 2017 4. Natri starch glycolat: BP 2017 5. Magnesi stearat: BP 2017 6. HPMC 615: BP 2017 7. HPMC 606: BP 2017 8. PEG 6000: BP 2017 9. Titan dioxyd: BP 2017 10. Talc: BP 2017 11. Ethanol 96% : BP 2017 12. Nước tinh khiết: BP 2017	1. Lactose monohydrat: BP hiện hành 2. Cellulose vi tinh thể 101: BP hiện hành 3. Povidon K30: BP hiện hành 4. Natri starch glycolat: BP hiện hành 5. Magnesi stearat: BP hiện hành 6. HPMC 615: BP hiện hành 7. HPMC 606: BP hiện hành 8. PEG 6000: BP hiện hành 9. Titan dioxyd: BP hiện hành 10. Talc: BP hiện hành 11. Ethanol 96% : BP hiện hành 12. Nước tinh khiết: BP hiện hành
2263	Ridolip 10	VD-32419-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2264	Ridolip 10	VD-32419-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	874/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Ezetimib: USP 40 2. Lactose monohydrat: BP 2017 3. Cellulose vi tinh thể 101: BP 2017 4. Povidon K30: BP 2017 5. Natri lauryl sulfat: BP 2017 6. Natri docusat: USP 38 7. Natri croscarmellose: BP 2017 8. Magnesi stearat: BP 2017	1. Ezetimib: USP phiên bản hiện hành 2. Lactose monohydrat: BP phiên bản hiện hành 3. Cellulose vi tinh thể 101: BP phiên bản hiện hành 4. Povidon K30: BP phiên bản hiện hành 5. Natri lauryl sulfat: BP phiên bản hiện hành 6. Natri docusat: USP phiên bản hiện hành 7. Natri croscarmellose: BP phiên bản hiện hành 8. Magnesi stearat: BP phiên bản hiện hành
2265	Mysobenal	VD-32418-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2266	Mysobenal	VD-32418-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	879/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Eperison hydroclorid: JP 17 2. Lactose monohydrat: BP 2017 3. Crospovidon: BP 2017 4. Cellulose vi tinh thể 101: BP 2017 5. Tinh bột tiền gelatin hóa: BP 2017	1. Eperison hydroclorid: JP phiên bản hiện hành 2. Lactose monohydrat: BP phiên bản hiện hành 3. Crospovidon: BP phiên bản hiện hành 4. Cellulose vi tinh thể 101: BP phiên bản hiện hành 5. Tinh bột tiền gelatin hóa: BP phiên bản hiện hành
2267	Mitizen 200	VD-32416-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2268	Mitizen 200	VD-32416-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	876/TĐTN	08/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Albendazol: EP 8 2. Cellulose vi tinh thể 101: BP 2017 3. Tinh bột ngô tiền gelatin hóa: BP 2017 4. Povidon K30: BP 2017 5. Natri lauryl sulfat: BP 2017	1. Albendazol: EP phiên bản hiện hành 2. Cellulose vi tinh thể 101: BP phiên bản hiện hành 3. Tinh bột ngô tiền gelatin hóa: BP phiên bản hiện hành 4. Povidon K30: BP phiên bản hiện hành 5. Natri lauryl sulfat: BP phiên bản hiện hành
2269	Mitizen 400	VD-32417-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2270	Mitizen 400	VD-32417-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	1079/TĐTN	15/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược của thuốc (MiV-N6)	1. Albendazol: EP 8 2. Cellulose vi tinh thể 101: BP 2017 3. Tinh bột ngô tiền gelatin hóa: BP 2017 4. Povidon K30: BP 2017 5. Natri lauryl sulfat: BP 2017 6. Natri starch glycolat: BP 2017 7. Natri croscarmellose: BP 2017 8. Sucralose: USP 38 9. Magnesi stearat: DĐVN IV 10. Silic dioxyd keo khan: BP 2017	1. Albendazol: EP phiên bản hiện hành 2. Cellulose vi tinh thể 101: BP phiên bản hiện hành 3. Tinh bột ngô tiền gelatin hóa: BP phiên bản hiện hành 4. Povidon K30: BP phiên bản hiện hành 5. Natri lauryl sulfat: BP phiên bản hiện hành 6. Natri starch glycolat: BP phiên bản hiện hành 7. Natri croscarmellose: BP phiên bản hiện hành 8. Sucralose: USP phiên bản hiện hành 9. Magnesi stearat: DĐVN phiên bản hiện hành 10. Silic dioxyd keo khan: BP phiên bản hiện hành
2271	Blosatin 10	VD-29506-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2272	Blosatin 20	VD-29507-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2273	Hasadolac 300	VD-29508-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2274	Hasadolac 400	VD-29509-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2275	Lezinsan 5	VD-29510-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2276	Macetux 200	VD-29511-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2277	Mibecerex 400	VD-29512-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2278	Mibeserc 24 mg	VD-29513-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2279	Volhasan creamgel	VD-29514-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2280	Desloderma 5	VD-30110-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2281	Hasanprovel 150	VD-30111-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2282	Mibeonate	VD-30112-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2283	Mibezin 10 mg	VD-30113-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2284	Mibezin 15 mg	VD-30114-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2285	Pularon 5 (CSNQ: Mibe GmbH Arzneimittel; địa chỉ: Số 15, đường Munchener, D-06796 Brehna, CHLB Đức)	VD-30115-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	178/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2286	Simrotes 10 mg (CSNQ: Mibe GmbH Arzneimittel)	VD-30116-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2287	Candinazol 150 (CSNQ: Công ty Mibe Gmbh Arzneimittel; địa chỉ: số 15, đường Munchener, D-06796 Brehna,	VD-30839-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2288	Degicosid 8	VD-30840-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2289	Gelactive sucra	VD-30841-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2290	Hasanflon 500	VD-30842-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2291	Levetacis 1000	VD-30843-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2292	Levetacis 500	VD-30844-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2293	Levetacis 750	VD-30845-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2294	Mibelexin 250 mg	VD-30846-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2295	Mibeserc 16 mg	VD-30847-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2296	Mibetel HCT	VD-30848-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2297	Mibeviru 200 mg	VD-30849-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2298	Mibeviru 400 mg	VD-30850-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	1/2/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2299	Terbiskin 1%	VD-30851-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	1/2/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2300	Degicosid 4	VD-31401-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	177/TĐTN	1/2/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2301	Gelactive	VD-31402-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2302	Mibelet plus 5/12,5	VD-31403-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2303	Mibelexin 500 mg	VD-31404-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2304	Ridolip s 10/20	VD-31406-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2305	Ridolip s 10/40	VD-31407-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	179/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2306	Mibeviru cream	VD-32413-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2307	Eredys 10	VD-33098-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2308	Halozam	VD-33099-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2309	Loresid gel	VD-33100-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2310	Mibecerex	VD-33101-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	180/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2311	Misenbo 125	VD-33102-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2312	Misenbo 62,5	VD-33103-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2313	Xibtosan 90	VD-33104-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2314	Giberyl 12	VD-33221-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2315	Giberyl 8	VD-33222-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2316	Almintic	VD-33898-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2317	Brocizin 10	VD-33899-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2318	Divibet	VD-33900-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2319	Enokast 4	VD-33901-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2320	Etonsaid 10	VD-33902-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2321	Exsanron	VD-33903-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2322	Hasanox	VD-33904-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2323	Lazilac	VD-33905-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2324	Leuticast 10	VD-33906-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2325	Lopitid 200	VD-33907-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	442/TĐTN	17/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2326	Masopen 100/10	VD-33908-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2327	Mathomax tab	VD-33909-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2328	Mathomax-s gel plus	VD-33910-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2329	Mibefen supra 160	VD-33911-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2330	Milepsy 200	VD-33912-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2331	Mirindes 60	VD-33913-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2332	Mirindes 90	VD-33914-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2333	Muslexan 4	VD-33915-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2334	Muslexan 6	VD-33916-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2335	Opinsan 10	VD-33917-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2336	Opinsan 5	VD-33918-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2337	Tinolis 60	VD-33919-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2338	Vasanlog ODT	VD-33920-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2339	Vipicetam 800	VD-33921-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2340	Vispi fort	VD-33922-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	234/TĐTN	06/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2341	Vispime	VD-33923-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2342	Fixnat 100	VD-34052-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2343	Fixnat 200	VD-34053-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2344	Mathomax gel plus	VD-34054-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2345	Amtanolon 0,1%	VD-34469-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2346	Cantomy granule	VD-34470-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2347	Eredys 20	VD-34471-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2348	Hasancor 5	VD-34472-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2349	Letarid 50	VD-34473-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2350	Lotedon 60	VD-34474-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2351	Masopen 100/25	VD-34475-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2352	Masopen 250/25	VD-34476-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2353	Masopen 50/12,5	VD-34477-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2354	Mibefen NT 145	VD-34478-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2355	Mibetel 40 mg	VD-34479-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	176/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2356	Minutron	VD-34480-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2357	Musclasan 150	VD-34481-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2358	Musclasan 50	VD-34482-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2359	Repihasan 100	VD-34483-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2360	Loresid cap 10	VD-34898-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2361	Loresid cap 20	VD-34899-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2362	Vecarzec 10	VD-34900-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2363	Vecarzec 5	VD-34901-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2364	Vigliptin 50	VD-34902-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2365	Resohasan 1 mg	VD3-93-20	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	1/2/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2366	Chromios 30	VD-35114-21	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	1/2/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2367	Dermucoid cream	VD-35115-21	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	1/2/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2368	Mibeproxil 300 mg	VD-35117-21	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	1/2/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2369	Okirat Gel	VD-35118-21	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	175/TĐTN	1/2/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2370	Zomisan 3.75	VD-35119-21	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	302/TĐTN	10/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2371	Fexofenaderm 120 mg	VD-35495-21	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	302/TĐTN	10/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2372	Levorisan 750	VD-35496-21	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	302/TĐTN	10/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2373	Resohasan 2 mg	VD-35497-21	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	302/TĐTN	10/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2374	Zomisan 7.5	VD-35498-21	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	302/TĐTN	10/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2375	Nulesavir 1 mg	QLĐB-676-18	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	302/TĐTN	10/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2376	Mibedos 25	VD-26583-17	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	183/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2377	Patylcrem	VD-35766-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	302/TĐTN	10/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2378	Lacisartan HCT 100/25	VD-35901-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2379	Letarid 100	VD-35902-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2380	Letarid 25	VD-35903-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2381	Veramil 40	VD-35904-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2382	Veramil 80	VD-35905-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2383	Zectidil 200	VD-35906-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2384	Zectidil 300	VD-35907-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2385	Zectidil 400	VD-35908-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2386	Smutigel	VD-35960-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2387	Sitamibe 50	VD-36082-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2388	Zolohasan 50mg	VD-36083-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2389	Clopidolut 75mg	VD-36084-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2390	DH-Maleutyl 500 m	VD-36085-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2391	Mipholugel	VD-36086-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2392	Haptorin	VD3-198-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	182/TĐTN	01/02/2023	Thay đổi cách ghi địa chỉ của cơ sở đăng ký, cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N1 & MiV-N9)	Địa chỉ cơ sở đăng ký: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô B, đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.	Địa chỉ cơ sở đăng ký : Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2393	Migomik	VD-23371-15	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	6119/TĐTN	11/07/2022	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Dihydroergotamin (MiV-N3)	Euticals S.p.A.	CURIA Italy S.r.l.
2394	MEBICEFPO 200	VD-24005-15	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	7400/TĐTN	26/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc thành phẩm (MiV-N6)	USP 41	USP hiện hành
2395	IDATRIL 10mg	VD-18549-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	768/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2396	AMAPIRID 2mg	VD-18858-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	768/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2397	GLUCARBOSE 100mg	VD-18860-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	768/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2398	GLUCARBOSE 50mg	VD-18861-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	768/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2399	FENBRAT 200M	VD-27136-17	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	768/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

2400	VIAVAN	VD-28142-17	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	768/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2401	IDATRIL 5mg	VD-18550-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	769/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2402	AMAPIRID 4mg	VD-18859-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	769/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2403	FENBRAT	VD-21124-14	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	769/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2404	LIPOTATIN 10mg	VD-24581-16	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	769/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2405	FENBRAT 100	VD-24892-16	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	769/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2406	FENBRAT 160M	VD-32000-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	769/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2407	GLUCOFAST 500	VD-32001-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	769/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2408	GLUCOFAST 850	VD-32002-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	769/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2409	MEBISITA 50	VD-35053-21	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	769/TĐTN	01/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2410	GADOXIME 200	VD-24893-16	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2411	CEFACLOR 250 mg	VD-25317-16	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2412	CHLORAMPHENICOL 250 mg	VD-25318-16	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

2413	SINBRE	VD-25319-16	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2414	PIRACETAM 400 mg	VD-25533-16	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2415	AULOX	VD-25823-16	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2416	PARASORB	VD-25826-16	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2417	PENICILIN V KALI 400.000 IU	VD-25827-16	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2418	MEBIVIC	VD-25828-16	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2419	ENICEFA	VD-26316-17	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2420	PREGASV	VD-26317-17	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2421	EPRAZINONE 50mg	VD-27135-17	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2422	GADOXIME 100	VD-27137-17	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2423	GERDNILL	VD-27138-17	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2424	VIPKAN	VD-27139-17	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

2425	ACICLOVIR	VD-28139-17	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2426	AUPAIN 750mg	VD-28140-17	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2427	UKSYL	VD-28141-17	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2428	WINNOL 750	VD-28143-17	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2429	ACETYLCYSTEIN- MEBIPHAR	VD-29201-18	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2430	GLUCOSAMIN 500	VD-29202-18	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2431	MEBIZINC	VD-29203-18	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2432	METALAM	VD-29204-18	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2433	RENATAB 5	VD-29205-18	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2434	MECEMUC	VD-29896-18	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2435	RENATAB 10	VD-29897-18	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1392/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2436	AZTALXAN	VD-10806-10	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2437	FEXMEBI	VD-17771-12	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

2438	GINGOKAN	VD-17772-12	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2439	LANMEBI	VD-18551-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2440	MAGNESIUM – B6	VD-18553-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2441	MEBIKOL 16	VD-19205-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2442	DICLOFENAC 75mg	VD-19208-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2443	ALLERPHAST	VD-19696-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2444	FANOZO	VD-19698-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2445	FARMADOL	VD-19699-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2446	MEBIPHARAVUDIN	VD-19700-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2447	DOLTEREN	VD-20379-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2448	ACZANDIA	VD-21122-14	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2449	AMPIRYL 4mg	VD-21123-14	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2450	BITALVIC	VD-21772-14	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2451	OFBE-CEFADROXIL	VD-22358-15	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

2452	AMUCAP	VD-22688-15	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2453	NAZINC	VD-23374-15	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2454	BORUZA	QLĐB-504-15	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2455	ALPHACHYMOTRYPSIN	VD-23997-15	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2456	AMKUK	VD-23998-15	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2457	ATZOZEM	VD-24000-15	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2458	CEFADROXIL 500mg	VD-24001-15	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2459	CEFALEXIN 500mg	VD-24002-15	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2460	LIFENTYN 160	VD-24003-15	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2461	MEBICEFPO 200	VD-24005-15	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1393/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2462	DOGINATIL	VD-19697-13	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1394/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2463	MELOBIC	VD-21544-14	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1394/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế

2464	AMOXICILIN 500mg	VD-24579-16	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1394/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2465	CIPROFLOXACIN 500mg	VD-25825-16	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1394/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2466	MIRTAMEB 15	VD-36031-22	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1394/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2467	SERTRAMEB 100mg	VD-36032-22	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1394/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2468	SERTRAMEB 50mg	VD-36033-22	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1394/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2469	WINFLA	VD-29899-18	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2470	ALZYLTEX	VD-30582-18	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2471	LORATADINE - MEBIPHAR	VD-30583-18	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2472	AUMOXTINE 500	VD-31999-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2473	PARACETAMOL 500mg	VD-32003-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2474	PREGABALIN 300	VD-32004-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2475	TYFCOLD	VD-32652-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2476	ETORICOXIB 60	VD-32925-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

2477	SIMVASTATIN 20	VD-32926-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2478	SIMVASTATIN 40	VD-32927-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2479	DIỆP HẠ CHÂU – HERBAGREEN	VD-33188-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2480	ALPHACHYMOTRYPSIN	VD-33629-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2481	ALZYLTEX	VD-33630-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2482	CEFUROXIM 250mg	VD-33631-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2483	ETORICOXIB 120	VD-33632-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2484	ETORICOXIB 90	VD-33633-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2485	MEBIDOPRIL 4mg	VD-33634-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2486	MEBIDOPRIL 8mg	VD-33635-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2487	CEFUROXIM 500mg	VD-33928-19	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2488	SULPIRID 200	VD-34287-20	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2489	SULPIRID 400	VD-34288-20	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

2490	VISAHALOVID	VD-34584-20	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2491	MEBICEFPO 50mg/ 5ml	VD-34769-20	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2492	MEBIFACLOR	VD-34770-20	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2493	DIBIGEN 150	VD-34771-20	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2494	MEBISITA 100	VD-35052-21	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2495	MEBINIR 300	VD-35838-22	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2496	MOXIPHAR DT 500	893110001923	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1395/TĐTN	23/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2497	RV – ITZOL	VD-29539-18	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1450/TĐTN	24/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2498	FERIPROX 500	VD-30143-18	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1450/TĐTN	24/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2499	MUCOREL	VD-33944-19	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	1450/TĐTN	24/03/2023	Thay đổi tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm (MiV-N9)	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III - 18 đường số 13, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
2500	Winfe 80	VD3-65-20	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	1015/TĐTN	10/03/2023	Thay đổi tên của cơ sở sản xuất dược chất Febuxostat (MiV-N3)	Precise Chemipharma Pvt. Ltd.	Precise Biopharma Pvt. Ltd.
2501	POLACANMIN 6	VD-29474-18	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	7533/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	1. Dexclorpheniramin maleat: USP 37 2. Lactose: DĐVN IV 3. Dextrose anhydrous: BP 2014 4. Tinh bột sắn: DĐVN IV 5. PVP K30: DĐVN IV 6. Bột talc: DĐVN IV 7. Magnesi stearat: DĐVN IV 8. HPMC 615: USP 37 9. Titan dioxyd: DĐVN IV 10. PEG 6000: DĐVN IV 11. Ethanol 96%: DĐVN IV 12. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Dexclorpheniramin maleat: USP 44 2. Lactose: DĐVN V 3. Dextrose anhydrous: BP 2022 4. Tinh bột sắn: DĐVN V 5. PVP K30: DĐVN V 6. Bột talc: DĐVN V 7. Magnesi stearat: DĐVN V 8. HPMC 615: USP 44 9. Titan dioxyd: DĐVN V 10. PEG 6000: DĐVN V 11. Ethanol 96%: DĐVN V 12. Nước tinh khiết: DĐVN V

2502	PHOSTALIGEL NIC	VD-23314-15	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	7532/TĐTN	28/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược (MiV-N6)	1. Nhôm phosphat gel 20%: BP 2009 2. Nipasol: DĐVN IV 3. Tinh dầu cam: BP 2013 4. Sorbitol lỏng: USP 30	1. Nhôm phosphat gel 20%: BP 2022 2. Nipasol: DĐVN V 3. Tinh dầu cam: BP 2022 4. Sorbitol lỏng: USP 44
2503	IBUCINE 600	VD-29471-18	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	7776/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	1. Ibuprofen: BP 2014 2. Tinh bột ngô: DĐVN IV 3. PVP K30: DĐVN IV 4. Bột talc: DĐVN IV 5. Avicel 102: USP 37 6. Primellose: USP 37 7. Aerosil: BP 2014 8. Magnesi stearat: DĐVN IV 9. HPMC 615: USP 37 10. Titan dioxyd: DĐVN IV 11. PEG 6000: DĐVN IV 12. Ethanol 96%: DĐVN IV 13. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Ibuprofen: BP 2022 2. Tinh bột ngô: DĐVN V 3. PVP K30: DĐVN V 4. Bột talc: DĐVN V 5. Avicel 102: USP 44 6. Primellose: USP 44 7. Aerosil: BP 2022 8. Magnesi stearat: DĐVN V 9. HPMC 615: USP 44 10. Titan dioxyd: DĐVN V 11. PEG 6000: DĐVN V 12. Ethanol 96%: DĐVN V 13. Nước tinh khiết: DĐVN V
2504	CALCIUM-NIC PLUS	VD-29469-18	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	7778/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	1. Calci glucoheptonat: EP 6 2. Acid ascorbic: BP 2014 3. Nicotinamid: USP 37 4. Natri sulfit: USP 30 5. Acid citric: DĐVN IV 6. Natri citrat: DĐVN IV 7. Nipagin: DĐVN IV 8. Caramel: USP 30 9. Tinh dầu cam: BP 2007 10. Đường kính: DĐVN IV 11. Ethanol 96%: DĐVN IV 12. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Calci glucoheptonat: EP 10 2. Acid ascorbic: BP 2022 3. Nicotinamid: USP 44 4. Natri sulfit: USP 44 5. Acid citric: DĐVN V 6. Natri citrat: DĐVN V 7. Nipagin: DĐVN V 8. Caramel: USP 44 9. Tinh dầu cam: BP 2022 10. Đường kính: DĐVN V 11. Ethanol 96%: DĐVN V 12. Nước tinh khiết: DĐVN V
2505	AMBROXOL	VD-24540-16	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	7777/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	1. Ambroxol HCl: EP 8 2. Lactose: DĐVN IV 3. Tinh bột sắn: DĐVN IV 4. PVP K30: DĐVN IV 5. Bột talc: DĐVN IV 6. Magnesi stearat: DĐVN IV 7. HPMC 615: USP 30 8. Titan dioxyd: DĐVN IV 9. PEG 6000: DĐVN IV 10. Ethanol 96%: DĐVN IV 11. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Ambroxol HCl: EP 10 2. Lactose: DĐVN V 3. Tinh bột sắn: DĐVN V 4. PVP K30: DĐVN V 5. Bột talc: DĐVN V 6. Magnesi stearat: DĐVN V 7. HPMC 615: USP 44 8. Titan dioxyd: DĐVN V 9. PEG 6000: DĐVN V 10. Ethanol 96%: DĐVN V 11. Nước tinh khiết: DĐVN V
2506	RATAF	VD3-98-21	Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	472/TĐTN	20/02/2023	Thay đổi tên cơ sở sản xuất dược chất Loratadin (MiV-N3)	Morepen Laboratorles Limited	Morepen Laboratories Limited
2507	OFLOXACIN 400	VD-26533-17	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	1349/TĐTN	23/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	1. Ofloxacin: USP 40 2. Lactose: DĐVN IV 3. Tinh bột sắn: DĐVN IV 4. PVP K30: DĐVN IV 5. DST: BP 2007 6. Bột talc: DĐVN IV 7. Magnesi stearat: DĐVN IV 8. HPMC 615: USP 37 9. Titan dioxyd: DĐVN IV 10. PEG 6000: DĐVN IV 11. Ethanol 96%: DĐVN IV 12. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Ofloxacin: USP 44 2. Lactose: DĐVN V 3. Tinh bột sắn: DĐVN V 4. PVP K30: DĐVN V 5. DST: BP 2022 6. Bột talc: DĐVN V 7. Magnesi stearat: DĐVN V 8. HPMC 615: USP 44 9. Titan dioxyd: DĐVN V 10. PEG 6000: DĐVN V 11. Ethanol 96%: DĐVN V 12. Nước tinh khiết: DĐVN V
2508	MEDISEPTOL	VD-26530-17	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	1352/TĐTN	23/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	1. Trimethoprim: BP 2015 2. Sulfamethoxazol: BP 2014 3. Tinh bột sắn: DĐVN IV 4. PVP K30: DĐVN IV 5. DST: BP 2007 6. Magnesi stearat: DĐVN IV 7. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Trimethoprim: BP 2022 2. Sulfamethoxazol: BP 2022 3. Tinh bột sắn: DĐVN V 4. PVP K30: DĐVN V 5. DST: BP 2022 6. Magnesi stearat: DĐVN V 7. Nước tinh khiết: DĐVN V
2509	Diclofenac 75	VD-19731-13	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	6320/TĐTN	21/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm thuốc (MiV-N6)	DĐVN IV	DĐVN V

2510	Diclofenac 75	VD-18584-13	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	6321/TĐTN	21/11/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm thuốc (MiV-N6)	DĐVN IV	DĐVN V
2511	Dineren	VD-32462-19	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	7485/TĐTN	04/01/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng thành phẩm thuốc (MiV-N6)	DĐVN IV	DĐVN V
2512	Cefpovera 100	VD-32249-19	Công ty Cổ phần Trust Farma Quốc tế	Công ty Cổ phần Trust Farma Quốc tế	6985/TĐTN	21/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất, địa điểm sản xuất tá dược Trisodium citrat khan (MiV-N2)	TTCA Co., Ltd Địa chỉ: No. 27 Xin' An Nan Road, Anqiu Shandong, China.	Vasa Pharmachem PVT.Ltd. Địa chỉ: 11, Gidc Industrial Estate, Behrampura, Dist.-Ahmedabad-380022, India.
2513	Rebamipide 100mg Nippon Chemiphar	VD-36246-22	Công ty TNHH Nippon Chemiphar Việt Nam	Công ty TNHH Nippon Chemiphar Việt Nam	113/TĐTN	22/02/2023	Thay đổi cách ghi tên của cơ sở sản xuất tá dược Lactose monohydrate (MiV-N3)	DMV-Fonterra Excipients GmbH & Co. KG.	DFE Pharma GmbH & Co. KG.
2514	Rebamipide 100mg Nippon Chemiphar	VD-36246-22	Công ty TNHH Nippon Chemiphar Việt Nam	Công ty TNHH Nippon Chemiphar Việt Nam	113/TĐTN	22/02/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược và thành phẩm thuốc (MiV-N6)	1. Rebamipide: JP 17 2. Lactose monohydrate: JP 17 3. Microcrystalline Cellulose: JP 17 4. Croscarmellose Sodium: JP 17 5. Hydroxypropyl Cellulose: JP 17 6. Magnesium Stearate: JP 17 7. Purified Water: JP 17 8. Hypromellose: JP 17 9. Macrogol 6000 SP: JP 17 10. Titanium Oxide: JP 17 11. Carnauba Wax: JP 17 12. 99% Alcohol: JP 17 13. Thành phẩm: JP 17	1. Rebamipide: JP 18 2. Lactose monohydrate: JP 18 3. Microcrystalline Cellulose: JP 18 4. Croscarmellose Sodium: JP 18 5. Hydroxypropyl Cellulose: JP 18 6. Magnesium Stearate: JP 18 7. Purified Water: JP 18 8. Hypromellose: JP 18 9. Macrogol 6000 SP: JP 18 10. Titanium Oxide: JP 18 11. Carnauba Wax: JP 18 12. 99% Alcohol: JP 18 13. Thành phẩm: JP 18
2515	Glucose 10%	VD-30703-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	595/TĐTN	07/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược và thành phẩm thuốc (MiV-N6)	1. Dextrose anhydrous: USP 41 2. Nước pha tiêm: USP 41 3. Thành phẩm: USP 41	1. Dextrose anhydrous: USP 44 2. Nước pha tiêm: USP 44 3. Thành phẩm: USP 44
2516	Sodium chloride 0,9	VD-35673-22	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	65/TĐTN	18/01/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất và thành phẩm thuốc (MiV-N6)	1. Sodium chloride: JP 17 2. Thành phẩm: JP 17	1. Sodium chloride: JP 18 2. Thành phẩm: JP 18
2517	SPIRAMYCIN 3 M.I.U	VD-24547-16	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC	7775/TĐTN	30/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược (MiV-N6)	1. Spiramycin: EP 8 2. Tinh bột sắn: DĐVN IV 3. PVP K30: DĐVN IV 4. DST: BP 2007 5. Bột talc: DĐVN IV 6. Magnesi stearat: DĐVN IV 7. HPMC 615: USP 30 8. Titan dioxyd: DĐVN IV 9. PEG 6000: DĐVN IV 10. Ethanol 96%: DĐVN IV 11. Nước tinh khiết: DĐVN IV	1. Spiramycin: EP 10 2. Tinh bột sắn: DĐVN V 3. PVP K30: DĐVN V 4. DST: BP 2022 5. Bột talc: DĐVN V 6. Magnesi stearat: DĐVN V 7. HPMC 615: USP 44 8. Titan dioxyd: DĐVN V 9. PEG 6000: DĐVN V 10. Ethanol 96%: DĐVN V 11. Nước tinh khiết: DĐVN V
2518	Irbehasan 150	VD-32393-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	1088/TĐTN	15/03/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất, tá dược và thuốc thành phẩm (MiV-N6)	1. Irbesartan: USP 38 2. Lactose monohydrat: BP 2017 3. Cellulose vi tinh thể 101: BP 2017 4. Tinh bột tiền gelatin hóa: BP 2017 5. Natri croscarmellose: BP 2017 6. PEG 6000: BP 2017 7. Silic dioxyd keo khan: BP 2017 8. Magnesi stearat: DĐVN IV 9. Nước tinh khiết: BP 2017 10. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 38	1. Irbesartan: USP phiên bản hiện hành 2. Lactose monohydrat: BP phiên bản hiện hành 3. Cellulose vi tinh thể 101: BP phiên bản hiện hành 4. Tinh bột tiền gelatin hóa: BP phiên bản hiện hành 5. Natri croscarmellose: BP phiên bản hiện hành 6. PEG 6000: BP phiên bản hiện hành 7. Silic dioxyd keo khan: BP phiên bản hiện hành 8. Magnesi stearat: DĐVN phiên bản hiện hành 9. Nước tinh khiết: BP phiên bản hiện hành 10. Tiêu chuẩn thành phẩm: USP 2023

2519	Tizosac 1 G	VD-35240-21	Công ty Cổ phần Trust Farma Quốc tế	Công ty Cổ phần Trust Farma Quốc tế	120/TĐTN	09/02/2023	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng dược chất Ceftizoxim (MiV-N6)	Dược chất: Ceftizoxim (dưới dạng Ceftizoxim natri) USP 40	Dược chất: Ceftizoxim (dưới dạng Ceftizoxim natri) USP-NF 2022
2520	Rinedif 125	VD-34379-20	Công ty Cổ phần Trust Farma Quốc tế	Công ty Cổ phần Trust Farma Quốc tế	6986/TĐTN	21/12/2022	Bổ sung nhà sản xuất tá dược Sodium citrat (MiV-N2)	TTCA Co., Ltd Địa chỉ: No. 27 Xin' An Nan Road, Anqiu Shandong, China.	Vasa Pharmachem PVT.Ltd. Địa chỉ: 11, Gidc Industrial Estate, Behrampura, Dist.-Ahmedabad-380022, India.
2521	Rinedif 125	VD-34379-20	Công ty Cổ phần Trust Farma Quốc tế	Công ty Cổ phần Trust Farma Quốc tế	6986/TĐTN	21/12/2022	Cập nhật tiêu chuẩn chất lượng tá dược và thuốc thành phẩm (MiV-N6)	1. Sucrose: NF 35 2. Microcrystalline cellulose-Carboxymethylcellulose Sodium (90:10): NF 35 3. Acid citric khan: NF 35 4. Sodium citrat: NF 35 5. Sodium benzoat: NF 35 6. Xanthan gum: NF 35 7. Sucralose: NF 35 8. Colloidal silicon dioxyd: BP 2016 9. Thành phẩm: USP hiện hành	1. Sucrose: USP-NF hiện hành 2. Microcrystalline cellulose-Carboxymethylcellulose Sodium (90:10): USP-NF hiện hành 3. Acid citric khan: USP-NF hiện hành 4. Sodium citrat: USP-NF hiện hành 5. Sodium benzoat: USP-NF hiện hành 6. Xanthan gum: USP-NF hiện hành 7. Sucralose: USP-NF hiện hành 8. Colloidal silicon dioxyd: BP 2022 9. Thành phẩm: USP-NF hiện hành